



LÃ NHÂM THÌN - ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
TRẦN VĂN TOÀN (Chủ biên) - BÙI MINH ĐỨC - BÙI THANH HOA
PHẠM THỊ THU HƯƠNG - NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH

Ngữ văn

12

TẬP MỘT

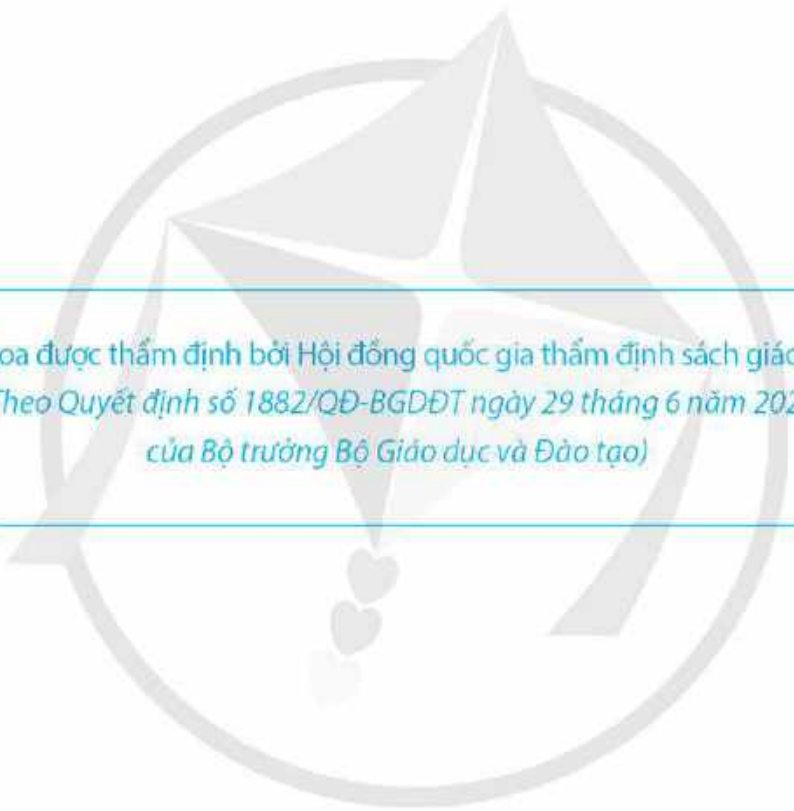
BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu góp ý



Sách giáo khoa được thẩm định bởi Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa lớp 12
(Theo Quyết định số 1882/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
TRẦN VĂN TOÀN (Chủ biên) – BÙI MINH ĐỨC – BÙI THANH HOA
PHẠM THỊ THU HƯƠNG – NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH

Ngữ văn

12

TẬP MỘT

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Ngữ văn 12 là bộ sách kết thúc ba năm học Ngữ văn cấp Trung học phổ thông. Sách vừa đáp ứng yêu cầu phát triển, nâng cao vừa tiếp tục củng cố các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe mà học sinh đã có nhằm hoàn thiện năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học. Với sách *Ngữ văn 12*, các em sẽ được học những văn bản mới và một số thể loại khác với sách *Ngữ văn* các lớp trước. Sách cũng có thêm một số yêu cầu viết mới nhằm rèn luyện kỹ năng diễn đạt, trình bày bài viết. Bài cuối sách *Ngữ văn 12*, tập hai có nội dung tổng kết lịch sử văn học Việt Nam, tiếng Việt và phương pháp đọc, viết, nói, nghe.

Sách *Ngữ văn 12* vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu chung của môn Ngữ văn là mang đến cho học sinh những hiểu biết phong phú về nội dung và hình thức các loại văn bản; biết cách tiếp nhận và tạo lập văn bản; đồng thời, góp phần phát triển một số phẩm chất, năng lực chung; giúp các em có thể tiếp tục học cao hơn hoặc tự tin bước vào cuộc sống lao động.

Đề thuận lợi cho việc dạy và học, sách *Ngữ văn 12* vẫn tiếp tục cấu trúc bài học như những lớp trước: gồm hai tập, có *Bài Mở đầu* và các bài học chính. Cuối sách có phần phụ lục về các bảng tra cứu.

Cũng như toàn bộ sách *Ngữ văn* (bộ Cánh Diều), hệ thống bài học trong sách *Ngữ văn 12* được sắp xếp theo thể loại và kiểu văn bản. Mỗi bài học thường tập trung vào một thể loại; một vài bài có kết hợp hai thể loại gần nhau về đặc điểm và nội dung. Trong mỗi bài học, sách hướng dẫn học sinh lần lượt tìm hiểu, thực hành, rèn luyện cách đọc, cách viết, cách nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học; đồng thời, góp phần giáo dục nhân cách, bồi dưỡng tâm hồn, phát triển phẩm chất cho các em,...

Để học tập có hiệu quả, các em hãy đọc kỹ tất cả các phần, mục trong mỗi bài học; đặc biệt, cần đọc trước văn bản và tìm hiểu, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong mỗi văn bản; ghi chép lại những gì chưa hiểu, chưa rõ để trao đổi trên lớp. Sau khi học xong một bài học lớn, các em hãy thực hiện các yêu cầu ở phần *Tự đánh giá*. Để thi tốt nghiệp Trung học phổ thông được tốt, khi học và ôn luyện, các em cần biết liên hệ, so sánh các kiến thức tiếng Việt và văn học của lớp 12 với cả cấp học; chú ý vận dụng vào thực hành đọc hiểu, viết, nói, nghe theo thể loại và kiểu văn bản.

Thay mặt Nhóm biên soạn
ĐỖ NGỌC THỐNG
(đồng Tổng Chủ biên sách *Ngữ văn 12*)

BÀI MỞ ĐẦU

(NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC SÁCH)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Bài học này giúp các em có được một số thông tin về:

- ▶ Những nội dung chính của sách *Ngữ văn 12*.
- ▶ Cấu trúc của sách và các bài học trong sách *Ngữ văn 12*.
- ▶ Cách sử dụng sách *Ngữ văn 12*.

NỘI DUNG SÁCH NGỮ VĂN 12

I. HỌC ĐỌC

1. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN

Sách *Ngữ văn 12* tập trung hướng dẫn cách đọc văn bản truyện thông qua một số tác phẩm tiêu biểu:

– **Truyện truyền kì** có văn bản^(*) *Chuyện chức phán sự⁽¹⁾ đền Tản Viên* (*Tản Viên từ phán sự lục*) trích từ *Truyện kì mạn lục⁽²⁾* của Nguyễn Dữ.

– **Truyện ngắn hiện đại** có các văn bản *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp), *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu), *Hai cồi U Minh* (Sơn Nam).

– **Tiểu thuyết hiện đại** có các văn bản trích *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, *Chiến tranh và hoà bình* của Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy), *Ông già và biển cả* của Ô-nít Hê-minh-uê (Ernest Hemingway).

Ngoài các yêu cầu chung về đọc hiểu văn bản truyện đã học, các em cần nhận biết và phân tích được đặc điểm một số thể loại được học ở sách *Ngữ văn 12* như truyện truyền kì, truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại.

(*) Các văn bản ở đây xếp theo thứ tự học trong từng bài của sách giáo khoa.

(1) *Chức phán sự*: chức quan coi việc xử án thời xưa.

(2) *Truyện kì mạn lục*: ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ được lưu truyền.

2. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ

Các văn bản thơ được học tập trung vào Bài 4 và Bài 8 với các thể loại sau:

- **Thơ lục bát** có văn bản *Việt Bắc* (Tố Hữu).
- **Thơ tự do** có các văn bản *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo), *Bài thơ của một người yêu nước mình* (Trần Vàng Sao), *Thời gian* (Vân Cao), *Tháng Tư* (Nguyễn Linh Khiếu).
- **Thơ bảy chữ** có các văn bản *Tây Tiến* (Quang Dũng), *Mưa xuân* (Nguyễn Bính) và **thơ thất ngôn bát cú Đường luật** có bài *Lưu biệt khi xuất dương* (*Xuất dương lưu biệt* – Phan Bội Châu).

Ngoài các yêu cầu chung về đọc hiểu tác phẩm thơ đã học, các em cần chú ý cách đọc thơ trữ tình hiện đại có các yếu tố biểu trưng, tượng trưng, siêu thực,...

3. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ

Tác phẩm kí được học ở sách *Ngữ văn 12* gồm:

- **Nhật kí** có văn bản trích *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* (Đặng Thuỳ Trâm) và *Một lit nước mắt* của Ki-tô A-ya (Kito Aya).
- **Phóng sự** có văn bản *Khúc tráng ca*⁽¹⁾ *nhà giàn*⁽²⁾ (Xuân Ba).
- **Hồi kí** có văn bản *Quyết định khó khăn nhất* trích tác phẩm *Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử* của Võ Nguyên Giáp (nhà văn Hữu Mai ghi).

Khi đọc văn bản kí, ngoài việc chú ý các yêu cầu chung về đọc hiểu tác phẩm kí đã học, các em cần chú ý nhận biết và phân tích được một số yếu tố đặc trưng của phóng sự, nhật kí hoặc hồi kí như các sự kiện có tính thời sự, thời gian ghi chép và người viết,...

4. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN HÀI KỊCH

Về thể loại hài kịch, *Ngữ văn 12* tập trung ở Bài 3 với các văn bản chính gồm: đoạn trích *Quan thanh tra* của Ni-cô-lai Gô-gôn (Nikolay Gogol), *Thực thi công lí* trích từ vở kịch *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ* (Venice) của Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare), *Loạn đến nơi rồi!* trích *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình và *Tiền tội nghiệp của tôi ơi!* trích *Lão hà tiện* của Mô-li-e (Molière).

Khi đọc văn bản hài kịch, ngoài các yêu cầu chung về đọc hiểu văn bản kịch đã học, các em cần chú ý nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của hài kịch như: đề tài, đối tượng, tình huống, thủ pháp trào phúng,...

(1) *Tráng ca*: bài ca hùng tráng, thường ca ngợi những sự tích anh hùng.

(2) *Nhà giàn*: Trạm Dịch vụ Kinh tế – Khoa học kĩ thuật được xây dựng trên thềm lục địa phía nam Việt Nam nhằm phục vụ mục đích dân sự và chốt giữ, bảo vệ chủ quyền Tổ quốc.

5. ĐỌC HIỂU VĂN TẾ

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là tác phẩm nổi tiếng của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu được viết theo thể văn biền ngẫu khá phổ biến trong văn học thời trung đại.

Khi đọc tác phẩm này, các em cần chú ý đặc điểm thể loại văn tế như: bố cục, câu văn biền ngẫu, từ ngữ, hình ảnh, các điển tích, điển cố,... và cách thức thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả.

6. ĐỌC HIỂU THƠ VĂN NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH

Những hiểu biết về cuộc đời và thơ văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh được cung cấp thông qua văn bản *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp*. Tiếp đó là đọc hiểu các tác phẩm nổi bật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, gồm: *Tuyên ngôn Độc lập*, một số bài thơ trong tập *Nhật kí trong tù* (*Ngục trung nhật kí*), truyện ngắn “*Vi hành*” và thơ viết trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Khi đọc thơ văn Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, ngoài việc chú ý các yêu cầu đọc hiểu theo thể loại như văn bản nghị luận, thơ chữ Hán Đường luật, truyện ngắn, các em cần biết vận dụng những hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh để hiểu sâu hơn tác phẩm của Người.

7. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Văn bản nghị luận xã hội tập trung vào vấn đề bản sắc dân tộc trong thời đại toàn cầu hoá và khát vọng tự do, độc lập dân tộc gồm các văn bản: *Toàn cầu hoá và bản sắc văn hoá dân tộc* của Phan Hồng Giang, diễn văn *Hẹn hò với định mệnh* của Gia-oa-hác-lan Nê-ru (Jawaharlal Nehru).

Văn bản nghị luận văn học gồm bài *Văn học và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách văn hoá con người* (Hoàng Ngọc Hiến) bàn về vai trò và tác dụng của văn học nghệ thuật. Bên cạnh đó là bài của Nguyễn Văn Hạnh: *Phân tích bài thơ “Việt Bắc”*, một tác phẩm thơ được học trong sách *Ngữ văn 12*.

Khi đọc văn bản nghị luận, ngoài các yêu cầu chung về đọc hiểu văn bản nghị luận đã học, các em cần chú ý các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, câu phủ định; cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm,...

8. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN

Sách *Ngữ văn 12* tập trung vào văn bản thông tin tổng hợp với hai đề tài, chủ đề lớn, nổi bật trong xã hội hiện đại:

– Vai trò của công nghệ thông tin và cách mạng 4.0 gồm hai văn bản *Cách mạng công nghiệp 4.0 và vai trò của trí thức khoa học – công nghệ* (Nguyễn Thế Nghĩa) và *Tin học có phải là khoa học* (Phan Đình Diệu).

– Bình đẳng giới gồm văn bản *Phụ nữ và việc bảo vệ môi trường* ghi lại nội dung trả lời phỏng vấn của nhà hoạt động bảo vệ môi trường Ấn Độ Van-đa-na Xi-va (Vandana Shiva) và văn bản *Xô-phi-a Cô-va-lép-xai-a – người phụ nữ phi thường* (theo Diệu Thuần).

Khi đọc văn bản thông tin, ngoài các yêu cầu chung về đọc hiểu văn bản thông tin đã học, các em cần chú ý sự phù hợp giữa nhan đề và nội dung, cách chọn lọc thông tin sơ cấp và thứ cấp, tính mới mẻ và độ tin cậy của thông tin,...

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Thực hành tiếng Việt gồm bốn nội dung lớn sau đây:

1. Từ ngữ	Lỗi lô gích, lỗi câu mơ hồ và cách sửa
2. Ngữ pháp	
3. Hoạt động giao tiếp	– Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật: hiểu và vận dụng – Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng – Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập, nghiên cứu – Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...
4. Sự phát triển của ngôn ngữ	Giữ gìn và phát triển tiếng Việt

Cũng như những lớp dưới, toàn bộ các kiến thức nêu trên được học thông qua các bài đọc hiểu và các loại bài tập như sau:

a) Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt, ví dụ: viết các đoạn văn sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

b) Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt, ví dụ: bài tập nhận biết các biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ hoặc bài tập nhận biết lỗi lô gích, câu mơ hồ,...

c) Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt, ví dụ: bài tập phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ trong tác phẩm văn học và đời sống,...

III. HỌC VIẾT

Các bài học trong sách *Ngữ văn 12* tiếp tục hướng dẫn các em rèn luyện kỹ năng viết văn bản theo bốn bước: chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; viết; kiểm tra và chỉnh sửa. Ngoài ra, sách còn bổ sung yêu cầu rèn luyện kỹ năng viết, mỗi bài rèn luyện một kỹ năng cụ thể. Yêu cầu từng kiểu văn bản như sau:

Kiểu văn bản	Yêu cầu
Nghị luận	– Viết được văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học. – Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ. – Viết được văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm. – Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội; trình bày rõ hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
Thuyết minh	Viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn.

IV. HỌC NÓI VÀ NGHE

Các bài học tiếp tục hướng dẫn các em rèn luyện kĩ năng nói và nghe với các yêu cầu sau:

Kĩ năng	Yêu cầu
Nói	– Biết trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học. – Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. – Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.
Nghe	Nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình. Nhận xét, đánh giá được nội dung và cách thức thuyết trình. Đặt được câu hỏi về những điểm cần làm rõ và trao đổi về những điểm có ý kiến khác biệt.
Nói – nghe tương tác	– Tranh luận được một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau; tôn trọng người đối thoại, thể hiện thái độ lịch sự khi tranh luận. – Thể hiện được thái độ cầu thị khi thảo luận, tranh luận và biết điều chỉnh ý kiến khi cần thiết để tìm giải pháp trong các cuộc thảo luận, tranh luận.

Yêu cầu chính của phần *Nói và nghe* là thực hành. Để thực hành nói và nghe toàn diện, có hiệu quả, sách chú ý cả ba yếu tố: nội dung nói – nghe, kĩ thuật nói – nghe và thái độ, tình cảm khi nghe – nói.

V. TỔNG KẾT

Ở lớp 12, học sinh cần được hệ thống hoá lại những hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam, tiếng Việt cũng như phương pháp đọc, viết, nói và nghe.

Khi học bài *Tổng kết*, các em cần chú ý một số nét tổng quát về lịch sử văn học Việt Nam; biết hệ thống hoá lại các nội dung tiếng Việt trong sách giáo khoa *Ngữ văn* cấp Trung học phổ thông và những lưu ý về cách đọc hiểu, cách viết, nói và nghe. Đặc biệt, cần biết cách vận dụng kiến thức lịch sử văn học vào việc đọc hiểu, viết, nói và nghe.

CẤU TRÚC SÁCH NGỮ VĂN 12

Ngoài *Bài Mở đầu*, sách có 10 bài học. Bảng dưới đây giới thiệu cấu trúc của mỗi bài học và nhiệm vụ của học sinh.

Các phần của bài học	Nhiệm vụ của học sinh
YÊU CẦU CẦN ĐẠT	• Đọc trước khi học để có định hướng đúng. • Đọc sau khi học để tự đánh giá.
Kiến thức ngữ văn	• Đọc trước khi học để có kiến thức làm căn cứ thực hành. • Vận dụng trong quá trình thực hành.
ĐỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN – Tên văn bản – Chuẩn bị – Đọc hiểu THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	• Tìm hiểu thông tin về thể loại, bối cảnh, tác giả, tác phẩm,... • Đọc trực tiếp văn bản, các câu gợi ý ở bên phải và chú thích ở chân trang. • Trả lời câu hỏi đọc hiểu. • Làm bài tập thực hành tiếng Việt.
VIẾT – ĐỊNH HƯỚNG – THỰC HÀNH	• Đọc định hướng viết. • Làm các bài tập thực hành viết.
NÓI VÀ NGHE – ĐỊNH HƯỚNG – THỰC HÀNH	• Đọc định hướng nói và nghe. • Làm bài tập thực hành nói và nghe.

TỰ ĐÁNH GIÁ	Tự đánh giá kết quả đọc hiểu và viết thông qua đọc, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận về một đoạn văn hoặc văn bản tương tự các văn bản đã học.
HƯỚNG DẪN TỰ HỌC	• Đọc mở rộng theo gợi ý. • Thu thập tư liệu liên quan đến bài học.



1. *Bài Mở đầu* cung cấp cho em những thông tin gì về nội dung sẽ học ở sách *Ngữ văn 12*?
2. Dựa vào các đề mục lớn có trong *Bài Mở đầu*, hãy trình bày thành một sơ đồ thể hiện nội dung của bài học này.
3. Trong phần I. *Học đọc*, sách hướng dẫn đọc những kiểu bài học nào? Nội dung nêu ở mỗi bài cho biết thông tin gì?
4. Bài *Thơ văn Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh* gồm các nội dung lớn nào và khi đọc cần chú ý những gì?
5. Những nội dung chính của bài *Tổng kết* là gì? Vì sao cần có bài *Tổng kết*?
6. Mục *Cấu trúc sách Ngữ văn 12* ở phần cuối *Bài Mở đầu* có tác dụng gì?

BÀI

1

TRUYỆN TRUYỀN KÌ VÀ TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản; nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì (đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, yếu tố kì ảo,...) trong sự so sánh với truyện cổ dân gian. Nhận biết được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ trong một tác phẩm văn học cụ thể.
- ▶ Phân biệt và biết cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật trong giao tiếp.
- ▶ Viết được bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- ▶ Biết thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- ▶ Có ý thức về bốn phận và trách nhiệm của người công dân; biết cảm thông, tôn trọng, bảo vệ những chủ thể yếu thế trong cuộc sống.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Truyện truyền kì là một thể loại tự sự của văn học trung đại, tiếp thu từ văn học Trung Quốc. Tuy là văn học viết nhưng truyện truyền kì dựa trên truyền thống tự sự dân gian. Thường bắt gặp trong truyện truyền kì mô típ⁽¹⁾ người hoá thần, người chết sống lại,...; nhân vật có sự tương giao giữa thần và người, cõi sống và cõi chết,...; cũng có khi là sự vay mượn hoặc phỏng theo cốt truyện dân gian. Truyện truyền kì thường dùng cái “kì” để nói cái “thực”. Tác phẩm truyền kì viết về những câu chuyện xảy ra trong quá khứ, thường mượn “xưa” để nói “nay”. Những yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì vừa khiến cho câu chuyện thêm hấp dẫn, thú vị vừa kín đáo phản ánh hiện thực và bộc lộ thái độ của người viết. Một số truyện thường có lời bình mang hàm ý khuyên răn hoặc nêu lên một bài học trong cuộc sống.

(1) Trong tác phẩm tự sự, mô típ (motif) là những thành tố, những sự kiện ổn định, bền vững, lặp đi lặp lại (ví dụ: mô típ người chết sống lại, hoá thần,... trong các truyện cổ dân gian). Mô típ vì thế có thể được vay mượn từ tác phẩm này sang tác phẩm khác.

Ở các giai đoạn văn học sau này, yếu tố kì ảo vẫn có thể được sử dụng như một thủ pháp để thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm.

2. Mối quan hệ giữa truyện truyền kì với truyện cổ dân gian

Truyện truyền kì và truyện cổ dân gian cùng có chung mô hình về thế giới: sự song song tồn tại có tác động qua lại của thế giới người (cõi trần) và thần tiên, ma quỷ (thiên đình, cõi âm). Tuy nhiên, khác với truyện cổ dân gian, truyện truyền kì là thể loại văn học viết, nơi mà vai trò của cá tính sáng tạo đã hiện diện. Vì thế, các tác giả truyện truyền kì không chỉ tiếp thu những mô típ kì ảo của truyện cổ dân gian mà còn cải biến một cách sáng tạo những mô típ này để gửi gắm những tâm sự, những cách nhìn riêng, độc đáo về đời sống.

3. Giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ của văn học

Về cơ bản, qua quá trình tiếp nhận tác phẩm, văn học giúp người đọc hiểu về đời sống hiện thực khách quan, hiểu người khác và hiểu chính mình (giá trị nhận thức), từ đó góp phần hình thành hoặc làm biến đổi một cách tự nhiên hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức (giá trị giáo dục) của người đọc. Bên cạnh đó, thông qua quá trình tiếp xúc của người đọc với thế giới hình tượng, tác phẩm văn học đem lại khoái cảm về cái đẹp (giá trị thẩm mĩ). Trên thực tế, các giá trị nhận thức – giáo dục – thẩm mĩ đan xen với nhau và được tiếp nhận đồng thời trong quá trình người đọc tiếp xúc với tác phẩm. Chính vì thế, văn học có tác động nhiều mặt và sâu sắc đến người đọc.

4. Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

– Ngôn ngữ trang trọng là kiểu ngôn ngữ thường được sử dụng trong các giao tiếp liên quan đến công việc chung như thuyết trình, giảng dạy, trao đổi ý kiến trong cuộc họp, phát biểu ý kiến trong lớp học,... hoặc viết báo cáo, đơn từ, làm bài, viết bài nghiên cứu,... Ngôn ngữ trang trọng thường được gọt giũa cẩn thận. Từ ngữ và kiểu câu trong ngôn ngữ trang trọng phải bảo đảm chuẩn mực về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách. Ngôn ngữ trang trọng ưu tiên sử dụng từ ngữ toàn dân với nghĩa chính thống và lịch sự, không sử dụng tiếng lóng, từ thông tục; ít sử dụng câu đặc biệt, câu rút gọn,...

– Ngôn ngữ thân mật là kiểu ngôn ngữ thường được sử dụng trong phạm vi các giao tiếp hằng ngày như trò chuyện với bạn bè, người thân hoặc viết tin nhắn, viết thư cho bạn bè, người thân, viết nhật kí cá nhân,... Ngôn ngữ thân mật thường sử dụng các từ ngữ có sắc thái gần gũi, dân dã, phù hợp với mối quan hệ giữa các đối tượng giao tiếp. Kiểu câu trong ngôn ngữ thân mật cũng đa dạng, bao gồm cả câu đặc biệt, câu rút gọn,...

– Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, chúng ta có thể kết hợp ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật. Ngôn ngữ trang trọng đảm bảo tính lịch sự, quy thức của cuộc giao tiếp; còn ngôn ngữ thân mật lại gia tăng yếu tố tình cảm, xóa bỏ hoặc thu gọn khoảng cách giữa các đối tượng giao tiếp.



CHUYỆN CHÚC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN

(Trích *Truyện kì mạn lục*)

NGUYỄN DỮ

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.
- Khi đọc một văn bản truyện truyền kì, các em cần chú ý:
 - + Nắm được cốt truyện của văn bản.
 - + Xác định được nhân vật trung tâm trong mối quan hệ với các nhân vật khác.
 - + Xác định được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
 - + Nhận diện và phân tích được ý nghĩa nghệ thuật của các chi tiết kì ảo trong truyện.
 - + Tìm mối quan hệ giữa phần chính văn và lời bình ở cuối truyện. Chủ động đưa ra những nhận xét của em với lời bình đó.
- Đọc trước văn bản *Chuyện chúc phán sự đền Tản Viên*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Dữ và tập *Truyện kì mạn lục*.
- Tìm hiểu về Thánh Tản Viên trong truyền thuyết và trong đời sống văn hoá của người Việt.

2 Đọc hiểu

1 (*) Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang. Chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc⁽¹⁾ người ta vẫn khen là một người cương trực. Trong làng, trước có một ngôi đền linh ứng lắm. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô⁽²⁾ sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường.

(*) Ở các văn bản, để học sinh tiện theo dõi, người biên soạn thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia phần các văn bản.

(1) *Vùng Bắc*: chỉ quê của Ngô Tử Văn.

(2) *Quân Ngô*: ở đây chỉ quân Minh.

Bộ tướng⁽¹⁾ của Mộc Thạnh có viên bách hộ⁽²⁾ họ Thôi, từ trận ở gần đền, từ đây làm yêu làm quái trong dân gian. Từ Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Từ Văn, nhưng chàng vẫn vùng tay không cần gì cả.

Thái độ của mọi người đối với hành động đốt đền của Từ Văn nói lên điều gì?^(*)

2 Đốt đền xong, chàng về nhà, thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt, chàng thấy một người khôi ngô, cao lớn, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng và quần áo rất giống người phương Bắc⁽³⁾, tự xưng là cư sĩ⁽⁴⁾, đến đòi làm trả lại ngôi đền như cũ và nói:

– Nhà ngươi đã theo nghiệp Nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quý thần sao, cứ gì lại dám khinh nhờn huỷ tượng, đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả ngôi đền như cũ. Nếu không thì, vô cớ huỷ đền Lư Sơn, Cổ Thiệu⁽⁵⁾ sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ.

Từ Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên. Người kia tức giận nói:

Chú ý thái độ của Từ Văn trước lời nói của viên bách hộ.

– Phong Đô⁽⁶⁾ không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đấy. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết. Nói rồi phất áo đi.

Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã, thung thình đi vào đến trước thềm, vái chào mà rằng:

– Tôi là thổ công ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến để tỏ lời mừng.

Từ Văn kinh ngạc nói:

– Thế người đội mũ trụ đến đây ban nãy, chẳng phải là thổ công đấy ư? Sao mà nhiều thần quá vậy?

(*) Các câu gợi ý bên phải văn bản chỉ để học sinh theo dõi thêm về nội dung, nghệ thuật,... trong khi đọc, không cần trả lời.

(1) *Bộ tướng*: tướng trực tiếp dưới quyền một tướng khác cao cấp hơn, trong chế độ phong kiến.

(2) *Bách hộ*: chức quan võ.

(3) *Người phương Bắc*: người Trung Quốc.

(4) *Cư sĩ*: người trí thức đi ở ẩn.

(5) *Cổ Thiệu*: người thời Tam quốc, làm quan ở Dục Chương, chủ trương việc phá huỷ các đền, miếu thờ thần bất chính, trong số đó có đền Lư Sơn. Sau thần Lư Sơn đến xin dựng lại đền, Cổ Thiệu chỉ cười mà không trả lời. Thần giận bảo: “Ba năm nữa ngươi sẽ chết.” Đến kì hạn đó, Thiệu bị ốm, mọi người đều khuyên Thiệu nên dựng lại đền, Thiệu nói: “Ta không thể thắng được chính.” Rồi sau, Thiệu chết.

(6) *Phong Đô*: nơi xử án ở cõi âm.

Ông già nói:

– Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thâm ngược⁽¹⁾, Thượng Đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái⁽²⁾ đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kể đầu đuôi để nhà thầy nghe:

“Tôi làm chức ngự sử đại phu⁽³⁾ từ đời vua Lý Nam Đế⁽⁴⁾, vì chết về việc can vương mà được phong ở đây, giúp dân độ vật⁽⁵⁾ đã hơn một nghìn năm nay, khi nào lại làm việc gieo tai rắc vạ để kiếm miếng ăn như tên giặc giáo hoạt kia đã làm. Gần đây, vì tôi thiếu sự đề phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải đến nương tựa ở đền Tản Viên đã vài năm nay.”.

Từ Văn nói:

– Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện ở Diêm Vương và tâu lên Thượng Đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê?

Ông già chau mặt nói:

– Rễ ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thưa kiện, nhưng mà có nhiều nỗi ngăn trở: Những đền miếu gần quanh, vì tham của dút, đều bệnh vục cho nó cả. Tôi chỉ giữ được một chút lòng thành, nhưng không làm thế nào để thông đạt được lên, cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi xó một nơi.

Tâm sự này của thổ thần đem lại cho em suy nghĩ và cảm xúc gì?

Từ Văn nói:

– Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?

– Hắn quyết chống chọi với nhà thầy, hiện đã kiện thầy ở Minh Ti⁽⁶⁾. Tôi nhân lúc hắn đi vắng, lên đến đây báo cho nhà thầy biết để mà liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng.

Ông già lại dặn Từ Văn:

– Hễ ở Minh Ti có tra hỏi, thầy cứ khai ra những lời nói của tôi. Nếu hắn chối, thầy kêu xin tư giấy đến⁽⁷⁾ đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ thì nó phải dờ miệng. Nếu không như thế thì tôi đến vui lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

(1) *Thâm ngược*: tàn ác quá mức.

(2) *Hưng yêu tác quái*: dấy lên những chuyện yêu ma, làm những điều quỷ quái; ý nói gây hại cho người.

(3) *Ngự sử đại phu*: chức quan phụ trách việc can gián vua.

(4) *Lý Nam Đế* (503 – 548): tức Lý Bôn (có chỗ phiên âm là Lý Bí; Lý Nam Đế là miếu hiệu được gọi sau khi mất), khởi nghĩa đánh đuổi quân đô hộ nhà Lương, lên ngôi hoàng đế, xưng là Nam Việt Đế (trị vì từ năm 544 – 548), đặt tên nước là Vạn Xuân.

(5) *Độ vật*: ý nói phù hộ cho các loài vật được sinh sôi, nảy nở.

(6) *Minh Ti*: âm phủ.

(7) *Tư giấy đến*: đưa giấy triệu, gọi của cấp trên đến.

3 Từ Văn vâng lời. Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông. Đi độ nửa ngày đến một toà nhà rất lớn, xung quanh có thành sắt cao vọi đến mấy chục trượng. Hai tên quỷ đến nói với người canh cổng, người canh cổng đi vào một lúc rồi ra truyền chỉ rằng:

– Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm⁽¹⁾.

Nói rồi xua tay bảo đi ra phía bắc. Ở đó có một con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài ước hơn nghìn bước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên cầu, có đến mấy vạn quỷ Dạ Xoa, đều mắt xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác. Hai con quỷ dùng gông dài, thùng lớn gông trói Từ Văn mà giải đi rất nhanh. Từ Văn kêu to:

– Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Chú ý sự ý thức của Từ Văn về nhân cách của chính mình.

Chợt nghe trên điện có lời quát:

– Tên này bướng bỉnh ngoan cố, nếu không phán đoán cho rõ, chưa chắc nó đã chịu nhận tội.

Bèn sai dẫn Từ Văn vào cửa điện. Từ Văn vào đến nơi, thấy người đội mũ trụ đang kêu cầu ở trước sân.

Diêm Vương mắng Từ Văn rằng:

– Kẻ kia là một người cư sĩ, trung thuần lắm liệt⁽²⁾, có công với tiên triều, nên hoàng thiên cho được huyết thực⁽³⁾ ở một ngôi đền để đền công khó nhọc. Mày là một kẻ hàn sĩ⁽⁴⁾, sao dám hỗn láo, tội ác tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào?

Từ Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời thổ công đã nói, lời rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào. Người đội mũ trụ nói:

– Ấy là ở trước vương phủ mà hấn còn ghê gớm như thế, mồm năm miệng mười, đem đặt bịa tạc. Huống hồ ở một nơi đền miếu quanh hiu hắt sợ gì mà không dám cho một mồi lửa.

Hai bên cãi cọ nhau mãi vẫn không phân phải trái, vì thế Diêm Vương sinh nghi. Từ Văn nói:

– Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin tư giấy đến đền Tán Viên để hỏi; không đúng như thế, tôi xin chịu thêm cái tội nói càn.

Bấy giờ người kia mới có vẻ sợ, quỳ xuống tâu rằng:

(1) *Khoan giảm*: rộng lượng giảm bớt hình phạt.

(2) *Trung thuần*: một lòng ngay thẳng; *lắm liệt*: mạnh mẽ, oai phong.

(3) *Được huyết thực*: được thờ tự và hưởng những vật phẩm cúng tế là động vật như bò, dê, lợn, gà,...

(4) *Hàn sĩ*: học trò nghèo.

– Gã kia một kẻ học trò, thật là ngu bướng, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách mắng như vậy, cũng đủ răn đe rồi. Xin đại vương khoan dung tha cho hắn để tỏ cái đức rộng rãi. Chẳng cần đòi hỏi dây dưa. Nếu thắng tay trị tội nó, sợ hại đến cái đức hiếu sinh⁽¹⁾.

Diêm Vương quát lớn rằng:

– Cứ như lời hắn thì nhà ngươi đáng tội chết. Điều luật trị tội lừa dối đã sẵn sàng đó. Có sao nhà ngươi dám làm sự lập lờ nhận tội như vậy?

Diêm Vương lập tức sai người đến đền Tản Viên để lấy chứng thực. Sai nhân⁽²⁾ về tâu, nhất nhất đúng với lời Tử Văn. Vương cả giận, bảo các phán quan⁽³⁾ rằng:

– Lũ các ngươi chia toà sở, giữ chức sự, cầm lệnh chỉ công, làm phép chỉ công, thưởng thì xứng đáng mà không thiên vị, phạt thì đích xác mà không nghiệt ngã, vậy mà còn có sự dối trá càn bậy như thế; huống chi về đời nhà Hán, nhà Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tệ còn nói sao hết được!

Câu nói này của Diêm Vương đem lại cho em suy nghĩ gì?

Diêm Vương liền sai lấy lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ người ấy vào ngục Cửu U⁽⁴⁾.

Vương nghĩ Tử Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đền kia từ nay phân xoi lộn của dân cùng tế nên chia cho Tử Văn một nửa và sai lính đưa Tử Văn về.

Chàng về đến nhà, té ra mình chết đã được hai ngày rồi. Nhân đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau đó, họ đón một bà đồng về phụ bóng⁽⁵⁾, đồng lên cũng nói đúng như lời Tử Văn. Người làng bèn mua gỗ, dựng lại một toà đền mới. Còn ngôi mộ của tên tướng giặc kia thì tự dung thấy bị bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám vậy.

4 Sau đó một tháng, Tử Văn thấy thổ công đến báo:

– Lão phu đã trở về miếu, công của nhà thầy không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở đền Tản Viên khuyết một chân phán sự, lão đã vì nhà thầy hết sức tiến cử, được đức Thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa.

(1) *Đức hiếu sinh*: lòng nhân ái, không muốn giết hại các sinh vật sống trong thế giới.

(2) *Sai nhân* (còn gọi là *sai dịch*, *sai nha*): người để sai phái hoặc làm công việc văn thư trong sở quan lại thời phong kiến.

(3) *Phán quan*: cũng là chức quan phán sự, coi xét việc xử kiện tụng ở các địa phương.

(4) *Ngục Cửu U*: theo quan niệm dân gian là ngục tối chín tầng ở âm phủ, nơi giam giữ và trừng phạt những kẻ khi sống gây nhiều tội ác.

(5) *Phụ bóng*: mời gọi hồn người chết hoặc thần thánh về. Theo quan niệm dân gian, có thể gọi hồn người chết hoặc thánh thần ở cõi âm về nhập vào người đang sống để trò chuyện. Người có nhiều cảm ứng với cõi âm, có thể cho mượn xác để người cõi âm nhập vào gọi là “ông (bà) đồng” hay “ông (bà) bóng”.

Người ta sống ở đời, xưa nay ai chẳng phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau. Nếu chùng chình độ nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác. Nên cố gắng đi, đừng coi là việc thường.

Tử Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà, rồi không bệnh mà mất.

Năm Giáp Ngọ, có người ở thành Đông Quan, vốn quen biết với Tử Văn, một buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông thấy trong sương mù có xe ngựa đi đến ầm ầm, lại nghe tiếng quát:

– Người đi đường tránh xa, xe quan phán sự!

Người ấy ngẩng đầu trông thì thấy người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ chấp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoắt đã cười gió mà biến mất. Đến nay con cháu Tử Văn hãy còn, người ta truyền rằng đó là “nhà quan phán sự”!

Chi tiết Tử Văn “chấp tay thi lễ” với người quen có ý nghĩa gì?

Lời bình:

Than ôi! Người ta thường nói: “Cứng quá thì gãy”. Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời. Sao lại đoán trước là sẽ gãy mà chịu đời cứng ra mềm?

Ngô Tử Văn là một chàng áo vải. Vì cứng cỏi mà dám đốt đền tà, chống lại yêu ma, làm một việc hơn cả thần và người. Bởi thế được nổi tiếng và được giữ chức vị ở Minh Ti, thật là xứng đáng. Vậy kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi.

(Truyện kì mạn lục, bản dịch của TRÚC KHÊ NGÔ VĂN TRIỆN
(in lần thứ hai), NXB(*) Văn hoá, Hà Nội, 1957)



1. Hãy tóm tắt văn bản *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (khoảng 7 – 10 dòng). Theo em, văn bản có thể chia làm mấy phần?
2. Tìm trong văn bản những chi tiết liên quan đến lai lịch của Ngô Tử Văn. Theo em, tại sao tác giả lại lựa chọn những chi tiết đó để giới thiệu về nhân vật?
3. Trong truyện, Tử Văn được miêu tả trong tương quan với những nhân vật nào? Qua các tương quan này, em thấy Tử Văn hiện lên với những phẩm chất gì?
4. Thống kê những yếu tố kì ảo trong truyện. Vì sao nói: Nguyễn Dữ đã tiếp thu sáng tạo những yếu tố kì ảo trong một số truyện cổ dân gian?
5. Nêu nhận xét của em về chức năng của người kể chuyện trong phần chính văn và người bình luận ở cuối truyện.
6. Hãy nêu suy nghĩ của em về lời bình ở cuối truyện: “Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời.”.

(*) NXB: viết tắt của từ Nhà xuất bản.

1 Chuẩn bị

– Nhớ lại những kiến thức về truyện ngắn đã học để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)

– Để đọc hiểu một tác phẩm truyện ngắn hiện đại, các em cần chú ý:^(**)

+ Tìm hiểu các thông tin ngoài văn bản giúp hiểu sâu hơn về tác phẩm: những vấn đề trung tâm của đời sống xã hội, đặc điểm của văn học giai đoạn đó,...

+ Đọc kĩ văn bản để nắm được mối quan hệ giữa các sự kiện chính và giữa các nhân vật.

+ Đặc biệt quan tâm đến những tìm tòi đổi mới trong nghệ thuật tự sự của tác giả.

– Đọc trước truyện ngắn *Muối của rừng*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Huy Thiệp.



Nguyễn Huy Thiệp
(1950 – 2021),
quê ở Hà Nội

2 Đọc hiểu

1 Sau Tết Nguyên đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng, vừa tinh cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân.

Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân giẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhỏ nhăng, đề tiện vấp phải hằng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.

Chính dịp đó ông Diều đi săn.

Ý nghĩ đi săn này sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bồng, hệt như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. Ở tuổi sáu mươi, với khẩu súng mới, đi săn trong rừng vào một ngày xuân kẻ cũng đáng sống.

Thời điểm ông Diều chọn để đi săn đem lại cho em suy nghĩ gì?

(*), (**) Khi đọc hiểu văn bản truyện ngắn khác trong Bài 1, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

Ông Diều nai nịt, mặc quần áo ấm, đôi mũ lông và dận đôi giày cao cổ. Để cho cẩn thận, ông còn mang theo cả nắm xôi nếp. Ông đi men theo suối cạn, cứ thế ngược lên mớ nước⁽¹⁾ đầu nguồn. Cách mớ nước một dặm là vương quốc của hang động đá vôi.

(Lược một đoạn: Sau nhiều cân nhắc, ông Diều quyết định sẽ đi săn khỉ. Đối tượng mà ông hướng tới là con khỉ bố trong một gia đình khỉ với ba thành viên. Phát đạn của ông Diều trúng vào vai khỉ bố, khiến nó ngã nhào xuống đất. Ông Diều “sợ hãi run lên”, biết rõ mình “vừa làm điều ác”. Đàn khỉ bỏ chạy. Khỉ mẹ và khỉ con cũng chạy theo. Được một đoạn, khỉ mẹ quay lại đìu khỉ bố chạy trốn. Ông Diều tức giận cầm khẩu súng ném về phía trước. Khỉ con xuất hiện, tùm dầy súng bỏ chạy cùng khỉ bố và khỉ mẹ.).

2 Nhặt đất đá ném theo lũ khỉ, ông Diều vừa đuổi vừa la. Lũ khỉ hết sức kinh hoàng, hai con chạy về phía núi, còn con khỉ nhỏ chạy về phía vực. “Mất súng thì hỏng!”. Ông Diều nghĩ thế và đuổi theo con khỉ nhỏ. Khoảng cách rút ngắn đến mức nếu không vì mắc nền đá lởm chởm, ông lao nhào ra là tóm ngay được khẩu súng.

Việc ông Diều dồn con khỉ nhỏ đến bờ miệng vực đưa đến hậu quả khôn lường. Giữ chặt dây súng, nó lặn xuống miệng vực không chút chần chừ. Vì ít kinh nghiệm, nó không tìm ra giải pháp nào khác trong trường hợp ấy.

Ông Diều tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Ông đứng trên miệng vực nhìn xuống rừng mình. Từ dưới sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ. Trong kí ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này. Ông Diều lùi lại kinh hoàng. Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí⁽²⁾. Sương mù len vào từng chân bụi cây và xoa rất nhanh cảnh vật. Ông Diều chạy lùi trở lại. Phải lâu lắm, có lẽ từ thời thơ ấu, ông Diều mới lại có lần chạy như ma đuổi thế này. [...]

Tại sao chỉ tiết kỉ ảo xuất hiện ở đây?

Có tiếng kêu thảng thốt. Ông Diều trông lên thì bỗng thấy con khỉ đực bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá. Không thấy con khỉ cái. Ông mừng quá tìm hướng leo lên.

Núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm. Ông Diều lượng sức: “Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày!”. Ông Diều bình tĩnh bám vào các khe đá nứt leo lên.

Được khoảng chục mét, ông Diều thấy nóng bưng người. Lựa chỗ đứng thuận tiện, ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài để lên một chạc cây dưới. Trên mình mỗi chiếc quần lót, ông thấy thoải mái. Ông leo thoăn thoắt và càng không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế.

Chú ý: ông Diều đang bỏ lại dãn những đồ vật trước khi tóm được con khỉ đực bị thương.

(1) Mớ nước: mạch nước ngầm phun lên thành nguồn nước tự nhiên.

(2) Tử khí: hơi lạnh từ thi thể người chết toát ra.

Con khi đực bị thương nằm trên ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh. Dưới phiến đá, một khe nứt rộng đến gang tay tách nó ra khỏi vách núi. Ông Diều rung mình, cảm tưởng như bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lặn nhào khỏi vị trí ấy làm ông kinh hãi. Thiên nhiên oái oăm lại muốn thử thách thêm lòng dũng cảm của ông sao đó.

Ông Diều lấy hai cùi tay làm tựa để co người lên. Con khi tuyệt đẹp, lông mịn và vàng. Nó nằm sấp mình, hai tay cào trên phiến đá như muốn tìm cách nhích lên. Máu đỏ bết bên vai nó.

Ông Diều đặt tay lên mình con khi và thấy nó nóng hằm hập. “Để đến hơn yển...”. Ông Diều luồn tay xuống dưới ngực con khi nâng lên ước lượng. Từ trong ngực nó phát ra tiếng “hừm” nho nhỏ nghe rất đáng sợ, tựa như Thần Chết bực mình cái kinh vì sự can thiệp của ông với nó. Ông Diều rút phắt tay lại. Con khi run bắn, nó đưa đôi mắt dờ dại nhìn ông cầu khẩn. Ông Diều bỗng thấy thương hại. Viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trôi ra hẳn đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khi quằn quại trông rất đau lòng.

– “Để thế không ổn!” – ông Diều vội lấy một nắm cỏ lão vò nát. Ông cho vào miệng nhai kỹ. Ông đắp nắm lá vào miệng vết thương con khi. Nắm lá sẽ có tác dụng cầm máu cho nó. Con khi co rúm người lại và nghiêng đôi mắt ươn ướt nhìn ông. Ông Diều tránh nhìn vào đôi mắt nó.

Tại sao ông Diều lại tránh nhìn vào đôi mắt con khi?

Một lát, con khi rúc hẳn vào hai lòng tay ông Diều. Miệng nó phát ra âm thanh lấp bắp nghe như tiếng của trẻ con. Ông biết nó đang van xin và tìm một sự giúp rập⁽¹⁾. Ông rất khó chịu.

– “Thà mày chông cự thì tốt cho tao.” – ông Diều nhìn vào cái đầu ngoan ngoãn của con khi nhỏ cau mày. – “Mình đâm già rồi... Nó biết người già thì dễ mũi lòng. Bây giờ tao biết lấy gì băng bó cho mày hở khi?”.

Ông Diều suy nghĩ. Ông đánh cời chiếc quần lót đang mặc. Ông dùng chiếc quần lót ấy để băng vết thương cho nó. Vết thương cầm máu, con khi không còn rên nữa.

Cứ thế trần truồng, ông Diều vừa bế vừa đỡ con khi tìm đường tụt xuống chân núi. Thoắt nhiên, đất đá từ lưng chừng núi sọt xuống rào rào như có sức mạnh nào đẩy xô đẩy.

Núi lở!

Ông Diều thót mình và bám thật chặt vào tảng đá kinh hãi. Đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loảng cái chỉ còn một vết chém thẳng phẳng lì. Ông Diều không còn thấy cây đuôi để quần và giày đâu nữa. Đi xuống đường ấy bây giờ thật nguy hiểm. Đánh phải vòng ra sau núi. Xa hơn nhưng lại an toàn.

(1) *Giúp rập*: giúp đỡ.

3 Ông Diều lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. Thật chưa bao giờ ông lại vất vả và mệt đến thế. Người ông đầy vết xây xước. Con khi sống không ra sống, chết không ra chết. Kéo nó trên đất thì quá đau lòng, mà bế ẵm nó trên tay thì không đủ sức.

Đến chỗ lùm cây dây leo nắp chờ ban sáng, ông Diều dừng lại để tìm mũ áo và nắm xôi nếp. Ở đây đùn lên một đồng mối to gần bằng cây rạ. Đồng mối nhớp nháp một thứ đất mới đỏ au, trên đây đầy những cánh mối ướt rụi. Khốn nạn, dây vào tổ mối thì những đồ vật của ông thành cám! Thở dài thất vọng, ông Diều quay lại bế con khi lên.

– “Chẳng lẽ lại cứ nong nong thế này về nhà thì thật khả ố! – Ông Diều bực mình. – Mình sẽ thành một trò cười cho thiên hạ mất...”.

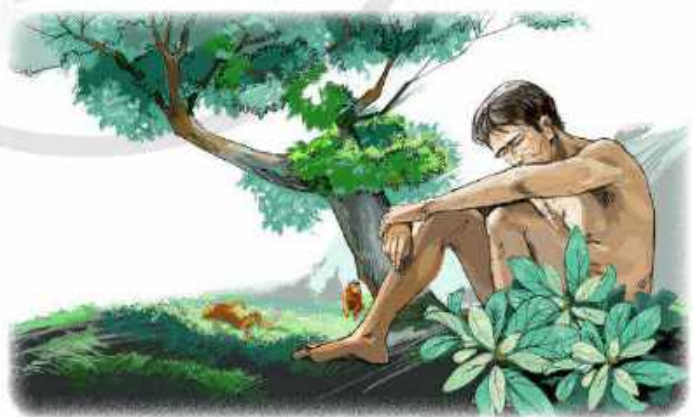
Ông cứ vừa đi vừa nghĩ và đâm loanh quanh một lúc mới nhận ra con đường.

– “Thì đã sao nào! – Ông bỗng bật cười. – Hỏi ai bắn được con khi thế này? Phải yền rười thệt... Lòng vàng như nhuộm... Bắn được con vật như thế này thì dầu mảnh giáp không còn cũng đáng!”.

Có tiếng động khẽ đằng sau. Ông Diều giật mình quay lại và nhận ra con khi cái. Thấy ông, nó thoát biến vào bụi rậm. Hoá ra con khi cái theo ông từ khi ông ở trên núi mà ông không biết. Ông thấy là lạ. Đi được một quãng, ông Diều quay lại thì vẫn thấy nó lẻo đẻo đằng sau. Thật khốn nạn quá! Ông Diều đặt con khi đực xuống đất rồi nhặt đất đá đuổi con khi cái. Nó kêu the the rồi chạy biến đi. Chỉ được một lúc, ông Diều ngó lại thì vẫn thấy nó lảng nhảng bám theo.

Cái bộ ba ấy cứ thế lầm lũi xuyên rừng. Con khi cái cũng thật kiên trì. Ông Diều bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị theo dõi, bị đòi ăn vạ.

Bây giờ, cả con khi đực cũng đã nhận ra tín hiệu vẫy gọi của đồng loại nó. Nó cứ giẫy giụa, nó làm cho ông khổ vô cùng. Ông Diều mệt lả, ông không còn sức giữ con khi nữa. Hai tay con khi cào trên ngực ông toé máu. Cuối cùng, không thể chịu nổi, ông đành tức giận ném nó xuống đất.



Con khi đực nằm dài trên vạt cỏ ướt. Ông Diều buồn bã ngồi nhìn. Cách đó không xa, con khi cái cũng thập thò sau một gốc cây theo dõi.

Ông Diều thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khi và thấy cay cay sống mũi. Hoá ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề.

– “Thôi tao phóng sinh cho mày!” – Ông Diểu ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Lưỡng lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm.

Tại sao ông Diểu lại vội vã bỏ đi?

④ Ông Diểu rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết. Ông Diểu dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bẻ bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đây là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.

Ra khỏi thung lũng, ông Diểu đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần truồng như thế, cô đơn như thế mà đi.

Chỉ một lát sau, bóng ông nhoà vào màn mưa.

Chỉ ít ngày nữa sang tiết Lập hạ. Trời sẽ ấm dần.

1986

(Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp (tái bản lần thứ hai),
NXB Văn học, Hà Nội, 2021)

?

1. Truyện *Muối của rừng* có thể chia làm mấy phần? Hãy mô hình hoá câu chuyện bằng một sơ đồ thích hợp.
2. Truyện được kể từ điểm nhìn nào? Mối quan hệ giữa điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật.
3. Nguyên nhân nào khiến ông Diểu muốn đi săn? Hoạt động đi săn của ông Diểu được miêu tả như thế nào trong truyện?
4. Tìm và phân tích những nguyên nhân khiến ông Diểu đi đến quyết định phóng sinh cho con khỉ đực?
5. Thống kê và phân tích ý nghĩa của những yếu tố kì ảo trong *Muối của rừng*. Những chi tiết này thể hiện chủ đề nào trong tác phẩm?
6. Theo Ha-ra-ri (Harari), có một quan niệm cho rằng: “Các sinh vật không phải người không có giá trị tự thân nào cả, chúng chỉ tồn tại vì lợi ích của chúng ta mà thôi.”⁽¹⁾. Đọc truyện ngắn *Muối của rừng*, em có tán thành với quan niệm đó không? Vì sao?

(1) Y. N. Ha-ra-ri, *Homo Deus – Lược sử tương lai*, bản dịch của Dương Ngọc Trà, NXB Thế giới, Hà Nội, 2022.



CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA

(Trích)

NGUYỄN MINH CHÂU

1 Chuẩn bị

Đọc trước truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Minh Châu.

2 Đọc hiểu

(Lược một đoạn: Để có thể xuất bản một bộ lịch nghệ thuật về thuyền và biển thật ưng ý, trưởng phòng đề nghị Phùng – nhân vật xưng “tôi” – đi thực tế để chụp bổ sung một bức ảnh với cảnh biển buổi sáng có sương mù. Dù có chút ngần ngại ban đầu nhưng rồi Phùng cũng đã nhận lời lên đường. Ngoài nhiệm vụ được giao, Phùng còn muốn ghé thăm Đẩu – người đồng đội cũ hiện là chánh án huyện. Không gian mà Phùng lựa chọn là một vùng phá⁽¹⁾ thơ mộng nhưng cũng là chiến trường của anh thời chống Mỹ cứu nước. Sau một tuần suy nghĩ, tìm kiếm, Phùng quyết định sẽ chọn cảnh thuyền đánh cá thu lưới vào lúc bình minh.).



Nguyễn Minh Châu
(1930 – 1989),
quê ở Nghệ An

1 Lúc bấy giờ trời đầy mù từ ngoài biển bay vào. Lại lác đác mấy hạt mưa. Tôi rúc vào bên bánh xích của một chiếc xe tăng để tránh mưa, đang lúi húi thay phim, lúc ngẩng lên thấy một chuyện hơi lạ: một chiếc thuyền lưới vó⁽²⁾ mà tôi đoán là trong nhóm đánh cá ban nãy đang chèo thẳng vào trước mặt tôi.

Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh chưa bao giờ tôi được thấy một cảnh “đắt” trời cho như vậy: trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh Mặt Trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mũi khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gọng vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét

(1) Phá: vùng biển ăn sâu vào đất liền.

(2) Thuyền lưới vó: thuyền đánh cá có hai gọng ở mũi thuyền để giăng lưới, khi cá được dồn vào thì cất lên như cất vó.

đến ánh sáng đều hài hoà và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích khiến đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào. Chẳng biết ai đó lần đầu đã phát hiện ra bản thân cái đẹp chính là đạo đức? Trong giây phút bối rối, tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn.

Chẳng phải lựa chọn xê dịch gì nữa, tôi gác máy lên bánh xích của chiếc xe tăng hồng bầm “liên thanh” một hồi hết một phần tư cuốn phim, thu vào chiếc Pra-ti-ca (Praktica)⁽¹⁾ cái khoảnh khắc hạnh phúc tràn ngập tâm hồn mình, do cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh vừa mang lại.

Tôi chắc mẫm ngay trong ngày hôm nay hoặc sáng mai đã có thể nhảy lên tàu hoả trở về, nếu anh bạn đồng ngũ không cố níu giữ ở lại chơi thêm vài bữa.

2 Ngay lúc ấy, một chiếc thuyền đâm thẳng vào trước chỗ tôi đứng. Một người đàn ông và một người đàn bà rời chiếc thuyền. Họ phải lội qua một quãng bờ phá nước ngập đến quá đầu gối. Bất giác tôi nghe người đàn ông nói chỗ lên thuyền như quát: “Cứ ngồi nguyên đấy. Động đây tao giết cả mày đi bây giờ.”

Chắc chắn họ không trông thấy tôi. Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rỗ mặt. Khuôn mặt mệt mõi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ. Người đàn ông đi sau. Tầm lưng rộng và cong như lưng một chiếc thuyền. Mái tóc tổ quạ. Lão đi chân chữ bát, bước từng bước chắc chắn, hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ lúc nào cũng nhìn dán vào tầm lưng áo bạc phéch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng của người đàn bà.

Sự xuất hiện của hai nhân vật có bất ngờ không? Dự đoán về hành động của họ.

Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng với chiếc máy ảnh, đi quá mười bước sâu vào phía trong có một chiếc xe rà phá mìn của công binh Mỹ, chiếc xe sơn màu vàng tươi và to lớn gấp đôi một chiếc xe tăng. Hai người đi qua trước mặt tôi. Họ đi đến bên chiếc xe rà phá mìn. Người đàn bà đứng lại, ngược mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu một thoáng, rồi đưa một cánh tay lên có lẽ định gãi hay sửa lại mái tóc nhưng rồi lại buông thõng xuống, đưa cặp mắt nhìn xuống chân.

Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngự ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng

Cảnh tượng này đem lại cho em suy nghĩ gì?

(1) Pra-ti-ca: chiếc máy ảnh hiệu Pra-ti-ca.

nghe ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyên rủa bằng cái giọng rên rĩ đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!”.

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy.

Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn. Thế rồi chẳng biết từ bao giờ, tôi đã vứt chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới.

Bóng một đứa con nít lao qua trước mặt tôi. Tôi vừa kịp nhận ra thằng Phác – thằng bé trên rừng xuống vừa nằm ngủ với tôi từ lúc nửa đêm. Thằng bé cứ chạy một mạch, sự giận dữ căng thẳng làm nó khi chạy qua không nhìn thấy tôi. Như một viên đạn trên đường lao tới đích đã nhắm, mặc cho tôi gọi nó vẫn không hề ngoảnh lại, nó chạy tiếp một quãng ngắn giữa những chiếc xe tăng rồi lập tức nhảy xổ vào cái lão đàn ông.

Cũng y hệt người đàn bà, thằng bé của tôi cũng như một người câm, và đến lúc này tôi mới biết là nó khoẻ đến thế!

Khi tôi chạy đến nơi thì chiếc thắt lưng da đã nằm trong tay thằng bé, không biết làm thế nào nó đã giằng được chiếc thắt lưng, liền dướn thẳng người vung chiếc khoá sắt quật vào giữa khuôn ngực trần vạm vỡ cháy nắng có những đám lông đen như hắc ín, loăn xoăn từ rốn mọc ngược lên. Lão đàn ông định giằng lại chiếc thắt lưng nhưng chẳng được nữa, liền dang thẳng cánh cho thằng bé hai cái tát khiến thằng nhỏ lao đảo ngã dúi xuống cát. Rồi lão lẳng lặng bỏ đi về phía bờ nước để trở về thuyền. Không hề quay mặt nhìn lại, chỉ có tảng lưng khum khum và vạm vỡ càng có vẻ cúi thấp hơn, nom lão như một con gấu đang đi tìm nguồn nước uống, hai bàn chân chữ bát để lại những vết chân to và sâu trên bãi cát hoang vắng.

Người đàn bà dường như lúc này mới cảm thấy đau đớn – vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã.

– Phác, con ơi!

Miệng mếu máo gọi, người đàn bà ngồi xếp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy. Thằng nhỏ cho đến lúc này vẫn chẳng hề hé răng, như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rõ xuống những dòng nước mắt, và cái thằng nhỏ lặng lẽ đưa mấy ngón tay khê sò lên khuôn mặt người mẹ như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chẳng chịt.

Chú ý những hành động của chú bé Phác với người mẹ.

Thế rồi bất ngờ người đàn bà buông đứa trẻ ra, đi thật nhanh ra khỏi bãi xe tăng hồng, đuổi theo lão đàn ông. Cả hai người lại trở về chiếc thuyền.

Khoảnh khắc sau, bãi cát lại trở về với vẻ mênh mông và hoang sơ. Giữa tiếng sóng ngoài khơi dội những tiếng kêu ồ ồ vào cõi im lặng, chỉ có tôi và thằng bé đứng trơ giữa bãi xe tăng hồng, trên tay thằng nhỏ vẫn cầm chiếc thắt lưng, hai chúng tôi đưa mắt ngơ ngác nhìn ra một quãng bờ phá vừa ban nãy chiếc thuyền đậu.

Như trong câu chuyện cổ đầy quái đản, chiếc thuyền lưới vó đã biến mất.

(Lược một đoạn: Thằng bé Phác là con của cặp vợ chồng hàng chài. Phác xa lánh, thù ghét Phùng vì anh đã vô tình chứng kiến chuyện gia đình mình. Ba hôm sau, cũng trong làn sương sớm, ngay tại địa điểm lần trước, Phùng lại chứng kiến cảnh người đàn ông đánh vợ. Lần này, có thêm sự xuất hiện của chị gái Phác. Người chị sau khi rượt đuổi và vật nhau với Phác đã tước được con dao găm mà cậu bé định dùng làm vũ khí phản kháng lại bố để bảo vệ mẹ. Không thể nên chịu được nữa, Phùng xông ra buộc lão đàn ông phải chấm dứt hành động độc ác của mình và bị lão đánh trả. Phùng bị thương, được đưa về trạm y tế của toà án huyện.)

3 Tôi thầm cảm ơn Đầu đã giữ mình ở nán lại. Nếu thiếu nữ không đi theo mẹ đến toà án – người đàn bà mặt rỗ hai lần tôi giáp mặt trong bãi xe tăng hồng – thì chắc chắn tôi không thể nhận ra đó chính là đứa con gái ướt sũng từ đầu đến chân, đã vật nhau với thằng Phác để tước lấy con dao găm.

Thiếu nữ mảnh dẻ trong tấm áo cánh màu tím nhạt.

Lại một cặp mắt như cặp mắt của đứa trẻ lên năm mà tôi đã chọn để cầm vớt một nắm phơi bào ra giữa ngọn sóng bạc đầu – một cặp mắt đen của chiếc thuyền mới đóng.

Tuy chẳng hiểu chút gì về nghệ thuật điện ảnh, nhưng bất giác tôi cứ nghĩ giá sau này cần một vai như kiểu nàng tiên cá thì nhất thiết phải chọn người thiếu nữ này. Tôi tự hỏi chẳng lẽ cái nhan sắc đang độ trẻ con như đúc từ trời biển trong suốt, nên thơ này lại được tách ra từ da thịt của một người đàn bà hàng chài xấu xí và đau khổ?

Sự tương phản trong chân dung của mẹ và con gái đem lại cho em suy nghĩ gì?

Người đàn bà dặn con gái hãy ở lại dưới thuyền rồi với dáng đi mệt mỏi, chậm chạp như một bà già, trèo lên những bậc đá xếp từ bờ phá lên một con đường nhựa đã long lở, hai bên đường phơi đầy lưới chài, của phố huyện vùng biển.

Người đàn bà vẫn mặc chiếc áo màu bạc phếch vì nước mặn, một miếng vá bằng vải xanh bằng bàn tay trên vai, những nốt rỗ trên mặt có vẻ thừa ra, đứng trong phòng làm việc của Đầu, tôi nhận ra ngay mục. Hôm nay, người đàn bà rời chiếc thuyền vó bè “đỗ bộ” lên tận đây theo giấy triệu tập của toà án huyện.

Đây là lần thứ hai, người đàn bà được Đầu mời đến về công việc gia đình.

Cũng không phải là lần đầu đến một nơi công sở nhưng người đàn bà vẫn có vẻ sợ sệt, lúng túng – cái vẻ lúng túng, sợ sệt mà ngay lúc mục đứng giữa bãi xe tăng cũng không hề thấy có.

Người đàn bà chỉ quen sống giữa mặt nước vừa đặt chân vào trong gian phòng đầy bàn ghế và giấy má liền tìm đến một góc tường để ngồi.

Ngồi sau một chiếc bàn lớn, Đẩu nhòm dậy chỉ chiếc ghế mây trước mặt, cố làm ra vẻ thân mật:

– Chị ngồi lên đây, sao lại thế, hãy ngồi lên chiếc ghế này...

Đẩu phải nói đến lượt thứ hai, mặt mới dám rón rén đến ngồi ghé vào mép chiếc ghế và cố thu người lại.

Đẩu hỏi:

– Thế nào, chị đã nghĩ kĩ chưa?

Người đàn bà ngược lên nhìn Đẩu, rồi lại cúi mặt xuống.

– Thưa đã...

Đẩu gật đầu. Anh đứng dậy. Tự nhiên anh rời chiếc bàn đến đứng vịn vào lưng ghế người đàn bà ngồi, giọng trở nên đầy giận dữ, khác hẳn với giọng một vị chánh án:

– Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng. Cả nước không có một người chồng nào như hần. Tôi chưa hỏi tội của hần mà tôi chỉ muốn bảo ngay với chị: Chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu! Chị nghĩ thế nào?

Người đàn bà hướng về phía Đẩu, tự nhiên chấp tay lại vái lia lịa:

– Con lạy quý toà...

– Sao, sao?

– Quý toà bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...

Lúc bấy giờ, tôi đang ngồi giấu mặt sau bức màn vải hoa ngăn chỗ làm việc bên ngoài và phòng ngủ bên trong của Đẩu. Sau câu nói của người đàn bà, tôi cảm thấy gian phòng ngủ lồng lộng gió biển của Đẩu tự nhiên bị hút hết không khí, trở nên ngột ngạt quá. Tôi vén lá màn bước ra.

Người đàn bà nhận ra được tôi ngay. Mặt nhấp nhòm xoay mình trên chiếc ghế như bị kiến đốt, và về sau tôi mới sức nghĩ ra, mặt nghĩ rằng toà án đã bố trí sẵn tôi ngồi phía sau để chuẩn bị làm nhân chứng.

– Chị cứ ngồi nguyên đấy! – Đẩu nói và với về đây hào hứng của một con người bảo vệ công lí vừa có thêm người đến tiếp viện, anh chạy sang phòng bên xách một chiếc ghế cho tôi. Bây giờ, dưới con mắt của người đàn bà hàng chài, vị chánh án không phải là Đẩu đã trở về ngồi sau chiếc bàn lớn mà là tôi, với mấy vết thương đã lên da non nhưng vẫn để dấu vết trên mặt.

– Tuỳ bà! – Đẩu thay đổi cách xưng hô, khoác lên mình cái cung cách bề ngoài của một vị chánh án. – Chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hoà thuận...

Chú ý những cử chỉ, hành động vái lạy quý toà của người đàn bà.

Đang ngồi cúi xuống, người đàn bà bỗng ngẩng lên nhìn thẳng vào chúng tôi, lần lượt từng người một, với một vẻ ban đầu hơi ngỡ ngàng.

– Chị cảm ơn các chú! – Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khẩn thiết. – Đây là chị nói thành thực, chị cảm ơn các chú. Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...

Chỉ mấy lời mào đầu ấy, người đàn bà đã mất hết cái vẻ ngoài khúm núm, sợ sệt. Điều bộ khác, ngôn ngữ khác.

Cũng phải nói thật, những lời ấy, nhất là đấy lại là lời một người đàn bà khôn khô, không phải dễ nghe đối với chúng tôi. Dầu mặt hãy còn trẻ, Dầu cũng là một chánh án huyện. Còn tôi, một người đáng lẽ mù phải biết ơn...

Nhưng người đàn bà để lộ ra cái vẻ sắc sảo chỉ đến thế, chỉ vừa đủ để kích thích trí tò mò của chúng tôi. Mụ đưa cặp mắt đầy vẻ mệt mỏi nhìn ra ngoài bờ phá bên kia con đường chính của phố huyện, ở đấy, thiếu nữ mặc áo tím vẫn ngồi đợi mụ trên chiếc mùng.

Trong phút chốc, ngồi trước mặt chúng tôi lại vẫn là một người đàn bà lúng túng, đầy sợ sệt, nhưng có vẻ thông cảm với chúng tôi hơn. Mụ bắt đầu kể:

Chú ý những thay đổi trong thái độ của người đàn bà.

– Từ nhỏ tuổi tôi đã là một đứa con gái xấu, lại rỗ mặt, sau một bận lên đậu mùa. Hồi bấy giờ nhà tôi còn khá giả, nhà tôi trước ở trong cái phố này. Cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai một nhà hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả⁽¹⁾ về đan lưới. Lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi.

Người đàn bà bỗng chép miệng, con mắt như đang nhìn suốt cả đời mình:

– Giá tôi đẻ ít đi, hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đói khổ chứ trước kia vào các vụ bắc⁽²⁾, ông trời làm động biển suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...

– Lão ta trước hồi bấy năm có đi lính nguy không? – Tôi bỗng hỏi một câu như lạc đề.

– Không chú à, cũng nghèo khổ, túng quẫn đi vì trốn lính – bỗng mụ đỏ mặt – nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền đẻ nhiều quá, mà thuyền lại chật.

– Vậy sao không lên bờ mà ở? – Dầu hỏi.

– Làm nhà trên đất ở một chỗ đâu có thể làm được cái nghề thuyền lưới vó? Từ ngày cách mạng về, cách mạng đã cấp đất cho nhưng chẳng ai ở, vì không bỏ nghề được!

(1) Bả: sợi đan lưới.

(2) Vụ bắc: mùa đông ở vùng biển (chú thích của nhà văn).

– Ở trên thuyền có bao giờ lão ta đánh chị không? – Tôi hỏi.

– Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu... Giá mà lão uống rượu... thì tôi còn đỡ khổ... Sau này, con cái lớn lên, tôi mới xin được với lão... đưa tôi lên bờ mà đánh...

– Không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được! – Đầu và tôi cùng một lúc thốt lên.

– Là bởi vì các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết như thế nào là nổi vất vả của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông...

– Phải, phải, bây giờ tôi đã hiểu, – bất ngờ Đầu trút một tiếng thở dài đầy chua chát, – trên thuyền phải có một người đàn ông... dù hấn man rợ, tàn bạo?

– Phải. – Người đàn bà đáp. – Cũng có khi biển động sóng gió chứ chú?

Lát lâu sau, mẹ lại mới nói tiếp:

– Mong các chú cách mạng thông cảm cho, đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng đặng một sắp con⁽¹⁾, nhà nào cũng trên dưới chục đứa. Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được! Mong các chú lượng tình cho cái sự lạc hậu. Các chú đừng bắt tôi bỏ nó! – Lần đầu tiên trên khuôn mặt xấu xí của mẹ chợt ửng sáng lên như một nụ cười – Vả lại, ở trên chiếc thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hoà thuận, vui vẻ.

– Cả đời chị có một lúc nào thật vui không? – Đột nhiên tôi hỏi.

– Có chứ, chú! Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...

Viên chánh án huyện rời chiếc bàn xếp đến phát ngốt lên những chồng hồ sơ, giấy má. Đầu đi đi lại lại trong phòng, hai tay thọc sâu vào hai bên túi chiếc quần quân phục đã cũ. Một cái gì mới vừa vỡ ra trong đầu vị Bao Công⁽²⁾ của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đầu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ.

Thử suy đoán về điều “vừa vỡ ra trong đầu” vị chánh án.

Người đàn bà đã khóc khi nghe tôi nhắc đến thằng Phác. Nhưng tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự thâm trầm trong việc hiểu thấu các lẽ đời hình như mẹ chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra bề ngoài. Trong cái đám con cái đông đúc đang sống ở dưới thuyền, mẹ không yêu một đứa nào bằng thằng Phác, cái thằng con từ tính khí đến mặt mũi giống như lột ra từ cái lão đàn ông đã từng hành hạ mẹ, và không khéo sẽ còn hành hạ mẹ cho đến khi chết – nếu không có cách mạng về.

(1) *Nuôi nấng đặng một sắp con*: nuôi nấng được một đàn con.

(2) *Bao Công*: tên thật là Bao Chửng, làm quan thời Bắc Tống, nổi tiếng về sự chính trực, liêm khiết và tài xử án.

Mụ cho chúng tôi biết, vì sợ thằng bé có thể làm điều gì dại dột đối với bố nó, mụ đã phải gửi nó lên rừng nhờ bố mình nuôi đã nửa năm nay. Ở với ông ngoại, thằng bé sướng hơn ở trên thuyền với bố mẹ. Nhưng hễ rời ra là nó trốn về. Thằng bé tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh.

4 Chiều hôm ấy, trong khi Đẩu gặp lão đàn ông để giáo dục răn dạy lão thì tôi trở lại xưởng đóng thuyền. [...]

Gần sáng trời trở gió đột ngột, từng tầng mây đen xếp ngồn ngang trên mặt biển đen ngòm, và biển bắt đầu gào thét, sóng bạc đầu ngoài cửa lạch nổi cồn lên, cao như những ngọn núi tuyết trắng.

Trong phá, các thứ tàu thuyền đều tìm vào bờ để trú, duy ở giữa phá chẳng hiểu vì sao vẫn còn... thấy một chiếc thuyền vỏ bè đang đậu.

Tại sao hình ảnh con thuyền giữa sóng gió được lặp lại trong đoạn văn này?

Gió rú ào ào xung quanh chiếc xe reo⁽¹⁾ vừa mới ở trên rừng xuống, chưa đỡ gỗ xuống hết. Cái ông lão đã ngoài sáu mươi mà vẫn còn theo đuổi nghề sơn tràng đang ngồi bên bếp lửa giữa trời, vẫn đặt hai con mắt đầy vẻ lo lắng ra ngoài mặt phá, nơi có chiếc thuyền.

Cái bếp lửa cũng bị gió ném tung ra khắp bãi cát, những tàn lửa đỏ rực bay quần lên xung quanh chỗ tôi và ông lão ngồi. Tôi xem lại xoong com đã sòng nhẵn hộ ông lão đoạn gào lên:

– Chiều gió này không khéo bão cấp 11 rồi?



– Ừ, ừ...! – Ông lão lẩm bẩm, vẫn không rời mắt khỏi chiếc thuyền đang chống chọi với sóng gió giữa phá.

Những tấm ảnh tôi mang về, đã được chọn lấy một tấm. Trông phòng rất bằng lòng về tôi.

(1) *Xe reo*: xe tải có thiết bị nâng hạ (cần cẩu).

Không những trong bộ lịch năm ấy mà mãi mãi về sau, tấm ảnh chụp của tôi vẫn còn được treo ở nhiều nơi, nhất là trong các gia đình sành nghệ thuật. Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kĩ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh, đó là một người đàn bà vùng biển cao lớn với những đường nét thô kệch, tấm lưng áo bạc phếch có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng, khuôn mặt đỏ đã nhợt trắng vì kéo lưới suốt đêm. Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân dậm trên mặt đất chắc chắn, hoà lẫn trong đám đông...

8-1983

(Nguyễn Minh Châu, *Toàn tập*, tập 3, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

?

1. Truyện *Chiếc thuyền ngoài xa* có thể được chia làm mấy phần? Lập sơ đồ về mối quan hệ giữa các nhân vật trong đoạn trích.
2. Câu chuyện được kể từ điểm nhìn của ai? Ý nghĩa của việc lựa chọn điểm nhìn này.
3. Phân tích sự biến đổi trong cảm nhận của Phùng về những ngư dân trong tác phẩm.
4. Phân tích tính đa diện trong tính cách của người đàn bà hàng chài.
5. Chỉ ra tính đối thoại trong cái nhìn của người đàn bà hàng chài với cái nhìn của Phùng và Đẩu. Từ đó, nêu lên chủ đề của tác phẩm.
6. Hãy trình bày quan điểm của em về sự lựa chọn cách sống của người đàn bà hàng chài.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

1. Từ hiểu biết về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, hãy nêu nhận xét về các lời thoại dưới đây của nhân vật người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu).

a) *Người đàn bà hướng về phía Đẩu, tự nhiên chấp tay lại vái lia lia:*

– *Con lạy quý toà...*

– *Sao, sao?*

– *Quý toà bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó.*

b) – *Chị cảm ơn các chú!* – *Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khẩn thiết.* – *Đây là chị nói thành thực, chị cảm ơn các chú. Lòng các chú tốt,*

nhưng các chú đầu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đầu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...

Chỉ mấy lời mào đầu ấy, người đàn bà đã mất hết cái vẻ ngoài khúm núm, sợ sệt.

2. Tìm nhận xét của người kể chuyện trong mỗi đoạn văn dưới đây (trích *Chiếc thuyền ngoài xa* – Nguyễn Minh Châu) về ngôn ngữ của nhân vật Đầu. Vì sao người kể chuyện nhận xét như vậy?

a) Tự nhiên anh rời chiếc bàn đến đứng vịn vào lưng ghế người đàn bà ngồi, giọng trở nên đầy giận dữ, khác hẳn với giọng một vị chánh án:

– Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng. Cả nước không có một người chồng nào như hần. Tôi chưa hỏi tội của hần mà tôi chỉ muốn báo ngay với chị: Chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu! Chị nghĩ thế nào?

b) – Tuy bà! – Đầu thay đổi cách xưng hô, khoác lên mình cái cung cách bề ngoài của một vị chánh án. – Chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hoà thuận...

3. Nhận diện, phân tích đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật ở các đoạn trích sau:

a) Học sinh, sinh viên, trí thức trẻ phải biết cách học để trở thành những công nhân, chuyên viên giỏi, những kĩ sư, bác sĩ, cán bộ giảng dạy xuất sắc, cung cấp cho Nhà nước những cán bộ lãnh đạo, quản lí liêm khiết có trình độ cao, có tầm nhìn xa. Bản thân học sinh và sinh viên phải tự mình khắc phục những suy nghĩ lệch lạc, những tiêu cực của mình cũng như những tệ nạn xã hội đang diễn ra trên đất nước làm cho mọi người, kể cả thanh niên hết sức bất bình, căm giận. Thái độ đúng đắn của mỗi thanh niên là phải biết đấu tranh và vượt qua những yếu kém và tiêu cực đó bằng những hành động tích cực và bản lĩnh của người chủ xứng đáng của đất nước. Đó là trách nhiệm và sứ mạng của giới trẻ.

(Nguyễn Thị Bình)

b) Con gái yêu quý! Vậy là con gái của mẹ đã lớn thật rồi, cuối cùng cũng đến ngày con phải rời xa vòng tay mẹ để đi học xa nhà. Mẹ vẫn lo lắng y như ngày đầu tiên con đi nhà trẻ, con khóc mà lòng mẹ xót xa. Mẹ biết con không còn mãi bé, cô gái của mẹ đã lớn và đến lúc con phải bay bằng chính đôi cánh của mình, trên bầu trời của con. Con hãy nhớ, cuộc sống không thể tránh khỏi những chông gai, nếu con coi đó là một trò chơi có mạo hiểm, con sẽ thấy nó thú vị, còn nếu con nhìn nó bằng con mắt của sự bi quan, sợ hãi, nó sẽ là con quái vật nuốt chửng con lúc nào không hay. Chỉ khi con xông pha, trải nghiệm, con mới nhận được những điều giá trị con mong muốn. Con cũng hãy thoải mái tham gia các hoạt động cùng các bạn, làm tình nguyện, đi đến những nơi mà con muốn đến nhé!

(Nguyễn Thu Hà)

4. Chọn cách nói phù hợp trong các tình huống giao tiếp dưới đây. Giải thích cách lựa chọn từ ngữ, kiểu câu của em.

Nội dung giao tiếp \ Nhân vật giao tiếp	Bạn mới quen	Bạn thân
Chào hỏi		
Hỏi mượn sách		
Hỏi về ước mơ		
Hỏi bài tập khó		

VIẾT

VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

1 Định hướng

1.1. Những lưu ý chung về kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học

a) Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm là trình bày một cách thuyết phục những điểm tương đồng và khác biệt hoặc chỉ tương đồng hay khác biệt về nội dung, hình thức nghệ thuật của hai văn bản, từ đó bình luận, nhận xét giá trị độc đáo của mỗi văn bản, nhận ra đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo, chỉ ra những điểm chung trong quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương,...

Trong kiểu bài nghị luận này, thao tác so sánh có một vai trò đặc biệt quan trọng. So sánh phải lô gích, mạch lạc, đích đáng, từ đó giúp người viết đưa ra những đánh giá thuyết phục và có ý nghĩa.

b) Bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thường được thực hiện giữa các tác phẩm cùng thể loại. Ở mỗi thể loại khác nhau lại có những điểm nhấn khác nhau trong so sánh, đánh giá.

– Với các văn bản thơ, cần chú ý đến nghệ thuật sử dụng, sáng tạo từ ngữ; các hình ảnh và biểu tượng; cách cấu tứ, các dạng thức của cái “tôi” trữ tình,...

– Với các văn bản truyện và tiểu thuyết, cần chú ý đến mô típ, cốt truyện, kiểu loại nhân vật, điểm nhìn trần thuật, kết cấu, cách kết thúc truyện, kỹ thuật miêu tả ngoại hình, chân dung và phân tích tâm lý nhân vật,...

– Với các văn bản kịch, cần chú ý đến mô típ, cốt truyện, hệ thống nhân vật, xung đột kịch, các dạng thức của lời đối thoại, độc thoại,...

– Với các văn bản kí, cần chú ý đến đề tài, cách tiếp cận vấn đề, cách khai thác số liệu, tài liệu,...

c) Để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học, các em cần lưu ý:

– Xác định mục đích so sánh, đánh giá: Việc so sánh không phải để hướng tới mục đích xem tác phẩm nào có giá trị hơn tác phẩm nào mà để nhận ra những khác biệt, sự đa dạng trong cách nhìn và cảm thụ về đời sống; so sánh để làm rõ vấn đề văn học có trong tác phẩm.

– Xác định nội dung, tiêu chí so sánh.

– Đảm bảo cấu trúc chung của một bài nghị luận văn học, tính chính xác của các dẫn chứng, tính chặt chẽ của các lập luận lô gích và tính hình tượng, biểu cảm của ngôn ngữ,...

– Các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm như sau:

Bước 1	+ Tìm kiếm đối tượng so sánh (với trường hợp người viết phải tự xác định) theo các định hướng: thể loại, phong cách tác giả, khuynh hướng sáng tác, thời điểm sáng tác. + Xác định phạm vi so sánh (giữa hai tác phẩm, hai đoạn trích, hai mô típ,...).
Bước 2	+ Phân tích điểm giống nhau, điểm khác nhau hoặc cả giống nhau và khác nhau giữa hai tác phẩm được so sánh. + Chỉ ra ý nghĩa của sự giống nhau và khác nhau, từ đó giúp người đọc nhận thấy tính độc đáo, đặc sắc riêng của từng tác phẩm.
Bước 3	+ Bình luận, lí giải về nguyên nhân dẫn đến sự giống nhau, sự khác biệt giữa hai tác phẩm. + Rút ra những nhận thức về đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo, quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương,...

1.2. So sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

a) Đọc và tìm hiểu văn bản sau rồi trả lời các câu hỏi bên dưới:

Trong *Lan Trì kiến văn lục*⁽¹⁾, Vũ Trinh⁽²⁾ tiếp thu các mô típ dân gian ở nhiều cấp độ: cốt truyện, nhân vật, tình huống,... Ở cấp độ nào thì người đọc cũng có thể thấy những cố gắng của nhà văn để khẳng định tiếng nói của riêng mình.

(1) Tác phẩm của Vũ Trinh. Theo Nguyễn Đăng Na, đây là tác phẩm cuối cùng của loại hình truyền kì Việt Nam thời trung đại.

(2) *Vũ Trinh* (1759 – 1828): tự là Duy Chu, hiệu là Lan Trì Ngư Giả, danh sĩ, làm quan dưới triều Lê và triều Nguyễn.

Một so sánh về mô típ cốt truyện giữa *Câu chuyện tình ở Thanh Trì* và truyện cổ tích *Trương Chi* sẽ giúp chúng ta thấy rõ dấu ấn sáng tạo của Vũ Trinh khi tiếp nhận những ảnh hưởng của văn học dân gian.

Tương đồng:

Nhân vật	- Nhân vật nam là chàng trai chèo thuyền, nhà nghèo nhưng có giọng hát quyến rũ. - Nhân vật nữ có xuất thân là “lá ngọc cành vàng”.
Tình cảm giữa hai nhân vật chính	- Khởi phát từ người con gái: Cô gái nghe được tiếng hát nên say mê và ốm tương tư. - Tình yêu lỡ làng, dang dở.
Kết thúc tác phẩm	- Một người chết với trái tim hoá đá. - Mối oan tình chỉ được hoá giải bằng giọt nước mắt của người còn lại.

Khác biệt:

	<i>Câu chuyện tình ở Thanh Trì</i>	<i>Trương Chi</i>
Nhân vật	Nhân vật nam (Nguyễn Sinh) có ngoại hình khôi ngô, tuấn tú.	Nhân vật nam (Trương Chi) có ngoại hình xấu xí.
Tình cảm giữa hai nhân vật chính	- Nguyễn Sinh không gặp mặt trực tiếp cô gái. - Nhân vật nữ chủ động đính ước với chàng trai và giữ mối chung tình đến trọn đời. - Tình yêu xuất phát từ hai phía.	- Trương Chi gặp và say mê Mị Nương. - Mị Nương hết tương tư khi nhìn thấy diện mạo xấu xí của Trương Chi. - Tình yêu đơn phương từ Trương Chi.
Trở ngại của tình yêu	Sự ngăn cản của người cha cô gái.	Sự vô tình của Mị Nương.
Kết thúc	Cô gái chết với trái tim hoá đá in bóng hình người tình.	Trương Chi chết với trái tim hoá đá và chỉ Mị Nương mới nhìn thấy bóng một chàng trai chèo thuyền đang hát trong khối đá ấy.

Có thể nhận thấy Vũ Trinh tiếp thu khá rõ cốt truyện cổ tích *Trương Chi*: cũng câu chuyện về tình yêu đầy bất hạnh khởi đầu bằng tiếng hát, kết thúc bằng cái chết và trái tim hoá đá trong nỗi oan tình nhưng Vũ Trinh không kể lại truyện cổ tích. Bằng việc thay đổi một số tình tiết, ông đã mang lại cho tác phẩm của mình một diện mạo mới, một ý nghĩa mới.

Trương Chi là câu chuyện về một tình yêu không thành nhưng lớn hơn là câu chuyện về nỗi cô đơn của con người. Trương Chi đã yêu, một tình yêu định mệnh nhưng lại không gặp được người con gái tri kỉ. Tâm hồn đa cảm ẩn giấu phía sau diện mạo xấu xí, thô kệch không được đón nhận, tình yêu đơn phương đã huỷ diệt sự sống của chàng. Trương Chi chết với trái tim hoá đá, nó đợi đến giọt nước mắt của Mị Nương – giọt nước mắt của hoài niệm, nhắc nhớ, của nỗi ân hận, của sự thấu hiểu – mới tan thành máu.

Câu chuyện tình ở Thanh Trì nghiêng về một vấn đề xã hội và hướng đến những ý nghĩa xã hội. Vũ Trinh kể lại một câu chuyện cụ thể của những con người cụ thể và những bi kịch cũng rất cụ thể. Nhân vật trung tâm của thiên truyện không phải chàng trai chèo đò mà là cô gái với khát vọng tình yêu cháy bỏng nhưng lại gặp phải sự ngăn cản của gia đình. Nàng chết trong chờ đợi mỏi mòn, tuyệt vọng với trái tim hoá đá khắc sâu bóng hình người tình. Kể đầu tiên biết được điều đó không phải là chàng trai đã gieo sầu tương tư mà là người trực tiếp gây ra bi kịch ngang trái dẫn tới cái chết oan nghiệt của nhân vật: cha nàng. Cần đến sự hối hận của người có lỗi để oan tình được chia sẻ nhưng cũng cần đến giọt nước mắt thấu hiểu, yêu thương và đau xót của người tình để oan tình được hoá giải. *Câu chuyện tình ở Thanh Trì*, vì thế, có một kết thúc buồn nhưng ấm áp. Bằng việc khai thác nội dung hiện thực thông qua mô típ chuyện tình Trương Chi, Vũ Trinh quả thực đã đem đến cho câu chuyện cổ tích nổi tiếng một sự tái sinh mới⁽¹⁾.

– Văn bản lựa chọn cấp độ nào để tiến hành so sánh? Việc so sánh dựa trên những tiêu chí nào?

– Việc lập bảng có tác dụng gì trong thao tác so sánh? Xác định hai ý chính trong đoạn văn sau bảng. Hai ý này có quan hệ thế nào với những tiêu chí lập bảng ở trên?

– Những khác biệt nào giữa hai tác phẩm được nêu ra ở văn bản?

b) Văn bản trên có đảm bảo các yêu cầu của một bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện không? Vì sao?

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập^(*): So sánh yếu tố kì ảo trong “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” của Nguyễn Dữ với yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

(*) Trong mục 2. Thực hành của phần *Viết, Nói và nghe*, các bài tập nêu lên chỉ là những ví dụ.

(1) Theo Đỗ Thị Mỹ Phương, *Những motif dân gian trong “Lan Trì kiến văn lục”*, in trong *Hợp tuyển công trình nghiên cứu văn học dân gian và văn học trung đại Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, tác giả hiệu chỉnh năm 2023.

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ văn bản *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* của Nguyễn Dữ và truyện cổ tích *Thạch Sanh*.

– Thống kê yếu tố kì ảo có trong hai văn bản.

– Tìm kiếm yếu tố kì ảo tương tự nhau trong hai văn bản.

– Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời một số câu hỏi như sau:

+ Đối tượng và phạm vi so sánh là gì?

+ Những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm.

+ Hai tác phẩm khác biệt ở những điểm nào?

+ Có thể rút ra những nhận xét, đánh giá như thế nào?

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

Mở bài

Nêu vấn đề cần nghị luận: so sánh yếu tố kì ảo trong *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* và yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích *Thạch Sanh*.

Thân bài

+ Điểm tương đồng, ví dụ: cùng xuất hiện những mô típ như: vong hồn vẫn tồn tại sau khi chết hoặc trong thế giới thần linh cũng có sự phân chia Thiện – Ác.

+ Điểm khác biệt, ví dụ: Truyện *Thạch Sanh* đề cao triết lí sống “ở hiền gặp lành”, kẻ ác phải chịu báo ứng còn tác phẩm *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* đề cao sự cứng cỏi, can đảm của kẻ sĩ, đấu tranh tìm sự công bằng không phải cho mình mà cho người yếu thế.

Kết bài

Khái quát ý nghĩa của vấn đề, ví dụ: Văn học dân gian có vai trò như thế nào với văn học viết? Nhà văn cần tiếp nhận văn học dân gian một cách sáng tạo ra sao?....

c) Viết

Dựa vào dàn ý đã lập, các em viết bài văn hoặc đoạn văn trong phần thân bài.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

– Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở mỗi bước (chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý) để:

+ Kiểm tra về nội dung và hình thức của bài đã viết.

+ Nhận biết các lỗi còn mắc phải và cách chỉnh sửa.

+ Tự đánh giá kết quả viết.

– Việc kiểm tra, chỉnh sửa cần chú ý những yêu cầu sau đây:

Phương diện kiểm tra, đánh giá	Câu hỏi kiểm tra
Nội dung	– Mở bài: Có giới thiệu được khái quát vấn đề nghị luận không? (Ở bài này là so sánh yếu tố kì ảo của một tác phẩm văn học viết trung đại (<i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>) với một truyện cổ dân gian (<i>Thạch Sanh</i>)). – Thân bài: + Đã nêu được các nội dung cụ thể làm rõ cho nội dung khái quát đã nêu ở mở bài chưa? (Ở bài này là những điểm giống và khác nhau của yếu tố kì ảo giữa <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i> và <i>Thạch Sanh</i>). + Bài viết đã đủ ý chưa? Các luận điểm, luận cứ có phù hợp với vấn đề nghị luận nêu trong đề hay không? + Các lí lẽ và bằng chứng có sinh động, đặc sắc, giàu sức thuyết phục không? + Có phát biểu được những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân sâu sắc không? – Kết bài: Đã tổng hợp và gợi mở được vấn đề cần bàn luận trong bài chưa? (Ở bài này là vai trò của truyện cổ dân gian với văn học viết và sự tiếp thu sáng tạo của Nguyễn Dữ với truyện cổ dân gian).
Hình thức	+ Bài viết có đủ ba phần và nội dung (độ dài) các phần có cân đối không? + Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận, nhất là thao tác chứng minh trong khi viết hay chưa? + Bài viết còn mắc những lỗi nào (lỗi về ý, về dùng từ, đặt câu, chính tả, ngữ pháp,...)?
Tự đánh giá	+ Bài viết của em đã đáp ứng được những yêu cầu mà bài viết đặt ra ở mức độ nào? + Phần nào em thấy tâm đắc nhất / có thể đem lại sự hứng thú nhất cho người đọc trong bài viết của mình? Tại sao? + Phần nào em thấy khó khăn nhất khi thực hành viết? Tại sao?

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Viết đoạn văn so sánh hai tác phẩm truyện

a) Cách thức

Xem lại mục 1. *Định hướng* để hiểu rõ thể nào là so sánh hai tác phẩm truyện. Từ đó, tập trung vào rèn kĩ năng viết so sánh thông qua thực hành bài tập.

b) Bài tập

Đọc lại đoạn trích so sánh giữa “Câu chuyện tình ở Thanh Trì” và “Trương Chi” (ý a trong mục 1.2) và phân tích làm sáng tỏ ba điểm cần lưu ý sau:

- *Xác định rõ cấp độ so sánh: đề tài hay cốt truyện, nhân vật, hình ảnh,...*
- *Các dẫn chứng phục vụ cho việc so sánh phải chính xác và cùng cấp độ (cốt truyện với cốt truyện, hình ảnh với hình ảnh, nhân vật với nhân vật,...).*
- *Chỉ ra được ý nghĩa của sự tương đồng hoặc khác biệt giữa hai tác phẩm.*

TRÌNH BÀY VỀ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

1 Định hướng

a) Trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện là người nói thuyết trình về những điểm giống nhau và khác nhau của hai tác phẩm truyện; từ đó nêu nhận xét, đánh giá về giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. Trong thực tế có thể chỉ so sánh điểm giống hoặc điểm khác nhau về nội dung hoặc hình thức nghệ thuật; làm rõ đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo hoặc những điểm chung trong quy luật sáng tạo tiếp nhận văn chương,...

b) Để trình bày hiệu quả về so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, các em cần lưu ý:

- Lựa chọn được những truyện độc đáo, có giá trị để so sánh, đánh giá.
- Vấn đề so sánh phải hấp dẫn, thu hút với người nghe.
- Chuẩn bị được những thông tin đầy đủ về hai truyện.
- Biết sử dụng các phương tiện khác như âm thanh, hình ảnh,... để tạo không khí và cảm xúc cho buổi thuyết trình.

2 Thực hành

Bài tập: So sánh yếu tố kì ảo trong “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” của Nguyễn Dữ với yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

a) Chuẩn bị

- Xem lại nội dung dàn ý của phần *Viết*.
- Tóm tắt bằng sơ đồ / bảng biểu cốt truyện của hai tác phẩm.
- Chuẩn bị các tranh, ảnh; chuẩn bị nội dung trình bày bằng PowerPoint; máy chiếu, màn hình (nếu có).
- Dự kiến trước những vấn đề đem lại sự thích thú cho người nghe và có thể có những câu hỏi tranh luận.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Người thuyết trình xem lại dàn ý đã làm ở phần *Viết*, cân nhắc yêu cầu của bài nói để bổ sung, sắp xếp lại các ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung cần trình bày (không nhất thiết phải theo đúng trình tự của phần *Viết*); hình dung về cách thức thuyết trình.

– Người nghe tìm hiểu về đề tài, chủ đề và nội dung của bài thuyết trình; dự kiến những vấn đề cần làm rõ và các câu hỏi cụ thể.

c) Nói và nghe

Hoạt động nói và nghe cần đảm bảo được các yêu cầu sau:

Người nói	Người nghe
– Nội dung trình bày: + Trình bày nội dung vấn đề rõ ràng, cụ thể theo dàn ý đã chuẩn bị. + Biết tập trung vào trọng tâm, trình bày có lô gích; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề. – Hình thức trình bày: + Bài trình bày có đầy đủ các phần: mở đầu, nội dung chính và kết thúc rõ ràng. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ, các yếu tố phi ngôn ngữ một cách phù hợp. + Có sự sáng tạo trong cách thức trình bày. – Tác phong, thái độ trình bày: + Tự tin, thân thiện, tôn trọng người nghe. + Trình bày và diễn đạt hấp dẫn. + Tốc độ nói vừa phải, có ngữ điệu phù hợp; bảo đảm yêu cầu về thời gian.	– Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. – Ghi lại các thông tin chính của bài trình bày, những nội dung cần hỏi lại và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức trình bày, tình cảm, thái độ của người thuyết trình. – nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung của bài trình bày. – Tôn trọng người thuyết trình; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người thuyết trình.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói	Người nghe
– Rút kinh nghiệm về bài trình bày: + Đã trình bày đầy đủ và phong phú các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? + Có làm rõ được trọng tâm gồm những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm không? + Cách thức trình bày, phong cách, thái độ, giọng điệu, ngôn ngữ,... có phù hợp không? + Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? – Tự đánh giá: + Điều em hài lòng về bài trình bày của mình là gì? + Điều gì em muốn thay đổi trong bài trình bày đó?	– Kiểm tra kết quả nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì,... – Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài trình bày. – Đánh giá: + Bài trình bày của người nói có ưu điểm và hạn chế nào rõ nhất? + Em rút ra được điều gì từ bài trình bày của người nói?

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Hai côi U Minh

(Trích)

Nơi giáp giới làng Đông Thái và làng Vĩnh Hoà ở U Minh, có người còn gìn giữ một di tích lạ lùng: một manh áo đen bạc màu, cất giấu cẩn thận trong cái hộp bằng cây.

Nắp hộp ít khi mở ra cho ai xem vì chủ nhân cho rằng làm vậy thì xúc phạm tới vong hồn người từng mặc chiếc áo đó. Có từ trăm năm về trước.

Nhân lúc cao hứng, chúng tôi xem qua manh áo nọ rồi thò tay sờ thử. Chủ nhân vội vã gạt tay chúng tôi ra, đẩy nắp hộp lại và nói:

– Đừng xúc phạm. Nó quý hơn ngọc ngà châu báu, nó linh thiêng hơn cái sắc thần ở đình làng.

[...] Rồi chủ nhân kể lại câu chuyện nghe qua thì hơi li kì, nhưng găm⁽¹⁾ lại cũng thông thường, có thể xảy ra.

(Lược một phần: Khi đó U Minh là vùng đất hoang sơ. Đất ở mé biển, ven bờ là của ông Tổng Bá – một điền chủ độc ác, muốn có đất mới chỉ mở về phía rừng. Ngày ấy, mọi người rất sợ cọp. Cai Thoại đến và bắt đầu chinh phục cọp. Lần đầu, Cai Thoại thò tay lấy khúc xương mắc trong họng cọp. Lần thứ hai, Cai Thoại giúp con cọp bị thương nặng có được thức ăn... rồi cọp tự bỏ đi. Làng xóm bắt đầu được hình thành... nhưng cọp vẫn còn đó. Đoạn trích sau đây kể tiếp chuyện về Cai Thoại).

Nhưng, ông cọp thỉnh thoảng lại đến đòi ăn, vấn đề thật nan giải. Chẳng lẽ cả bọn thay phiên nhau săn heo rừng để cúng cho cọp. Vài người đưa ý kiến:

– Xin ông trở tài, giết hoặc đuổi ổng qua xứ khác.

Ông đáp:

– Anh em chưa trở thành điền chủ mà đã lười biếng, sanh tẻ⁽²⁾. Nếu giết con này, biết đâu còn con nữa ở trong rừng sâu chạy tới. Đuổi nó đi, tức là gieo tai hoạ cho người lân cận. Rủi mai chiều, tôi mắc dịch, mắc gió⁽³⁾ chết thì chẳng lẽ anh em bỏ xóm?

– Ông nói chí lí. Chúng tôi sợ lẩn hời⁽⁴⁾ cọp về xóm để ăn heo nhà, trâu nhà.

Vài ngày sau, ông Cai nài nỉ:

– Ráng săn con heo rừng hay con nai giùm cho tôi, lẩn chót.

Ông Cai nhặt cái đuôi heo trao cho anh chàng cảm tử hôm trước:

(1) *Găm*: ngấm, suy ngấm.

(2) *Sanh tẻ*: sinh ra thói xấu.

(3) *Mắc dịch, mắc gió*: bị dịch bệnh, trúng gió.

(4) *Lẩn hời*: dãn dãi, thay đổi từ từ theo thời gian.

– Đi theo tôi.

Ra khỏi xóm chừng mười công⁽¹⁾ đất, ông bảo anh ta đứng một chỗ. Ông chạy vào rừng sâu, khi trở về có con cạp già leo đèo phía sau.

Anh nọ xám mặt:

– Trời ơi! Làm sao tôi đốn tre bút mây làm cần câu cho kịp?

Ông nghiêm mặt:

– Trận này mới biết thắng bại. Chú mày đứng yên một chỗ. Có tôi đây. Nhưng mà chú mày cứ coi như là tôi vắng mặt.

Cạp tới trước mặt anh nọ. Anh ta lúnh quính, đem cái đuôi heo rừng mà giấu sau mông.

Ông Cai nói:

– Được rồi! Đứng im! Hễ chạy là cạp ăn thịt anh liền. Mọi khi tôi kêu bằng “chú em”, hôm nay tôi kêu bằng “anh”. Anh chạy trốn thì mọi người chạy theo, về xóm của Tổng Bá để ăn mày.

Cạp dừng bước, lè lưỡi, cúi đầu, rồi từ phía sau lưng anh nọ, nó bước chậm rãi từng bước.

Ông Cai nói từng chập:

– Anh coi chừng, nó lại gần tôi. Đừng day mặt, nó khinh dễ⁽²⁾. Nó tới sát đó. Nó muốn ăn cái đuôi heo rừng. Hễ nó tấp⁽³⁾ là buông tay ra.

Cạp tấp đuôi heo, quay mặt, chạy tuốt. Ông Cai trố mắt. Anh nọ như chết đứng tại chỗ.

Ông cười to:

– Đã là anh hùng thì phải tỉnh táo về nhà nhậu cho vui chớ. Đứng đó một mình, ổng trở lại. Cám ơn anh. Xong xuôi rồi. Gửi lời thăm bà con trong xóm. Tôi đi đây.

Anh nọ như tỉnh giấc chiêm bao:

– Ông Cai đi đâu?

Ông Cai đã khuất dạng.

Và từ đó về sau, chẳng ai gặp ông nữa.

Dân chúng xóm biển lần hồi bỏ Tổng Bá, lên U Minh Thượng lập nghiệp. Xóm biển trở nên vắng vẻ, nhiều người ra tận hải đảo như Hòn Tre, hòn Sơn Rái, theo nghiệp chài lưới. Mỗi lần ra chợ hầu quan chủ tỉnh Lang Sa⁽⁴⁾, Tổng Bá không còn đốt pháo làm hiệu lệnh nữa: đốt vô ích, chỉ lơ thơ vài người chạy tới. Tổng Bá muốn

(1) *Công*: đơn vị dân gian đo diện tích ruộng đất ở Nam Bộ, bằng khoảng 1/10 hoặc 1/7 hecta, tùy theo vùng.

(2) *Khinh dễ*: coi thường.

(3) *Tấp*: ngoạm, đớp mạnh, nhanh bằng miệng há rộng.

(4) *Lang Sa*: nước Pháp (theo cách gọi cũ).

thợ về xây nhà, làm hàng rào kiên cố mặc dầu tiền bạc ông ta chẳng còn bao nhiêu. Ông ta hút á phiện⁽¹⁾ để giải sầu, đêm đêm thức từng chập khi nghe chuột chạy, để kêu. Sợ ăn cướp, sợ ma.

Vùng đất hoang ở U Minh Thượng đã nở rộ câu hò tiếng hát. Bà Cai chẳng hiểu chồng mình dạo chơi phương nào. Bà muốn lập bàn thờ, nhưng dân chúng ngăn cản vì chưa có bằng cứ gì chứng tỏ ông Cai đã chết. Đôi khi cọp về viếng xóm, có người đến nhà bà Cai để cầu cứu. Bà nói:

– Nhà tôi để lại cái áo rách đây! Anh em mặc thử xem. Có lẽ cọp còn nhớ mùi mồ hôi quen thuộc của ông.

Họ mặc áo của ông Cai, quát to cổ ý cho cọp nghe. “Đi ra xa! Thử hử⁽²⁾ mồ hôi thì biết ta là ai!”. Thế là cọp rút lui. Lần hồi, chiếc tàn y nọ rách nát. Người đi rừng bèn xưng danh hiệu, vẫn tắt:

– Tao là Cai Thoại đây!

Mười lần như một, cọp đều chạy trốn.

Vài chục năm sau, tin rằng ông Cai đã chết, mấy ông kì lão⁽³⁾ trong xóm bàn bạc, muốn hùn⁽⁴⁾ tiền cất ngôi miếu nhỏ thờ ông. Nhưng vừa hùn tiền xong lại nghe tin ông Cai Thoại còn sống nhẩn⁽⁵⁾. Bằng cứ là đêm đêm, người đi bắt trăn giữa rừng đã gặp ông thấp thoáng bên đồng lửa, trong sương mù, kể bên có con cọp bạch quỳ xuống chầu chực. Lời đồn đại còn kèm thêm chi tiết: Ông Cai ngồi, uống rượu, thỉnh thoảng vỗ vai cọp, nói tiếng gì, không ai nghe được, nhưng cọp gật đầu.

(SƠN NAM, in trong *Biển cỏ miền Tây*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004)

1. Đoạn tóm tắt in nghiêng của văn bản có tác dụng gì?

- A. Giúp người đọc hình dung được bối cảnh câu chuyện
- B. Giúp người đọc hiểu quan hệ giữa Tổng Bá và lũ cọp
- C. Giúp người đọc hình dung được vùng đất U Minh ngày nay
- D. Giúp người đọc hiểu mối quan hệ của Cai Thoại và Tổng Bá

2. Dòng nào sau đây nêu nội dung chính của văn bản?

- A. Truyện kể về việc cọp hoành hành xóm mới, bắt trâu bò, lợn gà...
- B. Truyện kể về Tổng Bá ức hiếp người dân nhưng rất sợ Cai Thoại
- C. Truyện viết về Cai Thoại chinh phục cọp và giai thoại về ông
- D. Truyện tả cảnh dân làng bỏ Tổng Bá kéo lên U Minh Thượng lập nghiệp

(1) *Á phiện*: thuốc phiện.

(2) *Hử*: ngừi.

(3) *Kì lão*: người già cả.

(4) *Hùn*: góp chung lại để làm việc lớn.

(5) *Sống nhẩn*: nghĩa là vẫn còn sống khoẻ.

3. Truyện được kể từ điểm nhìn nào?
- A. Ông Tổng Bá – điển chủ đất ven bờ U Minh
 - B. Người kể chuyện, tự xưng là “chúng tôi”
 - C. Vợ ông Cai Thoại
 - D. Tổng Bá và Cai Thoại
4. Nguyên nhân nào khiến cho truyện có màu sắc vừa hư vừa thực?
- A. Câu chuyện li kì, như là những truyện thần thoại, truyền thuyết
 - B. Câu chuyện có thực từ thuở con người mở mang vùng U Minh
 - C. Câu chuyện nhằm tố cáo bọn chủ đất vùng U Minh ngày xưa
 - D. Quá trình mở đất U Minh được kể bằng câu chuyện có nhiều yếu tố kì lạ, kì ảo
5. Ý nào sau đây nêu lên giá trị nhận thức của truyện *Hai côi U Minh*?
- A. Giúp người đọc hiểu về cuộc sống và con người thời mới mở vùng đất U Minh
 - B. Giúp người đọc yêu mến và trân trọng con người thời mới mở vùng đất U Minh
 - C. Giúp người đọc có những rung động, khoái cảm về vẻ đẹp của vùng đất U Minh
 - D. Giúp người đọc có được niềm vui khi tham quan và khám phá vùng đất U Minh
6. Nêu tác dụng của yếu tố kì ảo được tác giả sử dụng trong truyện.
7. Hãy chỉ ra phẩm chất và tính cách nhân vật Cai Thoại qua một số từ khóa.
8. Nhận xét khái quát về ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật trong truyện.
9. Hãy nêu thông điệp được tác giả Sơn Nam gửi gắm trong *Hai côi U Minh* bằng một hoặc hai câu.
10. Chi tiết nào trong truyện *Hai côi U Minh* để lại ấn tượng sâu sắc nhất với em? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm các tác phẩm có yếu tố kì ảo trong văn học trung đại và hiện đại của những tác giả mà em đã được học.
2. Tìm đọc những tác phẩm về đề tài thiên nhiên, sinh thái. Ghi lại những suy nghĩ và cảm nhận của em khi đọc tác phẩm đó.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của nhật kí, phóng sự, hỏi kí như tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm của người viết,... trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng, thông điệp của tác phẩm. Đánh giá được tác động của tác phẩm đối với người đọc và xã hội.
- ▶ Phân biệt và biết cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong giao tiếp.
- ▶ Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
- ▶ Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- ▶ Kính trọng và biết ơn những người có công với đất nước; sống nhân ái, có lí tưởng và ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia, về tương lai của dân tộc.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Nhật kí, phóng sự, hỏi kí

Nhật kí, phóng sự, hỏi kí là những tiểu loại của thể loại kí nhưng có những yếu tố đặc trưng riêng.

– Nhật kí ghi chép theo thứ tự ngày tháng về những sự kiện của đời sống mà tác giả là người trực tiếp tham gia hay chứng kiến; thường bộc lộ suy nghĩ, thái độ và đánh giá của người viết về con người, cuộc đời và chính bản thân mình.

– Phóng sự ghi chép kịp thời, cụ thể những sự việc, con người nhằm làm sáng tỏ trước công luận về vấn đề đặt ra từ bài viết. Vấn đề nêu lên trong bài phóng sự thường liên quan đến hoạt động và số phận của một hoặc nhiều người, có ý nghĩa thời sự đối với xã hội. “Là một thể loại phi hư cấu, phóng sự còn mang yếu tố chính luận: câu chuyện kể về các sự kiện được xen kẽ với những suy nghĩ và bình luận ngoại đề của tác giả. Đặc biệt, chủ kiến của nhà văn bộc lộ rõ trong phóng sự văn học.”^(*)

(*) Dẫn theo Huỳnh Như Phương, *Tác phẩm và thể loại văn học*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2021.

– Hồi kí ghi lại những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến. Do sự cách quãng của thời gian diễn ra sự kiện nên hồi kí không ghi chép tỉ mỉ hằng ngày như nhật kí mà chỉ ghi chép dựa trên ấn tượng và hồi ức của cá nhân người viết. Dù là những ghi chép cá nhân nhưng hồi kí cần bảo đảm tính khách quan, chính xác về sự kiện, nhân vật, thời gian, địa điểm,... Hồi kí của những nhân vật có vị trí xã hội (nhà hoạt động chính trị, nhà khoa học, nhà văn lớn, nghệ sĩ nổi tiếng,...) là những tư liệu lịch sử quý giá, có ý nghĩa và tác động xã hội rất lớn,...

2. Tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật trong nhật kí, phóng sự, hồi kí

Với nhiệm vụ ghi chép những sự kiện xác thực của đời sống, cả nhật kí, phóng sự và hồi kí đều có sự kết hợp giữa tính phi hư cấu với một số thủ pháp nghệ thuật như miêu tả, trần thuật,... Tính phi hư cấu của tác phẩm thể hiện ở những sự kiện có thực (về thời gian, địa điểm, số liệu,...) mà người viết đã trực tiếp tham gia hay chứng kiến. Thủ pháp nghệ thuật miêu tả kết hợp với trần thuật giúp sự kiện và con người trong tác phẩm hiện lên sinh động. Sự kết hợp giữa chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết khiến nhật kí, phóng sự và hồi kí không chỉ làm tròn chức năng thông tin mà còn chứa đựng tư tưởng. Đọc nhật kí, phóng sự, hồi kí, ta không chỉ thấy được sự kiện mà còn biết những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, hiểu được về hoàn cảnh, tính cách và số phận nhân vật.

Ở thể loại nhật kí, người viết thường ghi lại sự kiện, cảm nghĩ của cá nhân “vừa mới xảy ra”, thường sử dụng hình thức trần thuật ngôi thứ nhất, số ít. Nhật kí là thể loại độc thoại, song lời độc thoại của tác giả hoặc nhân vật lại có thể là cuộc đối thoại ngầm với người khác về con người, cuộc đời và chính bản thân mình. Ví dụ: *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* là những dòng ghi chép hằng ngày về cuộc sống nơi tuyến đầu chống Mỹ cứu nước của nữ bác sĩ Đặng Thuỳ Trâm. Nhật kí *Một lít nước mắt* cũng là những dòng ghi chép chân thực, xúc động về cuộc sống và suy nghĩ của Ki-tô A-ya – một nữ sinh trung học phổ thông người Nhật Bản mắc bệnh nan y.

Ở thể loại phóng sự, người viết thường bám sát hiện thực đời sống, phát hiện những sự việc, vấn đề gay gắt, có ý nghĩa thời sự để điều tra, phỏng vấn, đối thoại, ghi chép,... nhằm cung cấp cho công chúng những bằng chứng xác thực, cụ thể để họ có thể đánh giá đúng người và việc mà họ đang quan tâm theo dõi. Ví dụ: Trong phóng sự *Khúc tráng ca nhà giàn*, tác giả Xuân Ba đã ghi chép một cách chân thực, cảm động về cuộc sống khó khăn, gian khổ, nhiều mất mát, hi sinh và cũng rất tự hào của những cán bộ, chiến sĩ trên các nhà giàn ở quần đảo Trường Sa.

Ở thể loại hồi kí, người viết thường kể lại những sự kiện dựa trên ấn tượng, hồi ức của cá nhân và chính những ấn tượng, cảm tưởng trực tiếp của tác giả lại có giá trị như một tài liệu xác thực, đáng tin cậy. Ví dụ: Trong hồi kí *Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử*, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại toàn bộ diễn biến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, trong đó có “Quyết định khó khăn nhất” về phương châm tác chiến mà ông đã thực hiện.



NHẬT KÍ ĐẶNG THUỶ TRÂM

(Trích)

ĐẶNG THUỶ TRÂM(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(**)

– Khi đọc hiểu văn bản nhật kí, các em cần chú ý:(***)

+ Tính xác thực của việc ghi chép hằng ngày được biểu hiện ở những yếu tố nào?
Sự trải nghiệm của người viết đem lại hiệu quả gì cho văn bản?

+ Văn bản sử dụng hình thức trần thuật ở ngôi thứ mấy? Chi tiết nào của văn bản gây ấn tượng đối với người đọc?

+ Văn bản gửi gắm tư tưởng, tình cảm gì của người viết? Điều ấy có liên quan như thế nào đến cuộc sống hiện nay?

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh của đoạn trích:

Đặng Thuỷ Trâm sinh năm 1942 trong một gia đình trí thức ở Hà Nội. Tốt nghiệp Đại học Y Hà Nội năm 1966, chị xung phong vào công tác ở chiến trường miền Nam trong những năm khốc liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được phân công phụ trách một bệnh viện ở huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, chuyên điều trị cho các thương bệnh binh. Ngày 22-6-1970, trong một chuyến công tác, chị bị địch phục kích và anh dũng hi sinh khi chưa đầy 28 tuổi.

Nhật kí Đặng Thuỷ Trâm là tập nhật kí được tác giả viết từ năm 1968 đến 1970. Đó là những dòng ghi chép chân thực về cuộc sống hằng ngày nơi tuyến đầu chống đế quốc Mỹ, về nỗi đau của dân tộc Việt Nam trong chiến tranh và cả ước mơ, khát khao cháy bỏng ngày đất nước hoà bình để tác giả được trở về với gia đình, với Hà Nội thân yêu.

Văn bản dưới đây trích từ *Nhật kí Đặng Thuỷ Trâm*.

(*) Đặng Thuỷ Trâm (1942 – 1970), quê ở Thừa Thiên Huế.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản nhật kí khác trong Bài 2, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

20.7.1968⁽¹⁾

① Những ngày bận rộn công tác dồn dập, thương nặng⁽²⁾, người ít, mọi người trong bệnh xá đều hết sức vất vả. Riêng mình, trách nhiệm càng nặng nề hơn bao giờ hết, mỗi ngày làm việc từ sáng tinh mơ cho đến đêm khuya.

Công việc hằng ngày của bác sĩ Đặng Thùy Trâm có gì đặc biệt?

Khối lượng công việc quá lớn mà người không có nên một mình mình vừa phải phụ trách bệnh xá, vừa lo điều trị, vừa giảng dạy⁽³⁾. Vô cùng vất vả và cũng còn nhiều khó khăn trong công việc, nhưng hơn bao giờ hết mình cảm thấy rằng mình đã đem hết tài năng, sức lực của mình để cống hiến cho cách mạng. Đôi mắt người thương binh hôm nào đau nhức tưởng như bỏ hôm nay cũng đã sáng lại một phần. Cánh tay anh bộ đội sưng phù đe dọa chảy máu bây giờ cũng đã lành lặn. Những cánh tay xương gãy rời cũng đã liền lại,... Đó chính là nhờ sức lực của mình và những người y tá đêm ngày lăn lộn trong công tác bên giường bệnh.

Và với những học sinh, mình cũng đã đem lại những điều quý giá trong lí luận về y học. Mình đến với lớp không phải chỉ vì tinh thần trách nhiệm mà bằng cả tình thương của một người chị đối với những đứa em đã chịu biết bao thiệt thòi đau khổ vì bọn bán nước nên không tìm đến với khoa học được. Thương biết mấy những Thuận, những Liên, những Luận, Xuân, Nghĩa mỗi người một hoàn cảnh nhưng đều rất giống nhau: rất ham học, rất cố gắng để đạt mức hiểu biết cao nhất. Thuận mới vừa khóc cha chết, hai chiếc tang còn nặng trên ngực nhưng nụ cười đã trở lại trên đôi môi nhợt nhạt – Thuận đã hát, đã cười, đã sôi nổi thảo luận, nhìn Thuận mình biết bao mến thương và cảm phục.

(1) Chỉ ngày, tháng, năm. Nguyên văn trong nhật kí ghi là 20.7 [68].

(2) *Thương nặng*: ý nói nhiều chiến sĩ bị thương rất nặng (thương binh nặng).

(3) Ngoài việc điều trị bệnh nhân, Đặng Thùy Trâm còn phụ trách các lớp đào tạo ngắn hạn cho các y tá để bổ sung cho mạng lưới y tế cách mạng ở các xã.

Liên vừa lo học vừa lo làm việc trong bệnh xá. Liên lặn lội trong mọi công việc từ sớm đến tối như một con chim nhanh nhẹn, vui cười đi đầu trong mọi gian khổ – đó cũng là một hình ảnh mà mình cần học tập.

Kể làm sao cho hết những người anh hùng vô danh mà mảnh đất miền Nam đau thương khói lửa này đã tạo nên họ. [...]

1.1.1970

2 Thêm một tuổi đời, vậy là cái tuổi ba mươi đầu còn xa nữa. Vài năm nữa thôi mình sẽ trở thành một chị cán bộ già dặn, đứng đắn. Nghĩ đến đó mình thoáng thấy buồn. Tuổi xuân của mình đã qua đi trong lửa khói, chiến tranh đã cướp mất hạnh phúc trong tình yêu và tuổi trẻ. Ai lại không tha thiết với mùa xuân, ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và trên đôi môi căng mọng khi cuộc đời còn ở tuổi hai mươi? Nhưng... tuổi hai mươi của thời đại này đã phải dẹp lại những ước mơ hạnh phúc mà lẽ ra họ phải có... Ước mơ bây giờ là đánh thắng giặc Mỹ, là Độc lập, Tự do của đất nước. Từ ước mơ đó mới có được những gì gọi là của riêng mình. Mình cũng như những thanh niên khác đã lên đường ra tiền tuyến, và tuổi trẻ qua đi giữa tiếng bom rơi đạn nổ. Tuổi trẻ của mình đã thấm đượm mồ hôi, nước mắt, máu xương của những người đang sống và những người đã chết. Tuổi trẻ của mình đã cứng cáp trong thử thách gian lao của chiến trường, tuổi trẻ của mình cũng đã nóng rực vì ngọn lửa căm thù đang ngày đêm hun đốt. Và gì nữa, phải chăng mùa xuân của tuổi trẻ cũng vẫn thấm đượm thêm vì màu sắc của mơ ước và yêu thương vẫn ánh lên trong những đôi mắt nhìn mình? Một đôi mắt đen thâm quầng vì thức đêm nhưng bao giờ đến với mình cũng là niềm vui và sôi nổi. Một đôi mắt long lanh dưới hàng mi dài cũng vậy, bao giờ cũng đến với mình tha thiết tin yêu. Và đôi mắt tinh ranh của một người bạn gái nhìn mình như hiểu hết, như trao hết niềm tin. Th.⁽¹⁾ ơi! Đó phải chăng là hạnh phúc mà chỉ Th. mới được hưởng mà thôi? Hãy vui đi, hãy giữ trọn trong lòng niềm mơ ước và để màu xanh của tuổi trẻ ngời rạng mãi trong đôi mắt và nụ cười nghe Thuý! [...]

Chú ý suy nghĩ và ước mơ của tác giả.

19.5.1970

3 Được thư mẹ... mẹ của con ơi, mỗi dòng chữ, mỗi lời nói của mẹ thấm nặng yêu thương, như những dòng máu chảy về trái tim khao khát nhớ thương của con. Ôi! Có ai hiểu lòng con ao ước được về sống giữa gia đình, dù chỉ là giây lát đến mức nào không? Con vẫn hiểu điều đó từ lúc bước chân lên chiếc ô tô đưa con vào con đường bom đạn. Nhưng con vẫn ra đi vì lí tưởng. Ba năm qua, trên từng chặng đường con bước, trong muôn vàn âm thanh hỗn hợp của chiến trường, bao giờ cũng có một âm thanh dịu dàng, tha thiết mà sao có một âm lượng cao hơn

Chú ý tình cảm của tác giả đối với gia đình và quê hương.

(1) Th.: tức Thuý, tên thân mật của Thuý Trâm dùng trong gia đình.

tất cả mọi đạn bom sấm sét vang lên trong lòng con. Đó là tiếng nói của miền Bắc yêu thương, của mẹ, của ba, của em, của tất cả. Từ hàng lim xào xạc trên đường Đại La, từ tiếng sóng sông Hồng dào dạt vỗ đến cả âm thanh hỗn tạp của cuộc sống thủ đô vẫn vang vọng trong con không một phút nào nguôi cả.

Biết bao lần trong giấc mơ con trở về với Hà Nội, con trở về giữa vòng tay êm ả của ba má, trong tiếng cười trong trẻo của các em và trong ánh sáng chan hoà của Hà Nội. Xa nhà ba năm, năm năm hay bao lâu đi chăng nữa chắc rằng cũng không có gì khác trong tình nhớ thương của con. [...]

Con vẫn là một chiến sĩ trong cuộc chiến đấu này. Định càn lên, súng nổ rần rần, con vẫn cười, bình tĩnh ra công sự. Định tập kích vào căn cứ, vừa chạy địch có đêm phải ngủ rừng con cũng vẫn cười, nụ cười vẫn nở ngay cả khi tàu rọ và HU-1A⁽¹⁾ quăng rốc-két (rocket)⁽²⁾ xuống ngay trên đầu mình... Vậy mà khi nghĩ đến gia đình, đến những người thân yêu trên cả hai miền, lòng con xao xuyến xót xa và cũng có những lúc, những giọt nước mắt thấm mặn yêu thương chảy tràn trên đôi mắt của con.

(*Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2009)



1. Văn bản trên gồm ba phần, được trích từ ba đoạn khác nhau của *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* nhưng giữa chúng vẫn có mạch lô gích gắn kết nội dung. Em hãy nêu nội dung của từng phần và chỉ ra mạch lô gích gắn kết đó.

2. Hãy chỉ ra những sự kiện và suy nghĩ của tác giả được thể hiện trong từng phần văn bản và nêu nhận xét của em về chủ thể trần thuật. Thực hiện theo bảng sau:

Ngày	Sự kiện	Suy nghĩ của tác giả	Nhận xét của em về chủ thể trần thuật

3. Tính phi hư cấu của đoạn trích *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* được thể hiện ở những yếu tố nào? Điều đó có tác dụng gì đối với nội dung của văn bản?

4. Hãy chỉ ra một đoạn văn có sự kết hợp thủ pháp miêu tả với trần thuật trong văn bản. Việc sử dụng kết hợp các thủ pháp đó có tác dụng gì?

5. Em có suy nghĩ và cảm xúc gì sau khi đọc văn bản? Chi tiết nào trong văn bản để lại ấn tượng đặc biệt đối với em? Vì sao?

6. Theo em, văn bản trên có ý nghĩa như thế nào đối với thế hệ trẻ ngày nay?

(2) *HU-1A*: một loại máy bay trực thăng quân sự đa năng được quân đội Mỹ sử dụng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

(3) *Rốc-két*: một loại đạn phản lực.



KHÚC TRẮNG CA NHÀ GIÀN

XUÂN BA^(*)

1 Chuẩn bị

- Đọc lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.
- Khi đọc hiểu văn bản phóng sự, các em cần chú ý:
 - + Văn bản viết về vấn đề gì?
 - + Những thông tin xác thực được điều tra, ghi chép,... của văn bản nhằm mục đích gì?
 - + Chi tiết nào của văn bản gây ấn tượng đối với em? Vì sao?
 - + Sự kết hợp thủ pháp miêu tả với trần thuật của văn bản có tác dụng gì?
 - + Vấn đề tác giả nêu trong văn bản có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội và bản thân em?
- Đọc trước văn bản *Khúc trắng ca nhà giàn*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Xuân Ba.

2 Đọc hiểu



Nhà giàn Ba Kê (Ảnh: toquoc.vn)

1 Con tàu xé sóng lách màn đêm vào khu vực Ba Kê⁽¹⁾.

Đồng hồ chỉ 4 giờ sáng. Đại tá Chấn khoát một vòng tay về phía mông lung đen ngòm nói rằng nếu ban ngày

Chú ý bối cảnh của chuyến đi.

(*) Xuân Ba sinh năm 1954, quê ở Thanh Hoá.

(1) *Ba Kê*: bãi đá ngầm thuộc phía nam quần đảo Trường Sa, nơi xây dựng nhà giàn và hải đăng (đèn biển) giúp cho tàu thuyền xác định vị trí.

sẽ thấy sắc nước đại dương không thẫm đen mà là màu nước hển. Dần dà chút nữa sẽ chuyển sang màu lam. Những sắc độ mà đại tá Chấn vừa nói ấy là chỉ dấu của độ sâu thêm lục địa. Độ thẫm đậm xanh đen là khoảng sâu hun hút từ ngàn thước nước trở lên. Sắc lơ dờ nước hển kia cỡ vài chục mét. Còn sắc lam bằng mắt thường có thể thấy những rặng san hô trĩu trĩu với nhiều sắc độ bắt mắt. Những bãi san hô mênh mông ít cũng là chục cây số vuông, nhiều thì hàng chục, cá biệt có tới cỡ trăm ki-lô-mét vuông và không đâu thì cuối hoặc ở giữa thể nào cũng nhô lên, tùy theo môn thủy triều một khoảng đá san hô cỡ vài chục mét mà bây giờ ta vẫn quen gọi là đảo chìm⁽¹⁾. Thi sĩ Trần Đăng Khoa thực và ảo khi viết về hiện trạng ấy bằng những câu rất gọi: *“Đảo tự giấu mình trong màu nước lam xanh / Cái giọt máu thiêng dưới ngầu ngầu bọt sóng / Tổ quốc ơi! Tiếng chúng tôi kêu lên mà mắt chúng tôi nhìn xuống...”*^(*). Đảo chìm chỉ là phần nhỏ nhoi của *tảng băng san hô* khổng lồ. Những nước phát triển như Nhật Bản chẳng hạn vớ được những dạng đảo chìm như thế quá bằng vớ được kim cương. Một hệ thống đài cọc hàng chục, hàng trăm mét sẽ xuyên sâu xuống lớp san hô. Rồi giăng rịt với hệ thống đài cọc ấy là liên kết những loại vật liệu hiện đại chịu mặn lẫn chịu nhiệt, chịu được cả động đất. Đó chính là hệ thống móng để đỡ những thành phố nổi, những sân bay trên biển thênh thang như cỡ Kan-sai⁽²⁾ ở Nhật. Xung quanh những thành phố, những sân bay trên biển ấy chỉ là biển suông thôi chứ chưa nói quanh những đảo chìm, những bãi san hô của Trường Sa có vô vàn chỉ dấu của dầu khí thì còn quý giá, còn đặc địa đến dường nào! Viết đến đây trong tôi lại ập về cảm giác kính phục trước tầm biệt nhỡn⁽³⁾ của tướng Giáp Văn Cương⁽⁴⁾. Nếu không mưu trí chủ động trong việc giữ đảo giữ biển thì thời điểm cam go nhạy cảm 21 năm trước rất nhiều đảo chìm của Việt Nam sẽ rơi vào tay của những thế lực thù địch. Vậy nên bao năm nay, trên hàng chục đảo chìm ấy, đội hình của lính thủy quân vùng IV⁽⁵⁾ đã lần lượt thay phiên nhau mà trấn giữ. [...] Cái nơi mà những năm cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI này, những người lính đảo chài chài⁽⁶⁾ ngày đêm từng giữ gìn nâng niu *“Cái giọt máu thiêng dưới ngầu*

Giá trị ẩn trong đảo chìm là gì?

(*) Trích bài thơ *Đồng đội tôi trên đảo Thuyền Chài* của Trần Đăng Khoa.

(1) *Đảo chìm*: đảo có diện tích nhỏ, lúc thủy triều lên bị chìm trong nước biển khiến đảo nằm giữa bốn bề sóng nước.

(2) *Sân bay Kan-sai*: sân bay quốc tế hiện đại của Nhật Bản được xây dựng trên đảo nhân tạo ở giữa vịnh Ô-sa-ka (Osaka).

(3) *Biệt nhỡn*: cái nhìn (tầm nhìn) đặc biệt.

(4) *Giáp Văn Cương* (1921 – 1990): Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Tư lệnh Quân chủng Hải quân, người đầu tiên của Hải quân được phong hàm Đô đốc.

(5) *Vùng IV*: Bộ Tư lệnh tác chiến Hải quân bảo vệ quần đảo Trường Sa.

(6) *Chài chài*: ý nói chịu đựng nhiều vất vả, gian truân.

ngầu bọt sóng” ấy! Không chỉ có mồ hôi và sức trẻ hoà cùng biển mặn. Còn là máu! Máu của nhiều lính thủy Việt đã tưới xuống những rặng san hô Ba Kè này.

Khu vực Ba Kè không cồn⁽¹⁾, không nhô lên những mồm để tạo nên thứ đảo chìm nhưng đã tạo ra một độ sâu vừa phải cho phép dựng những chòi canh lênh khênh trên đó mà bây giờ ta quen gọi là nhà giàn. Bao nhiêu nhà giàn, tôi có con số nhưng chả biên ra đây mà chỉ biết rằng từ vị trí nọ đến vị trí kia trên khoảng biển bao la của thềm lục địa, các vị trí nhà giàn xây lưng lại với nhau, vây bọc nhau, đủ sức tạo thành thế trận để giữ cho chủ quyền đất nước những khoảng san hô quý giá mà tiềm ẩn quanh đó là những mỏ dầu, túi khí. Không xa nhà giàn phía trong kia là lênh khênh những giàn khoan của những Bạch Hổ, những Đại Hùng⁽²⁾.

Khu vực Ba Kè có gì đặc biệt?

2 Biển đã tờ mờ. Tôi cứ dõi mãi cặp mắt đã nhập nhèm vào cái đốm sáng chiếu ra từ chòi lênh khênh kia. Khoảng biển giữa con tàu chúng tôi tới cái chòi tí mù kia sáng nay tự dưng sóng dồi lắc một cách dữ dằn. Bây giờ là xi măng cốt sắt, là sàn tường bê tông nhưng hơn mười, mười lăm năm trước, những căn chòi canh biển ấy kém kiên cố và xây cất không được hiện đại như bây giờ.

Chú ý nội dung phần **2**.

Thử tưởng tượng một tiểu đội loanh quanh trên cái sàn diện tích hơn 50 mét vuông quanh năm suốt tháng ngó lên là trời, trông ngang là nước. Định kì tiếp tế, có thời điểm tàu ra sóng lớn xuống không cập vào chòi được. Bên tàu ngó sang bên chòi mà rung rung nước mắt. Liệu tình cảnh ấy lần này có lặp lại không?

Danh sách vào chòi đã được xướng lên qua loa phát thanh. Không thấy tên tôi. Đúng hơn là không có một nhà báo nào được vào nhà giàn cả! Chủ nhiệm Chính trị đại tá Chấn xua như xua tà những anh mè nheo⁽³⁾ đòi vào nhà giàn rằng sóng lớn quá rất nguy hiểm!

“*Tại sao anh đi được?*”. Đại tá Chấn thoăn thoắt mặc áo phao, đang cẩu nhưng phì cười “*các nhà báo khác, chúng tôi khác...*”. Cái khác ấy là con xuống thả xuống hết như chiếc lá dềnh lên trụt xuống khùng khiếp, khác hẳn những lần chúng tôi cập xuống vào đảo. Dường như biển không chấp nhận thứ để đùa cùng sóng lớn là chiếc xuống bé tèo tèo này.

(1) *Cồn*: dải dồi cát do tác động của gió tạo thành.

(2) *Bạch Hổ, Đại Hùng*: chỉ những giếng khoan khai thác dầu trên Biển Đông của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(3) *Mè nheo*: nói nhiều và dai dẳng để nài xin.

Bộ phận công tác trên tàu hội ý hay đợi để bớt sóng hăng vào? Nhưng số đông gay gắt rằng theo kinh nghiệm cơ mầu⁽¹⁾ này sóng còn duềnh cả ngày chứ chả thể bớt, vậy nên chỉ có hai tình huống: một là không vào nhà giàn nữa, số quà tặng cùng chi thị thì sau này chuyển và truyền đạt cho anh em cũng được; hai là phải khéo léo mưu trí mà vào! Phương án hai được nhanh chóng thông qua.

Biển vẫn làm trò tung hứng chiếc xuồng như một thứ đồ chơi mỏng manh. Trầy trật mãi mới có một người nhảy xuống được vào lòng xuồng. Rồi một người, một người nữa. Kia rồi, đại tá Chấn bằng cú nhảy khéo léo nhưng đã đổ ập được vào lòng xuồng...

Hình dung sự dữ dội của biển cả.

Bây giờ tôi mới thấy quyết định của chỉ huy con tàu không cho cánh báo chí tham gia là sáng suốt. Chỉ sơ sẩy một tẹo là lẫn tòm xuống biển gây phiền hà cho anh em không biết ngăn náo mà kể. Con xuồng có ca nô dẫn có lúc tưởng như mất hút trong núi sóng nhưng tài tình một chốc lại hiện ra. Một tình huống nữa là xuồng cập vào được chân nhà giàn, đoạn trần ai⁽²⁾ nữa là làm sao leo lên? Nhưng bằng kinh nghiệm, tổp chiến sĩ hải quân trầy trật hồi lâu rồi cũng liú riu đỡ nhau leo lên được. Khoảng non trưa, may mắn sóng có bớt nên toàn bộ số hàng quà tặng đất liền chuyển cho nhà giàn Ba Kè đã được chuyển sang trót lọt!

Tôi đang nói đến cái nhà giàn không mấy kiên cố những năm xa chứ không phải loại nhà giàn thế hệ mới bây giờ có thể chịu được bão cấp 12, trên cả cấp 12! Những cơn bão năm 1990, 1996, 1999, và sau chót là năm 2000 đã lần lượt thui và thốc những cú ác liệt vào nhà giàn. Đại tá Chấn kể lại Sở Chỉ huy Quân chủng ở Hải Phòng có lúc lặng hẳn đi khi anh em một số nhà giàn điện về là chòi khó mà trụ được nếu cứ đà bão không thay đổi sức gió như thế này. Không thay đổi tức là đang cấp 11, 12. Trời ơi, thiên nhiên đang cuồng nộ mà sức người thì có hạn. Tàu đặc chủng lẫn máy bay trực thăng nào mà vượt hàng trăm cây số để cứu anh em trong lúc trời biển cùng hiệp đồng tạo trận cuồng phong? “*Vĩnh biệt các thủ trưởng. Vĩnh biệt đất liền...*”. Đó là những bức điện cuối cùng mà Sở Chỉ huy Quân chủng nhận được...

Chuyện xảy ra vào giai đoạn nào?

Mười bốn cán bộ chiến sĩ nhà giàn đã hi sinh trong một số trận bão. Nhà đồ, liệt sĩ Thượng úy Nguyễn Hữu Quảng, Chủ nhiệm Chính trị nhà giàn 1: 3 Phúc Tần⁽³⁾

Chú ý những chi tiết về sự hi sinh của cán bộ, chiến sĩ.

(1) *Cơ mầu*: suy đoán tình hình theo chiều hướng diễn biến không thuận lợi.

(2) *Trần ai*: vất vả, gian truân.

(3) *Nhà giàn 1: 3 Phúc Tần*: nhà giàn đầu tiên được hoàn thành vào ngày 15-6-1989, bị bão đánh sập ngày 5-12-1990 làm ba chiến sĩ hi sinh.

đã bơi nhiều ngày trên biển. Trong lúc sóng to gió lớn còn nhường miếng lương khô cuối cùng cho đồng đội và chiếc phao cá nhân. Sau đó mới chịu chìm xuống biển. Đó là ngày 13-12-1998, liệt sĩ đại úy Vũ Quang Chương, chỉ huy nhà giàn 2A Phúc Nguyên⁽¹⁾ trong trận bão số 8 năm 1998, chòi sắp đổ vẫn bình tĩnh chỉ huy bộ đội. Anh phân công đại úy đảng viên Nguyễn Văn An ở lại thu dọn tài liệu, còn mình thì cuốn lá cờ Tổ quốc vào người rồi rời nhà giàn sau cùng. Nguyễn Văn An và đại úy Vũ Quang Chương bỏ mình trong trận bão đó. Đảng viên Nguyễn Văn An có con trai mới sinh chưa kịp nhìn mặt bố! Đó là các liệt sĩ lần lượt hi sinh khi nhà giàn bị đổ: Liệt sĩ chuẩn úy Lê Đức Hồng, thượng úy Phạm Tảo, đại úy Nguyễn Văn Tư, trung úy Lê Tiến Cường, thượng úy Ngô Sĩ Nga, máy trưởng chiến sĩ Hoàng Văn Cúc, Nguyễn Đức Hanh, v.v.

Giai điệu bài *Hồn tử sĩ*⁽²⁾ bất ngờ cất lên trầm buồn. Lạ làm sao thời khắc này biển đang cồn cào thế chột lạng... Lễ tưởng niệm các chiến sĩ hải quân nhà giàn hi sinh những năm xa ấy vẫn thường được tổ chức mỗi khi tàu qua khu vực Ba Kè chứ không riêng chi tàu HQ – 996⁽³⁾ của chúng tôi hôm nay... Biển thì dữ dằn, thiên nhiên khắc nghiệt mà sức người có hạn, nhưng chúng tôi sẽ tìm mọi cách để cố gắng tìm các anh, đưa các anh vào yên nghỉ trong đất liền... Diễn văn Lễ tưởng niệm có những câu đại loại như thế. Một vòng hoa và đồ lễ đạm bạc được từ từ thả xuống biển. Tôi để ý thấy vòng hoa không xoay chồm lên cuốn ra xa mà dập dềnh theo tàu hồi lâu. [...]

3 Đất có tuần nhân có vận⁽⁴⁾ nữa là biển cả mệnh mông... Những căn nhà giàn, những cái chòi canh chủ quyền ấy không thể kém an toàn và tạm bợ được. Có một buổi sáng lặng, tôi ngồi với thiếu tướng Nguyễn Nam, Chính uỷ Bộ Tư lệnh Công binh, thành viên Đoàn công tác. Có nhiều người từng tấm tắc lẫn phàn nàn rằng công binh là một nghề bí hiểm và lãng mạn?! [...]. Chuyện với tướng Nam thú vị bởi cứ chấp chới giữa lẫn ranh cái nói được và không nói được như thế... Từ năm 1946, cụ thể là ngày 25-3, Bác Hồ đã kí Sắc lệnh thành lập Giao thông Công chính Cục, gọi là Cục Công binh.

Tôi cổ mừng tượng ra trong các cuộc kháng chiến, ngành công binh với hàng trăm công trình phục vụ cho quốc phòng lẫn dân sinh, những công trình A, B, C...

Nội dung phần **3** kể chuyện gì?

(1) Nhà giàn 2A Phúc Nguyên: hoàn thành ngày 17-4-1995, bị bão đánh sập ngày 13-12-1998 làm ba chiến sĩ hi sinh.

(2) *Hồn tử sĩ*: bài hát do nhạc sĩ Lưu Hữu Phước sáng tác, thường được dùng trong nghi thức tang lễ.

(3) HQ – 996: phiên hiệu của tàu vận tải lớn làm nhiệm vụ kết nối đất liền với quần đảo Trường Sa.

(4) *Đất có tuần nhân có vận*: đất có thời, có lúc; con người cũng có khi may, khi rủi, lúc thịnh, lúc suy (*tuần*: lượt, dịp, chỉ một khoảng thời gian nhất định; *vận*: số mệnh, cơ hội).

này khác giăng suốt từ Bắc đến Nam. Công việc chỉ đơn thuần là đào với đắp, tính những là thứ thổ mộc, ấy vậy mà bí hiểm lẫn lẩn mạn sao? Có lẽ sẽ hẳn rất lâu trong tâm trí những người đã từng được một lần may mắn đặt chân đến những khu nhà xây trên phần nổi của những đảo chìm của quần đảo Trường Sa. Có lẽ vì nó ẩn tượng? Vị trí những nơi quần cư cho những người lính giữ đảo chìm có lẽ hiện nay là đời thứ ba, thứ tư gì đó. Thời kì đầu tiên chỉ là những cái cọc bê tông (có nơi dùng cọc gỗ) cắm xuống nền san hô, trên bắc hoặc thưng ván hoặc bạt.

“*Lều bạt chung chiêng giữa nước, giữa trời / Đến một cái gai cũng không sống được*”. Thơ của Trần Đăng Khoa như một thứ li lịch trích ngang hệ thống lẫn lịch sử nhà cửa của đảo chìm Trường Sa. Bây giờ qua một số đảo chìm, có đảo vẫn để nguyên cái nhà gỗ hoặc bê tông lều bạt ấy đáng chừng lưu lại làm kỉ niệm; có đảo đã dỡ phá chỉ còn sót lại mấy cái cọc lênh khênh; có đảo thì phá trụi để lấy nền cho thế hệ nhà thứ ba bây giờ. Thế hệ thứ hai đã có sự can dự của công binh, chủ yếu là công binh của hải quân đảm trách. Đó là những công trình nói là lô cốt cũng được vì nó bít bùng bê tông chỉ hở ra những khung cửa na ná như lỗ châu mai⁽¹⁾. Trong đó chia ra những ô bê tông dùng cho việc sinh hoạt lẫn phòng thủ. Loại nhà kiêm lô cốt như thế hiện vẫn còn. Thế hệ thứ ba, biết nói như thế nào nhỉ, tạm gọi là một tổ hợp kiến trúc nói chung cũng bắt mắt giữa dân sinh lẫn quốc phòng. Từ xa ngó như cái nhà, không, một biệt thự màu trắng ba, bốn tầng đột ngột nhô giữa đại dương. Đặt chân lên đảo có cửa giả, có các phòng làm việc sinh hoạt hội họp. Có những ô cửa trở ra các hướng hình như tiện cho cả việc bố phòng lẫn phong thủy. Tôi biết ngó bắt mắt là thế nhưng gì thì gì cũng phải chịu được bão gió cấp cao nhất lại cả động đất nữa. Rồi bên dưới tầng san hô kia, móng tất nhiên rồi nhưng cũng có thể là bể chứa nước ngọt hay công sự phục vụ cho việc phòng thủ này khác. Nhiều tiện ích lẫn phải kiên cố như thế nên cần có sự can dự kha khá của ngành công binh quốc gia vào việc thiết kế xây cất những nhà giàn thế hệ thứ ba ở các đảo chìm Trường Sa. Không biết mai kia có thế hệ nhà thứ tư, thứ năm nữa không thì chịu!

Chú ý điểm khác nhau của ba thế hệ nhà giàn.

4 Câu chuyện của chúng tôi trở lại với cái nhà giàn. Tôi chỉ biết lảng máng rằng cái nhà giàn hiện nay là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kết cấu khung thép của giàn khoan dầu khí với hệ thống móng cọc thép chịu được bão gió cấp 12 hoặc hơn. Tôi cũng lảng máng thêm, phải là một kết cấu thế nào đó của nhiều nhà giàn mà máy bay trực thăng có thể đậu được để tiện cho việc tiếp tế phòng mỗi khi biển động.

Tác giả bày tỏ thái độ và cảm xúc như thế nào ở phần cuối?

(1) *Lỗ châu mai*: lỗ ở thành công sự để bắn súng từ trong công sự ra ngoài.

Ngạc nhiên khi được biết, cái nhà giàn chót vùng biển đất Mũi Cà Mau cũng do quân của tướng Nam đây thiết kế thi công.

Độc đảo là hệ thống nhà giàn ấy được mọc lên, được trụ vững trên nền đất yếu mà trong nghề xây cất, quân xây dựng kị nhất bởi phải xử lý nền móng, rất nhiều khê! Tôi ngó xuống làn nước thăm thăm kia để rùng mình, không biết anh em công binh làm cách nào mà thương lượng được với Hà Bá hay vua Thủy Tề⁽¹⁾ để cấm được hệ thống đài cọc vững vàng kiên cố như thế? [...]

Từ “*Lều bạt chung chiêm giữa nước, giữa trời*” đến nhà ba tầng (xin nói lại là một tổ hợp kiến trúc giữa dân sinh và phòng thủ). Từ cái chòi canh biển chênh vênh từng gây tổn thất cho người lính canh đảo đến nhà giàn vững chãi kiên cố hiện nay, quân của tướng Nam đã góp phần làm nên cái neo vững chãi bền chặt của chủ quyền biển đảo ở Trường Sa.

Mà nếu tôi không lầm, có lẽ họ sẽ là ông tổ của những hậu duệ⁽²⁾ mai kia sẽ cấm hệ thống đài cọc hiện đại – bà đỡ cho nền móng những thành phố, sân bay trên biển của nước Việt Nam mới.

(Xuân Ba – *Tuyển tập phóng sự: Những cự li thương mến*,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 2013)



1. Phóng sự *Khúc tráng ca nhà giàn* viết về vấn đề gì? Tóm tắt nội dung chính của mỗi phần được đánh số trong văn bản.
2. Tính phi hư cấu của bài phóng sự trên được thể hiện ở những yếu tố nào? Điều đó có tác dụng gì đối với việc thể hiện nội dung, ý nghĩa của tác phẩm?
3. *Khúc tráng ca nhà giàn* đã sử dụng những biện pháp đặc trưng gì của thể loại phóng sự? Hãy chỉ ra một số dẫn chứng cụ thể.
4. Chi tiết nào của văn bản để lại ấn tượng đặc biệt đối với em? Vì sao?
5. Việc kết hợp thủ pháp trần thuật với miêu tả để kể về lịch sử ba thế hệ nhà giàn của văn bản nhằm mục đích gì? Người viết thể hiện thái độ và sự đánh giá như thế nào về vấn đề đó?
6. Theo em, vấn đề nêu lên trong bài phóng sự có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội hiện nay?

(1) *Hà Bá, Thủy Tề*: chỉ các vị thần cai quản dưới nước.

(2) *Hậu duệ*: con cháu đời sau.



QUYẾT ĐỊNH KHÓ KHĂN NHẤT

(Trích *Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử*)

VÕ NGUYỄN GIÁP

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước văn bản *Quyết định khó khăn nhất*. Tìm hiểu thêm thông tin về Đại tướng Võ Nguyên Giáp và hồi kí *Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh của đoạn trích:

Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử là hồi kí của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (do nhà văn Hữu Mai ghi lại), gồm 14 chương, kể lại toàn bộ diễn biến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Văn bản dưới đây trích từ chương 4, kể lại sự kiện: Trước giờ nổ súng ở chiến trường Điện Biên Phủ năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định thay đổi phương châm tác chiến sau khi đã nắm rõ tình hình thực địa. Điều này được ông cho là “Quyết định khó khăn nhất” trong cuộc đời cầm quân của mình.



Đại tướng
Võ Nguyên Giáp
(1911 – 2013),
quê ở Quảng Bình

2 Đọc hiểu

① [...] Tôi nhận thấy phải cho các đơn vị rút khỏi trận địa để nghiên cứu một cách đánh khác dù bộ đội có thắc mắc. Phải chuyển từ phương án “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”. Thời gian chuẩn bị sẽ kéo dài. Ngoài công tác chuẩn bị đánh địch ở Điện Biên Phủ, bộ đội ta cần có những hoạt động tạo nên bất ngờ mới cho địch. Tôi nghĩ trước mắt sẽ điều ngay một cánh quân sang Thượng Lào⁽¹⁾ thu hút quân địch về hướng này, có thể quét sạch hành lang Điện Biên Phủ – Luông Pha Băng (Luang Prabang)⁽²⁾ chúng mới lập ở

Vì sao Đại tướng quyết định triệu tập Đảng uỷ Mặt trận họp gấp?

(1) *Thượng Lào*: gồm sáu tỉnh thuộc vùng rừng núi phía bắc của nước Lào.

(2) *Luông Pha Băng*: một tỉnh thuộc miền bắc của nước Lào.

lưu vực sông Nậm Hu (Nam Ou)⁽¹⁾. Và căn nhắc Liên khu 5⁽²⁾ triển khai nhanh chiến dịch ở Tây Nguyên...

Phải họp ngay Đảng uỷ Mặt trận... Suốt đêm, tôi chỉ mong trời chóng sáng.

2 SÁNG ngày 26 tháng 1 năm 1954, Văn phòng thông báo cuộc họp Đảng uỷ Mặt trận.

Trước cuộc họp, tôi báo đồng chí Hoàng Minh Phương, Trưởng đoàn phiên dịch của Bộ, chuẩn bị cho tôi gặp ngay đồng chí Trưởng đoàn Cố vấn quân sự.

Đồng chí Vi Quốc Thanh⁽³⁾ ngạc nhiên nhìn năm ngái cứu trên trán tôi. Đồng chí ân cần hỏi thăm sức khoẻ, rồi nói:

– Trận đánh sắp bắt đầu. Đề nghị Võ Tổng⁽⁴⁾ cho biết tình hình tới lúc này ra sao?

Tôi đáp:

– Đó cũng là vấn đề tôi muốn trao đổi với đồng chí Trưởng đoàn. Qua theo dõi tình hình, tôi cho rằng địch không còn trong trạng thái lâm thời phòng ngự, mà đã trở thành một tập đoàn cứ điểm phòng ngự kiên cố. Vì vậy, không thể đánh theo kế hoạch đã định...

Tôi nói tiếp ba khó khăn lớn của bộ đội, rồi kết luận:

– Nếu đánh là thất bại.

– Vậy nên xử trí thế nào?

– Ý định của tôi là ra lệnh hoãn cuộc tiến công ngay chiều hôm nay, thu quân về vị trí tập kết, chuẩn bị lại theo phương châm “đánh chắc tiến chắc”.

Vì sao Đại tướng quyết định thay đổi phương châm tác chiến?

Sau giây lát suy nghĩ, đồng chí Vi nói:

– Tôi đồng ý với Võ Tổng. Tôi sẽ làm công tác tư tưởng với các đồng chí trong đoàn cố vấn.

– Thời gian gấp. Tôi cần họp Đảng uỷ để quyết định. Và đã có dự kiến cho 308⁽⁵⁾ tiến về phía Luông Pha Băng, bộc lộ lực lượng chừng nào, kéo quân địch về hướng đó, không để chúng gây khó khăn khi quân ta kéo pháo ra...

(1) *Nậm Hu*: dòng sông thuộc miền bắc nước Lào.

(2) *Liên khu 5*: gồm các tỉnh thuộc Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

(3) *Vi Quốc Thanh*: Trưởng đoàn Cố vấn quân sự Trung Quốc tại Điện Biên Phủ.

(4) *Võ Tổng*: cách nói tắt chỉ Đại tướng Võ Nguyên Giáp – Tổng tư lệnh tối cao của Quân đội nhân dân Việt Nam.

(5) *308*: một đại đoàn bộ binh chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Cuộc trao đổi giữa tôi với đồng chí Vi diễn ra khoảng hơn nửa giờ. Tôi nghĩ đồng chí Vi sẽ không dễ dàng thuyết phục các chuyên gia đã cho rằng chỉ có “đánh nhanh thắng nhanh” mới giành thắng lợi. [...]

Khi tôi quay về Sở Chỉ huy, các đồng chí trong Đảng uỷ đã có mặt đông đủ.

Tôi trình bày những suy nghĩ đã có từ lâu chung quanh cách đánh tập đoàn cứ điểm, những thay đổi quan trọng về phía địch từ sau hội nghị Thẩm Púa⁽¹⁾ tới nay, ta vẫn giữ vững quyết tâm tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ, nhưng phải thay đổi cách đánh.

Mọi người im lặng một lúc.

Anh Lê Liêm, Chủ nhiệm Chính trị, phát biểu:

– Đã động viên sâu rộng bộ đội về nhiệm vụ rồi, anh em đều rất tin tưởng, quyết tâm chiến đấu rất cao. Giờ nếu thay đổi thì giải thích cho bộ đội làm sao?

Anh Đặng Kim Giang, Chủ nhiệm Cung cấp, nói:

– Tôi thấy cứ giữ vững quyết tâm. Hậu cần chuẩn bị tới bây giờ đã khó khăn. Nếu không đánh ngay, sau này lại càng không đánh được!

Tôi nói:

– Tinh thần bộ đội là rất quan trọng, nhưng quyết tâm phải có cơ sở... Hậu cần là điều kiện tiên quyết, nhưng cuối cùng, quyết định là phải có cách đánh đúng.

Đồng chí Hoàng Văn Thái⁽²⁾ nói:

– Anh Văn⁽³⁾ cân nhắc cũng phải... Nhưng lần này ta có ưu thế về binh lực, pháo 105 và pháo cao xạ xuất hiện lần đầu sẽ tạo bất ngờ lớn, lại có kinh nghiệm của bạn, tôi thấy nếu đánh vẫn có khả năng giành thắng lợi.

Trao đổi một hồi chưa đi tới kết luận. Cuộc họp tạm dừng một lát.

Khi cuộc họp tiếp tục, tôi nói:

– Tình hình khẩn trương. Cần sớm có quyết định. Vô luận tình hình nào, chúng ta vẫn phải nắm nguyên tắc cao nhất là: Đánh chắc thắng. Trước khi tôi ra đi, Bác⁽⁴⁾ trao nhiệm vụ: “Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh.”. Với tinh thần trách nhiệm trước Bác và Bộ

(1) *Thẩm Púa*: hang dưới chân núi thuộc xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, là địa điểm ta đặt Sở Chỉ huy đầu tiên của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

(2) *Hoàng Văn Thái*: một trong những vị tướng đầu tiên, Tổng tham mưu trưởng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, Tham mưu trưởng của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

(3) *Văn*: bí danh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

(4) *Bác Hồ*.

Chính trị, tôi đề nghị các đồng chí trả lời câu hỏi: “Nếu đánh có chắc thắng trăm phần trăm không?”.

Anh Lê Liêm nói:

– Anh Văn nêu câu hỏi thật khó trả lời. Ai dám bảo là sẽ chắc thắng trăm phần trăm!

Anh Đặng Kim Giang nói tiếp:

– Làm sao dám bảo đảm như vậy!

– Tôi nghĩ với trận này, ta phải bảo đảm chắc thắng trăm phần trăm.

Bấy giờ, anh Hoàng Văn Thái mới nói:

– Nếu yêu cầu chắc thắng trăm phần trăm thì khó...

Lát sau, Đảng uỷ đi tới nhất trí là trận đánh có thể gặp nhiều khó khăn mà ta chưa có biện pháp cụ thể để khắc phục.

Tôi kết luận:

– Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là “đánh chắc thắng”, cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”. Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới.

Chú ý nguyên tắc cao nhất trong đánh địch được Đại tướng nhấn mạnh.

Sau đó, tôi phân công anh Hoàng Văn Thái ra lệnh cho các đơn vị bộ binh, tôi ra lệnh cho pháo binh và trao nhiệm vụ mới cho 308.

Tôi gọi điện thoại cho pháo binh:

– Tình hình địch đã thay đổi. Quyết tâm tiêu diệt *Trần Đình* (bí danh của Điện Biên Phủ trong chiến dịch) vẫn giữ vững. Nay thay đổi cách đánh. Vì vậy, ra lệnh cho các đồng chí từ 17 giờ hôm nay, kéo pháo ra khỏi trận địa, lui về địa điểm tập kết, chuẩn bị lại. Triệt để chấp hành mệnh lệnh! Không giải thích.

Đầu đây đây kia, tiếng đồng chí Phạm Ngọc Mậu, Chính uỷ pháo binh, đáp:

– Rõ! Xin triệt để chấp hành mệnh lệnh.

14 giờ 30 mới có liên lạc điện thoại với anh Vương Thừa Vũ, Tư lệnh Đại đoàn 308.

– Chú ý nhận lệnh: tình hình thay đổi. Đại đoàn các đồng chí có nhiệm vụ hướng về Luông Pha Băng tiến quân. Dọc đường, gặp địch tuỳ điều kiện cụ thể mà tiêu diệt. Giữ vững lực lượng, có lệnh, trở về ngay. Giữ liên lạc vô tuyến điện. Khi được hỏi, mới trả lời.



Đại tướng Võ Nguyên Giáp (áo đen) cùng các tướng lĩnh quân đội Việt Nam hoạch định kế hoạch tấn công Điện Biên Phủ tháng 3-1954 (Ảnh: qdnd.vn)

- Rõ! – Anh Vũ đáp.
- Triệt để chấp hành mệnh lệnh!
- Xin chỉ thị về sử dụng binh lực như thế nào?
- Toàn quyền quyết định, từ một tiểu đoàn đến toàn đại đoàn. Hậu cần tự giải quyết. Đúng 4 giờ chiều nay, xuất phát!
- Xin triệt để chấp hành mệnh lệnh.

Đồng thời, tôi chỉ thị cho một bộ phận nhỏ, mang theo một đài vô tuyến điện, đi về phía Mộc Châu⁽¹⁾, mỗi ngày ba lần đánh điện báo cáo: “Đại đoàn 308 đã về tới...”. Điện mật, xen đôi tiếng không dùng mật mã. Vì có những bức điện này, lúc đầu, địch tưởng 308 đang quay về đồng bằng.

Tình hình lúc này không cho phép dùng điện đài báo cáo với Trung ương, ngay tối hôm đó tôi viết thư hỏa tốc đề nghị với Bộ Chính trị và Bác cho chuyển sang phương châm “Đánh chắc tiến chắc” quyết giành thắng lợi, nhưng chiến dịch sẽ phải kéo dài, cần khắc phục những khó khăn lớn về hậu cần. Đồng chí Nguyễn Công Dinh, một cán bộ tác chiến, được lệnh dùng chiếc xe Díp (Jeep)⁽²⁾ duy nhất của cơ quan tham mưu, mang thư đi gấp suốt ngày đêm về khu căn cứ.

Trong ngày hôm đó, tôi đã thực hiện được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình.

3 Chỉ mười năm sau, nhân dịp kỉ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ, một số đồng chí phụ trách các đại đoàn mới nói thực với tôi ý nghĩ của mình. Chính uỷ đại đoàn

(1) *Mộc Châu*: một huyện thuộc tỉnh Sơn La.

(2) *Xe Díp*: một loại xe ô tô quân sự.

công pháo Phạm Ngọc Mậu nói: “Khi có lệnh kéo pháo ra, đúng là: “Được lời như cởi tấm lòng!””. Đại đoàn trưởng 312⁽¹⁾ Lê Trọng Tấn nói: “Nếu không có quyết định chuyển phương châm ngày đó thì phần lớn chúng tôi sẽ không có mặt trong kháng chiến chống Mỹ.”. Riêng đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ nói: “Ồ Thảm Púa, khi nghe phổ biến pháo binh của ta sẽ bắn hai ngàn viên pháo 105, ai cũng trầm trồ, cho rằng quân địch sẽ tan nát. Nhưng tôi hoàn toàn không tin như vậy! Ở Tu Vũ⁽²⁾, địch đã bắn năm ngàn quả pháo mà đồn vẫn bị trung đoàn 88⁽³⁾ tiêu diệt. Hai ngàn quả pháo với một tập đoàn cứ điểm rộng nhiều cây số vuông như Điện Biên Phủ có là bao! Tôi nghĩ nếu lần đó cứ “đánh nhanh giải quyết nhanh” thì cuộc kháng chiến có thể lui lại mười năm!”

Chú ý bài học sâu sắc về dân chủ nội bộ.

Thật là một bài học sâu sắc về dân chủ nội bộ!

(Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi kí*,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006)



1. Văn bản kể lại sự kiện gì? “Quyết định khó khăn nhất” ở đây là gì? Ai là người kể lại?
2. Dẫn ra một số câu văn cho thấy thái độ và suy nghĩ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong hoàn cảnh phải đưa ra “Quyết định khó khăn nhất”.
3. Tính xác thực của thể loại hồi kí được thể hiện qua những yếu tố nào của văn bản?
4. Hãy nhận xét về thủ pháp trần thuật ở phần 2 của văn bản.
5. Theo em, tại sao Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho rằng việc thay đổi phương châm tác chiến là “Quyết định khó khăn nhất”?
6. Bài học sâu sắc đặt ra trong văn bản là gì? Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống hôm nay?

(1) 312: một đại đoàn bộ binh chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ.

(2) Tu Vũ: xã thuộc huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ – nơi diễn ra trận đánh mở màn Chiến dịch Hoà Bình.

(3) Trung đoàn 88 (còn gọi là Trung đoàn Tu Vũ): một trung đoàn bộ binh của Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ.

NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

(Tiếp theo)

1. Văn bản *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* có sự kết hợp giữa ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật. Em hãy chỉ ra những đặc điểm của hai kiểu ngôn ngữ này trong đoạn trích sau:

a) *Ai lại không tha thiết với mùa xuân, ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và trên đôi môi căng mọng khi cuộc đời còn ở tuổi hai mươi? Nhưng... tuổi hai mươi của thời đại này đã phải dẹp lại những ước mơ hạnh phúc mà lẽ ra họ phải có... Ước mơ bây giờ là đánh thắng giặc Mỹ, là Độc lập, Tự do của đất nước. Từ ước mơ đó mới có được những gì gọi là của riêng mình. Mình cũng như những thanh niên khác đã lên đường ra tiền tuyến, và tuổi trẻ qua đi giữa tiếng bom rơi đạn nổ.*

b) *Được thư mẹ... mẹ của con ơi, mỗi dòng chữ, mỗi lời nói của mẹ thấm nặng yêu thương, như những dòng máu chảy về trái tim khao khát nhớ thương của con. Ôi! Có ai hiểu lòng con ao ước được về sống giữa gia đình, dù chỉ là giây lát đến mức nào không? Con vẫn hiểu điều đó từ lúc bước chân lên chiếc ô tô đưa con vào con đường bom đạn.*

2. Em hãy tìm những câu văn trong văn bản *Khúc tráng ca nhà giàn* (Xuân Ba) thể hiện thái độ và cảm xúc của tác giả đối với những cán bộ, chiến sĩ ngày đêm bám trụ ở nhà giàn giữa biển khơi. Những câu văn ấy mang màu sắc trang trọng hay thân mật? Vì sao?

3. Các đoạn văn dưới đây đã sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật phù hợp chưa? Vì sao?

a) *Con hớ dưng những cái vuốt nhọn hoắt cào vào người, vào mặt Viên... Nhưng Viên vẫn ráng sức quần nhau với chú hớ.*

(Dẫn theo Nguyễn Đức Dân)

b) *Lời nhận xét ấy có đúng không? Dừng quá đi chứ! Nào, bạn hãy cùng tôi đi phân tích tác phẩm để hiểu rõ vấn đề.*

(Dẫn theo Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp)

c) *Trước lúc đi ngủ, San tâm sự với tôi:*

– *Cháu bị số phận hắt hủi. Giờ thì cả cha và mẹ đều không còn. Cuộc sống của cháu không còn ý nghĩa gì nữa.*

Tôi chưa biết an ủi thế nào, cậu ta tiếp:

– Có lẽ cháu sẽ đi đâu đó. Ở mảnh đất nhón nháo này, cháu chẳng còn gì duyên nợ.

– Nhưng cháu còn người bà – Cuối cùng, tôi cất lời khuyên – Người bà ngoại khổ đau và bất hạnh.

(Dẫn theo Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp)

4. Để tham gia xét tuyển tại một trường đại học hoặc ứng tuyển một vị trí việc làm, em cần viết một bài luận hoặc một bức thư. Hãy chọn ngôn ngữ (trang trọng hoặc thân mật) phù hợp để viết bài luận hoặc bức thư đó.

VIẾT

VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

1 Định hướng

1.1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là trình bày một cách thuyết phục những quan điểm, suy nghĩ, đánh giá của em về một vấn đề gần gũi, thiết thực nhưng cũng rất giàu ý nghĩa đối với tuổi trẻ. Trong sách *Ngữ văn 12*, phần *Viết* có ba bài viết về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Vấn đề ở mỗi bài viết đều liên quan chặt chẽ với nội dung phần đọc hiểu của từng bài.

Khi bàn luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ, cần nêu được quan điểm, các lí lẽ và bằng chứng tin cậy, xác đáng. Chú ý xem xét từ nhiều phía: có thể đúng hoàn toàn, có thể là những biểu hiện còn lệch lạc, đan xen giữa cái tốt và chưa tốt, phù hợp và chưa phù hợp,... trong cách nghĩ, cách sống của thế hệ trẻ. Nội dung bàn luận về một vấn đề của tuổi trẻ vừa mang màu sắc của thời đại vừa gắn với một lớp người ở một khu vực địa lí, ở một giai đoạn cụ thể. Vì thế, người viết cần đưa ra những nhận xét, đánh giá, lí giải trên cơ sở những đặc điểm chung của thời đại, đồng thời phải chú ý tính lịch sử, văn hoá riêng của từng vùng miền, tránh cái nhìn phiến diện, một chiều. Dù bàn luận về vấn đề gì, liên quan đến tuổi trẻ ở giai đoạn lịch sử nào, người viết cũng cần chỉ ra ý nghĩa thời sự, bài học đối với tuổi trẻ nói chung và với cá nhân mình.

1.2 Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề của tuổi trẻ, cần chú ý:

- Xác định mục đích của bài viết.
- Lựa chọn vấn đề cần bàn luận: Đó là vấn đề gì? Vấn đề đó có phải là hiện tượng phổ biến và có ý nghĩa với tuổi trẻ không? Dựa vào đâu để xác định được điều đó?
- Tìm hiểu một cách đầy đủ và chính xác các thông tin về vấn đề bàn luận.
- Phân tích, đánh giá về vấn đề cần bàn luận từ các góc nhìn khác nhau.
- Cần tránh những định kiến hoặc bị chi phối, dẫn dắt bởi những quan điểm nào đó, cần có những suy nghĩ riêng mang dấu ấn cá nhân người viết.
- Bám sát quy trình tạo lập văn bản nghị luận nói chung để triển khai bài viết.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: “*Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*” có đoạn: “*Tuổi trẻ của mình đã thấm đượm mồ hôi, nước mắt, máu xương của những người đang sống và những người đã chết. Tuổi trẻ của mình đã cứng cáp trong thử thách gian lao của chiến trường, tuổi trẻ của mình cũng đã nóng rực vì ngọn lửa căm thù đang ngày đêm hun đốt. Và gì nữa, phải chăng mùa xuân của tuổi trẻ cũng vẫn thắm đượm thêm vì màu sắc của mơ ước và yêu thương vẫn ánh lên trong những đôi mắt nhìn mình.*”.

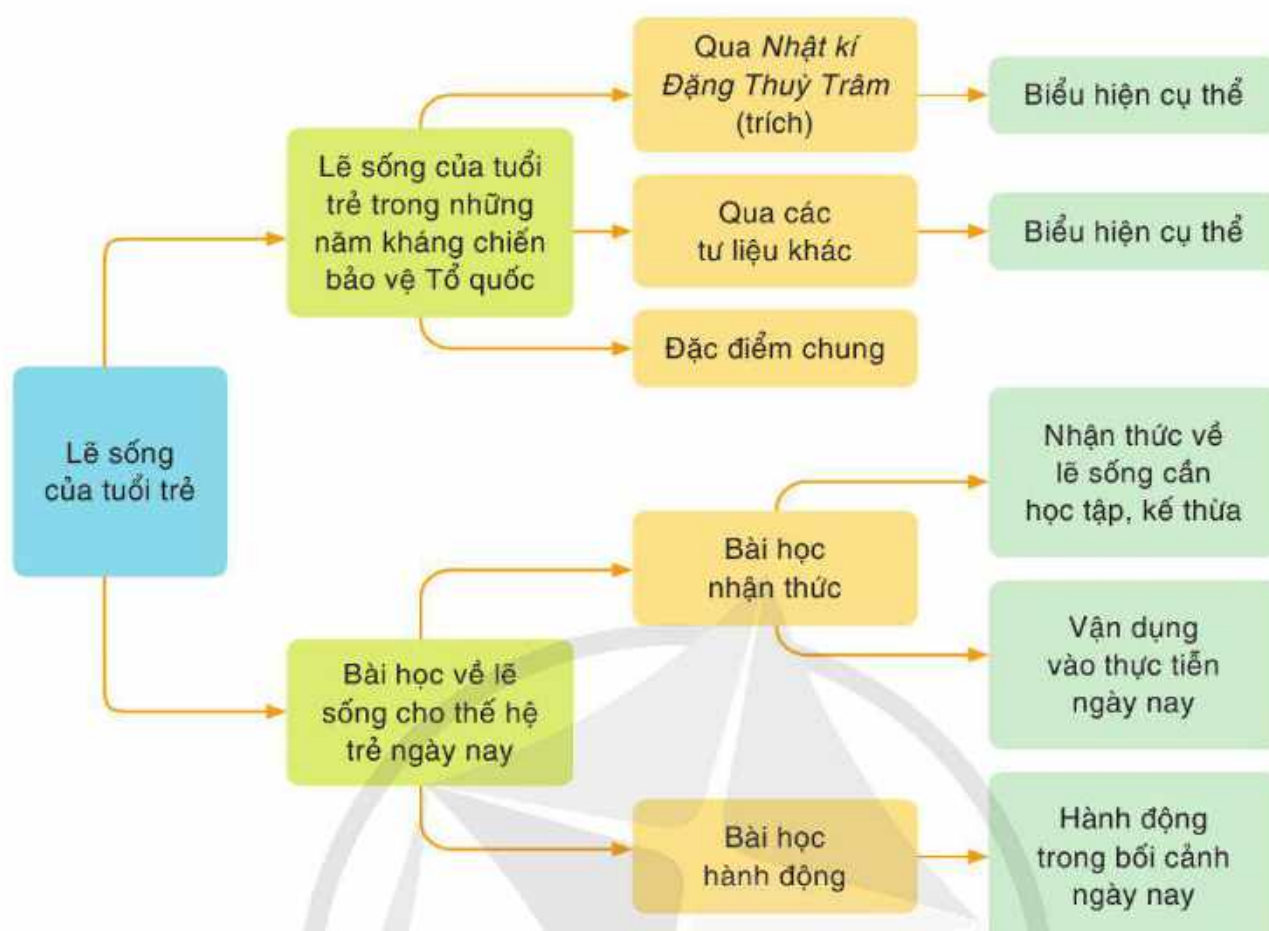
Em có suy nghĩ gì về lẽ sống của tuổi trẻ Việt Nam trong những năm kháng chiến bảo vệ Tổ quốc qua đoạn văn trên? Từ đó, hãy bàn luận về lẽ sống của thế hệ trẻ ngày nay.

a) Chuẩn bị

- Đọc kĩ đề bài, xác định vấn đề cần bàn luận, các thao tác lập luận cần sử dụng và phạm vi dẫn chứng.
- Tìm đọc tác phẩm *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm* và một số tài liệu về lịch sử, văn học, điện ảnh khác liên quan đề tài chiến tranh cách mạng Việt Nam, trao đổi với những người đã từng trải qua những năm tháng gian khổ của cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc.
- Liên hệ với trải nghiệm của bản thân, những quan sát, suy nghĩ về lối sống của thanh niên trong bối cảnh đất nước ngày nay.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý: Dựa vào mục 1. *Định hướng* và kết quả chuẩn bị trên đây, tìm ý cho bài viết bằng cách suy luận từ khái quát đến cụ thể theo sơ đồ sau:



– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần: mở bài, thân bài, kết bài.

c) Viết

Viết bài văn theo dàn ý đã lập. Lưu ý:

– Các em cũng có thể trình bày theo hướng khác nhưng cần hợp lí.
– Trong quá trình viết, có thể bổ sung những ý mới nhưng phải phù hợp với chủ đề và lô gích của bài viết.

– Cần kết hợp các thao tác lập luận cũng như các phương thức biểu đạt,... để bài viết trở nên sinh động, hấp dẫn.

– Các dẫn chứng cần xác thực, dựa trên các nguồn tin cậy.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 39 – 40); đối chiếu với dàn ý đã làm cho đề văn này để rà soát lại bài viết.

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Thao tác giải thích

a) Cách thức

Trong hoạt động viết văn nghị luận, giải thích là một thao tác quan trọng giúp người đọc hiểu vấn đề trước khi tiến hành chứng minh hay bình luận. Giải thích

chính là nêu các lí lẽ làm sáng tỏ cho luận đề, luận điểm mà người viết nêu ra. Giải thích là điểm tựa để nêu các bằng chứng trong bài viết. Để viết đoạn văn giải thích, người viết thường phải tập trung làm rõ một khái niệm hoặc vấn đề bằng cách trả lời các câu hỏi: Là gì?, Vì sao?, Lí do nào? Nghĩa là thế nào?,...

b) Bài tập

Hãy viết đoạn văn giải thích ý nghĩa của nhan đề văn bản “Quyết định khó khăn nhất” (Võ Nguyên Giáp) hoặc “Khúc tráng ca nhà giàn” (Xuân Ba).

NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA TUỔI TRẺ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

1 Định hướng

a) Thuyết trình về một vấn đề của tuổi trẻ liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước là trình bày những suy nghĩ, quan điểm, đánh giá của người nói về một vấn đề của tuổi trẻ có ý nghĩa thời sự đối với sự phát triển của đất nước. Chẳng hạn: cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo,... hứa hẹn những triển vọng tươi sáng cho tương lai của thế hệ trẻ và đất nước như thế nào hoặc tệ nạn xã hội tác động đến thế hệ trẻ và đất nước ra sao.

b) Để thuyết trình về một vấn đề của tuổi trẻ có liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước, các em cần lưu ý:

– Xác định được vấn đề của tuổi trẻ có liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.

– Khi trình bày, ngôn ngữ, giọng điệu,... phải bám sát mục đích của bài nói; cần trình bày rõ ràng, thuyết phục các biểu hiện, nêu các lí lẽ và bằng chứng xác thực để làm sáng tỏ.

2 Thực hành

Bài tập: Em hãy thuyết trình về vấn đề: *Lẽ sống của tuổi trẻ đối với cơ hội, thách thức của đất nước.*

a) Chuẩn bị

– Xem lại nội dung đã chuẩn bị ở phần *Viết* (mục 2.1).

– Tìm hiểu lẽ sống của thế hệ trẻ trong truyền thống và các biểu hiện cụ thể về cơ hội và thách thức đối với đất nước có liên quan thế hệ trẻ ngày nay.

– Người trình bày: xây dựng và thể hiện nội dung của vấn đề trên giấy A0 hoặc phần mềm trình chiếu (ví dụ: PowerPoint).

– Người nghe: chuẩn bị phương tiện ghi chép; dự kiến trước một số câu hỏi.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Dựa vào dàn ý đã làm ở phần *Viết*, điều chỉnh, bổ sung những ý cần có, phù hợp với yêu cầu của bài thuyết trình, ví dụ:

– Có những thách thức nào đối với sự phát triển của đất nước nếu những người trẻ xác định không đúng lẽ sống của mình? Vì sao?

– Cần làm gì (giải pháp, biện pháp nào) để giúp các bạn trẻ xác định đúng đắn lẽ sống của mình để vừa lập thân, vừa kiến quốc?

c) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 42); đối chiếu với dàn ý đã chuẩn bị ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 42); đối chiếu với dàn ý đề văn đã chuẩn bị ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Một lít nước mắt

(Trích)

Tóm tắt: “Một lít nước mắt” là nhật kí của Ki-tô A-ya, một nữ sinh người Nhật Bản mắc bệnh nan y: thoái hoá tiểu não (bại não). Bệnh tật khiến em mất dần tiếng nói, mất cả khả năng tự điều khiển cơ thể. Em liên tục phải vào bệnh viện điều trị khiến những tháng ngày học trung học phổ thông vô cùng khó khăn. Ki-tô A-ya nhiều khi cảm thấy đau khổ, cô đơn nhưng không bi lụy, ngược lại, em vẫn nâng niu sự sống của chính mình.

Văn bản dưới đây trích từ cuốn nhật kí *Một lít nước mắt*.

❶ NĂM LỚP MƯỜI HAI

Đây là năm cuối mình còn được trải nghiệm cuộc sống ở kí túc xá. Mình phải chú tâm vào các công việc ở ban chấp hành của trường, phải nỗ lực hết mình để

mang lại cho mọi người những kỉ niệm vui trong dịp Giáng sinh. Mình sẽ rất bận rộn. Nhưng suốt một năm được nghĩ đến người khác và hành động vì họ khiến mình cảm thấy thật có ích và hài lòng với bản thân.

“A-ya hãy cố gắng nhiều hơn nữa để chống chọi với bệnh tật, có như vậy mẹ mới bớt lo âu.”. Nghe mẹ nói vậy, mình thấy xấu hổ vì chỉ toàn nghĩ đến những chuyện trước mắt mà thôi.

Mùa xuân rồi cũng qua đi, những cánh hoa bay lả tả lọt qua cửa xe hơi, mình đưa tay đón lấy, chợt một cảm giác ấm áp như tình yêu thương của mẹ dâng tràn, cảm giác thật an lành.

Khi thức dậy vào buổi sáng, mình thấy đáng sợ hơn buổi tối khi phải ngủ một mình. Mình mất đến hơn một tiếng đồng hồ để gấp chăn, thay quần áo, đi vệ sinh hết những 30 phút, rồi sau đó mất 40 phút để ăn sáng. Khi cơ thể cứng đờ vì mệt mỏi, mình thậm chí còn mất nhiều thời gian hơn. Khi gặp người quen, mình còn chẳng kịp nói lời “chào buổi sáng”. Lúc nào mình cũng cúi gằm mặt xuống. Sáng nay, mình bị ngã, cầm đập xuống đất. Mình phải sờ nắn xem có bị chảy máu không. Mình thở phào nhẹ nhõm vì không thấy có máu. Nhưng sau vài ngày thì bắt đầu cảm thấy ê ẩm khắp các vết bầm trên vai và cánh tay.

Vì không giữ được thăng bằng cơ thể, mình cứ liên tục trồi lên ngụp xuống trong bồn tắm. Nhưng kì lạ thật, mình không hề có cảm giác là mình sẽ chết. Thay vào đó, mình được nhìn thấy một thế giới trong suốt, có lẽ thiên đường cũng như vậy chăng?

Thử đặt tay lên lồng ngực,

Cảm nhận tiếng đập thình thịch.

Tìm mình đang hoạt động.

Hạnh phúc làm sao, mình còn sống!

[...]

2 MẸ ƠI, CON KHÔNG ĐI ĐƯỢC NỮA RỒI

Trẻ em tám tháng biết ngồi, mười tháng biết bò, được hơn một tuổi là biết đi. Mình thì đang biết đi bỗng chuyển sang bò, giờ gần như là ngồi cả ngày, cứ như mình bị thoái hoá vậy. Đến một ngày nào đó, không chừng mình sẽ phải nằm bẹp giường.

Có lẽ không sớm thì muộn, chuyện đó cũng sẽ xảy ra. Một năm trước đây, mình vẫn có thể đứng, nói chuyện và cười. Nhưng giờ đây mình chẳng thể đi lại được nữa, dù có nghiêng răng, cau mày hay đá chân cũng vô dụng.

“Mẹ ơi, con không đi được nữa rồi. Dù có cố níu tay vào đâu đi nữa con cũng không thể đứng dậy nổi.”.

Mình nén nước mắt, viết như vậy vào tờ giấy nhỏ, hé mở cửa phòng và đưa cho mẹ. Mình vội vàng khép cửa để mẹ không thấy mặt mình, chắc chắn mình sẽ càng đau đớn hơn khi thấy khuôn mặt mẹ. Mình bò đến bên nhà vệ sinh cách đó ba mét, hành lang lạnh cóng. Thoạt tiên, lòng bàn chân mình còn mềm mềm. Nhưng dần dần, đầu gối và lòng bàn tay lẫn bàn chân đều trở nên cứng đờ. Bò như thế này mình chẳng thể chịu nổi, nhưng còn cách nào khác nữa đâu. Vì đó là cách duy nhất để mình có thể di chuyển.

Mình cảm giác có ai đó sau lưng. Mình quay đầu lại... thấy mẹ đang lẳng lặng bò sát ở phía sau, mẹ chẳng nói gì, nước mắt nghẹn ngào rơi xuống sàn nhà. Những cảm xúc vẫn đang kìm nén bỗng bùng tuôn trào, mình khóc oà lên thành tiếng. “Cứ khóc đi con.”. Mẹ ôm chặt mình vào lòng. Đầu gối mẹ ướt nước mắt của mình, còn mái tóc mình thì ướt nước mắt của mẹ.

“A-ya, mẹ biết con đang rất đau khổ nhưng hãy cố lên, A-ya. Lúc nào, mẹ cũng ở bên con. Người con lạnh hết rồi đây này, mình về phòng thôi. Mẹ đủ khỏe để ẵm con, cho dù có động đất hay hoả hoạn mẹ cũng sẽ ở cạnh, đừng lo gì cả, hãy an tâm ngủ ngon, A-ya của mẹ. Đừng nghĩ ngợi gì lung tung.”. Mẹ nói rồi ẵm mình về phòng.

Mình giờ đã thành một đứa chẳng thể làm gì ngoài khóc lóc. Có một phức cảm thấp kém đang lớn lên trong đầu mình. Có lẽ đó là kết quả của sự tàn tật. Nhưng ít ra mình vẫn đang sống. Mình phải hít thở và tiếp tục sống, bởi mình không thể chết, chẳng có cách nào khác. Thật đáng sợ. Nếu cứ khóc thì những nếp nhăn trên mặt và trên mắt sẽ khiến khuôn mặt mình xấu xí. Để cải thiện cái sự xấu xí đó, mỗi khi nhìn vào gương mình lại nhe răng cười toe toét, dẫu lúc đó chẳng có chuyện gì vui mình cũng cười.

Hãy sống!

(KI-TÔ A-YA, *Một lít nước mắt* (TRẦN TRỌNG ĐỨC dịch),

NXB Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2022)

1. Thông tin nào dưới đây **không** phải là đặc điểm thể loại của văn bản trên?
 - A. Ghi chép hằng ngày về cuộc sống và suy nghĩ của nhân vật
 - B. Bộc lộ suy nghĩ, thái độ và đánh giá của nhân vật
 - C. Cốt truyện hoàn toàn hư cấu, tưởng tượng
 - D. Dùng lời độc thoại nhưng ngầm đối thoại với người khác
2. Văn bản *Một lít nước mắt* (trích) cho biết hoàn cảnh của nhân vật A-ya như thế nào?
 - A. A-ya phải chống chọi với căn bệnh nan y nên đau khổ, tuyệt vọng
 - B. A-ya phải chống chọi với căn bệnh nan y nhưng vẫn lạc quan, hi vọng
 - C. A-ya phải chống chọi với căn bệnh nan y nên không tiếp tục học nữa
 - D. A-ya phải chống chọi với căn bệnh nan y nên suy nghĩ tiêu cực

3. Dòng nào sau đây thể hiện thái độ tích cực của nhân vật A-ya đối với cuộc sống?
- A. Khi gặp người quen, mình còn chẳng kịp nói lời chào
 - B. Lúc nào mình cũng cúi gầm mặt xuống
 - C. Mình phải hít thở và tiếp tục sống
 - D. Mình cảm giác có ai đó sau lưng
4. Phương án nào dưới đây cho thấy tác giả đã sử dụng thủ pháp miêu tả?
- A. Mùa xuân rồi cũng qua đi, những cánh hoa bay lả tả lọt qua cửa xe hơi
 - B. Suốt một năm được nghĩ đến người khác khiến mình cảm thấy thật có ích
 - C. Khi thức dậy vào buổi sáng, mình thấy đáng sợ hơn buổi tối
 - D. Mình giờ đã thành một đứa chẳng thể làm gì ngoài khóc lóc
5. Câu văn nào dưới đây cho biết sự việc “vừa mới xảy ra” đối với nhân vật ?
- A. Một năm trước đây, mình vẫn có thể đứng, nói chuyện và cười.
 - B. Đến một ngày nào đó, không chừng mình sẽ phải nằm bẹp giường.
 - C. Sáng nay, mình bị ngã, cầm đập xuống đất.
 - D. Đây là năm cuối mình còn được trải nghiệm cuộc sống ở kí túc xá.
6. Tính phi hư cấu của văn bản trên được thể hiện ở những yếu tố nào?
7. Phân tích tác dụng của sự kết hợp thủ pháp miêu tả với trần thuật trong phần (2) của đoạn trích *Một lít nước mắt*.
8. Dẫn ra một số câu văn cho thấy sự đau khổ, cô đơn nhưng không tuyệt vọng của nhân vật A-ya.
9. Chi tiết nào trong đoạn trích *Một lít nước mắt* để lại ấn tượng đặc biệt đối với em? Vì sao?
10. Thái độ của A-ya khi đối mặt với căn bệnh nan y gợi cho em suy nghĩ gì? Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của em?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc các văn bản nhật kí, phóng sự, hồi kí trong sách, báo hoặc Internet. Khi đọc, cần lưu ý: tóm tắt nội dung văn bản, ghi lại những cảm xúc, điều tâm đắc, thích thú hoặc băn khoăn, chưa hiểu,... của bản thân về những văn bản đó.

2. Sưu tầm (qua sách vở, báo chí và các phương tiện truyền thông) những tấm gương tiêu biểu cho lối sống đẹp và các hiện tượng cần phê phán có liên quan đến tuổi trẻ.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) của hài kịch; phân tích và đánh giá được tác động của tác phẩm hài kịch đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
- ▶ Nhận diện và sửa được các lỗi lô gích, lỗi câu mơ hồ.
- ▶ Viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án, biết sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa.
- ▶ Trình bày được báo cáo kết quả của bài tập dự án, sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.
- ▶ Phê phán thói khoác lác, lừa lọc, quan liêu, dối trá; sự tham lam, keo kiệt, độc ác; lối suy nghĩ cứng nhắc, áp đặt, duy ý chí.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Hài kịch

Hài kịch là một thể loại kịch, mang đầy đủ những đặc điểm của thể loại này về cốt truyện, ngôn ngữ, xung đột, hành động kịch,... nhưng có những điểm khác biệt sau:

- Hài kịch sử dụng tiếng cười để chế giễu, phê phán, châm biếm, đả kích những thói hư tật xấu, cái nhố nhăng, lối bịch, kịch cớm, lối thời,... trong đời sống.
- Tình huống trong hài kịch là tình thế, hoàn cảnh đặc biệt khiến cho mâu thuẫn, xung đột và tính cách của nhân vật chuyển từ trạng thái tĩnh, tiềm ẩn sang trạng thái được bộc lộ. Ví dụ, trong văn bản *Tiền tội nghiệp của tôi ơi!* (trích *Lão hà tiện*) có hai tình huống làm nảy sinh, phát triển xung đột và bộc lộ tính cách của Ác-pa-gông (Harpagon), đó là tình huống Ác-pa-gông đang nói to mồm lo lắng về việc chôn một vụn ê-quy⁽¹⁾ vàng ở ngoài vườn thì nhìn thấy Clê-ăng (Cleante) và Ê-li-dơ (Elise) đang thì thầm nói chuyện với nhau; tình huống Ác-pa-gông phát hiện traps vàng đã không cánh mà bay.

(1) Ê-quy: một đơn vị tiền tệ cũ của Pháp.

– Hành động trong hài kịch là toàn bộ hoạt động của nhân vật (lời thoại, cử chỉ, điệu bộ, hành vi,...) thể hiện và thúc đẩy xung đột, bộc lộ tính cách đáng cười của nhân vật hài kịch. Ví dụ: hành động cầm lá thư, hốt hơ hốt hải chạy vào nhà thị trưởng và thông báo “Người công chức chúng ta tưởng là quan thanh tra lại không phải là quan thanh tra.” của Chủ sự bưu vụ⁽¹⁾ trong lớp VIII của vở kịch *Quan thanh tra* (Gỗ-gôn).

– Ngôn ngữ trong hài kịch bao gồm lời thoại (đối thoại, độc thoại, bàng thoại) và chỉ dẫn sân khấu. Để tạo ra tiếng cười, tác giả thường sử dụng ngôn ngữ gần với đời sống, hài hước, gây cười. Đối thoại trong hài kịch thường được tổ chức theo cấu trúc tấn công – phản đòn, thăm dò – lảng tránh, cầu xin – từ chối, vu vạ – biện minh,...

– Kết cấu của văn bản hài kịch cũng được chia thành các hồi, lớp, cảnh,... Hệ thống nhân vật được tổ chức theo quan hệ đối lập để làm nổi bật xung đột.

– Thủ pháp trào phúng (biện pháp gây cười) thường được sử dụng trong hài kịch gồm: tạo tình huống giàu kịch tính, phóng đại (cường điệu, nói quá), cách diễn đạt phi lô gích, không hợp tình thế, điệu bộ gây cười, giễu nhại, vật hoá, tương phản, bỏ lửng lời thoại, “ông nói gà, bà nói vịt”,...

2. Phong cách cổ điển

Phong cách cổ điển là một phong cách của các tác phẩm văn học châu Âu, phát triển rực rỡ nhất ở nước Pháp từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX. Trên cơ sở của triết học duy lí, phong cách cổ điển thường xây dựng nhân vật trung tâm lí tưởng là những con người đặt lí trí lên trên tình cảm, phục tùng lợi ích quốc gia, dòng họ; phê phán những con người đam mê dục vọng bản năng, đi ngược lại nguyên tắc tôn sùng lí trí. Ví dụ: nhân vật Ác-pa-gông trong hài kịch *Lão hà tiện* (Mô-li-e) với thói háms vàng, các nhân vật mang những thói hư tật xấu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten (La Fontaine),... đều là đối tượng của tiếng cười châm biếm. Nhân vật trong các tác phẩm mang phong cách cổ điển được tô đậm, nhấn mạnh để làm nổi bật một nét tính cách nào đó. Ví dụ, nhân vật Ác-pa-gông là sự tô đậm “có tính chất hùng biện của tính hà tiện” (Bi-ê-lin-xki (Bielinsky)). Tính cách của các nhân vật thường tĩnh tại, sự thay đổi của hoàn cảnh chỉ để nhấn mạnh, làm rõ thêm tính cách. Phong cách cổ điển cũng chú trọng hướng về những hình tượng và hình thức của văn nghệ cổ đại (mô phỏng cổ đại), lấy tự nhiên làm đối tượng mô phỏng, tạo ra những hệ thống quy định khắt khe cho mỗi thể loại. Các tác giả tiêu biểu của phong cách cổ điển gồm: Coóc-nây (Corneille), Ra-xin (Racin) trong bi kịch, Mô-li-e trong hài kịch, La Phông-ten trong thơ ngụ ngôn, Boa-lô (Boileau) trong thơ trào phúng và lí luận phê bình,...

(1) *Chủ sự bưu vụ*: công chức phụ trách các công việc thư tín.

3. Lỗi lô gích, câu mơ hồ và cách sửa

3.1. Lỗi lô gích là hiện tượng câu hoặc đoạn văn, văn bản có những thông tin, lập luận mâu thuẫn nhau hoặc thiếu nhất quán, không đầy đủ, không rõ ràng. Ví dụ:

Trong giáo dục nói chung và trong bóng rổ nói riêng, chúng ta đã đạt được những thành công nhất định.

Câu trên chứa các từ ngữ thiếu nhất quán: *giáo dục* và *bóng rổ* không thuộc cùng lĩnh vực nên không thể đưa vào cách diễn đạt *nói chung* và *nói riêng*.

Để sửa lỗi lô gích, người viết cần xác định đúng nguyên nhân gây ra lỗi và thay thế các từ ngữ phù hợp, đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với tư duy cũng như thực tế khách quan. Ví dụ: Câu trên có hai cách sửa: (1) *Trong thể thao nói chung và trong bóng rổ nói riêng, chúng ta đã đạt được những thành công nhất định*; (2) *Trong giáo dục nói chung và trong giáo dục thể chất nói riêng, chúng ta đã đạt được những thành công nhất định*.

3.2. Câu mơ hồ là câu mắc lỗi dùng từ hoặc lỗi cấu tạo khiến người nghe (người đọc) có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ:

Xe không phải rẽ trái!

Câu trên có ba cách hiểu: *Xe này không bắt buộc phải rẽ trái*; hay: *Các loại xe nói chung không bắt buộc phải rẽ trái*; *Xe không tải (không chở người hoặc hàng hoá) phải rẽ trái*.

Để sửa câu mơ hồ, người viết cần thêm những từ ngữ phù hợp để làm nổi bật thông báo duy nhất của câu, tránh hiểu lầm. Ví dụ: Câu trên có ba cách sửa: (1) *Xe này không phải rẽ trái!*; (2) *Tất cả các loại xe đều không phải rẽ trái*; (3) *Xe không tải phải rẽ trái!*.

Trong giao tiếp, cần tránh viết (nói) những câu có thể hiểu theo nhiều nghĩa, đặc biệt là trong các văn bản hành chính và khoa học. Tuy nhiên, cũng cần phân biệt câu mắc lỗi mơ hồ với câu được cố ý viết với nhiều cách hiểu khác nhau nhằm mục đích tu từ. Ví dụ:

Giọt nước mắt vắng trắng

Long lanh trong đáy giếng.

(Đàn ghi ta của Lor-ca – Thanh Thảo)

Câu thơ *Giọt nước mắt vắng trắng* có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau: *giọt nước mắt như vắng trắng*; *giọt nước mắt của vắng trắng*,... Sự mơ hồ ở đây nhằm tạo ra các hướng liên tưởng đa dạng và phong phú, góp phần biểu đạt sâu sắc hình tượng của tác phẩm.



QUAN THANH TRA

(Trích)

GÔ-GÔN

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)

– Khi đọc hiểu một văn bản hài kịch, các em cần chú ý:^(**)

+ Tóm tắt cốt truyện của văn bản.

+ Xác định được xung đột, dạng xung đột và tình huống nảy sinh, phát triển xung đột; những hành động kịch tiêu biểu và ngôn ngữ đặc sắc trong văn bản hài kịch.

+ Tìm hiểu nhân vật trong hài kịch: xác định nhân vật nào là đối tượng của tiếng cười, phân tích tính cách của nhân vật được thể hiện qua tình huống, hành động kịch, ngôn ngữ và các thủ pháp trào phúng.

+ Liên hệ, kết nối văn bản kịch với kinh nghiệm của bản thân, với đời sống hiện tại để phân tích và đánh giá được tác động của tác phẩm hài kịch đối với người đọc và tiến bộ xã hội.

– Đọc trước đoạn trích; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Ni-kô-lai Va-xi-li-ê-vich Gô-gôn (Nikolay Vasilyevich Gogol) và tác phẩm *Quan thanh tra*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh của đoạn trích:

Thị trường thông báo với các quan chức, cảnh sát việc y nhận được bức thư báo tin quan thanh tra mang theo mật lệnh sắp đến thành phố một cách bí mật. Cả bọn đều rất lo lắng, thị trường thúc giục mọi người tìm cách đối phó. Vừa hay, hai quý tộc trong vùng chạy đến thông báo người khách trọ mang tên Khlét-xta-cốp (Khlestacov) chính là quan thanh tra. Thị trường cùng tất cả quan chức cuống quýt tìm đến khách sạn và mời Khlét-xta-cốp về nghỉ tại nhà. Đang trong hoàn cảnh tiền bạc quẩn bách do đã nường



N.V. Gô-gôn
(1809 – 1852), Nga

(*), (***) Khi đọc hiểu văn bản hài kịch khác trong Bài 3, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

hết vào trò đồ đen và ăn chơi suốt hai tháng dọc đường, Kh lét-xta-cốp lập tức “nhập vai”. Hắn được dẫn đi thăm các cơ quan công sở rồi đánh chén. Người nào được hắn hỏi vay tiền đều sẵn sàng cống nộp. Kh lét-xta-cốp còn tranh thủ tán tỉnh cả vợ và con gái viên thị trưởng, được y đồng ý gả con gái cho. Giữa lúc đó, Chủ sự bưu vụ bỗng phát hiện ra sự thật về “quan thanh tra”.

Vở kịch gồm năm hồi, đoạn trích thuộc Hồi năm.

2 Đọc hiểu

Lớp VIII

Các vai trên, thêm chủ sự bưu vụ hét hơ hét hải chạy vào, tay cầm lá thư.

CHỦ SỰ BƯU VỤ: Thưa các vị, chuyện lạ quá! Người công chức chúng ta tưởng là quan thanh tra, lại không phải là quan thanh tra.

Điều gì được thông báo? Vì sao chủ sự bưu vụ có được thông tin đó?

TẤT CẢ: Sao, không phải là quan thanh tra?

CHỦ SỰ BƯU VỤ: Hoàn toàn không phải. Do cái thư này mà tôi được biết...

THỊ TRƯỞNG: Ông nói gì? Ông nói gì? Do cái thư nào?

CHỦ SỰ BƯU VỤ: Phải, thư chính tay hắn viết. Có người mang đến Nhà Bưu vụ cho tôi. Tôi nhìn vào bì thư, xem gửi cho ai, thấy đề: Phở Nhà Bưu vụ. Tôi tái mặt, nghĩ thầm: Hừ, chắc hắn biết chuyện gì không tốt về nhà bưu vụ, nên báo cho quan trên. Tôi liền bóc ra xem.

THỊ TRƯỞNG: Sao ông lại dám thế?... [...] Sao ông lại dám bóc thư của một vị quan lớn được uỷ nhiệm như vậy?

Thị trưởng phản ứng như thế nào trước khi bức thư được đọc?

CHỦ SỰ BƯU VỤ: Hắn chẳng được ai uỷ nhiệm, cũng chẳng phải quan lớn quan bé gì, thế mới ra chuyện chứ!

THỊ TRƯỞNG: Vậy theo ông, đó là ai?

CHỦ SỰ BƯU VỤ: Chẳng phải ông cũng chẳng phải thẳng; biết thế quý nào được nó là ai.



THỊ TRƯỞNG (*tức giận*): Chẳng phải ông cũng chẳng phải thằng là thế nào? Sao ông lại dám gọi Ngài là chẳng phải ông cũng chẳng phải thằng? Sao ông lại dám nói biết thế quỉ nào Ngài là ai? Tôi hạ lệnh bắt ông...

CHỦ SỰ BUƯ VỤ: Ai? Ông ấy à?

THỊ TRƯỞNG: Phải, tôi.

CHỦ SỰ BUƯ VỤ: Ngài ngẩn tay lắm, không bắt được đâu, ngài ạ!

THỊ TRƯỞNG: Ông phải biết Ngài cưới con gái tôi, tôi sẽ thành quan to có uy quyền, tôi sẽ đày ông đi Xi-bia (Siberia), rõ không?

CHỦ SỰ BUƯ VỤ: Ê, An-tôn An-tô-nô-vích (Anton Antonovitr)! Xi-bia quái gì. Xi-bia xa lắm. Khoan, tốt hơn hết là nghe tôi đọc đây này. Thưa các vị, có đồng ý để tôi đọc thư không?

CẢ BỌN: Đọc đi, đọc đi!

CHỦ SỰ BUƯ VỤ (*đọc*): “Cậu Giẻ lau thân yêu, mình vội viết thư cho cậu về một câu chuyện quái lạ, không thể tưởng tượng được, về mình. Trong khi đi đường, mình đánh bạc với một thằng cha quan ba, bị nhả túi không còn gì để trả tiền ăn trọ; mình đang bị chủ quán dọa bỏ tù. Nhưng chỉ vì mình có bộ mặt ra vẻ con người thủ đô, bộ quần áo bảnh bao của khách thị thành, bọn người ở đây liền tưởng nhầm mình là một cụ lớn nguyên soái giữ chức tổng đốc. Hiện nay, mình ở nhà thị trưởng, ăn uống thả cửa, lại tán tỉnh mạnh cả vợ và con gái lão ta [...]. Cậu có nhớ hai thằng chúng mình bị tống quân như thế nào không, có nhớ chúng mình đi ăn lừa thế nào không, và một lần thằng cha chủ hiệu bánh nó đã tóm cổ áo mình vì mình ăn bánh ngọt quýt tiền không? Bây giờ thì hoàn toàn trái lại. Thằng nào cũng cho mình vay tiền, vay bao nhiêu cũng được ngay. Thật là những cửa hiểm có. Giá cậu được chứng kiến sẽ cười vỡ bụng ra mất. Mình biết cậu vẫn viết báo, vậy cố làm một bài về những thằng cha ở đây nhé. Trước hết là thằng thị trưởng, ngu như một con ngựa thiên lông xám.”.

Chú ý nội dung bức thư.

THỊ TRƯỞNG: Không thể như vậy được! Trong đó không viết như thế.

CHỦ SỰ BUƯ VỤ (*giơ lá thư*): Đây, ông đọc xem!

THỊ TRƯỞNG (*đọc*): “Như một con ngựa thiên lông xám”. Không thể như vậy được; chính ông viết ra.

CHỦ SỰ BUƯ VỤ: Ô hay! Tôi viết làm sao được?

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH (ARTEMI PHILIPPOVITR): Đọc đi!

LU-KA LU-KÍCH (LUKA LUKITR): Đọc đi!

CHỦ SỰ BUƯ VỤ (*tiếp tục đọc*): “Thằng thị trưởng ngu như một con ngựa thiên lông xám.”.

THỊ TRƯỞNG: Ô, đồ quý bất! Lại còn phải nhắc lại nữa! Làm như không nhắc lại thì mấy chữ ấy nó chạy mất.

Thông tin về thị trường được nhắc mấy lần?

CHỦ SỰ BUŨ VỤ (*đọc tiếp*): Hừm... hừm... hừm... hừm... “một con ngựa thiện lông xám... Chủ sự buu vụ cũng là một người tốt bụng...” (*Ngừng đọc*). Hừ, chỗ này nó cũng viết bậy về tôi.

THỊ TRƯỞNG: Cứ đọc đi!

CHỦ SỰ BUŨ VỤ: Đọc làm gì?...

THỊ TRƯỞNG: Không, con khi, đã đọc thì đọc tất cả. Đọc đi kia!

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Xin phép, tôi đọc cho. (*Đeo kính và đọc*). “Chủ sự buu vụ giống thằng Mi-khe-ép (Mikheev), gác cổng ở buu vụ như hệt; chắc nó cũng chè rượu và bán tiện như thế.”

CHỦ SỰ BUŨ VỤ (*nói với tất cả*): Hừ, thằng viết chỉ là một thằng oắt con khốn nạn, đáng đét cho một trận thôi, không có gì lạ cả!

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH (*đọc tiếp*): Thằng cha viện trưởng viện tế... ề... ề... ề... (*áp úng*).

KÔ-RÔP-KIN (KOROVKIN): Sao ông dừng lại thế?

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Đoạn này viết khó xem; và lại, rõ ràng thằng này là một đồ xỏ lá.

KÔ-RÔP-KIN: Đưa tôi đọc cho! Tôi chắc tinh mắt hơn ông (*định cầm lấy thư*).

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH (*giữ thư lại*): Không, có thể bỏ qua đoạn này, từ đây xuống dưới lại dễ đọc.

KÔ-RÔP-KIN: Thôi, xin phép ông, biết tổng đi rồi.

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Muốn đọc thì tôi sẽ đọc lấy, từ đây xuống dưới quả thật là dễ xem.

CHỦ SỰ BUŨ VỤ: Không, phải đọc cả! Nãy giờ, đọc cả đấy thôi.

MỌI NGƯỜI: Ác-tê-mi Phi-líp-pô-vích, đưa thư đây! Đưa thư đây xem nào. (*Nói với Kô-rôp-kin*). Đọc đi!

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Đây (*Đưa thư*). Nhưng xin phép. (*Lấy ngón tay bịt một đoạn*). Đọc từ đây trở đi. (*Mọi người xúm lại gần*).

CHỦ SỰ BUŨ VỤ: Đọc đi! Đọc đi! Chỉ được cái dăm dớ; đọc tất cả!

KÔ-RÔP-KIN (*đọc*): “Giem-li-a-ni-ca (Zemlianika), thằng viện trưởng viện tế bản⁽¹⁾ là một con lợn chính cống đội mũ nôi.”

Chú ý thông tin về mỗi nhân vật được viết trong bức thư.

(1) Viện tế bản: nơi cứu giúp người nghèo khổ.

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH (*nói với mọi người*): Thật lão toét! Lợn đội mũ nôi! Các vị có thấy lợn đội mũ nôi bao giờ không chứ?

KÔ-RÔP-KIN (*đọc tiếp*): “Thằng kiểm học⁽¹⁾, người sắc mùi hành”.

LU-KA LU-KÍCH (*nói với tất cả*): Tôi xin thề rằng không ăn hành bao giờ cả.

AM-MÔT PHI-Ô-ĐO-RÔ-VÍCH (AMMOS PHIODOROVITR) (*nói riêng*): Phúc bảy mươi đời, không có đoạn nào nói về mình.

KÔ-RÔP-KIN (*đọc*): “Thằng chánh án”...

AM-MÔT PHI-Ô-ĐO-RÔ-VÍCH: Thôi bỏ mẹ rồi! (*Nói to*). Thưa các vị, tôi thấy bức thư này dài lắm. Và lại, thư quái quỷ như thế này, đọc làm gì những cái bản thiêu như vậy.

LU-KA LU-KÍCH: Không, cứ đọc!

CHỦ SỰ BUÙ VỤ: Không được, đọc đi!

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Không được, đọc đi ông ơi!

KÔ-RÔP-KIN (*tiếp tục*): “Thằng chánh án Li-áp-kin Ti-áp-kin (Liapkin Tiapkin) thật hết sức mô-ve-tông⁽²⁾”. (*Ngừng lại*). Chắc đây là tiếng Pháp.

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Chà, bố thằng nào biết mô-ve-tông là cái quái gì! Nếu có nghĩa là bịp bợm⁽³⁾ thì còn khả trợ; nhưng xem chừng còn tệ hơn thế.

KÔ-RÔP-KIN (*đọc tiếp*): “Nhưng ngoài ra, chúng nó đều quý khách và tốt bụng cả. Thôi chào cậu, cậu Giê lau thân yêu [...]. (*Lật bức thư và đọc địa chỉ*). Kính gửi ông I-van Va-xi-li-ê-vích (Ivan Vaxilievitr) Giê lau, tại số nhà 97, tầng gác thứ ba bên phải sân, phố Nhà Bưu vụ, Pê-téc-bua (Petersburg)”.

[...] THỊ TRƯỞNG: Thật như bị một búa chết tươi, như bị một búa chết tươi. Chết rồi, chết rồi, chết hẳn rồi! Tôi chẳng còn nhìn thấy gì nữa. Chung quanh, tôi không thấy mặt người, chỉ thấy toàn mặt lợn; không có gì khác nữa... Bắt lại, bắt nó lại! (*Hoa tay*).

CHỦ SỰ BUÙ VỤ: Bắt nó ở đâu bây giờ! Thật cứ như là giúp nó ấy, tôi lại bảo gác trạm cho nó dùng một cỗ xe ba ngựa, tốt nhất, lại còn cung cấp cho nó cả giấy công lệnh⁽⁴⁾ rồi mới khi chứ! [...]

AM-MÔT PHI-Ô-ĐO-RÔ-VÍCH: Chó thật, thưa các ngài, nó lại lấy của tôi ba trăm rúp cơ chứ.

(1) *Kiểm học*: chức quan trông coi việc học.

(2) *Mô-ve-tông* (tiếng Pháp: mauvaiston): dơ dáy, xấu xa.

(3) *Mauvais ton* cũng bắt đầu bằng âm *m* như *mosennik* (mô-sen-ních) trong tiếng Nga (có nghĩa là kẻ bịp bợm).

(4) *Công lệnh*: giấy chứng nhận cử đi công tác, do cơ quan cấp.

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Nó cũng lấy của tôi ba trăm rúp.

CHỦ SỰ BUŨ VỤ (*thở dài*): Ôi, nó cũng lấy của tôi ba trăm rúp.

BỐP-TRIN-XKI (BOBTRINSKI): Nó lấy của tôi và Pi-ốt I-va-nô-vích (Pyot Ivanovitr) sáu mươi năm rúp.

AM-MỐT PHI-Ô-ĐO-RÔ-VÍCH (*sững sờ, dang tay ra*): Sao thế nhỉ, thưa các ngài? Sao chúng ta lại có thể hờ đến thế được nhỉ?

THỊ TRƯỞNG (*đập đập tay lên trán*) Sao ấy à?

Không, tôi chỉ là một thằng già ngu xuẩn thôi! Một con cừu ngốc nghếch như con nít ấy! Ba mươi năm trời, tôi làm việc quan, không có một thằng nhà buôn, một thằng

Chỉ ra các lời thoại có màu sắc độc thoại, bàng thoại trong lời đối thoại của thị trưởng.

thầu khoán nào có thể bịp được tôi, tôi đã lừa được những thằng đều giả mạo nghề lừa lọc, những thằng cáo già tinh ma quỷ quái nhất; tôi đã bịp được cả ba thằng tổng đốc! Tổng đốc ấy!... (*Khoa tay*). Tổng đốc ấy cũng không đáng kể vào đâu. [...] Trông này, trông này, cả bàn dân thiên hạ, hết thấy những người tin đạo, mọi người hãy nhìn xem thằng thị trưởng bị lừa này! Nó là đồ ngu ngốc, thằng già ngu ngốc khôn kiếp. (*Nắm tay tự đâm dùi vào mặt mình*). Hừ, thằng to đầu mà đại kia! Mày đã nhảm một cục đất, một miếng giẻ rách với một nhân vật quan trọng! Thế là giờ đây nó cười xe đi nhong nhong văng lên ở trên đường! Không những thế, nó còn đem chuyện đi khắp thế giới kể ra để mua vui cho thiên hạ... Rồi lại có một thằng cạo giấy, một thằng văn sĩ văn siếc nào đó, nó đưa mày lên sân khấu để làm trò cười, thật là nhục nhã: ngạch bậc, quan tước nó cũng chẳng tha, rồi thiên hạ còn nhe răng cười, vỗ tay hoan hô nó! Các ngài cười gì? Các ngài tự giễu mình đây!... Hừ.... Tất cả bọn văn sĩ văn siếc ấy, hừ, đồ sâu tằm, đồ ưa tự do khôn kiếp, cái giống quỷ quái, ông thì trối tròn tất cả chúng nó lại, ông thì nghiền nát chúng ra như cám, giẫm bẹp chúng nó, quăng xác cho quỷ nó tha đi! (*Nắm tay, giậm chân xuống sàn. Sau một phút im lặng*). Cho đến bây giờ, tôi cũng không thể nào bình tĩnh được. Rõ thật khi nào bị trời trừng phạt thì trước hết trời làm mất trí như thế đây. Cái thằng vợ văn ấy giống quan thanh tra ở chỗ nào? Chẳng giống tí nào. Rõ ràng chẳng giống một mày may nào cả! Vậy mà bỗng dưng tất cả đều gào lên: quan thanh tra, quan thanh tra? Hừ, đưa nào réo lên đầu tiên cái thằng ấy là quan thanh tra? Trả lời xem nào.

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH (*dang tay*): Chuyện xảy ra như thế nào, có hỏi đến mấy tôi cũng chịu, không sao giải thích được, đúng như mây mù làm rối beng đầu óc, quỷ thật!

AM-MỐT PHI-Ô-ĐO-RÔ-VÍCH: Thằng nào thả ra tin ấy à! Chính những thằng réo lên đầu tiên đây: hai tướng bạo gan này đây! (*Chỉ Đốp-trin-xki (Dobtrinski) và Bốp-trin-xki*).

BỐP-TRIN-XKI: Ấy, ấy, không phải tôi, tôi không nghĩ...

ĐÓP-TRIN-XKI: Tôi ấy à, tôi không hề, tôi hoàn toàn không hề...

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Đúng các anh!

LU-KA LU-KÍCH: Còn ai vào đây nữa. Các anh ở quán trọ chạy về như người điên, kêu lên: “Ngài đã đến, Ngài đã đến, ăn không trả tiền...”. Rõ thật là tìm được một nhân vật quan trọng gớm!

THỊ TRƯỞNG: Chính là chúng mày! Đồ phao tin bậy ở thành phố, đồ nói nhảm chết tiệt!

ÁC-TÊ-MI PHI-LÍP-PÔ-VÍCH: Đồ bịa chuyện nhăng, sao quý không bắt các anh cùng với quan thanh tra của các anh đi!

THỊ TRƯỞNG: Chúng mày chỉ được cái nghề chạy khắp thành phố, gieo rắc tin tức làm hoang mang tất cả mọi người, đồ chết giẫm hay ngồi lê đôi mách, đồ luôn luôn kiếm chuyện nói càn, lúc nào cũng như con vẹt cụt đuôi. [...]

LỚP CUỐI CÙNG

Các vai trên, thêm một hiền binh⁽¹⁾.

HIỀN BINH: Theo lệnh trên, quan lớn từ Pê-téc-bua đến cho đòi các quan lại ngay tức khắc để gặp Ngài. Ngài đang nghỉ tại khách sạn.

Những lời nói trên như sét đánh làm cả bọn kinh ngạc đờ người. Đám các bà, các cô đồng thanh thốt lên một tiếng kêu thất kinh: mọi người đột nhiên thay đổi bộ điệu. Sợ hãi cứng người lại như hoá thành đá.

Hình dung hành động và tâm trạng của các nhân vật trên sân khấu qua lời chỉ dẫn.

(N. GOGOL, *Quan thanh tra*, VŨ ĐỨC PHÚC dịch, NXB Lao động – Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, 2009)

?

1. Liệt kê ít nhất năm lời chỉ dẫn sân khấu và nêu tác dụng của các chỉ dẫn đó trong việc thể hiện bối cảnh, xung đột, hành động và tâm trạng của nhân vật.
2. Nêu tình huống và xung đột trong đoạn trích *Quan thanh tra*.
3. Đặc điểm nhân vật hài kịch hiện lên trong đoạn trích như thế nào? Em ấn tượng nhất với nhân vật nào? Vì sao?
4. Nhân vật tích cực trong đoạn trích *Quan thanh tra* chính là tiếng cười. Hãy nêu ý kiến của em về quan điểm đó.
5. Thông điệp chính của đoạn trích là gì? Thông điệp ấy có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống hôm nay?
6. Hãy chọn một lời thoại mà em ấn tượng nhất. Nhập vai thể hiện lời thoại đó trước lớp.

(1) *Hiền binh*: cảnh sát vũ trang trong quân đội của một số nước.

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Thực thi công lí*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Uy-li-am Sếch-xpia và vở hài kịch *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh của đoạn trích:

Ba-sa-ni-ô (Bassanio) muốn cưới nàng Poóc-xi-a (Portia) xinh đẹp nên đã nhờ người bạn là thương gia An-tô-ni-ô (Antonio) giúp đỡ. Hàng hoá, tài sản của An-tô-ni-ô hiện đều đang ở trên các tàu buôn, chưa cập cảng nên An-tô-ni-ô đã đến nhà Sai-lốc (Shylock), một người Do Thái chuyên cho vay lãi để vay tiền giúp bạn. Vốn căm ghét An-tô-ni-ô vì chàng có thói quen cho vay tiền không tính lãi khiến Sai-lốc phải tự hạ mức lãi suất, chịu tổn thất để kinh doanh, nên Sai-lốc đã cho An-tô-ni-ô vay 3 000 đuy-ca (ducat)⁽¹⁾ không tính lãi với điều kiện: sau ba tháng, nếu người vay không hoàn trả số tiền đúng ngày và nơi quy định thì người cho vay sẽ được quyền lấy một cân thịt⁽²⁾ trên cơ thể An-tô-ni-ô. Có được khoản tiền vay, Ba-sa-ni-ô đã cầu hôn Poóc-xi-a. Giữa lúc đó, chàng nhận được tin dữ từ Vơ-ni-dơ qua bức thư của An-tô-ni-ô: những chiếc tàu của An-tô-ni-ô đều bị đắm, các chủ nợ trở mặt độc ác, Sai-lốc kiện An-tô-ni-ô ra toà đòi thực hiện hình phạt. Poóc-xi-a cùng với người hầu gái bí mật cải trang thành chàng tiền sĩ luật sư và người thư kí để đến phiên toà.

Đoạn trích dưới đây thuộc cảnh I, Hồi bốn kể về cuộc đối mặt của Poóc-xi-a với Sai-lốc tại phiên toà.

2 Đọc hiểu

POÓC-XI-A: Tên ông có phải là Sai-lốc không?

SAI-LỐC: Sai-lốc là tên tôi.

POÓC-XI-A: Vụ kiện của ông thật là kì quặc; tuy vậy, nó rất đúng thể thức, nên luật pháp của Vơ-ni-dơ không

Đọc lướt văn bản xem đoạn trích sử dụng những kiểu lời thoại nào (đối thoại, độc thoại).

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) *Đuy-ca*: đồng tiền thông dụng ở châu Âu thời Trung cổ.

(2) *Cân*: đây là cân Anh, xấp xỉ một nửa ki-lô-gam.



Uy-li-am Sếch-xpia
(1564 – 1616), Anh

thể nào ép ông phải thôi đi được. (*Hỏi An-tô-ni-ô*) – Ông hiện đang thuộc quyền xử trí của ông ta, có phải không?

AN-TÔ-NI-Ô: Vâng, đúng như y nói.

POỐC-XI-A: Ông có thừa nhận tờ văn khế không?

AN-TÔ-NI-Ô: Tôi thừa nhận.

POỐC-XI-A: Vậy Sai-lốc phải có lượng khoan hồng.

SAI-LỐC: Do áp lực nào mà tôi lại phải khoan hồng? Xin nói cho tôi nghe.

POỐC-XI-A: Chính bản chất của sự khoan hồng là không vâng theo áp lực; nó từ trên trời sa xuống như một trận mưa tốt lành; nó được trời ban phước hai lần:

Hành động kịch của Poốc-xi-a ở đây là gì?

được ban phước trong kẻ ra ơn cũng như trong kẻ chịu ơn. Có uy lực hơn cả, ở những kẻ có uy quyền lớn nhất, nó thích hợp với bậc quân chủ ở ngai vàng, còn hơn cả vòng vương miện nữa. Long cốn⁽¹⁾ của nhà vua là biểu tượng của uy quyền thế lực, là đặc trưng của sự hùng vĩ và uy nghi khiến mọi người phải



kính sợ các vua chúa, nhưng sự khoan hồng còn mở mang lĩnh vực cao hơn lĩnh vực của cốn miện⁽²⁾ nữa; nó có ngai vàng của nó trong trái tim các vị vua chúa; nó là một đặc trưng của chính Thượng đế, và quyền lực trần gian có vẻ là quyền lực của Thượng đế khi có sự khoan hồng làm cho công lí khoan hoà đi. Vì thế cho nên, hỡi Sai-lốc, mặc dầu người kiện đúng công lí, nhưng hãy nghĩ cho điều này, nếu cứ để cho công lí mặc sức tiến hành thì không bao giờ có ai được cứu rồi. Chúng ta cầu nguyện để được hưởng khoan hồng và cũng lời cầu nguyện đó dạy chúng ta nên mở lượng khoan hồng. Ta đã nói dài về chủ đề đó như vậy cốt để người đệ bút sự nghiêm khắc của cáo trạng của người, vì, nếu để người cứ một mực khẳng khái như cũ thì toà án nghiêm minh của Vơ-ni-dơ sẽ phải phân xử cho người lái buôn kia chịu hình phạt.

SAI-LỐC: Xin cứ để cho hành động của tôi đổ lên đầu tôi. Tôi đòi hỏi công lí và sự thi hành các điều khoản của văn khế.

(1) Long cốn: áo lễ của vua.

(2) Cốn miện: áo và mũ lễ của vua.

POÓC-XI-A: Người kia không có khả năng hoàn lại số tiền của người sao?

BA-SA-NI-Ô: Có, tôi xin nộp số tiền đó thay cho ông ấy, ở đây, trước toà; phải, tôi xin nộp gấp hai lần trị số của món tiền; nếu như thế chưa đủ, tôi xin cam kết nộp gấp mười lần, dù tôi có phải mất cả hai tay, mất cả đầu, mất cả trái tim của tôi, nếu như thế vẫn còn chưa đủ, tức là kẻ ác có thể vô tội vạ đè nát con người lương thiện. Vậy tôi khẩn cầu các ngài: các ngài hãy bắt công lí phải nhượng bộ, nhân danh uy quyền của các ngài; các ngài hãy làm cái việc sai trái nhỏ đó để nhằm một việc nhân nghĩa rất lớn, và kìm hãm những mưu đồ của tên quỷ độc ác kia.

POÓC-XI-A: Không nên làm như thế. Không có quyền lực nào ở Vơ-ni-dơ có quyền thay đổi một sắc lệnh đã ban bố; làm như vậy sẽ tạo nên một tiền lệ, và vin vào cái gương đó, trăm nghìn sự nhúng nhàm sẽ xúm lại làm hại nhà nước; không thể làm như thế được.

SAI-LỐC: Một vị Đa-ni-ên (Daniel)⁽¹⁾, đúng rồi, một vị Đa-ni-ên đến đây để xử chúng ta đây; hồi quan án trẻ tuổi và sáng suốt, tôi tôn kính người biết mấy.

Hình dung giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, tâm trạng của Sai-lốc mỗi khi cất lời ca tụng vị quan toà.

POÓC-XI-A: Cho ta xem tờ văn khế nào.

SAI-LỐC: Đây ạ, thưa ngài tiến sĩ rất tôn kính, đây ạ.

POÓC-XI-A: Sai-lốc, người ta biểu người gấp ba lần số tiền của người đây.

SAI-LỐC: Một lời thề, một lời thề, tôi đã có một lời thề với Trời; chả lẽ tâm hồn tôi lại vi bội lời thề! Không, dù đổi lấy cả thành Vơ-ni-dơ, cũng không.

POÓC-XI-A: Hạn kì đề ra trong văn khế đã qua rồi, và theo đúng luật, Sai-lốc có quyền đòi một cân thịt, do chính tay y cắt lấy gần sát trái tim. Người hãy khoan hồng; hãy nhận gấp ba lần số tiền, và bảo ta xé tờ văn khế đi.

SAI-LỐC: Khi nào nó đã được thanh toán đúng theo nội dung của nó, vâng. Ngài có vẻ là quan toà giỏi; ngài biết rõ pháp luật; ngài đã trình bày nội vụ rất răn ròi; nhân danh pháp luật mà ngài là cột trụ đáng kính, tôi trịnh trọng yêu cầu ngài tiến hành cuộc phán xử. Lời nói của con người không có uy lực gì làm tôi đổi ý được. Tôi khẳng khẳng một mực yêu cầu theo đúng văn khế.

AN-TÔ-NI-Ô: Tôi khẩn cầu toà tuyên án đi cho.

POÓC-XI-A: Vậy thì người chuẩn bị đưa ngực ra để đón mũi dao của y.

SAI-LỐC: Ôi, vị quan toà cao quý! Ôi, chàng trẻ tuổi ưu việt!

POÓC-XI-A: Dụng ý và mục tiêu của pháp luật đều hoàn toàn phù hợp với điều khoản hình phạt, điều khoản đó, theo tờ văn khế, phải được thi hành.

SAI-LỐC: Thật là chí lí! Ôi! Vị quan toà ngay thẳng và sáng suốt! Ngài thật là già dặn hơn bên ngoài nhiều lắm!

(1) Đa-ni-ên: một trong bốn vị tiên tri lớn (thế kỉ VII trước Công nguyên), có tiếng thông minh, sáng suốt.

POÓC-XI-A (*Nói với An-tô-ni-ô*): Người hãy phanh ngực ra.

SAI-LỐC: Phải rồi, ở ngực: đó là lời văn của tờ văn khế, có phải không, hỡi vị quan toà cao quý? Gắn sát trái tim: đó chính là lời lẽ trong văn khế.

POÓC-XI-A: Ở đây có cân để cân thịt không?

SAI-LỐC: Tôi có mang theo đây sẵn sàng đủ cả.

POÓC-XI-A: Sai-lốc, có lẽ cần phải cho gọi, phí tổn do người chịu, một nhà phẫu thuật để hàn lại những vết thương, kéo y mất nhiều máu có thể chết được.

SAI-LỐC: Trong văn khế có ghi điều đó không?

POÓC-XI-A: Không, không có ghi thành lời, nhưng cần gì, người nên làm việc đó vì lòng nhân đức.

SAI-LỐC: Tôi không thể đồng ý với ngài được; trong văn khế không có điều khoản đó. [...] (*Nói to*) Chúng ta mất thì giờ về những chuyện làm nhảm đay. Xin tiếp tục cho nghe lời xử án.

POÓC-XI-A: Một cân thịt của người lái buôn kia là thuộc quyền người: toà xử cho người được cân thịt đó, và pháp luật cho phép người được lấy.

SAI-LỐC: Quan toà thật là công minh quá!

POÓC-XI-A: Và người phải cắt miếng thịt đó trên ngực của y: pháp luật cho phép và toà đồng ý.

SAI-LỐC: Quan toà thật là giỏi quá! Án quyết như thế, mới là án quyết chứ! Nào, anh, chuẩn bị đi.

POÓC-XI-A: Khoan đã: chưa hết. Tờ văn khế không cho người được lấy một giọt máu nào, nhưng được lấy một cân thịt, lời văn khế đã nói rõ; nếu, khi cắt thịt, người làm chảy ra một giọt máu của người Cơ đốc giáo, thì tài sản đất cát của người bị tịch thu, theo pháp luật của Vơ-ni-dơ, để sung công.

GRA-TI-A-NÔ (GRATIANO): Ôi, quan toà công minh quá, hã, Sai-lốc? Quan toà giỏi quá!

SAI-LỐC: Có đúng là luật pháp như vậy không?

POÓC-XI-A: Người sẽ được xem tận mắt lời văn của luật pháp. Người đã đòi công lí: người sẽ được công lí, và nhiều hơn ý muốn của người.

GRA-TI-A-NÔ: Ôi, quan toà giỏi quá, nhì, Sai-lốc? Ôi, quan toà giỏi quá!

SAI-LỐC: Thế thì, tôi nhận lời đề nghị của y: y sẽ hoàn lại tôi gấp ba lần số tiền trong văn tự, và tôi sẽ buông tha cho tên ấy.

BA-SA-NI-Ô: Tiền đây.

POÓC-XI-A: Khoan! Sai-lốc sẽ được xử theo công lí đầy đủ. Khoan! Đừng vội vã. Y sẽ không được cái gì khác hơn là khoản phạt đền.

Lời thoại của Gra-ti-a-nô có gì giống và khác với lời thoại của Sai-lốc ở phần trước?

GRA-TI-A-NÔ: Hỡi Sai-lốc ơi. Đó thật là một quan toà công minh, một quan toà rất giỏi!

POÓC-XI-A: Người hãy chuẩn bị để cắt thịt; không được làm rỏ một giọt máu; cũng không được cắt nhiều hơn hoặc ít hơn một cân đúng: nếu cân lượng non già dù chỉ một li một lai thôi, nếu cân nghiêng dù chỉ một sợi tóc thôi, người sẽ bị tử hình và tất cả tài sản của người sẽ bị tịch thu.

GRA-TI-A-NÔ: Thật là một Đa-ni-ên thứ hai, Sai-lốc ạ, đúng là một Đa-ni-ên! Thế nào, thằng Sai-lốc kia, mày bị rồi nhé.

POÓC-XI-A: Tại sao Sai-lốc còn chần chừ? Người hãy lấy cái phân của người đi.

SAI-LỐC: Cho tôi xin số tiền nợ, và để cho tôi đi.

BA-SA-NI-Ô: Ta vẫn để sẵn cho người món tiền đó đây: cầm lấy.

POÓC-XI-A: Y đã khước từ món tiền đó trước toà; y sẽ được hưởng công lí theo đúng lời văn của khế ước.

GRA-TI-A-NÔ: Thật đúng là một Đa-ni-ên, đã bảo mà, một Đa-ni-ên thứ hai! Tao cảm ơn mày, Sai-lốc ạ, vì mày đã dạy cho tao biết cái câu đó.

SAI-LỐC: Chỉ món tiền nợ của tôi thôi, tôi cũng không được lấy à?

POÓC-XI-A: Người sẽ chỉ được duy nhất khoản phạt đền, người sẽ thu lấy, nếu có sao người phải chịu, Sai-lốc ạ.

SAI-LỐC: Thế thì, để cho con quỷ đến xóa nợ cho nó. Tôi chả hơi đâu mà cãi vã.

POÓC-XI-A: Khoan đã, Sai-lốc! Người lại còn bị tội với pháp luật một cách khác nữa. Trong các luật lệ của Vơ-ni-dơ, có nói rõ rằng nếu một người ngoại quốc bị chứng có rành rành là đã có những mưu mô trực tiếp hoặc gián tiếp để phạm đến tính mạng của một công dân thành Vơ-ni-dơ, thì một nửa tài sản của y sẽ bị tịch thu để trả cho người bị mưu hại, còn nửa kia sẽ bị sung vào quỹ riêng của nhà nước; còn tính mạng của kẻ mưu hại, là ở trong tay ngài Đại thống lĩnh⁽¹⁾, chỉ riêng ngài có quyền xá cho y cái tội tử hình mà tất cả mọi người khác bắt buộc phải kết án cho y. Vậy nên ta xin tuyên bố, đó chính là trường hợp của người vì rõ ràng là người đã mưu toan gián tiếp, và ngay cả trực tiếp nữa, làm hại đến tính mạng của bên bị, và như vậy người đã mắc vào những hình phạt mà ta vừa mới kể. Và hãy quỳ xuống, và cầu xin ngài Đại thống lĩnh mở lượng khoan hồng.

Tương tượng suy nghĩ, tâm trạng của Sai-lốc khi nghe lời tuyên án của Poóc-xi-a.

(Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ, TUẤN ĐỒ dịch,
in trong William Shakespeare – những vở kịch nổi tiếng,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2017)

(1) Đại thống lĩnh: người đứng đầu thành Vơ-ni-dơ.



1. Liệt kê các hành động kịch của nhân vật Poóc-xi-a và Sai-lốc trong đoạn trích *Thực thi công lí*; từ đó hãy nêu tình huống kịch trong đoạn trích.

2. Ghép phần văn bản ở cột A với cấu trúc đối thoại phù hợp ở cột B. Chỉ ra tác dụng của cách tổ chức các lời thoại đó.

A	B
(1) Từ “Poóc-xi-a: Tên ông có phải là Sai-lốc không?” đến “Tôi khẳng khẳng một mực yêu cầu theo đúng văn khế.”	a. Tấn công, luận tội – Xuống nước, đầu hàng
(2) Từ “An-tô-ni-ô: Tôi khẩn cầu toà tuyên án đi cho.” đến “Nào, anh, chuẩn bị đi.”	b. Thuyết phục – Phản đối
(3) Từ “Poóc-xi-a: Khoan đã, chưa hết.” đến hết.	c. Chấp thuận – Tán thưởng
	d. Thăm dò – Lảng tránh

3. Chỉ ra và nêu nhận xét của em về xung đột kịch trong đoạn trích. (Gợi ý: Xung đột xảy ra giữa ai với ai và về điều gì? Đỉnh điểm của xung đột là khi nào? Xung đột được giải quyết bằng cách nào? Cảm xúc của người đọc diễn biến như thế nào theo mức độ phát triển của xung đột?,...).

4. Qua lời thoại và hành động kịch của nhân vật, hãy làm rõ tính cách của nhân vật Sai-lốc. Vì sao đây là một nhân vật hài kịch?

5. Theo em, có nên sáp nhập tất cả những lời tuyên án, luận tội của Poóc-xi-a dành cho Sai-lốc vào một lượt lời thoại không? Vì sao? Qua đoạn trích, hãy nêu và làm rõ nhận xét của em về nhân vật Poóc-xi-a.

6. Hãy lựa chọn để đối thoại với một trong các ý kiến sau đây (Gợi ý: đồng tình, không đồng tình, lí do,...).

a) “Chính bản chất của sự khoan hồng là không vâng theo áp lực; nó từ trên trời sa xuống như một trận mưa tốt lành; nó được trời ban phước hai lần: được ban phước trong kẻ ra ơn cũng như trong kẻ chịu ơn.” (lời của Poóc-xi-a).

b) “ [...] tôi khẩn cầu các ngài: các ngài hãy bắt công lí phải nhượng bộ, nhân danh uy quyền của các ngài; các ngài hãy làm cái việc sai trái nhỏ đó để nhằm một việc nhân nghĩa rất lớn. [...]” (lời của Ba-sa-ni-ô).

c) “Không có quyền lực nào ở Vơ-ni-dơ có quyền thay đổi một sắc lệnh đã ban bố; làm như vậy sẽ tạo nên một tiền lệ, và vin vào cái gương đó, trăm nghìn sự nhùng nhằng sẽ xúm lại làm hại nhà nước; không thể làm như thế được.” (lời của Poóc-xi-a).



LOẠN ĐẾN NƠI RỜI! (*)

(Trích *Mùa hè ở biển*)

XUÂN TRINH

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Xuân Trinh và vở kịch *Mùa hè ở biển*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

Về thăm nhà, ông Đoàn Xoa – vốn là cán bộ huyện, tỉnh rồi được chuyển về trung ương làm chuyên viên – thấy bà con phấn khởi, ruộng đồng tươi tốt nên có ý định ở lại thêm ít ngày nghiên cứu cách thức làm chủ tập thể của hợp tác xã. Ông Hường, bí thư Đảng uỷ xã, mẹ con bà Xoa và tất cả người dân đều rất lo lắng, cố tìm cách nói dối để che giấu việc xã đã thực hiện “khoán chui”⁽¹⁾ từ ba năm nay. Thấy ông Xoa về, cụ Bản, một trong số những người dân của hợp tác xã từng phải đi ăn xin trước đây, nay đã xây được nếp nhà ngói mới, sang mời ông bà Xoa đến dự buổi cất nóc. Tại đây, trong cuộc nói chuyện với ông Hường, cụ Bản,... ông Xoa đã vô cùng bức xúc khi phát hiện ra sự việc.

Vở kịch *Mùa hè ở biển* có nhiều yếu tố hài. Nhân vật Đoàn Xoa vốn là một người tốt nhưng vì duy ý chí, máy móc, không biết lắng nghe từ thực tiễn đời sống nên đã tự biến mình thành đối tượng của tiếng cười châm biếm.

Vở kịch gồm 6 cảnh. Đoạn trích thuộc phần cuối của cảnh thứ nhất.



Xuân Trinh
(1936 – 1991),
quê ở Nam Định

2 Đọc hiểu

1 (*Đồng chí Đoàn Xoa về. Đúng như mọi người đã miêu tả. Dù là mới đi thăm đồng, con người của đồng chí vẫn toát lên một vẻ trịnh trọng nghiêm túc khiến người ta cảm thấy vì nể hơn là gần gũi. Mọi người đứng cả lên chờ đón*).

Chú ý chỉ dẫn sân khấu để hình dung về nhân vật và bối cảnh.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) *Khoán chui*: hình thức thực hiện việc giao khoán ruộng đất, tư liệu sản xuất cho người lao động, hợp tác xã thu sản phẩm theo định mức, trái với quy định.

BÀ XOA: (*vỗ vãi*) Thế nào... đã lâu không về, mình đi thăm đồng, thăm làng xóm, có thấy cái gì khác không?

ĐOÀN XOA: Kết quả thì còn chờ xem. Nhưng thời tiết năm nay khắc nghiệt mà diện tích lúa cấy hết được thế là mừng. (*Với mọi người*) Ngồi... cứ ngồi tự nhiên.

HUỐNG: Anh mới về?

ĐOÀN XOA: Kia, đồng chí Hường!... Anh em trong Đảng ủy khỏe cả chứ?

HUỐNG: Cảm ơn anh, đều khỏe cả.

ĐOÀN XOA: Người ta bảo trông đồng biết làng. Nhìn lúa thích mắt lắm...

HUỐNG: Anh đi thăm những đâu?

ĐOÀN XOA: Cũng cưỡi ngựa xem hoa thôi, nhưng thật tình là tôi mừng. Việc vận dụng khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng đạt trình độ khá rồi đấy. Vào trong xóm gặp bà con, người nào cũng phấn khởi lắm.

HUỐNG: Anh cũng có gặp bà con?

ĐOÀN XOA: Tôi đến tận từng nhà ấy chứ. Chẳng nói giấu gì các cậu, thấy đồng ruộng phân nhỏ ra, mình cũng sinh nghi, giả vờ hỏi thử bà con: “Đồng ruộng ở đây làm khoán tốt lắm hả?”. Thế là mình bị bà con phê cho một vố vớ mặt: “Đồng chí định khuyến khích chúng tôi làm sai đây à?”. “Ở đâu không biết, chứ ở đây thì cứ vững như bàn thạch. Đồng ruộng cứ cấy chung, gặt chung vui lắm. Trước hợp tác một thôn, hai thôn chứ bây giờ làm toàn xã rồi.”. Đấy, bà con phê bình mà mình mát cả ruột gan. Bà con khen Đảng ủy các cậu lắm. Toàn cánh bộ đội phục viên⁽¹⁾ về, miệng nói tay làm xốc vác. Mà cái quý nhất là trong tình hình này vẫn vững vàng. (*Thì thảo*) Mình phổ biến nhưng mà biết vậy thôi nhá, chớ có nói rộng ra ngoài: Nhiều nơi bây giờ lung tung lắm. Khoán chui! (*Mọi người yên lặng nhìn nhau*).

Hành động “giả vờ” hỏi của ông Đoàn Xoa khi đi thăm đồng đã nhận được câu trả lời như thế nào từ phía bà con?

HUỐNG: Chắc anh về qua nhà rồi lại đi ngay chứ?

ĐOÀN XOA: Cũng định tạt qua thôi, nhưng thấy làng có nhiều nét mới, tôi vừa nảy ra ý định ở lại thêm ít ngày để nghiên cứu. Mà lần này lên trên ấy mình đề nghị đưa nhà báo về... Không có lý luận nào thuyết phục hơn thực tế. Cơ chế của hợp tác đấy, ai bảo nó cùm trói sản xuất. Quy mô lớn đấy, ai bảo ta không đủ sức quản lý. Ai bảo xã viên không phấn khởi. Tình hình nhiều nơi nguy cấp lắm. Công cụ sản xuất giao vào tay xã viên. (*Bà Xoa chột dạ, vội lấy chiếu đẩy lên chiếc giường⁽²⁾*).

(1) *Phục viên*: trở về địa phương sau khi đã hết hạn phục vụ trong quân đội.

(2) *Guồng*: dụng cụ quay bằng sức nước hay sức người đập, dùng để đưa nước liên tục từ chỗ thấp lên chỗ cao.

ĐOÀN XOA: Guồng gầu nào thế?

BÀ XOA: *(Lúng túng)* Tập thể làm rồi vớt ngay ở đầu bờ. Tôi phải rửa mang về, rồi chiều đem nộp cho kho đấy.

Tại sao những người thân của ông Đoàn Xoa cũng không dám nói thật với ông?

ĐOÀN XOA: Việc này rồi phải đưa ra đội mà phê bình. *(Với Hương)* Rồi cả những vật tư kỹ thuật như phân đạm, thuốc sâu Nhà nước phải bỏ đô-la ra mua, mà họ dám cả gan bán cho từng nhà.

BÀ XOA: Mai ơi... mẹ nhờ đấy.

MAI: *(Nói từ dưới)* Con đang đỡ tay.

BÀ XOA: Bạn gì cũng để đấy. *(Mai chạy lên)* Ra ngay cửa hàng, bảo thằng Thông đừng có lù lù vác bao đạm ấy về. Ông ấy phát hiện thì chết. *(Mai chưa kịp đi thì Thông đã lù lù vác bao đạm về. Bà Xoa vội vàng đẩy Thông đi qua cửa).*

ĐOÀN XOA: Đâu như thằng Thông. Nó vác bao gì về thế?

BÀ XOA: Thằng Thông đâu mà thằng Thông! Những người chuyên đạm cho hợp tác. Họ vào nhảm nhà.

ĐOÀN XOA: Vào nhảm nhà à? Ai ngồi kia giống như...

CỤ BẢN: Tôi đây, ông ạ.

BÀ XOA: Cụ Bản xóm ta mà.

CỤ BẢN: Thấy ông về, lại định sang quấy ông bạn nữa đây.

ĐOÀN XOA: Cụ tính, lương cán bộ ba cọc ba đồng. Mà giá sinh hoạt thì leo thang vùn vụt như chuột ngày. Cụ tưởng chúng tôi sung sướng lắm hả? Minh này, mình xem trong nhà có gì không?

BÀ XOA: Tình cảnh nhà, mình còn lạ gì.

ĐOÀN XOA: Bà xem trong ba lô của tôi, có gói mì sợi với lại... *(ra hiệu cho vợ xé ra).*

CỤ BẢN: *(Nhanh tay)* Cảm ơn ông lại cho tôi cả hai gói, quý quá! Ông khi nào cũng là người hào tâm.

ĐOÀN XOA: Tôi đỡ cụ lần này nữa thôi đấy. Đồng chí Hương xem đấy. Đồng chí là bí thư xã, thấy dân xoe tay xin ăn thế mà không biết nhục à? Tôi tưởng then lăm chứ. Ngày trước còn đổ cho phong kiến đế quốc. Còn bây giờ mọi thứ trong tay mình rồi. Đổ cho ai, đổ cho ai nào? Ô hay! Cụ còn sung sướng cái nổi gì mà cười ầm lên thế?

CỤ BẢN: Thấy đồng chí nổi giận lồi đình lên mà tôi thấy sợ. Vậy mà người ta cứ ngại không dám nói thật với đồng chí. *(Lại cười to lên)*.

ĐOÀN XOA: Cụ điên à?

CỤ BẢN: Tôi vui. Thấy ông về làng có phải tôi sang xin tí cơm nguội phơi khô đâu, mà tôi sang là để mời ông đến ăn cỗ mừng cho tôi.

ĐOÀN XOA: Nhưng cụ suốt năm đi ăn xin mà?

HƯỚNG: Cụ Bản mới lên một nếp nhà ngói năm gian.

ĐOÀN XOA: Lên một nếp nhà ngói năm gian? Đồng chí không đùa cợt đấy chứ?

HƯỚNG: Đứng đây nhìn sang, đồng chí cũng nhìn thấy nếp nhà đang cất ngói dở se đấy. Có kẻ ra người vào giúp đỡ đông như nôm.

ĐOÀN XOA: Nếu đúng thế thì là một chuyện kì lạ. Nhưng có lẽ nào cụ đi ăn xin mà làm được nhà ngói?

CỤ BẢN: Đi ăn xin thì làm sao xây được nhà ngói. Kể cả người hào phóng nhất cũng chỉ có thể cho tôi một bọc cơm nguội phơi khô như đồng chí thôi. Mà cho rồi, đồng chí vẫn còn tiếc mãi đấy. Cũng không phải lão già đào được hũ vàng đâu. Cả làng này ai cũng khá giả cả. Cả bà Xoa nhà ông cũng có đầy có voi đấy. Chẳng tin ông hé cửa buồng mà xem.

HƯỚNG: *(Lo lắng, bối rối)* Thôi xin phép đồng chí, tôi về...

CỤ BẢN: Đồng chí Hướng phải ở đây... Anh Thông ơi, anh vác cái cửa ấy vào đây, việc gì mà phải giấu giếm.

BÀ XOA: Kia, cụ lạ quá.

CỤ BẢN: Tôi xin cam đoan là ông ấy sẽ mừng.

(Thông vác bao đựng về)

ĐOÀN XOA: Kia, Thông.

THÔNG: Bố! Bố mới về.

ĐOÀN XOA: Thì ra không phải là người vác đạ vào nhầm nhà.

THÔNG: Chính con. Nhưng mọi người ra hiệu bảo con ra.

ĐOÀN XOA: Cái gì thế này?

THÔNG: Đạ đấy mà bố. *(Ông Xoa về bọc bọc)*.

CỤ BẢN: Sáng mai, ông dậy sớm mà xem. Từ tinh mơ, đường làng đã đông như họp chợ rồi. Tiếng người, tiếng trâu rình rịch ngoài đồng. Người ta đốt lửa hun khói

Điều cụ Bản "cam đoan" liệu có xảy ra?

đuổi sương cho trâu nó biết đường đi, cày cho kịp thời vụ. Tôi nhọ mắt người còn nghe tiếng nước đổ ngoài đồng. Cái nhong⁽¹⁾ không lúc nào kịp khô.

ĐOÀN XOA: Người ta còn có thể làm đến chết trâu chết bò. Người ta còn có thể nằm ngay ngoài đầu bờ để mà làm ấy chứ. Nhưng họ làm vì cái gì? Họ làm vì hợp tác hay vì cá nhân họ?

CỤ BẢN: Vì hạt lúa ông ạ. Vì muốn đất phải đẻ ra nhiều hạt thóc, hợp tác khá hẳn lên đấy thôi.

Câu nói “Loạn, loạn đến nơi rồi!” thể hiện suy nghĩ, tâm trạng gì của ông Đoàn Xoa?

ĐOÀN XOA: Làm gì còn hợp tác? Trụ sở, sân kho vắng tanh kia kia. Loạn, loạn đến nơi rồi! *(Đi ra)*

BÀ XOA: Chắc là ông ấy lên huyện.

HƯỚNG: Thế là cụ hại cả làng rồi. Cụ hăm quá!

CỤ BẢN: Tôi hăm ư? Tôi hại cả làng ư? Thế thì tôi không thể nào hiểu nổi. Tôi tưởng ông ấy phải vui lên chứ? Dân no cơ mà? Tại sao ông ấy lại giận dữ? Tôi không hiểu. Hay đúng là tôi hăm? Đúng rồi, phải có một người hăm, tôi hoặc ông ấy...

(Lược một đoạn: Ông Đoàn Xoa vội đến nhà riêng của Bí thư Huyện uỷ để xác minh việc khoán chui. Bí thư không ở nhà, ông Xoa gọi điện cho Chủ tịch tỉnh cũng không được nên định về ngay trung ương báo cáo. Bà vợ Bí thư Huyện uỷ tìm kế hoãn binh bằng cách nhờ ông Đoàn Xoa và con gái ra biển mua mẻ tôm về làm bữa trưa. Ở bãi biển, ông Xoa gặp bác thủy thủ công một sọt đầy cá thu đang đặt xuống ghềnh).



Một cảnh trong vở kịch *Mùa hè ở biển* (Do Đoàn kịch nói Hải Phòng thực hiện)
(Ảnh: haiphong.gov.vn)

(1) *Cái nhong*: một chi tiết, phụ tùng của giường nước.

② ĐOÀN XOA: Cá ngon quá nhỉ, toàn cá thu.

THUYẾT THỦ: Có ai bắt nổi cái cá trái mùa này đâu! Nhưng phải nói cái tay thuyền trưởng chớ tôi, tính khí có hơi ngông nghênh một tí thật, nhưng về nghề cá nước mặn quả là một tay bợm.

ĐOÀN XOA: Giỏi, đánh được cá thu mùa này là giỏi. Khiêng đến cho mậu dịch à?

THUYẾT THỦ: Đến chỗ đầu bãi kia thôi. Ai mua thì bán.

ĐOÀN XOA: *(Đã ghé vai vào khiêng lại bỏ ra)* Bán chui?

THUYẾT THỦ: Bán đàng hoàng, bán tự do.

ĐOÀN XOA: Nhưng bán cho ai?

THUYẾT THỦ: Người mua là phải có tiền.

ĐOÀN XOA: Ai cũng bán?

THUYẾT THỦ: Tất nhiên!

ĐOÀN XOA: Giá nào?

THUYẾT THỦ: Giá chợ... Ông này hơi lòi thôi quá... Ông có khiêng giúp thì khiêng đi... Rồi có mua một vài cân, tôi ưu tiên cho.

ĐOÀN XOA: Tôi thêm vào mua. Ông cho tôi biết ai chủ trương đem cá nhà nước bán ra ngoài thế này?

THUYẾT THỦ: Thế là ông lại giờ lí ra nói với chúng tôi rồi.

ĐOÀN XOA: A, thế ra các anh sống ngoài vòng pháp luật à?... Ai, ai chủ trương cho các anh làm thế này?

THUYẾT THỦ: Hỏi thật nhá: Đồng chí ở phòng thuế à?

ĐOÀN XOA: Tôi chẳng ở phòng thuế nào.

THUYẾT THỦ: Hay là bên thủy sản?

ĐOÀN XOA: Tôi cũng chẳng phải thủy sản.

THUYẾT THỦ: Vậy thì anh lấy tư cách là cái thứ gì mà hạch sách tôi như ông tướng vậy?

ĐOÀN XOA: Tôi có tư cách... Ai chủ trương vấn đề này?... Đảng uỷ, công đoàn, thanh niên, Đảng bộ địa phương đây có biết việc này không?

THUYẾT THỦ: Xem ra ông cũng là người thích nguyên tắc đấy. Nhưng khi cần hạch sách thì ông lại chẳng hiểu tí gì về nguyên tắc. Tôi là thủy thủ. Về nguyên tắc, tôi chỉ biết phục tùng lệnh của thuyền trưởng. Còn đoàn thể địa phương có biết, có nhất trí chưa mà tôi cũng đòi phải biết thì còn thì giờ đâu mà làm ăn. Ông không khiêng giúp thì để tôi đi.

Em hiểu thế nào là "bán chui"?

ĐOÀN XOA: *(Kéo sọt cá lại)* Tôi yêu cầu cứ để đấy. Việc này rồi phải mời chính quyền ra làm biên bản.

THUY THỦ: A... thế ra căng gớm nhỉ. Ông lại định bắt làm biên bản kia à? *(Đặt sọt cá xuống)* Thôi được, tôi sẽ mời người có trách nhiệm nói chuyện với ông. *(Bỏ đi)*.

[...]

THUY THỦ: Đấy, chính ông này ngăn cấm không cho tôi mang cá đi bán đấy. Nặng này cá thối ra đây, ai chịu trách nhiệm.

QUÂN: Bác cần gì?... Tôi là thuyền trưởng đây. [...] Nào, bác có thắc mắc gì thì nói ngay đi nào. Tôi không có nhiều thì giờ đâu. [...] *(Sốt ruột)* Ờ hay... mất thì giờ quá. *(Với thủy thủ)* Ông cứ việc đem đi mà bán.

ĐOÀN XOA: *(Vội vàng níu lại)* Tôi bắt được quả tang, đi là đi thế nào?

QUÂN: Ờ hay, bác thắc mắc gì chứ?... Mà bác là ai lại đây gây sự thế?

ĐOÀN XOA: Tôi là công dân thì tôi cũng có quyền hỏi anh tại sao cá là sản phẩm của nhà nước, tài sản xã hội chủ nghĩa, mà các anh lại đem bán ra ngoài. Ai cho phép?

QUÂN: Có vậy thôi chứ gì? Tôi trả lời ngay để bác khỏi phải chờ đợi. Tôi là thuyền trưởng. Tôi cho phép anh em như vậy.

Thái độ, hành động của Quân với ông Xoa có gì khác các nhân vật Cụ Bản và Hương?

ĐOÀN XOA: Thế là anh phá chính sách. Anh phải chịu trách nhiệm.

QUÂN: Tôi có trốn trách nhiệm đâu. Nghĩa vụ đối với nhà nước, với tập thể, chúng tôi đều đã hoàn thành.

ĐOÀN XOA: Hoàn thành rồi thì vượt.

QUÂN: Ai vượt?

ĐOÀN XOA: Tất nhiên là công nhân, là cán bộ, là tập thể. Đã làm việc là phải toàn tâm toàn ý.

QUÂN: Phải chăm lo đến đời sống của người lao động thì họ mới toàn tâm toàn ý được.

ĐOÀN XOA: Vậy thì họ làm việc vì cái gì? Vì lí tưởng hay vì miếng ăn?

QUÂN: Ông nghĩ rằng chỉ cần mấy câu động viên là người ta có thể húp cháo loãng để đánh đầy một thuyền cá mang về phải không?

ĐOÀN XOA: Anh đừng xuyên tạc. Mắt tôi chưa hề trông thấy ai húp cháo loãng.

QUÂN: Đúng thế, không một ai chịu húp cháo loãng đâu, mà họ sẽ xoay xỏa để mà sống. Có điều rằng cách suy nghĩ như ông đã biến người ta thành kẻ cắp. Người

lương thiện nhất là ăn cắp giờ. Còn ở đây, mọi người được quyền ngẩng cao đầu mà tự hào rằng: Ngoài nghĩa vụ đã đóng góp với nhà nước, với tập thể, còn có phần của chúng tôi. Chúng tôi được quyền hưởng. Thích ăn, thích cho hay đem bán là tùy ý. Kể cả ông, cả tôi đều không có quyền ngăn cản họ. Cái lỗi ở đâu không chăm lo đến đời sống của những người lao động, mà lại đòi hỏi họ phải hi sinh để làm ra nhiều của cải.

ĐOÀN XOA: Đất nước đương còn nghèo.

QUÂN: Nguyên do của cái nghèo, một phần vì còn tồn tại nhiều người nghĩ trái tự nhiên như ông đấy.

ĐOÀN XOA: Anh dám nói tôi trái tự nhiên à?

QUÂN: Vâng, đúng thế. Ông suy nghĩ như một kẻ duy tâm.

ĐOÀN XOA: *(Không nén được tức giận)* Anh nói cái gì? Anh nói lại tôi nghe!

QUÂN: Tôi nói ông là người duy tâm, người trái ngược tự nhiên... và khi đã làm trái tự nhiên thì tự nhiên sẽ trả thù ngay. Ở cái nghề đánh cá này chúng tôi thấm thía điều ấy lắm.

ĐOÀN XOA: Anh dám nói như thế à?

QUÂN: Chính là ông đang tự nói đấy chứ. Ông duy vật ơi, ông hãy học lại biện chứng pháp⁽¹⁾ đi.

Chú ý thái độ mỉa mai của Quân khi gọi ông Xoa là “ông duy vật”.

ĐOÀN XOA: A... anh lão nhá... anh có biết tôi là ai không...

QUÂN: Dù là ai mà không hiểu phép biện chứng thì cũng cần phải nghiên cứu, học tập lại cho nghiêm túc.

ĐOÀN XOA: Anh nhớ lấy... Anh phi báng tôi nhá... Tôi sẽ không cho qua chuyện này đâu! Tôi sẽ yêu cầu công an làm biên bản!...

(Kịch Xuân Trinh, NXB Sân khấu, Hà Nội, 1995)

?

1. Tóm tắt và nêu tình huống của đoạn trích.
2. Dòng nào dưới đây nêu đúng về ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn trích?
 - A. Ngôn ngữ đối thoại và chỉ dẫn sân khấu
 - B. Ngôn ngữ độc thoại và chỉ dẫn sân khấu
 - C. Ngôn ngữ đối thoại và bàng thoại
 - D. Ngôn ngữ đối thoại và độc thoại

(1) *Biện chứng pháp*: phép biện chứng – lí luận và phương pháp nhận thức các sự vật, hiện tượng trong sự phát triển, tự vận động của chúng.

3. Đoạn trích thể hiện xung đột giữa những nhân vật nào và vì sao giữa các nhân vật đó lại nảy sinh xung đột?

4. Em có đồng tình với ý kiến “Tôi nói ông là người duy tâm, người trái ngược tự nhiên...”, “Nguyên do của cái nghèo, một phần vì còn tồn tại nhiều người nghĩ trái tự nhiên như ông đấy.” của thuyền trưởng Quân về nhân vật Đoàn Xoa không? Vì sao?

5. Em sẽ bày tỏ quan điểm như thế nào nếu như có ý kiến cho rằng chỉ cần chi tiết phát hiện sự việc “khoán chui” là đủ thể hiện được tính cách nhân vật ông Đoàn Xoa và chủ đề tác phẩm (mà không cần đến chi tiết phát hiện “bán chui” cá ở bãi biển)?

6. Việc trở thành đối tượng bị châm biếm của nhân vật Đoàn Xoa trong đoạn trích gợi cho em suy nghĩ gì?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LỖI LÔ GÍCH, CÂU MƠ HÒ VÀ CÁCH SỬA

1. Trong vở kịch *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ* (Sếch-xpia), nhân vật Sai-lốc cho An-tô-ni-ô vay 3 000 duy-ca không tính lãi với điều kiện: Sau ba tháng, nếu người vay không hoàn trả số tiền đúng ngày và nơi quy định thì người cho vay sẽ được quyền lấy một cân thịt trên cơ thể người vay. Theo em, giao ước ấy mắc lỗi gì khiến Sai-lốc phải chịu thua trước lập luận sắc bén của Poóc-xi-a?

2. Những câu dưới đây mắc lỗi gì? Hãy phân tích nguyên nhân mắc lỗi và sửa những lỗi đó.

a) *Anh ta mở khoá, ngồi vào ghế, khởi động xe, mở cửa và lên đường.*

b) *Tìm thêm những ví dụ trong thơ của Hồ Xuân Hương, “Truyện Kiều”, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan,... để chứng minh rằng tiếng Việt từ thế kỉ XVI đã đạt tới độ tinh tế, uyển chuyển.*

c) *Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi chỉ câu được vô số con cá chép, thật phí công.*

d) *Từ trong tù, U-thát tiếp tục kêu vô tội. Vậy, ai đã nói dối? Kẻ nào đã bỏ thuốc độc vào chén trà của hoàng thân? Khi tất cả vụ việc này kết thúc, Cha-la-sai tuyên bố sẽ kết hôn với chàng U-thát của mình.* (Dẫn theo Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp)

3. Phân tích tính mơ hồ của những câu dưới đây. Hãy viết lại để mỗi câu chỉ có một cách hiểu.

- a) *Đây là dung dịch độc nhất.*
- b) *Áp dụng phương pháp học tập mới là quan trọng.*
- c) *Cả nhà hát say sưa theo ca sĩ.*
- d) *Trong trận đấu bóng, hàng trăm người xem đánh nhau.*

4. Khảo sát và viết báo cáo kết quả khảo sát về lỗi lô gích và lỗi diễn đạt mơ hồ trên một hoặc một số trang báo điện tử.

VIẾT

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

1 Định hướng

1.1. Ở lớp 11, các em đã được rèn luyện viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề; bài này tiếp tục rèn kỹ năng viết báo cáo về kết quả của bài tập dự án. Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án là nêu lên những kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong một dự án học tập đã được giao dưới hình thức một báo cáo.

Bài tập dự án thường gồm nhiều nhiệm vụ, yêu cầu người học vận dụng các hiểu biết về kiến thức, kỹ năng,... để đề xuất ý tưởng, giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn đời sống. Ví dụ: tổ chức sưu tầm và giới thiệu một số tác phẩm hài kịch; đánh giá tác động của trò chơi điện tử (games) với học sinh trong lớp / trường em; tìm hiểu, giới thiệu và đề xuất cách thức khai thác du lịch bền vững một danh lam thắng cảnh của địa phương; chế tạo mô hình máy chiếu phim 3D,... Vì thế, bài tập dự án thường được thực hiện ở nhà, theo nhóm, trong một thời gian khá dài. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của dự án được thể hiện bằng những sản phẩm có thể trưng bày, giới thiệu được như: tập san, tờ rơi, trang web, vở kịch, bài trình chiếu, mô hình,... Hoạt động viết báo cáo kết quả của bài tập dự án thuộc giai đoạn kết thúc dự án học tập. Báo cáo kết quả có thể sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.

Đọc thông tin sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới để tìm hiểu cách trình bày báo cáo kết quả bài tập dự án:



BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN

Nhóm... lớp... trường Trung học phổ thông...

Dự án:

TRẢI NGHIỆM VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Mục tiêu của dự án

2. Nội dung của dự án

3. Kết quả của dự án

3.1. Sản phẩm 1:

- Số lượng tài liệu:...
- Nội dung của sản phẩm:
- Minh hoạ cụ thể:
- Tự đánh giá sản phẩm (về số lượng, chất lượng so với yêu cầu của bài tập dự án):

3.2. Sản phẩm 2:...

4. Tự đánh giá và kiến nghị



Minh hoạ sản phẩm dự án
(Cảnh chờ đò – trích Xuy Vân giả đại,
chèo Kim Nham)

Câu hỏi:

- Báo cáo kết quả dự án gồm những nội dung nào? Nội dung nào là nội dung chính?
- Kết quả của bài tập dự án được thể hiện qua những đề mục nào?
- Việc đưa vào báo cáo các hình ảnh và thuyết minh hình ảnh nhằm mục đích gì?

1.2. Để viết báo cáo kết quả của bài tập dự án, các em cần lưu ý:

- Xem lại yêu cầu viết báo cáo ở mục 1. *Định hướng*.
- Tập hợp thông tin về kết quả thực hiện dự án từ các thành viên đã tham gia làm bài tập dự án.

– Xây dựng dàn ý (đề cương) của báo cáo kết quả bài tập dự án. Dàn ý của bài báo cáo có thể trình bày như ví dụ minh hoạ trên đây, cũng có thể có cách trình bày khác, nhưng cần làm nổi bật được kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong dự án.

– Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án theo dàn ý (đề cương) đã lập và kiểm tra, hoàn thiện báo cáo.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: Vừa qua qua lớp em đã được giao tiến hành hai dự án học tập sau:

- Sức mạnh của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch.
 - Tác động của phương tiện nghe – nhìn đối với văn hoá đọc trong giới trẻ hiện nay.
- Em hãy thay mặt nhóm để viết báo cáo kết quả bài tập của một trong hai dự án trên.

a) Chuẩn bị (Ví dụ viết báo cáo kết quả thực hiện bài tập của dự án 1)

– Đọc kĩ đề bài, tập hợp thông tin và kết quả thực hiện bài tập dự án từ các thành viên.

– Xác định bố cục của báo cáo.

– Chuẩn bị các ngữ liệu (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ,...) minh hoạ cho báo cáo.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài báo cáo kết quả của bài tập dự án theo hướng dẫn sau:

- + Tên và mục tiêu của dự án là gì?
- + Có những thành viên nào tham gia? Thực hiện vào thời gian nào?
- + Kết quả thực hiện bài tập dự án như thế nào? (Gợi ý: có mấy sản phẩm, nội dung và chất lượng sản phẩm,...).
- Lập dàn ý cho bài báo cáo bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần. Tham khảo cách trình bày dưới đây:

Phần mở đầu

- + Các thông tin chung: tên báo cáo, người / nhóm thực hiện.
- + Mục tiêu và nội dung của dự án.

Phần nội dung

+ Kết quả thực hiện dự án:

- Sản phẩm 1: 01 bài phân tích, đánh giá sức mạnh của tiếng cười trong văn bản hài kịch.
- Sản phẩm 2: 01 bộ sưu tập các văn bản hài kịch (03 văn bản) (Mô tả, giới thiệu sản phẩm, ảnh minh hoạ sản phẩm có thuyết minh).
[...]
- Sản phẩm 3: 01 clip sân khấu hoá đoạn trích hài kịch *Quan thanh tra* (Gô-gôn).
[...]
- Sản phẩm 4: Bộ tranh minh hoạ các nhân vật, chi tiết,... ấn tượng trong tác phẩm hài kịch.
[...]
- Sản phẩm 5: 01 ý tưởng để xây dựng tiểu phẩm hài.
[...]

**Phần
kết luận**

- + Tự đánh giá kết quả thực hiện bài tập dự án.
- + Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

c) Viết

- Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án theo dàn ý đã lập.
- Trong khi viết, kết hợp sử dụng chữ viết với các phương tiện khác như hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ, đường dẫn tới các trang minh hoạ sản phẩm nghe – nhìn,... để trình bày kết quả của bài tập dự án.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài báo cáo đã viết, chú ý các yêu cầu sau đây để kiểm tra và chỉnh sửa bài viết.

Phương diện kiểm tra, đánh giá	Câu hỏi kiểm tra
Nội dung	– Phần mở đầu: Có nêu được các thông tin chung, mục tiêu, thời gian thực hiện dự án không? – Phần nội dung: + Có trình bày, giới thiệu được các sản phẩm của dự án không? + Hình ảnh minh hoạ sản phẩm đã đảm bảo yêu cầu về chất lượng và có thuyết minh hình ảnh chưa? – Phần kết luận: + Đã trình bày nội dung tự đánh giá kết quả thực hiện bài tập dự án chưa? + Có nêu đề xuất, kiến nghị sau khi thực hiện dự án không?
Hình thức	+ Bài báo cáo có đủ ba phần và nội dung (độ dài) các phần có cân đối không? + Đã trình bày cân đối, hài hoà giữa kênh chữ (ngôn ngữ) và kênh hình (hình ảnh minh hoạ) chưa? + Bài báo cáo còn mắc những lỗi nào (lỗi về ý, về dùng từ, đặt câu, chính tả,...)?
Đánh giá chung	+ Bài báo cáo của em đã đáp ứng những yêu cầu mà bài viết đặt ra ở mức độ nào? + Phần nào em thấy tâm đắc nhất / có thể đem lại sự hứng thú nhất cho người đọc trong bài báo cáo của mình? Tại sao? + Phần nào em thấy khó khăn nhất khi thực hành viết? Tại sao?

2.2. Rèn luyện kỹ năng: Thao tác lập luận bác bỏ

a) Cách thức

Vấn nghị luận không chỉ khẳng định ý kiến được coi là đúng mà nhiều khi còn bác bỏ những ý kiến được coi là sai. Bác bỏ là thao tác sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những sai lầm, lệch lạc, thiếu chính xác,... của một ý kiến, quan điểm, từ đó nêu ý kiến của mình về vấn đề để thuyết phục người nghe (người đọc).

Để lập luận bác bỏ, người viết cần xác định rõ: Ý kiến, quan điểm nào cần bác bỏ? Ý kiến, quan điểm đó sai lầm hoặc thiếu chính xác ở chỗ nào? Khi thực hiện thao tác lập luận bác bỏ, người viết cần thể hiện thái độ chừng mực, khách quan, trung thực.

b) Bài tập

Hãy viết đoạn văn bác bỏ quan niệm: chêm xen tiếng nước ngoài trong giao tiếp tiếng Việt là cách để chứng tỏ bản thân đang tích cực hội nhập với thế giới.

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

1 Định hướng

a) Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án là sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các phương tiện như hình ảnh, âm thanh, bản trình chiếu, hành động, cử chỉ,... để báo cáo tóm tắt những kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong dự án học tập.

b) Khi trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, các em cần chú ý:

– Dựa vào báo cáo kết quả bài tập dự án như đã nêu trong phần *Viết* ở trên để chuẩn bị dàn ý cho bài trình bày, tránh viết thành văn,...

– Xác định rõ người nghe báo cáo để có cách trình bày phù hợp.

– Chuẩn bị các sản phẩm của dự án để minh họa, làm rõ kết quả của bài tập dự án; sử dụng các phần mềm trình chiếu để làm tăng sức hấp dẫn và hiệu quả bài trình bày.

– Dự kiến trước các câu hỏi hoặc đề nghị của người nghe báo cáo và phương án trả lời.

2 Thực hành

Bài tập: *Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án đã thực hiện ở phần “Viết”, trong đó có sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.*

a) Chuẩn bị (Ví dụ trình bày báo cáo cho dự án 1)

– Trao đổi, phối hợp với các bạn trong nhóm dự án để thống nhất kế hoạch thực hiện.

– Thực hiện việc chuẩn bị như hướng dẫn ở mục 1. *Định hướng*.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại dàn ý đã nêu ở phần *Viết* và bổ sung một số ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo.

c) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 42); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 42); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Tiền tội nghiệp của tôi ơi! (*)

(Trích *Lão hà tiện*)

Hồi I, Lớp bốn

ÁC-PA-GÔNG: Giữ một số tiền lớn trong nhà, quả là một cái tội chẳng phải là nhỏ. Ai mà đặt được hết tiền bạc sinh lãi, chỉ giữ trong nhà đủ chi tiêu thì thật là người tốt phúc. Tìm khắp trong nhà được một chỗ giấu tiền kín đáo, đâu có phải là chuyện dễ. Theo ý tôi, thì tử sắt đáng nghi lắm; chẳng bao giờ tôi tin được; chỉ tổ là mồi dử trộm cướp. Bọn trộm cướp bao giờ trước hết cũng nhằm cái tử sắt! Nhưng mình chôn một vạn ê-quy người ta mới trả mình hôm qua ở ngoài vườn, thì không biết đã là thượng sách chưa. Một vạn ê-quy vàng ở trong nhà là một món tiền khá... (Đến đây, Clê-ăng và Ê-li-dơ xuất hiện đang thì thầm nói chuyện với nhau). Trời ơi! Có lẽ mình đã tự lay ông tôi ở bụi này: mình hăng quá, hình như mình đã tự lí luận với mình quá to. Cái gì thế?

CLÊ-ĂNG: Không có gì đâu, cha.

ÁC-PA-GÔNG: Các con ở đấy đã lâu chưa?

Ê-LI-DƠ: Chúng con chỉ mới vừa vào xong.

ÁC-PA-GÔNG: Các con có nghe thấy...

Ê-LI-DƠ: Nghe thấy gì kia, cha?

ÁC-PA-GÔNG: Cái điều...

Ê-LI-DƠ: Gì ạ?

(1) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

ÁC-PA-GÔNG: Cái điều cha vừa nói.

CLÊ-ĂNG: Không ạ.

ÁC-PA-GÔNG: Có chứ, có chứ.

Ê-LI-DỜ: Cha thứ lỗi cho con.

ÁC-PA-GÔNG: Cha đã thấy rõ ràng các con đã nghe được mấy tiếng. Chả là cha phàn nàn một mình rằng thời buổi bây giờ kiếm được đồng tiền khó quá; cha bảo là ai bây giờ mà có nổi một vạn ê-quy trong nhà thì là đại hồng phúc.

CLÊ-ĂNG: Chúng con lúc nãy do dự chưa dám lại hầu chuyện cha, sợ ngắt lời cha.

ÁC-PA-GÔNG: Cha phải nói ngay với các con như thế, để các con khỏi hiểu lầm, lại tưởng là cha bảo chính cha có một vạn ê-quy.

CLÊ-ĂNG: Chúng con đâu có can dự đến việc riêng của cha.

ÁC-PA-GÔNG: Ước gì cha có được một vạn ê-quy.

CLÊ-ĂNG: Con không tin rằng...

ÁC-PA-GÔNG: Được thế thì thật là nên chuyện.

CLÊ-ĂNG: Nhưng điều ấy...

ÁC-PA-GÔNG: Cha đang cần số tiền ấy lắm.

CLÊ-ĂNG: Con tưởng là...

ÁC-PA-GÔNG: Có thì thật đúng lúc quá.

Ê-LI-DỜ: Cha...

ÁC-PA-GÔNG: Được thế thì cha đã chẳng phải phàn nàn là thời buổi đến khốn khổ.

CLÊ-ĂNG: Trời! Cha còn phải phàn nàn gì nữa, mọi người đều biết cha có khá của.

ÁC-PA-GÔNG: Cái gì? Cha có khá của? Những đứa nào nói thế là nói láo. Còn gì tầm bậy hơn nữa; chỉ những quân đồ giả mới phao những tin bịa đặt như thế.

Ê-LI-DỜ: Cha chớ giận...

ÁC-PA-GÔNG: Cả đến con cái tao rút ruột đẻ ra cũng phản tao, cũng thành kẻ thù của tao, thế mới quái gở chứ!

CLÊ-ĂNG: Bảo cha có của mà là kẻ thù của cha ư?

ÁC-PA-GÔNG: Chứ sao chúng mày cứ oang oang cái mồm lên thế, lại ăn tiêu như thế, thì một ngày kia, chúng tưởng rằng tao giàu nứt đố, đổ vách, chúng nó sẽ đến tận nhà mà cướp của tao.

[...]

Hồi IV, Lớp bảy

ÁC-PA-GÔNG, lão kêu la mất cắp từ ngoài vườn, đầu không mũ – Ối kẻ trộm! Ối kẻ trộm! Ối quân giết người! Ối quân sát nhân! Trời đất ơi, pháp lí ơi! Tôi chết mất, nó giết tôi, nó ăn trộm tiền của tôi. Đứa nào thế? Nó ra sao rồi? Nó ở đâu? Nó trốn

đâu? Làm thế nào để tìm thấy nó? Chạy ngả nào? Đứng chạy ngả nào? Nó có ở kia không? Nó có ở đây không? Đứa nào thế? Đứng lại giả tiền tao đây, đồ vô lại... (*Lão tự nắm lấy tay mình*). À! Hoá ra là mình! Ốc mình loạn rồi, mình không biết mình ở đâu, mình là ai, mình làm gì nữa. Trời đất ơi, tiền tội nghiệp của tôi ơi, tiền tội nghiệp của tôi ơi, bạn yêu quý ơi, chúng nó cướp mất mày của tao đi rồi. Mất mày, tao mất nơi nương tựa, mất niềm an ủi, mất nguồn vui sướng; thôi thế là đời tao hết mọi hi vọng, tao chẳng còn ở đời này làm gì nữa. Không có mày, tao không sao sống nổi. Thế là xong, tôi kiệt sức rồi; tôi sắp chết đây, tôi chết rồi, người ta chôn tôi rồi. Có ai muốn cứu cho tôi sống lại, mà trả cho tôi món tiền tri kỉ của tôi, hay là mách cho tôi biết đứa nào lấy tiền của tôi không? Hử? Ngài bảo gì? Chẳng có ai nói gì cả. Bất kì đứa nào đã làm vố này, hẳn nó phải lăm công rình mò đúng lúc; nó lừa đúng khi tôi mãi nói chuyện với thằng con trời đánh của tôi mà lấy. Ta đi ra đi thôi. Tôi muốn kiện ra toà, cho người ta tra khảo tất cả nhà này: đầy tớ gái, đầy tớ trai, con trai, con gái, với cả tôi nữa. Sao người ta tụ tập đông thế kia? Nhìn ai tôi cũng thấy ngờ vực, người nào cũng hình như là đứa ăn trộm tiền của tôi. Kìa, đằng kia nói chuyện gì đấy? Nói đến thằng ăn trộm tiền của tôi đấy à? Trên kia, cái gì mà rầm rầm lên thế? Có phải thằng kẻ trộm của tôi nó ở trên ấy không? Van các ông, các bà, ai biết tầm hơi thằng ăn trộm thì làm phúc bảo giùm tôi. Nó có lẫn ở chỗ các ngài không? Người ta lại nhìn cả vào mình, người ta lại phá lên cười. Chắc là họ lại có phần trong món ăn trộm của tôi chứ chả chơi. Mau mau, ông cấm, lính tuần tra, hiến binh, quan toà, đồ tra khảo, giá treo cổ, đao phủ nữa. Tôi muốn treo cổ tất cả mọi người, và nếu tôi không tìm thấy tiền, thì tôi cũng treo cổ nốt cả tôi nữa.

(*Lão hà tiện – Hài kịch của Mô-li-e,*

ĐỖ ĐỨC HIỂU dịch, giới thiệu và chú thích, NXB Giáo dục)

1. Sắp xếp các sự việc sau đây theo đúng trình tự cốt truyện.

(1) Ác-pa-gông kêu la vì phát hiện tráp vàng giấu ngoài vườn đã bị kẻ trộm đào mất

(2) Ác-pa-gông giận dữ khi thấy Clê-ăng nói rằng ai cũng biết cha mình có khá của

(3) Ác-pa-gông lo lắng vì thấy hai người con xuất hiện đúng lúc lão đang nói về địa điểm giấu vàng

(4) Ác-pa-gông thăm dò xem các con có biết thông tin mình giấu vàng không và khẳng định mình đang mong ước có được một vạn ê-quy

2. Lí do nào khiến Ác-pa-gông coi Clê-ăng là kẻ thù?

A. Vì anh ta đã đào trộm tráp vàng của lão ở trong vườn

B. Vì anh ta đã nghe được lão nói về địa điểm giấu vàng

C. Vì anh ta đã nói lão là người có nhiều của

D. Vì anh ta đã xuất hiện không đúng lúc

3. Dòng nào dưới đây nêu đúng về xung đột trong đoạn trích?
- A. Xung đột giữa cái xấu và cái xấu
 - B. Xung đột giữa cái xấu và cái tốt
 - C. Xung đột giữa cái cao cả và cái thấp hèn
 - D. Xung đột giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu
4. Tính cách nổi bật của nhân vật Ác-pa-gông là gì?
- A. Hà tiện, keo bẩn, tham lam
 - B. Sắc sảo, chặt chẽ, đa nghi
 - C. Tính toán, lạnh lùng, vô tâm
 - D. Sĩ diện, khoác lác, tham lam
5. Thủ pháp nào **không** được sử dụng để tạo ra tiếng cười trong đoạn trích?
- A. Cường điệu
 - B. Bỏ lửng lời thoại
 - C. Tạo sự đối thoại trong lời độc thoại
 - D. Xây dựng đối thoại theo lối “ông nói gà bà nói vịt”
6. a) Chỉ ra trong đoạn độc thoại của nhân vật Ác-pa-gông ở Hồi IV, Lóp bảy, những câu là lời nhân vật:
- hướng đến “nó” – thằng ăn trộm mà lão nhầm tưởng đã tóm được
 - hướng đến “bạn tiền tội nghiệp”
 - hướng đến tất cả mọi người xung quanh
- b) Em ấn tượng nhất về điều gì trong màn độc thoại nội tâm đó? Vì sao?
7. Chọn và phân tích một thủ pháp tạo nên tiếng cười trong đoạn trích (gợi ý: tình huống, nhân vật, ngôn ngữ và các thủ pháp tạo tiếng cười,...).
8. Theo em, có nên đổi tên vở kịch thành *Lão Ác-pa-gông* không? Vì sao?
9. “Nhân vật đồng tiền” trong đoạn trích trên hiện ra như thế nào? Qua đoạn trích, nhà viết kịch Mô-li-e gửi gắm thông điệp gì đến người đọc?
10. Sưu tầm và ghi lại một số câu thành ngữ nói về thói hà tiện.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc trọn vẹn các văn bản hài kịch được trích dẫn trong bài học này và đọc thêm các văn bản hài kịch khác. Khi đọc, cần lưu ý: tóm tắt nội dung văn bản, ghi lại những ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ,... của bản thân về các văn bản đó.

2. Hoàn thành báo cáo kết quả của bài tập dự án.

BÀI 4

VĂN TẾ, THƠ

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản văn tế (kết cấu, hình tượng nhân vật, ngôn ngữ,...), thơ (cảm hứng chủ đạo, nhân vật trữ tình, hình ảnh, ngôn ngữ,...). Nhận biết và phân tích được một số biểu hiện của phong cách trung đại qua các văn bản văn học trung đại trong bài học.
- ▶ Hiểu và biết vận dụng biện pháp tu từ nghịch ngữ.
- ▶ Viết được văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm. Biết kết hợp các phương thức biểu đạt khi viết bài văn nghị luận.
- ▶ Biết tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.
- ▶ Cảm phục, biết ơn những người chiến đấu, hi sinh vì đất nước; biết lựa chọn lẽ sống cao đẹp.

Kiến thức ngữ văn

1. Văn tế

- Văn tế là thể loại văn học chủ yếu gắn với phong tục tang lễ, bày tỏ tình cảm của người còn sống đối với người đã mất. Đôi khi văn tế biến thể được dùng trong những trường hợp đùa vui hay châm biếm, đả kích, ví dụ: một số bài văn tế của Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Tú Mỡ.
- Bài văn tế thường có hai nội dung cơ bản: tưởng nhớ người đã mất (cuộc đời, phẩm hạnh, công đức) và thể hiện tình cảm của người còn sống trong giờ phút vĩnh biệt người đã mất (đau xót, tiếc thương, ghi nhớ công ơn, tâm nguyện noi theo).
- Về kết cấu, bài văn tế thường gồm bốn phần: Đoạn mở đầu (*lung khởi*) thường bàn luận chung về lẽ sống – chết hoặc cảm tưởng khái quát về người đã mất (thường mở đầu bằng những từ *Thương ôi!*, *Hỡi ôi!*); Đoạn thứ hai (*thích thực*) kể về cuộc đời, công đức,

phẩm hạnh của người đã mất (thường bắt đầu bằng cụm từ *Nhớ linh*⁽¹⁾ *xưa*); Đoạn thứ ba (*ai vãn*) nói lên niềm thương tiếc đối với người đã chết; Đoạn kết bày tỏ nỗi nhớ thương, lời tâm nguyện, cầu nguyện của người đứng tế (thường kết thúc bằng các từ *Ô hô!*, *Ai tai!* *Hỡi ôi!*, *Thương thay!*). Cũng có khi đoạn thứ ba và đoạn kết được ghép làm một.

– Văn tế có thể được viết bằng văn xuôi cổ, có đối (*Văn tế chị* – Nguyễn Hữu Chỉnh, *Văn tế Trương Quỳnh Như* – Phạm Thái), văn vần (*Văn tế thập loại chúng sinh* – Nguyễn Du), văn biền ngẫu (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* – Nguyễn Đình Chiểu). Văn tế có khi được viết theo thể tự do nhưng phần nhiều văn tế phỏng theo thể phú Đường luật (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Văn tế thường sử dụng nhiều thán từ, những từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị biểu cảm.

2. Phong cách nghệ thuật của văn học trung đại Việt Nam

Những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật văn học trung đại Việt Nam:

– Tính quy phạm: Về tư duy nghệ thuật, thường nghĩ theo kiểu mẫu nghệ thuật có sẵn của người đi trước; về quan điểm văn học, coi trọng mục đích giáo huấn “thi dĩ ngôn chí” (thơ để nói chí), “văn dĩ tải đạo” (văn để chở đạo); về thể loại, có những quy định chặt chẽ về chức năng, kết cấu, lời văn; về ngữ liệu, hay sử dụng những điển cố, thi văn liệu của người đi trước; về bút pháp, thiên về ước lệ, tượng trưng.

– Hướng về cái cao cả, trang nhã: Các nhà văn trung đại thường hướng về cái đẹp trong quá khứ (thời Nghiêu, Thuấn), cái đẹp trong thiên nhiên, hướng tới những đề tài, chủ đề cao cả, lớn lao: tấm lòng trung quân ái quốc (trung với vua là yêu nước và ngược lại, yêu nước là phải trung với vua), lí tưởng, phẩm chất của kẻ sĩ quân tử,...; hình tượng nghệ thuật hay hướng tới sự kì vĩ, về trang nhã, miên mĩ; ngôn ngữ thường trau chuốt, hoa mĩ, khi nói về cái cao cả, lớn lao, tao nhã hay dùng chữ Hán, nói về cái đời thường, bình dị hay dùng chữ Nôm.

– Hướng tới sự hài hoà, cân xứng: xuất hiện những cấu trúc song hành (lời văn biền ngẫu), cấu trúc cân xứng (nghệ thuật tứ bình như *long, li, quy, phượng; tùng, cúc, trúc, mai; xuân, hạ, thu, đông*;...; nghệ thuật đối trong thơ Đường luật,...).

– Hướng về cái chung: Đề cao trách nhiệm đối với cộng đồng, cái riêng thường nhập vào cái chung, không đề cao cá tính, ít xuất hiện phong cách tác giả,...

Những tác giả tài năng, có cá tính thì trong sáng tác, bên cạnh phong cách chung của thời đại có những sáng tạo mang phong cách riêng.

(1) *Linh*: linh hồn; ở đây chỉ người chết.

3. Phong cách lãng mạn xuất hiện trong văn học châu Âu cuối thế kỉ XVIII, phát triển rực rỡ trong những năm 90 của thế kỉ XVIII đến những năm 30 của thế kỉ XIX. Ở Việt Nam, phong cách lãng mạn xuất hiện trong văn học lãng mạn 1930 – 1945 với văn xuôi của Tự lực văn đoàn và thơ của Phong trào Thơ mới.

Những đặc điểm cơ bản của phong cách lãng mạn: hay hướng về cái khác thường, cái phi thường, cái lí tưởng hơn là cái đời thường, bình dị; trên cơ sở hiện thực mà lãng mạn hóa hiện thực; thường đề cao cá nhân thoát khỏi những ràng buộc, khuôn mẫu, thể hiện “cái tôi” dồi dào cảm xúc; thường sử dụng thủ pháp nghệ thuật đối lập, tương phản để làm nổi bật cái khác thường, cái phi thường, cái lí tưởng hơn. Có thể thấy phong cách lãng mạn trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân: nhân vật Huấn Cao mang vẻ đẹp lí tưởng khi hội tụ cả tài năng, “thiên lương”, khí phách; “cảnh cho chữ” là cảnh tượng lạ lùng, xưa nay chưa từng có, người tử tù lại làm chủ ngục tù,... Trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, thiên nhiên mang vẻ đẹp lãng mạn, vừa hùng vĩ, dữ dội khác thường vừa thơ mộng, huyền ảo; hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, rất oai phong凛冽 nhưng cũng rất hào hoa.

4. Biện pháp tu từ nghịch ngữ

Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, theo đó, người nói (người viết) sử dụng trong cùng một câu hoặc một đoạn văn những từ ngữ hoặc câu có nghĩa trái ngược nhau nhằm tạo ra cách nói nghịch lí, bất ngờ để thể hiện được đúng nhận xét về đối tượng được nói đến.

Những cách tạo nghịch ngữ thường gặp là:

– Sử dụng từ trái nghĩa, tạo ra những kết hợp từ bất thường, ví dụ: *vỗ bi kịch lạc quan* (Tuốc-ghe-nhep), *bắn đồng ca lặng ngắt* (Nguyễn Tuân), *âm thanh im lặng* (Vũ Quần Phương), *kẻ sát nhân lương thiện* (Lại Văn Long), *cái chết bất tử, sự cay đắng ngọt ngào, niềm vinh quang cay đắng, sự im lặng hùng hồn*,...

– Sử dụng các từ ngữ hoặc câu, vế câu phản ánh những đặc điểm trái ngược nhau của cùng một đối tượng hoặc các đối tượng khác nhau, ví dụ: *Khúc sông bên lở bên bồi / Bên lở thì đục, bên bồi thì trong* (ca dao); *Sen tàn, cúc lại nở hoa / Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân* (Nguyễn Du).

Nghịch ngữ gây ấn tượng mạnh về cái khác lạ, độc đáo; mang lại nhận thức đa chiều, sâu sắc, mới mẻ hơn. Nghịch ngữ còn có tác dụng gây cười, tạo sắc thái châm biếm nhẹ nhàng hoặc đả kích mạnh mẽ.



VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC^(*)

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU^(**)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Khi đọc hiểu một bài văn tể, các em cần chú ý:

+ Kết cấu văn bản có mấy phần, người được nói đến trong bài văn tể là ai, được tái hiện như thế nào?

+ Người đứng tể là ai, bộc lộ thái độ, tình cảm gì?

+ Từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu có gì đặc sắc?

+ Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài văn tể là gì?

– Đọc trước bài *Văn tể nghĩa sĩ Cần Giuộc*, tìm hiểu những từ ngữ khó, những điển cố được sử dụng trong văn bản.

– Tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và hoàn cảnh sáng tác *Văn tể nghĩa sĩ Cần Giuộc* giúp cho việc đọc hiểu tác phẩm.



Toàn cảnh Di tích Quốc gia đặc biệt
Mộ và Khu lưu niệm
Nguyễn Đình Chiểu. (Ảnh: baotintuc.vn)

2 Đọc hiểu

Hỡi ơi!

Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ.

Mười năm công vỡ ruộng, chưa ắt còn danh nổi như phao; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ⁽²⁾.

Nhớ linh xưa:

(*) *Văn tể nghĩa sĩ Cần Giuộc*: còn có tên là *Tể Cần Giuộc sĩ dân trận vong văn*. *Nghĩa sĩ*: người có chí khí, không quản ngại hi sinh vì việc nghĩa như cứu người, cứu nước.

(**) Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888), quê ở Thừa Thiên Huế.

(2) Cả câu này ý nói: Mười năm làm ruộng, chưa chắc được ai biết đến tên tuổi; một trận nghĩa đánh Tây, tuy hi sinh nhưng tiếng thơm còn mãi.

Cui cút⁽¹⁾ làm ăn; toan lo nghèo khó.

Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung⁽²⁾; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ⁽³⁾.

Việc cuốc, việc cấy, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Chú ý hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ trong cuộc sống đời thường.



Tượng đài nghĩa sĩ Cần Giuộc đặt tại thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
(Ảnh: laodong.vn)

Tiếng phong hạc⁽⁴⁾ phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa; mùi tinh chiên⁽⁵⁾ vấy vá⁽⁶⁾ đã ba năm, ghét thói mọi⁽⁷⁾ như nhà nông ghét cỏ.

Bữa thấy bông bong⁽⁸⁾ che trắng lốp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cỏ.

Một mối xa thư⁽⁹⁾ đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu⁽¹⁰⁾; hai vầng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó.

(1) *Cui cút (côi cút)*: bơ vơ, không nơi nương tựa. Cả câu ý nói làm ăn lê loi, thảm lạng một cách tội nghiệp.

(2) *Trường nhung*: bãi chiến trường.

(3) *Làng bộ*: chỉ làng xóm, có bản chép là *làng hộ*.

(4) *Phong hạc*: lấy từ một câu chữ Hán “Phong thanh hạc lệ, thảo mộc giai bình”, nghĩa gốc chỉ sự hồi hộp, lo lắng, nghe tiếng gió thổi, tiếng chim hạc kêu, thấy cây cỏ cũng tưởng là quân giặc đến đánh. Ở câu này chỉ có nghĩa là biết tin kẻ địch đến.

(5) *Mùi tinh chiên*: mùi tanh hôi, ở đây chỉ thực dân Pháp.

(6) *Vấy vá*: lấm dơ bẩn, dấy dính bậy bạ.

(7) *Thói mọi*: thói tật mọi rợ, dã man.

(8) *Bông bong*: vải che nắng, vì buồm trên boong tàu.

(9) *Xa thư*: xe cộ và chữ viết (do câu “Xa đồng quỹ, thư đồng văn” có nghĩa là trục bánh xe có cùng độ dài, sách viết cùng một lối chữ); ý chỉ một quốc gia độc lập, có chủ quyền.

(10) *Chém rắn đuổi hươu*: tích Lưu Bang (Hán Cao Tổ), chém rắn, diệt cờ nghĩa, tiêu diệt nhà Tần chiếm lấy giang sơn. Cả câu *Một mối xa thư... chém rắn đuổi hươu*, ý nói: nước ta là một quốc gia độc lập, không để quân Pháp xâm lược, tự giác đứng lên đánh giặc, giành lại đất nước.

Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kinh⁽¹⁾; chẳng thêm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ⁽²⁾.

Khá thương thay:

Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ⁽³⁾, theo dòng⁽⁴⁾ ở lính diễn binh⁽⁵⁾; chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ⁽⁶⁾.

Hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ được miêu tả như thế nào trong chiến đấu?

Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn; chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.

Ngoài cật⁽⁷⁾ có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu⁽⁸⁾, bầu ngòi⁽⁹⁾; trong tay cầm một ngọn tầm vông⁽¹⁰⁾, chi nài sắm dao tu⁽¹¹⁾, nón gõ⁽¹²⁾.

Hoả mai⁽¹³⁾ đánh bằng rơm con cúi⁽¹⁴⁾, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

Chi nhọc quan quân giống trống kị trống giục, đập rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà⁽¹⁵⁾ ma ní⁽¹⁶⁾ hồn kinh; bọn hè trước, lũ⁽¹⁷⁾ ó sau, trời kệ tâu sấm⁽¹⁸⁾ tâu đồng súng nổ.

Ôi!

(1) *Đoạn kinh*: chém cá kinh – loài cá to và dữ tợn ngoài biển.

(2) *Bộ hổ*: bắt hổ. *Đoạn kinh, bộ hổ*: ý nói ra sức tiêu diệt giặc.

(3) *Cơ, vệ*: các đơn vị quân đội thời xưa.

(4) *Theo dòng*: theo dòng dõi cha ông.

(5) *Diễn binh*: luyện tập việc binh.

(6) *Mến nghĩa làm quân chiêu mộ*: (*chiêu*: vờ, mời; *mộ*: cầu, tìm). Lúc này, nhiều sĩ phu yêu nước đã dựng cờ nghĩa, chiêu mộ nghĩa quân đánh Pháp. Những người nông dân vì mến nghĩa mà tự nguyện gia nhập nghĩa quân.

(7) *Cật*: lưng.

(8) *Bao tấu*: bao đựng dao, mã tấu.

(9) *Bầu ngòi*: bao đựng thuốc đạn, ngòi nổ.

(10) *Tầm vông*: loại tre đặc ruột, rất cứng, thường dùng làm gậy thay cho vũ khí.

(11) *Dao tu*: loại dao lưỡi dài, sắc bén, thường buộc vào lưng, dùng để đốn cây.

(12) *Nón gõ*: nón đội của lính ngày xưa.

(13) *Hoả mai*: mỗi nhóm lửa, đổ làm bằng vật nhạy bắt lửa; thường dùng để châm ngòi nổ cho một loại súng cổ (súng hoả mai).

(14) *Rơm con cúi*: rơm bện chặt thành cuộn dài để làm mồi lửa.

(15) *Mã tà* (phiên âm theo tiếng Ma-lai-xi-a (Malaysia): *mata*): lính canh sát.

(16) *Ma ní* (phiên âm tên thủ đô của Phi-líp-pin (Philippines): *Ma-ni-la* (Manila)): lính thuộc địa tuyển mộ của Phi-líp-pin.

(17) *Bọn, lũ*: chỉ nhiều người, ở đây không có ý khinh thị.

(18) *Có bản chép là tâu thiếc*.

Những lăm lòng nghĩa lâu dùng; đâu biết xác phàm⁽¹⁾ vội bỏ.

Một chắc sa trường rằng chữ hạnh⁽²⁾, nào hay da ngựa bọc thây⁽³⁾; trăm năm âm phủ ấy chữ quy⁽⁴⁾, nào đợi gươm hùm treo mộ⁽⁵⁾.

Đoái sông Cần Giuộc, cỏ cây mấy dặm sầu giăng; nhìn chợ Trường Bình⁽⁶⁾, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.

Chẳng phải án cướp án gian đầy tới, mà vì binh đánh giặc cho cam tâm; vốn không giữ thành giữ lũy bỏ đi, mà hiệu lực theo quân cho đáng số⁽⁷⁾.

Nhưng nghĩ rằng:

Tắc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi⁽⁸⁾ cho nước nhà ta; bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.

Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương; vì ai xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió.

Sống làm chi theo quân tả đạo⁽⁹⁾, quăng vùa hương⁽¹⁰⁾, xô bàn độc⁽¹¹⁾, thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.

Thà thác mà đặng câu địch khái⁽¹²⁾, về theo tổ phụ⁽¹³⁾ cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di⁽¹⁴⁾ rất khổ.

Ôi thôi thôi!

Tiếng khóc trong bài văn tế có sự cộng hưởng nhiều nguồn cảm xúc. Đó là những cảm xúc nào?

(1) *Xác phàm*: xác của người trần tục.

(2) *Hạnh*: may mắn.

(3) *Da ngựa bọc thây*: chỉ cái chết ở nơi chiến trường (lấy ý từ câu nói của Mã Viện thời Hán: Bộc trượng phu nên chết ở giữa chiến trường, lấy da ngựa mà bọc thây). Cả vế câu ý nói: Chốn sa trường những mong gặp may mắn, nào ngờ đã phải hi sinh.

(4) *Quy*: về, có nghĩa là chết. Theo triết lý đạo Phật: “Sống gửi, thác về”.

(5) *Gươm hùm treo mộ*: theo tích cổ Trung Quốc, một nghĩa sĩ thời Chiến quốc khi chết đã dặn con treo cây gươm trên mộ để tỏ chí nguyện chưa thành.

(6) *Chợ Trường Bình*: thuộc Cần Giuộc.

(7) *Vì binh*: làm lính. *Hiệu lực*: ở đây hiểu là hết sức làm việc. Cả câu ý nói: chẳng phải vì mắc tội mà bị buộc phải làm lính để lập công chuộc tội.

(8) *Tài bồi*: vun đắp, vun trồng. Cả câu ý nói: tắc đất, ngọn rau đều là ơn vua (bao đời) vun đắp cho nước nhà ta; bát cơm manh áo của ta, mắc mớ gì đến ông cha chúng nó (mà chúng nó cướp đi).

(9) *Tả đạo*: chỉ đạo Thiên Chúa (theo quan điểm của triều đình và nhiều người lúc bấy giờ).

(10) *Vùa hương*: bát hương, lư hương trên bàn thờ.

(11) *Bàn độc*: bàn thờ.

(12) *Địch khái*: tinh thần, ý chí kháng khái chống kẻ thù.

(13) *Tổ phụ*: ông nội, ở đây chỉ tổ tiên nói chung.

(14) *Man di*: từ dùng với sắc thái miệt thị. Ở đây chỉ thực dân Pháp.

Chùa Tông Thạnh⁽¹⁾ năm canh ưng⁽²⁾ đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại bóng trắng rằm; đồn Lang Sa⁽³⁾ một khắc đặng trả hồn, túi phận bạc trôi theo dòng nước đỏ⁽⁴⁾.

Đau đớn bấy! Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều. Nào nùng thay! Vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ⁽⁵⁾ trước ngõ.

Ôi!

Một trận khói tan; nghìn năm tiết rỡ⁽⁶⁾.

Binh tướng nó hầy đóng sông Bến Nghé, ai làm nên bốn phía mây đen; ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu đặng một phùng con đỏ⁽⁷⁾.

Thác mà trả nước non rồi nợ⁽⁸⁾, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng⁽⁹⁾ đều khen; thác mà ưng⁽¹⁰⁾ đình miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ.

Chú ý tình cảm, tâm nguyện của người còn sống đối với người đã hi sinh.

Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia; sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ⁽¹¹⁾ dạy đã rành rành, một chữ ăm⁽¹²⁾ đủ đền công đó.

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân; cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ⁽¹³⁾.

Hỡi ôi thương thay!

Có linh xin hưởng.

(Theo *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*,

NXB Văn học Giải phóng, Thành phố Hồ Chí Minh, 1976)

(1) *Chùa Tông Thạnh*: có bản chép là *Tôn Thạnh*, tên một ngôi chùa ở Cần Giuộc mà nghĩa quân đã sử dụng làm căn cứ chống giặc.

(2) *Ưng*: phải chịu.

(3) *Đồn Lang Sa* (*Lang Sa*: gọi tắt từ *Pha-lang-xa* (hay *Phủ Lang Sa*), phiên âm tiếng Pháp: *France*): chỉ những đồn binh Pháp đóng ở bên kia chợ Cần Giuộc.

(4) *Túi phận bạc trôi theo dòng nước đỏ*: ý nói về sự hi sinh của nghĩa quân. Khi quân Pháp phản công, họ rút lui, bơi qua sông Cần Giuộc và bị súng trên tàu chiến giặc bắn chết.

(5) *Dật dờ* (như vật vờ): vất vờ vất vưởng.

(6) *Tiết rỡ*: danh tiếng rạng rỡ.

(7) *Con đỏ*: đứa trẻ mới sinh còn đỏ hỏn, nghĩa bóng chỉ nhân dân (ý nói nhân dân cần được chăm sóc, bảo vệ như trẻ sơ sinh).

(8) *Rồi nợ*: trả xong nợ nước non.

(9) *Chúng*: dân chúng, mọi người.

(10) *Ưng*: ở câu này có nghĩa là *được*.

(11) *Lời dụ*: lời dạy bảo.

(12) *Chữ ăm*: ân trạch, chức tước mà con cái những người làm quan, người có công lao với triều đình được thừa hưởng (gọi là *được tập ăm*).

(13) *Thiên dân*: dân của trời. Theo quan niệm phong kiến, vua là con trời (*thiên tử*), cho nên nhân dân trong nước đều là tôi con của vua, tất cả đất đai trong nước cũng đều là của vua (*vương thổ*). Cả câu ý nói: nước mắt khóc những người anh hùng lau mãi cũng không khô, cảm thương nhân dân (đang phải khổ đau); thấp nén hương thơm tưởng nhớ người nghĩa sĩ, lại chạnh lòng nghĩ đến nước non (đang bị quân giặc giày xéo).



1. Dựa vào phần *Kiến thức ngữ văn*, hãy xác định bố cục và nêu ý chính trong các phần của tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*.
2. Hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ đã được tái hiện như thế nào trong phần *Thích thực* của bài văn tế? (Chú ý hình ảnh của họ trong sinh hoạt đời thường, khi kẻ thù xâm phạm đất nước, trong “trận nghĩa đánh Tây”).
3. Tiếng khóc của tác giả xuất phát từ những nguồn cảm xúc nào? Tiếng khóc trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* có bi lụy không? Vì sao?
4. Phân tích một số thành công nghệ thuật của bài văn tế (nghệ thuật sử dụng từ ngữ, các biện pháp tu từ, đối,...).
5. Ở bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, Nguyễn Đình Chiểu đã biểu hiện một cái nhìn mới mẻ, tiến bộ về người nông dân so với văn học trung đại. Theo em, điều đó thể hiện ở những điểm nào?
6. Từ bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) chia sẻ suy nghĩ của mình về hai chữ “nhục” và “vinh” trong cuộc sống.



VIỆT BẮC

(Trích)

TÔ HỮU

1 Chuẩn bị

– Xem lại các *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)

– Để đọc hiểu văn bản thơ trữ tình hiện đại, các em cần chú ý:^(**)

+ Đọc toàn bộ bài thơ, nhận diện các yếu tố hình thức của văn bản, từ nhan đề, đặc điểm thể loại, bố cục,... đến giọng điệu chung của bài thơ.

+ Xác định nhân vật trữ tình – người đang giải bày, thổ lộ tình cảm trong thơ.



Tô Hữu (1920 – 2002), quê ở Thừa Thiên Huế

(*), (**) Khi đọc hiểu văn bản thơ khác trong Bài 4, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

(1) *Mười lăm năm*: tính từ năm 1940 (khởi nghĩa Bắc Sơn) đến năm 1954 (Chiến thắng Điện Biên Phủ).

+ Phân tích hình ảnh, ngôn từ, biểu tượng, giọng điệu thơ, các yếu tố tượng trưng, siêu thực,... kết hợp liên tưởng, tưởng tượng, kết nối với hiểu biết của cá nhân để hình dung về thế giới tự nhiên, xã hội, con người trong văn bản thơ, qua đó, tìm hiểu những cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

– Đọc phần giới thiệu sau để hiểu về hoàn cảnh sáng tác của bài *Việt Bắc*:

Sau khi Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi (tháng 5-1954), Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết (tháng 7-1954), hoà bình được lập lại ở miền Bắc. Tháng 10-1954, cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ và những người kháng chiến tạm biệt đồng bào vùng chiến khu Việt Bắc để trở về tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Nhân sự kiện có ý nghĩa lịch sử này, Tố Hữu đã viết bài thơ *Việt Bắc*. Tác phẩm gồm 150 câu thơ lục bát.

2) Đọc hiểu

– Mình về mình có nhớ ta?

Mười lăm năm⁽¹⁾ ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

“Mình”, “ta” trong bốn dòng thơ đầu là những ai?

– *Tiếng ai tha thiết bên cồn*

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li⁽¹⁾

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

– Mình đi, có nhớ những ngày

Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù

Mình về, có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?

Mình về, rừng núi nhớ ai

Trám bùi để rụng, măng mai để già.

Mình đi, có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Mình về, có nhớ núi non

Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh

Người ở lại đang gợi nhắc những kỉ niệm nào?

(1) *Phân li*: chia li.

Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa?



– Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...
Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.
Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui⁽¹⁾ đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.

Những kỉ niệm nào đã sống lại theo nỗi nhớ của nhân vật trữ tình?

(1) Chăn sui: chăn làm bằng vỏ cây sui – một loại cây có vỏ dày và dai.

Nhớ sao tiếng mõ⁽¹⁾ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách⁽²⁾ đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.
[...]

Ai về ai có nhớ không?
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
Nhớ từ Cao – Lạng, nhớ sang Nhị Hà⁽³⁾...

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
Dân công đổ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.

Hãy tưởng tượng bức tranh thiên nhiên và con người trong đoạn thơ này.

Những địa danh lịch sử và không khí chiến đấu, chiến thắng đã được tái hiện thế nào qua những vần thơ lục bát này?

(1) Tiếng mõ: tiếng phát ra từ cái mõ bằng gỗ đeo ở cổ trâu.

(2) Phách: một loại cây thân gỗ có hoa nở màu vàng vào đầu mùa hè.

(3) Nhị Hà: tên gọi cũ của sông Hồng.

[...]

– Minh về thành thị xa xôi
Nhà cao, còn thấy núi đồi nữa chăng?
Phố đông, còn nhớ bản làng
Sáng đèn, còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?
Minh đi, ta hỏi thăm chừng
Bao giờ Việt Bắc tung bừng thêm vui?
– Đường về, đây đó gần thôi!
Hôm nay rời bản về nơi thị thành
Nhà cao chẳng khuất non xanh
Phố đông, càng giục chân nhanh bước đường.
Ngày mai về lại thôn hương
Rừng xưa mùi cũ yêu thương lại về
Ngày mai rộn rã sơn khê
Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề lưới giăng.

Người ở lại muốn gửi tâm tư gì với người về?

Người về đã đáp lại những suy nghĩ của người ở lại thế nào?

(*Thơ Tố Hữu*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998)

?

1. Dựa vào hình thức trình bày của văn bản và sự xuất hiện luân phiên của các từ xưng hô “mình” và “ta”, hãy xác định kết cấu của tác phẩm. Kết cấu đó gợi cho em liên tưởng đến thể loại nào của văn học dân gian?
2. “Mình”, “ta” trong bài thơ này là những ai? Dựa vào yếu tố nào trong văn bản và hoàn cảnh sáng tác của bài thơ để xác định điều đó?
3. Tâm trạng bao trùm của cả “mình” và “ta” trong bài thơ là gì? Từ tâm trạng ấy, những kỉ niệm nào đã ùa về? (Ví dụ: kỉ niệm về thiên nhiên Việt Bắc,...).
4. Hình tượng thiên nhiên, con người và cuộc sống kháng chiến ở Việt Bắc đã được nhà thơ khắc họa qua những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nào? Hãy giải thích sự độc đáo hoặc nét đặc sắc của một trong các yếu tố nghệ thuật đó.
5. *Việt Bắc* là một bài thơ hiện đại nhưng lại thấm đẫm chất dân gian. Hãy chỉ ra các biểu hiện của tính dân gian, tính hiện đại trong đoạn trích.
6. Em đọc được thông điệp gì từ đoạn trích trong bài thơ *Việt Bắc*?
7. Đoạn trích đem đến cho em những hiểu biết gì về vẻ đẹp của con người Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp?



LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG⁽¹⁾

(Xuất dương lưu biệt)

PHAN BỘI CHÂU

1 Chuẩn bị

– Xem lại kiến thức ngữ văn về thơ Đường luật đã học, chú ý những đặc điểm về kết cấu, nghệ thuật đối, hình tượng nghệ thuật,...

– Tìm hiểu về tác giả, bối cảnh thời đại và hoàn cảnh Phan Bội Châu sáng tác bài *Lưu biệt khi xuất dương*.

– So sánh phần *Phiên âm*, *Dịch nghĩa* với phần *Dịch thơ* để thấy được những điểm tương đồng và thay đổi giữa bản dịch và nguyên tác, từ đó hiểu sâu hơn bài thơ.

– Đọc bài *Lưu biệt khi xuất dương*, chú ý giọng điệu cho phù hợp với cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.



Phan Bội Châu
(1867 – 1940),
quê ở Nghệ An

2 Đọc hiểu

Phiên âm:

Sinh vì nam tử yếu hi kì,
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di,
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Khởi thiên tải hậu cánh vô thủy?
Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế,
Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si.
Nguyên trực trường phong Đông hải khứ,
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

(1) *Xuất dương*: đi ra nước ngoài.

Dịch nghĩa:

Sinh làm kẻ nam nhi phải mong chuyện khác thường⁽¹⁾
Lẽ nào để trời đất tự xoay vần⁽²⁾
Trong khoảng trăm năm này, phải có ta,
Ngàn năm sau lẽ nào chẳng có ai?
Non sông đã chết, sống thêm như nhuốc,
Thánh hiền đã vắng, có đọc sách cũng ngu thôi.
Mong đuổi theo con gió lớn qua Biển Đông,
Muôn lớp sóng bạc cùng bay theo.

Dịch thơ:

*Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há để càn khôn tự chuyển dời.
Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở, há không ai?
Non sông đã chết, sống thêm nhục,
Hiền thánh còn đâu học cũng hoài.
Muốn vượt Biển Đông theo cánh gió,
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.*

Chú ý “chí làm trai” và quan niệm sống của nhân vật trữ tình

Nghệ thuật đối trong hai câu *thực* và hai câu *luận* có tác dụng gì?

TÔN QUANG PHIỆT dịch

(Văn thơ Phan Bội Châu, NXB Văn học, Hà Nội, 1965)



1. Bài *Lưu biệt khi xuất dương* được viết theo thể thơ nào? Hãy chỉ ra một số đặc điểm của thể thơ đó trong bài *Lưu biệt khi xuất dương*.
2. “Chí làm trai” của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào trong hai câu *đế*?
3. Phân tích quan niệm sống của nhân vật trữ tình được thể hiện qua hai câu *thực* và hai câu *luận* (ý thức về cái tôi, quan niệm về vinh nhục, sự từ bỏ cái lỗi thời,...)?
4. Phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong bài thơ: hình tượng thiên nhiên, nghệ thuật đối, bút pháp ước lệ và cường điệu, giọng điệu,...
5. Cảm nhận của em về nhân vật trữ tình trong bài thơ *Lưu biệt khi xuất dương*.
6. Quan niệm nhân sinh, lí tưởng sống được thể hiện trong bài thơ còn có ý nghĩa đối với thế hệ trẻ hiện nay không? Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về vấn đề này bằng một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng).

(1) Ý thơ này dựa theo quan niệm về “chí làm trai” của trang nam nhi thời xưa: lập công trạng, lưu danh tên tuổi (“Đã mang tiếng ở trong trời đất / Phải có danh gì với núi sông” – bài thơ *Đi thi tự vịnh* của Nguyễn Công Trứ).

(2) Nguyên văn là “càn khôn”: trời (*càn*), đất (*khôn*).

1 Chuẩn bị

– Xem lại kiến thức ngữ văn về thơ tự do, thơ trữ tình đã học.

– Tìm hiểu qua các tài liệu, sách, báo, Internet,... về tác giả Quang Dũng, về binh đoàn Tây Tiến và hoàn cảnh ra đời của bài *Tây Tiến*.

– Đọc trước bài thơ *Tây Tiến*. Khi đọc, các em chú ý thể hiện được giọng điệu phù hợp với nội dung, cảm xúc của bài thơ.



Quang Dũng
(1921 – 1988),
quê ở Hà Nội

2 Đọc hiểu

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi
Sài Khao⁽¹⁾ sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

*

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa⁽²⁾
Kia em xiêm áo tự bao giờ

Chú ý nét đặc sắc của khung cảnh thiên nhiên và hình ảnh người lính trên nền bối cảnh thiên nhiên đó.

(1) *Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu*: tên các địa phương thuộc ba tỉnh Sơn La, Thanh Hoá, Hoà Bình trong địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến.

(2) *Đuốc hoa* (từ chữ Hán: *hoa chúc*): nến thắp trong phòng cưới đêm tân hôn. Ở đây, *đuốc hoa* dùng để chỉ những ngọn đuốc trong đêm liên hoan ở doanh trại.

Khèn⁽¹⁾ lên man điệu⁽²⁾ nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc⁽³⁾ chiều sương ăy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc⁽⁴⁾
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

*

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc⁽⁵⁾
Quân xanh màu lá⁽⁶⁾ dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm⁽⁷⁾
Rải rác biên cương mồ viễn xứ⁽⁸⁾
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào⁽⁹⁾ thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

*

Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa⁽¹⁰⁾ chẳng về xuôi.

Chú ý hình ảnh thiên nhiên
và tâm trạng con người.

Hình dung hình tượng
người lính Tây Tiến.

Phù Lưu Chanh, 1948

(Mây đầu ô, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1986)

(1) *Khèn*: nhạc cụ quen thuộc của một số dân tộc ở miền núi phía bắc Việt Nam, gồm nhiều ống trúc ghép lại, một đầu cắm xuyên qua bầu gỗ hình bắp chuối làm hộp cộng hưởng, thổi bằng miệng.

(2) *Man điệu*: chỉ điệu nhạc, điệu múa của đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi.

(3) *Châu Mộc*: nay là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

(4) *Độc mộc*: thuyền dài và hẹp, làm bằng một thân cây gỗ to, khoét trũng xuống.

(5) *Không mọc tóc*: lính Tây Tiến có nhiều người cạo trọc đầu hoặc bị bệnh sốt rét làm rụng hết tóc.

(6) *Quân xanh màu lá*: người lính mắc bệnh sốt rét, da xanh bưng như lá cây hoặc có thể chỉ màu áo lính, màu lá ngụy trang.

(7) *Dáng kiều thơm*: dáng vẻ xinh đẹp, đáng yêu của người con gái.

(8) *Mồ viễn xứ* (viễn xứ: nơi xa): những nấm mồ liệt sĩ nằm rải rác ở miền xa xôi nơi biên giới.

(9) *Áo bào*: áo mặc ngoài của các vị tướng thời xưa.

(10) *Sầm Nứa* (thường gọi là *Sầm Nứa*): một trong những vùng giải phóng đầu tiên của lực lượng kháng chiến Pa-thét Lào ở vùng Thượng Lào.



1. Lúc đầu, bài thơ có nhan đề là *Nhớ Tây Tiến*, sau đó, tác giả đổi thành *Tây Tiến*. Theo em, sự thay đổi đó có tác dụng gì?

2. Bài thơ có thể chia làm mấy đoạn? Nêu ý chính của từng đoạn, chỉ ra mạch liên kết giữa các đoạn.

3. Cảnh vật thiên nhiên trong bài *Tây Tiến* có sự khác nhau như thế nào qua các đoạn thơ? Trên nền khung cảnh thiên nhiên ấy, hình ảnh đoàn quân Tây Tiến được gọi tả như thế nào?

4. Phân tích vẻ đẹp lãng mạn và chất bi tráng của hình tượng người lính trong đoạn thơ “Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc ... Sông Mã gầm lên khúc độc hành”.

5. Bài thơ *Tây Tiến* đậm chất nhạc, chất họa, có cách kết hợp từ mới lạ, độc đáo. Hãy phân tích những thành công nghệ thuật đó.

6. Ghi lại cảm nhận của em về cảm hứng và bút pháp lãng mạn của bài thơ *Tây Tiến*.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ NGHỊCH NGỮ

1. Tìm biện pháp tu từ nghịch ngữ trong các đoạn trích bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu. Cho biết mỗi nghịch ngữ đó có tác dụng khắc họa hình ảnh các nghĩa sĩ áo vải như thế nào.

a) Chưa quen cung ngựa, đầu tới trường nhung; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ. Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

b) Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu; hai vầng nhật nguyệt chói loà, đâu dung lũ treo dê bán chó. Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình; chẳng thèm trốn ngược, trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

c) Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu, nón gõ. Chi nhọc quan quân giống trống kị trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

d) Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia; sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ ăm đủ đền công đó.

2. Tìm những nghịch ngữ nói lên lòng thương tiếc và sự tri ân của người dân đối với các nghĩa sĩ Cần Giuộc.

3. Phân tích tác dụng của nghịch ngữ trong các đoạn trích sau:

- a) *Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

(Xuân Quỳnh)

- b) *Nếu nhắm mắt nghe bà kể chuyện,
Sẽ được nhìn thấy các bà tiên,
Thấy chú bé đi hài bảy dặm,
Quả thị thơm, cô Tấm rất hiền.*

(Vũ Quần Phương)

- b) *Xuân dương tới, nghĩa là xuân dương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,*

(Xuân Diệu)

4. Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp của con người Việt Nam thể hiện trong đoạn trích bài thơ *Việt Bắc*; trong đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ nghịch ngữ.

VIẾT

VIẾT THƯ TRAO ĐỔI CÔNG VIỆC HOẶC MỘT VĂN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

1 Định hướng

1.1. Viết văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm trong cuộc sống lao động và học tập là một hình thức quen thuộc, cần thiết.

Thư có nhiều loại. Xuất phát từ mục đích viết, có thể chia làm hai loại: thư cá nhân và thư trao đổi công việc. Thư trao đổi công việc là loại văn bản mang tính chất

hành chính. Trong đó, người viết là một cá nhân hoặc người có vị trí (chức vụ) thay mặt cho một tập thể của một đơn vị (cơ quan, công ti,...) để nêu lên ý kiến trao đổi về một công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm với các đối tượng liên quan. Ví dụ:

a) Thư của cô giáo chủ nhiệm gửi học sinh, phụ huynh bàn về việc tổ chức lễ tri ân và trưởng thành cuối năm lớp 12.

b) Thư của công ti X gửi các ứng viên đã được tuyển dụng vào lao động hoặc hợp đồng công việc ở công ti (Thư mời nhận việc) và người được tuyển dụng viết thư trả lời cơ quan tuyển dụng về việc mình có nhận lời hay không (thư trả lời nhà tuyển dụng).

Thư trao đổi công việc có thể gửi qua bưu điện hay qua điện tử (email), tin nhắn (messenger),... Dù dưới dạng thức nào thì thư trao đổi công việc cũng cần được soạn thảo nghiêm túc; nội dung và hình thức phải mang tính chuyên nghiệp.

1.2. Để soạn thảo thư trao đổi công việc, các em cần chú ý:

- Xác định mục đích: trao đổi nhằm mục đích gì?
- Nội dung thư: trao đổi về công việc / vấn đề gì?
- Hình thức trình bày: thư trao đổi viết tay hay soạn thảo trên máy tính? Bố cục các phần trong bức thư như thế nào?
- Dạng thức gửi thư: gửi bằng văn bản qua bưu điện hay qua điện tử (email).

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết thư theo các bước

Bài tập: *Em hãy đóng vai hiệu trưởng nhà trường viết thư trao đổi với phụ huynh về việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông.*

a) Chuẩn bị

- Tìm hiểu tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông.

- Xác định những nội dung mà nhà trường cần trao đổi với phụ huynh trong việc hướng dẫn học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.

- Xem lại các yêu cầu viết thư trao đổi công việc ở mục 1. *Định hướng.*

b) Tìm ý, lập dàn ý

- Có thể nêu các câu hỏi sau để tìm ý cho bài viết:

+ Vì sao hiệu trưởng viết thư này?

+ Việc lựa chọn nghề nghiệp quan trọng như thế nào?

+ Vì sao cần trao đổi với phụ huynh về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của học sinh?

- + Các giải pháp nhằm hướng dẫn học sinh lựa chọn đúng nghề nghiệp là gì?
- + Trách nhiệm của nhà trường và gia đình như thế nào?

– Lập dàn ý:

Lựa chọn các ý tìm được để sắp xếp nội dung theo hình thức một bức thư trao đổi công việc theo bố cục ba phần: mở đầu thư, nội dung chính và kết thúc thư.

c) Viết thư

– Có thể soạn thảo thư trên máy tính hoặc viết tay, nhưng phải bảo đảm rõ ràng, trang trọng, đúng hình thức thư trao đổi công việc,...

– Nêu vấn đề đúng trọng tâm, ngắn gọn, diễn đạt trong sáng, có sức thuyết phục,...

– Có thái độ trân trọng, lịch sự, nhã nhặn và thẳng thắn khi viết.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đối chiếu với dàn ý đã làm để kiểm tra và chỉnh sửa theo những yêu cầu sau:

– Nội dung và hình thức của bức thư đã được soạn thảo như thế nào?

– Bức thư còn những lỗi nào?

– Xác định hướng khắc phục, sửa chữa.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài nghị luận

a) Cách thức

Văn bản nghị luận không chỉ có sự kết hợp của các thao tác lập luận (như chứng minh, giải thích, phân tích, bác bỏ, bình luận, so sánh,...) mà nhiều khi còn phải biết kết hợp cả các phương thức biểu đạt (như miêu tả, tự sự, biểu cảm,...). Sự kết hợp này giúp cho bài nghị luận vừa có được sự chặt chẽ, lô gích trong tư duy vừa có được sự sinh động, hấp dẫn từ những hình ảnh, hình tượng. Bài văn nghị luận hay là bài văn vừa giàu sức thuyết phục bởi lí lẽ vừa giàu hình ảnh. Hình ảnh làm tăng sức thuyết phục, làm cho chân lí được sáng tỏ và thâm thía.

b) Bài tập: *Hãy đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:*

HAI BIỂN HỒ

Người ta bảo ở Pa-le-xtin (Palestine) có hai biển hồ... Biển hồ thứ nhất gọi là Biển Chết. Đúng như tên gọi, không có sự sống nào bên trong cũng như xung quanh biển hồ này. Nước trong hồ không có một loại cá nào có thể sống nổi mà người uống phải cũng bị bệnh. Ai ai cũng đều không muốn sống gần đó. Biển hồ thứ hai là Ga-li-lê (Galilee). Đây là biển hồ thu hút nhiều khách du lịch nhất. Nước ở biển hồ lúc nào cũng trong xanh mát rượi, con người có thể uống được mà cá cũng sống được. Nhà cửa được xây cất rất nhiều ở đây. Vườn cây xung quanh tốt tươi nhờ nguồn nước này.

Nhưng điều kì lạ là cả hai biển hồ này đều đón nhận nguồn nước từ sông Gioóc-đan (Jordan). Nước sông Gioóc-đan chảy vào Biển Chết. Biển Chết đón nhận và giữ lại riêng cho mình mà không chia sẻ nên nước trong Biển Chết trở nên mặn chát. Biển hồ Ga-li-lê cũng đón nhận nguồn nước từ sông Gioóc-đan rồi từ đó tràn qua các hồ nhỏ và sông lạch, nhờ vậy nước trong biển hồ này luôn sạch và mang lại sự sống cho cây cối, muông thú, con người.

Một định lí trong cuộc sống mà ai cũng đồng tình: Một ánh lửa sẽ chia là một ánh lửa lan toả. Một đồng tiền kinh doanh là một đồng tiền sinh lợi. Đôi môi có hé mở mới thu nhận được nụ cười. Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng.

Thật bất hạnh cho ai cả cuộc đời chỉ biết giữ riêng cho mình. “Sự sống” trong họ rồi cũng sẽ chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết...”.

(Theo Quà tặng cuộc sống,

NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2007)

- Nội dung chính của văn bản trên bàn về vấn đề gì?
- Trong văn bản, người viết đã sử dụng các thao tác nghị luận và kết hợp với các phương thức biểu đạt nào?
- Chỉ ra vai trò và tác dụng của sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản trên.

NÓI VÀ NGHE

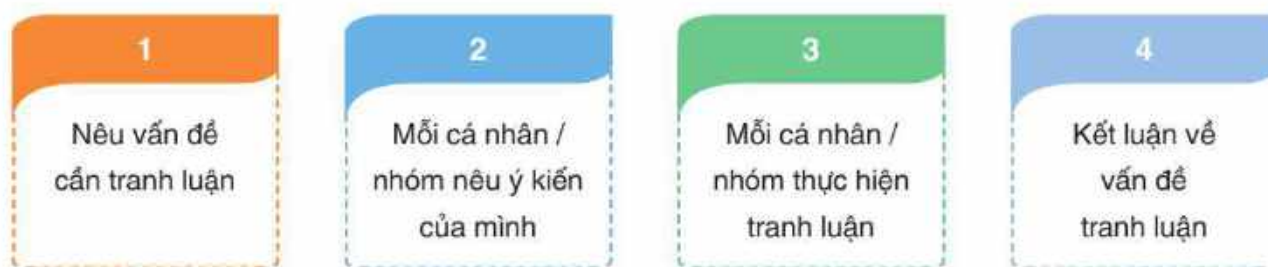
TRANH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ NHỮNG Ý KIẾN TRÁI NGƯỢC NHAU

1 Định hướng

1.1. Tranh luận (còn gọi là tranh biện) là một hoạt động trao đổi khá phổ biến, xảy ra khi có sự bất đồng, trái ngược nhau về quan điểm, ý kiến giữa hai hay nhiều người về một vấn đề nào đó. Tranh luận nhằm mục đích phân định đúng sai, làm rõ chân lí, đưa ra những giải pháp khả thi hay những quyết định phù hợp. Trong tranh luận, mỗi cá nhân hoặc nhóm cần đưa ra được ý kiến, lí lẽ và bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình và phản bác quan điểm của đối phương.

Vấn đề tranh luận có thể thuộc lĩnh vực đời sống xã hội, nhưng cũng có thể liên quan đến văn học. Bài 4 tập trung vào nội dung tranh luận về một vấn đề còn có những ý kiến trái ngược nhau liên quan đến tác phẩm văn học.

Một cuộc tranh luận thường diễn ra theo các bước sau:



1.2. Để tranh luận về một vấn đề có nhiều ý kiến trái ngược nhau, các em cần chú ý:

- Xác định chính xác vấn đề cần tranh luận; thu thập thông tin về vấn đề đó.
- Nêu ra được quan điểm, ý kiến của bản thân; xác định được quan điểm, ý kiến đối lập với mình.
- Tìm được những lí lẽ, bằng chứng (nhất là những tri thức khoa học), các phương tiện hỗ trợ để bảo vệ quan điểm của bản thân, đồng thời bác bỏ quan điểm đối lập.
- Dự kiến trước được hoặc xác định rõ những câu hỏi, nội dung bác bỏ / phản biện của người nghe để chuẩn bị các phương án trả lời.
- Xác định và nắm vững các nguyên tắc tranh luận: nêu đầy đủ và rõ ràng vấn đề cần tranh luận; tôn trọng người tham gia tranh luận; bác bỏ quan điểm của đối phương có cơ sở, không bảo thủ; có thái độ khách quan, thiện chí khi tranh luận;...
- Kết luận về vấn đề phải được nêu ra một cách hợp lí, thuyết phục.
- Thực hiện tranh luận theo quy trình đã nêu ở ý 1.1.

Ngoài ra, để đảm bảo cho cuộc tranh luận được diễn ra khách quan, cần có người điều hành để nêu vấn đề, dẫn dắt và kết luận. Ngôn ngữ và thái độ tranh luận phải phù hợp, có văn hoá,...

2) Thực hành

Bài tập: Có ý kiến cho tác phẩm “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” chỉ có ý nghĩa lịch sử với thời Nguyễn Đình Chiểu; lại có người cho rằng tác phẩm ấy còn mang tính thời sự với cuộc sống hôm nay. Nếu tán thành ý kiến thứ hai, em sẽ bảo vệ ý kiến ấy như thế nào?

a) Chuẩn bị

Đọc và tìm hiểu kĩ vấn đề mình sẽ tranh luận: đồng tình với ý kiến “tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* vẫn mang tính thời sự”.

Xem lại phần đọc hiểu bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*; tìm hiểu ý nghĩa lịch sử và tính thời sự của một tác phẩm văn học.

Suy nghĩ về các lí lẽ, bằng chứng sẽ nêu lên (lí lẽ bảo vệ ý kiến mình đồng tình và lí lẽ phản bác lại ý kiến trái ngược).

b) Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý cho bài tranh luận bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

- + Thế nào là ý nghĩa lịch sử và ý nghĩa thời sự của một tác phẩm văn học?
- + Vì sao không tán thành ý kiến bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* chỉ có ý nghĩa lịch sử?
- + Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* có ý nghĩa thời sự với cuộc sống hôm nay như thế nào?
- + Cần có cách nhìn nhận đúng về bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* nói riêng cũng như các tác phẩm văn học trung đại nói chung như thế nào?

Lập dàn ý cho bài trình bày ý kiến của em hoặc nhóm bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

Mở đầu	Khẳng định đồng tình với ý kiến: tác phẩm <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> không chỉ có giá trị lịch sử mà có giá trị giá trị thời sự.
Nội dung chính	+ Nêu những lí lẽ để bảo vệ và làm rõ ý kiến bài văn tế không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn có giá trị thời sự với cuộc sống hôm nay. + Nêu lí lẽ phản bác lại ý kiến cho rằng bài văn tế chỉ có ý nghĩa lịch sử.
Kết thúc	Khẳng định việc cần nhìn nhận đúng về các tác phẩm văn học trung đại nói chung và bài <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> nói riêng.

c) Nói và nghe

- Chủ tọa nêu vấn đề cần tranh luận.
- Các em trình bày ý kiến của mình.
- Tranh luận, trao đổi bằng cách nêu câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến cá nhân (có thể đồng tình hoặc phản đối ý kiến của người nói; người nói trả lời các câu hỏi,...).
- Chủ tọa kết luận việc tranh luận; nêu những điểm cần lưu ý về nội dung, kĩ năng và thái độ tranh luận.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở sách *Ngữ văn 12*, tập một, Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 42); đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm và yêu cầu nêu ở mục 1. *Định hướng* của bài này.

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Mưa xuân

Em là con gái trong khung cửi⁽¹⁾
Dệt lụa quanh năm với mẹ già
Lòng trẻ còn như cây lụa trắng
Mẹ già chưa bán chợ làng xa.

Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đầy
Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ
Mẹ bảo: “Thôn Đoài hát tối nay”.

Lòng thấy giăng tơ một mối tình
Em ngừng thoi⁽²⁾ lại giữa tay xinh
Hình như hai má em bừng đỏ,
Có lẽ là em nghĩ đến anh.

Bốn bên hàng xóm đã lên đèn
Em ngửa bàn tay trước mái hiên⁽³⁾
Mưa chấm bàn tay từng chấm lạnh
Thế nào anh ấy chả sang xem!

Em xin phép mẹ, vội vàng đi
Mẹ bảo: Xem về kể mẹ nghe.
Mưa nhỏ nên em không ướt áo
Thôn Đoài cách có một thoi đê⁽⁴⁾.

Thôn Đoài vào đám hát thâu đêm
Em mãi tìm anh chả thiết xem.
Chắc hẳn đêm nay giường cửi lạnh,
Thoi ngà nằm nhớ ngón tay em.

(1) *Khung cửi*: dụng cụ để dệt vải.

(2) *Thoi*: một bộ phận của khung cửi, chạy qua chạy lại để dệt sợi ngang trên vải.

(3) *Mái hiên*: phần mái nhà phía trên thềm nhà hoặc hiên nhà.

(4) *Một thoi đê*: một đoạn đê ngắn.

Chờ mãi anh sang anh chẳng sang
Thế mà hôm nọ hát bên làng
Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn
Để cả mùa xuân cũng nhờ nhàng!

Mình em lấm lụi trên đường về
Có ngăn gì đâu một dải dề!
Áo mỏng che đầu mưa nặng hạt
Lạnh lòng thêm tủi với đêm khuya.

Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay
Hoa xoan đã nát dưới chân giày
Hội chèo làng Đặng về qua ngõ
Mẹ bảo: “Mùa xuân đã cạn ngày”.

Anh ạ! Mùa xuân đã cạn ngày!
Bao giờ em mới gặp anh đây?
Bao giờ hội Đặng đi ngang ngõ,
Để mẹ em rằng: hát tối nay?

(NGUYỄN BÌNH, *Thơ Nguyễn Bình*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

1. Phương án nào thể hiện đúng nhất nội dung tự giới thiệu của cô gái?
 - A. Trẻ trung, trong trắng, chưa có chồng
 - B. Làm nghề dệt vải, đã được mẹ gả bán
 - C. Ngày bên khung cửi, còn trẻ con
 - D. Có mẹ già, đi dệt vải ở chợ làng xa
2. Khi biết tin có hội chèo làng Đặng, cô gái có tâm trạng như thế nào?
 - A. Lưu luyến, bịn rịn
 - B. Háo hức, mong đợi
 - C. Thất vọng, chán chường
 - D. Buồn bã, cô đơn
3. Từ nào sau đây phản ánh đúng nhất thái độ của cô gái trong đêm hội chèo?
 - A. Tuyệt vọng
 - B. Giận dữ
 - C. Thất vọng
 - D. Bức xúc
4. Dòng nào **không** thể hiện đúng sự tương phản về tâm tư của cô gái trước và sau đêm hội chèo?
 - A. Mưa xuân phơi phới bay – Mưa xuân đã ngại bay
 - B. Hoa xoan lớp lớp rụng với đầy – Hoa xoan đã nát dưới chân giày

C. Thôn Đoài cách có một thôi dê – Có ngăn gì đâu một dải dê

D. Mẹ bảo: “Thôn Đoài hát tối nay” – Để mẹ em rằng: hát tối nay?

5. Những câu thơ sau đây cho thấy đặc điểm nào về ngôn ngữ của bài *Mưa xuân*?

- Mẹ già chưa bán chợ làng xa
- Thế nào anh ấy chả sang xem
- Chờ mãi anh sang anh chẳng sang
- Thế mà hôm nọ hát bên làng
- Có ngăn gì đâu một dải dê!

A. Đậm tính thông tục

B. Đậm tính địa phương

C. Đậm chất thôn quê

D. Đậm chất thành thị

6. Bài thơ có kết cấu như thế nào? Hãy chỉ ra diễn biến tâm trạng của cô gái trước, trong và sau hội chèo.

7. Em có nhận xét gì về tâm hồn, tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ? Dựa vào yếu tố nào để đưa ra nhận xét ấy?

8. Hãy chỉ ra sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại trong bài thơ *Mưa xuân*.

9. Em ấn tượng với câu thơ hoặc hình ảnh thơ nào nhất? Vì sao?

10. Nhận xét về thơ Nguyễn Bính, nhà phê bình văn học Hoài Thanh viết: “Thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng ta” (*Thi nhân Việt Nam*). Với em, *Mưa xuân* của Nguyễn Bính đã đánh thức “người nhà quê” thế nào?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc từ sách, báo, Internet,... một số bài văn tế, văn điệu khác của Nguyễn Đình Chiểu: *Tế lục tỉnh sĩ dân văn*, *Văn tế Trương Định*, *Điếu Phan Tông*,... để thấy được giá trị của bộ phận văn tế trong sự nghiệp văn học Nguyễn Đình Chiểu.

2. Tìm đọc thêm các bài thơ trữ tình hiện đại khác.

3. Tập viết và trình bày những so sánh, đánh giá của em về các văn bản thơ.

4. Tham khảo các bài phân tích, bình giảng thơ của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết, phân tích được nội dung và vai trò của các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo; mục đích, tình cảm và quan điểm của người viết; mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản; các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định; cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- ▶ Biết tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ trong học tập và nghiên cứu.
- ▶ Viết được bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- ▶ Nghe và nắm bắt được nội dung, quan điểm của bài thuyết trình. Đặt được câu hỏi về những điểm cần làm rõ và trao đổi về những điểm có ý kiến khác biệt.
- ▶ Biết quý trọng và phát huy truyền thống yêu nước, khát vọng tự do của dân tộc; hiểu đúng giá trị và tác dụng của văn học đối với đời sống tâm hồn con người;...

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Tính khẳng định, phủ định trong văn nghị luận

Văn nghị luận thể hiện rất rõ thái độ, nhận thức, lập trường và quan điểm của người viết. Trước vấn đề nêu lên để bàn luận, người viết cần bày tỏ ý kiến, khẳng định cái đúng, cái tốt; bác bỏ, phê phán cái sai, cái xấu,... Vì thế, ngôn ngữ văn nghị luận thường dùng các từ, các câu khẳng định, phủ định nhằm tạo cho bài văn một âm hưởng, giọng điệu mạnh mẽ, kiên quyết, hào sảng,... Ví dụ rõ nhất có thể thấy trong các văn bản nghị luận trung đại như *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi),... hoặc các áng văn nghị luận hiện đại sau này của Hồ Chí Minh như *Tuyên ngôn Độc lập*, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*,... Tính khẳng định và phủ định không chỉ có trong văn nghị luận xã hội mà trong cả văn nghị luận văn học. Ví dụ, trong đoạn văn sau đây, tác giả đã sử dụng hàng loạt từ và câu khẳng định, phủ định để làm rõ vai trò của văn học:

“Con người không phải lúc nào cũng làm chủ được bản thân mình. Và chẳng hiểu được bản thân mình không phải là dễ. Văn học có tác dụng to lớn và sâu sắc giúp cho con người hiểu được chính mình. Khoa học khai hoá nhận thức về tự nhiên, về xã hội và con người nói chung. Nhưng trong đời sống tâm hồn và tâm lí của con người ngày càng trở nên phức tạp có những mảng, những lớp chiều sâu, những uẩn khúc chỉ có văn học và nghệ thuật mới soi thấu chuẩn bị cho sự tự ý thức. Trái tim của con người có những lí riêng mà lí trí của khoa học khó nắm bắt.”⁽¹⁾.

2. Lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn nghị luận

Lập luận là cách thức trình bày và triển khai luận điểm; cách nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; cách dùng những lí lẽ và dẫn chứng; cách sử dụng các thao tác như phân tích, giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu,... để làm sáng tỏ điều tác giả muốn nói, để người đọc hiểu, tin và đồng tình với mình.

Trong lập luận, người viết thường sử dụng nhiều từ ngữ (kết từ, tình thái từ) nhằm nhấn mạnh, tạo nên giọng văn giàu màu sắc biểu cảm. Ví dụ, đọc đoạn văn sau và chú ý các từ in đậm để thấy cách lập luận và màu sắc biểu cảm của văn nghị luận:

“Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. **Thế là chẳng những** chúng không “bảo hộ” được ta, **trái lại**, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp **đã không** đáp ứng, **lại** thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. **Thậm chí** đến khi thua chạy, chúng còn nhấn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.”⁽²⁾.

3. Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ

– **Quyền sở hữu trí tuệ** là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm: quyền tác giả (quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu); quyền liên quan đến quyền tác giả (quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá); quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Quyền sở hữu trí tuệ được Nhà nước Việt Nam và các điều ước quốc tế bảo hộ bằng pháp luật nhằm khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ, góp phần phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của

(1) Hoàng Ngọc Hiến, *Triết lí văn hoá và triết luận văn chương*, NXB Giáo dục, 2006.

(2) Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*, in trong *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.

nhân dân. Tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác.

– **Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ** trong học tập, nghiên cứu có nghĩa là trích dẫn trung thực ý tưởng, lời văn của tác phẩm mà chúng ta dựa vào; không mạo danh tác giả hoặc tự ý công bố tác phẩm của người khác, sử dụng tác phẩm của người khác để thu lợi,... Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ là hành vi trung thực, văn minh, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo lí.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



VĂN HỌC VÀ TÁC DỤNG CHIỀU SÂU TRONG VIỆC XÂY DỰNG NHÂN CÁCH VĂN HOÁ CON NGƯỜI

HOÀNG NGỌC HIỀN^(*)

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)
- Khi đọc văn bản nghị luận, các em cần chú ý:^(***)
 - + Mục đích của người viết là gì? Nhan đề của văn bản có liên quan gì đến nội dung nghị luận?
 - + Vấn đề trọng tâm của văn bản (luận đề) là gì? Có thể tìm luận đề ấy ở phần nào?
 - + Luận đề của văn bản được triển khai bằng các luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng như thế nào?
 - + Các biện pháp nào làm tăng tính khẳng định, phủ định; cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận được thể hiện như thế nào trong văn bản?
- Đọc trước toàn bộ văn bản và tìm hiểu thêm về tác giả Hoàng Ngọc Hiến.

(*) Nhà nghiên cứu – phê bình văn học Hoàng Ngọc Hiến (1930 – 2011), quê ở Hà Tĩnh.

(**), (***) Khi đọc các văn bản khác trong Bài 5, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

2) Đọc hiểu

1 Trước khi bàn về tác dụng chiều sâu của văn học trong xây dựng nhân cách văn hoá, tôi muốn nêu mấy suy nghĩ về vị thế của văn học đương có nguy cơ bị nghiêng ngả và có chiều sút kém trong đời sống văn hoá hiện đại. Văn học trước hết là sách, là hình ảnh ngôn từ, là ngôn từ mực đen trên giấy trắng. Mấy thập kỉ nay, văn học phải cạnh tranh với một đối thủ ghê gớm mà sự lớn mạnh ngày càng hùng hậu, càng tăng sức áp đảo: đó là truyền hình. Ở những nước công nghiệp phát triển, những người viết sách (trong đó có nhà văn) tỏ ra bị quan trước sự “bành trướng” của truyền hình. [...]

Vấn đề chính mà tác giả nêu lên ở phần mở đầu là gì?

Phương tiện của truyền hình (và cả video nữa) là hình ảnh nghe nhìn, ưu thế của hình ảnh nghe nhìn là hấp dẫn và dễ tiếp nhận, không đòi hỏi nỗ lực tích cực của trí tuệ để tiếp nhận. Buồn ngủ rũ ra vẫn có thể ngồi xem “ti vi”. Đọc sách thì rất khác. Phải có nỗ lực của trí tuệ – nhiều khi phải đọc đi đọc lại, phải ngẫm nghĩ – thì mới tiếp thu được. Ấn tượng của hình ảnh ngôn từ bền và sâu hơn ấn tượng của hình ảnh nghe nhìn vì nó kích thích và đòi hỏi sự nỗ lực tích cực của trí tuệ. Cách đây không lâu, tôi xem trên truyền hình bộ phim *Tây Sương kí*⁽¹⁾ lúc xem thấy vui vui, có những đoạn lí thú nhưng xem xong hầu như không nhớ gì, đến nay thì quên sạch. Nhưng câu Kiều: “*Mái tây để lạnh hương nguyên / Cho duyên đầm thấm ra duyên bể bàng*” tôi học từ thời trung học, đến nay qua nửa thế kỉ vẫn nhớ, vẫn ngân nga, xao xuyến, đậm đà ý vị, đo với bộ phim truyền hình, cán cân nghiêng hẳn về câu thơ này. Những năm gần đây truyền hình chiếu nhiều bộ phim hay. Thời gian trước, trong năm năm may ra được xem mười bộ phim hay. Ngày nay, trong một tháng, khán giả truyền hình đã được xem một số lượng phim hay nhiều hơn. Tuy nhiên, riêng tôi, đã được xem và thực sự thích thú với nhiều bộ phim, nhưng điểm lại thì chẳng nhớ được bao nhiêu. Có thể hình ảnh nghe nhìn đâu đó phát huy năng lực trực giác và để lại những dấu vết trong vô thức. Nhưng trí tuệ về cơ bản phải được rèn luyện và phát triển bằng đọc sách. Không phải hình ảnh nghe nhìn mà chữ và ngôn từ mới tạo ra cái cốt vững chãi cho trí tuệ. Và chẳng, nói như Mai-a-cốp-xki (Mayakovsky)⁽²⁾, trong tim, trong óc của con người, có những chỗ bất cập đối với hình ảnh nghe nhìn, chỉ có thơ (tức là ngôn từ cao cấp) mới len vào được, chỉ có thể len được vào bằng thơ. [...]

Chú ý sự khác nhau giữa xem truyền hình và đọc sách.

Tác dụng của sách như thế nào?

(1) *Tây Sương kí*: tên vở kịch của Vương Thực Phủ (Trung Quốc), sáng tác trong khoảng những năm Đại Đức (1297 – 1307) thời Nguyên.

(2) *Mai-a-cốp-xki* (1893 – 1930): nhà thơ người Nga.

Tôi có ba kiến nghị:

– Cần gây cho các em thiếu nhi thói quen đọc sách ngay trong thời nhỏ tuổi. Làm sao các phụ huynh thấy được nguy hại của việc các em suốt ngày ngồi trước màn ảnh nhỏ xem truyền hình, video, chơi trò chơi điện tử,... và không mớ đến sách.

Các kiến nghị của tác giả liên quan đến đối tượng nào?

– Để sách có thể cạnh tranh được với truyền hình, cần quan tâm hơn nữa đến hình thức của sách: hình thức trình bày và hình thức diễn đạt ngôn từ.

– Cần sử dụng truyền hình để tuyên truyền cho sách. Mục mới mở *Mỗi ngày một cuốn sách* của Truyền hình Việt Nam là một sáng kiến hay, cần mở thêm nhiều mục nữa. [...]

Truyền hình có thể lấn át văn hoá đọc nhưng cũng chính truyền hình sẽ hỗ trợ văn hoá đọc nếu như sách và những người làm sách biết tìm đến nó.

2 Con người không phải lúc nào cũng làm chủ được bản thân mình. Và chẳng, hiểu được bản thân mình không phải là dễ. Văn học có tác dụng to lớn và sâu sắc giúp cho con người hiểu được chính mình. Khoa học khai hoá nhận thức về tự nhiên, về xã hội và con người nói chung. Nhưng trong đời sống tâm hồn và tâm lý của con người ngày càng trở nên phức tạp, có những mảng, những lớp chiều sâu, những uẩn khúc chỉ có văn học và nghệ thuật mới soi thấu. Trái tim của con người có những lí riêng mà lí trí của khoa học khó nắm bắt. Có những tác phẩm đọc xong ta thấy bàng hoàng: Lần đầu tiên ta nhận ra được con người thật của mình. “*Người cao thượng không phải là không bao giờ dễ tiện, người cao thượng biết rằng mình có những lúc dễ tiện*” (Bi-ê-lin-xki)⁽¹⁾. Đến đây có thể thấy rõ hơn vai trò của văn nghệ trong đời sống đạo đức: nó giúp cho con người tự biết mình, cả những mặt yếu lẫn mặt mạnh, những tiềm lực lớn lao ta không ngờ đến. Tác động gián tiếp này nhiều khi còn mạnh mẽ hơn sự “cải tạo” trực tiếp. Quan niệm truyền thống về văn học coi trọng tác dụng trực tiếp của văn học. Nhưng có một quan niệm khác về chức năng giáo dục của văn học. Triết gia Se-ne-ca (Seneca)⁽²⁾ là người thấu hiểu điều này: “*Vấn đề không phải là ở chỗ văn học nghệ thuật có thể cung cấp đạo đức mà ở chỗ chúng chuẩn bị tâm hồn cho sự tiếp thu đạo đức*”. Những tác phẩm cổ điển bao giờ cũng có giá trị tâm lí sâu sắc, phát huy sự tự ý thức của người đọc và đây là một sự chuẩn bị quan trọng cho sự hoàn thiện đạo đức.

Chú ý những phân tích của tác giả về tác dụng to lớn của văn học.

Các lí lẽ và bằng chứng mà tác giả nêu lên là những gì?

(1) Bi-ê-lin-xki (1811 – 1848): nhà phê bình văn học người Nga.

(2) Se-ne-ca (khoảng năm 4 trước Công nguyên): triết gia, chính khách, nhà soạn kịch La Mã.

Chỉ tham gia vào thực tiễn xã hội con người mới được rèn luyện và thực sự trưởng thành. Nhưng sự cải hoá và sự tiến bộ của con người không thể là kết quả tự phát của sự tham gia công tác thực tiễn, nhất là phải có sự chuẩn bị, sự trang bị. Cách mạng tư tưởng và văn hoá là sự chủ động của con người trong sự cải tạo bản thân mình. Thực tiễn có thể tác động tới tư tưởng con người theo những chiều hướng rất khác nhau. Thực tiễn chiến trường đã từng là trường học dũng cảm cho bao thế hệ thanh niên, nhưng cũng có những kẻ trở về với tâm trạng khiếp nhurợc. Trong thực tế, song song với quá trình tham gia thực tiễn thì ở bên trong chủ thể thường diễn ra một cuộc hành trình tinh thần khá phức tạp: Quản lí công tác thực tiễn của cá nhân tương đối dễ, có thể định lượng và kiểm tra được. Nhưng hành trình tinh thần lại diễn ra bên trong ý thức của cá nhân, ở cõi thâm kín nhất một mình mình biết, một mình mình hay, những người xung quanh khó nhận biết. [...] Chính những cuộc hành trình bên trong này mới có ý nghĩa quyết định đối với sự cải tạo bản thân con người. Chính những thể hiện và kinh nghiệm của những chuyến hành trình tinh thần này mới tạo thành nhân cách của cá nhân. Vai trò dẫn dắt của văn nghệ là ở sự định hướng, sự chuẩn bị cho cá nhân làm những cuộc hành trình tinh thần của nó. Những tác phẩm tốt soi đường cho cá nhân bằng ánh sáng của lẽ phải, định hướng đúng cho những cuộc hành trình, chuẩn bị cho cá nhân những tâm thế tích cực, trang bị cho những cuộc hành trình tinh thần cần thiết: Thái độ nghiêm chỉnh và dũng cảm đối với cuộc sống, thái độ nghiêm khắc đối với bản thân mình, cách ứng xử có lí, lòng tự trọng, tự tin, tình đồng chí đồng đội, tình thương và lòng độ lượng, những kinh nghiệm làm người xứng đáng....

Văn học và nghệ thuật có vai trò quan trọng như thế nào?

Văn học và nghệ thuật có một vai trò đặc biệt quan trọng: quản lí sự cải hoá, sự hình thành nhân cách bên trong con người, ở mỗi con người. Văn nghệ sĩ là một loại cán bộ quản lí đặc biệt. Vì nếu như người nghệ sĩ có tài năng hiểu lòng người, hoà làm một với nhân dân và cộng đồng của mình thì hoạt động nghệ thuật sẽ là loại công tác quản lí có hiệu quả sâu sắc và gọn nhẹ nhất, tác động trực tiếp tới đối tượng không phải thông qua những cấp trung gian, tránh được tệ quan liêu giấy tờ. [...]

3 Trong sáng tác nghệ thuật, cùng với sự khẳng định sự thật, nhất thiết phải có những phát hiện nghệ thuật... Trước hết, đó là sự phát hiện những điều bí ẩn và huyền diệu. Trong đời sống tâm hồn con người, trong những số phận và tính cách con người rất khác nhau, trong những bước thăng trầm lịch sử động đến số phận của cả một dân tộc hoặc nhiều dân tộc, có biết bao điều bí ẩn, huyền diệu mà chỉ tư duy khoa học không chưa đủ, phải có trực giác nghệ thuật thì mới phát hiện được. Đánh rằng bản thân sự công bố

Văn học nghệ thuật có khả năng giáo dục những năng lực nào khác?

sự thật có thể hết sức quan trọng. Đành rằng có những tác phẩm giá trị tư tưởng và nghệ thuật không bao lăm nhưng trở thành nổi tiếng nhờ cái sự thật được công bố.

Chú ý các lí lẽ mà tác giả nêu.

Trong văn học nghệ thuật – có thể tìm thấy ở đây một sự khác biệt với báo chí còn quan trọng hơn sự công bố sự thật là việc giáo dục năng lực cảm nhận sự thật. Quen sống với sự dối trá, mập mờ, khả năng cảm nhận sự thật ở con người có thể bị cùn đi, thậm chí có thể bị dị ứng, khi buộc phải nhìn sự thật. Cũng không kém phần quan trọng là sự giáo dục năng lực cảm nhận những nỗi đau nhân tính, sự giáo dục năng lực cảm nhận cái đẹp. Quen với lối sống bo bo, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến mình, vơ vét cho mình, khiến năng lực cảm nhận nỗi đau của những người xung quanh có thể bị mai một, có thể đi đến chỗ hoàn toàn dừng đọng với số phận của người khác. Mặt khác, cuộc sống hiện đại hầu như ở khắp mọi nơi ngày càng mang tính chất thực dụng – với nghĩa xấu nhiều hơn là với nghĩa tốt của từ này – trên cơ sở này, năng lực cảm nhận cái đẹp ở con người ngày càng sút kém, càng nghèo đi. Hơn lúc nào hết phải nhấn mạnh vào chức năng giáo dục của văn học nghệ thuật. Nhưng chỉ nói đến giáo dục đạo đức thì quá ít. Giáo dục năng lực cảm nhận sự thật, năng lực cảm nhận nỗi đau nhân tính, cảm nhận cái đẹp – đó là sứ mệnh vĩnh cửu, bao trùm của văn học nghệ thuật.

Phản kết khẳng định điều gì?

(Triết lí văn hoá và triết luận văn chương,
NXB Giáo dục, 2006)

?

1. Nhan đề *Văn học và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách văn hoá con người* cho em biết được mục đích và nội dung chính của văn bản là gì?
2. Hãy nêu nội dung chính của từng phần đã được đánh số trong văn bản trên.
3. Xác định vấn đề trọng tâm của văn bản (luận đề). Tác giả Hoàng Ngọc Hiến đã phân tích ý nghĩa của vấn đề ấy trong văn bản như thế nào?
4. Chỉ ra và phân tích một số biện pháp làm tăng tính khẳng định và phủ định vấn đề trong văn bản.
5. Em có nhận xét gì về cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản *Văn học và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách văn hoá con người*?
6. Viết một đoạn văn (khoảng 12 – 15 dòng) phát triển ý trọng tâm: “Văn học giúp em cảm nhận được nỗi đau của những kiếp người”.

TOÀN CẦU HOÁ VÀ BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC

PHAN HỒNG GIANG

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Toàn cầu hoá và bản sắc văn hoá dân tộc*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Phan Hồng Giang.

– Tìm hiểu bối cảnh xã hội từ đầu thế kỉ XX đến nay, em thấy cuộc sống quanh mình thay đổi như thế nào? Từ sự thay đổi ở một số lĩnh vực như Internet, truyền thông đại chúng, điện thoại di động, ca nhạc, thời trang,... hãy trình bày, chia sẻ với các bạn về những ảnh hưởng và sự tác động của quá trình giao lưu quốc tế đến suy nghĩ và lối sống của cá nhân em.



Phan Hồng Giang
(1941 – 2022),
quê ở Nghệ An

2 Đọc hiểu

1 Có thể đồng ý với nhận xét của nhà báo Rô-bớt J. Sa-miu-on-sơn (Robert J. Samuelson) khi ông cho rằng: “Toàn cầu hoá là cách gọi mới cho một quá trình cũ.”⁽¹⁾

Trải qua mấy ngàn năm, thế giới đã phát triển chính là bằng con đường mở rộng quan hệ giao lưu về mọi mặt, từ kinh tế đến văn hoá giữa các nước, các khu vực. “Con đường tơ lụa” xuyên Á qua núi cao và sa mạc, các tuyến hàng hải giữa các nước, các châu lục từ khi có thuyền buồm và la bàn,... có thể coi là những bằng chứng hiển nhiên đầu tiên của cái gọi là quá trình “giao lưu quốc tế” trên phạm vi toàn thế giới đó. Từ mấy thế kỉ trước, có thể nói Hội An, Phố Hiến,... đã là những “thành phố mở cửa” đầu tiên của nước ta...

Toàn cầu hoá đã có từ khi nào?

Tuy nhiên, trong một vài thập kỉ trở lại đây, rõ ràng đã xuất hiện nhu cầu gọi tiến trình giao lưu quốc tế đó bằng một cái tên mới là “toàn cầu hoá” bởi những biểu hiện mang tính “bùng nổ” của tiến trình này: đó là sự xuất hiện “đại trà” của các “xa lộ thông tin” trên toàn thế giới, sự mở rộng nhanh chóng của quá trình “tự do hoá thương mại”, sự sáp nhập các công ty liên quốc gia hùng mạnh trong các lĩnh vực tin học, truyền thông, chế tạo xe hơi,... sự nhất thể hoá về kinh tế – tài chính ở

Toàn cầu hoá khác gì với giao lưu quốc tế?

(1) Sa-mu-on-sơn, *Hướng về thế kỉ XXI*, in trong tờ *Diễn đàn người đưa tin quốc tế*, 2000.

các khu vực, v.v. diễn ra trong bối cảnh “hậu chiến tranh lạnh” và sự phát triển như vũ bão của kĩ thuật công nghệ hiện đại,...

Đặc biệt trên lĩnh vực văn hoá, quá trình “toàn cầu hoá” diễn ra thật sự sôi động với sự hỗ trợ đắc lực của các phương tiện truyền thông đại chúng và sự bùng nổ của các ngành công nghiệp văn hoá. [...]

② Như mọi hiện tượng đều có hai mặt phải – trái, thuận nghịch, toàn cầu hoá, theo chữ dùng của tác giả R.J. Sa-mu-on-sơn (R.J. Samuelson) đã nhắc ở trên, là một “thanh gươm hai lưỡi”. “Một mặt nó là cỗ xe có động cơ mạnh làm tăng tốc độ phát triển kinh tế, mở ra kĩ thuật mới và tăng sức sống ở cả những nước giàu lẫn nước nghèo. Mặt khác, nó cũng là một tiến trình đầy tranh cãi tiến công vào chủ quyền quốc gia, làm xói mòn nền văn hoá và truyền thống địa phương, đe dọa sự ổn định kinh tế và xã hội.”.

Mở đầu của phần ② nêu lên vấn đề gì?

Có thể nói, lĩnh vực văn hoá là lĩnh vực chịu tác động hai mặt, dễ nhận thấy nhất của quá trình toàn cầu hoá.

Trong bài “Giao lưu văn hoá và việc bảo vệ bản sắc dân tộc” đăng trên trang nhất, báo *Nhân Dân* (9-1-2000), nhà báo Thái Bảo có đưa ra một nhận xét: Trong cách hiểu hiện nay về giao lưu văn hoá còn có “điều chưa thật *khách quan* là những lệch lạc và tiêu cực trong giao lưu văn hoá quốc tế thường bị phê phán, trong khi đó những *mặt tích cực* của nó *đường như ít được nhấn mạnh*.”.

Từ bao đời nay, nền văn hoá nước ta không chỉ là thành quả của hàng ngàn năm chiến đấu giữ nước và lao động sáng tạo dựng nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam mà còn là kết quả của các quá trình hấp thụ tinh hoa của nhiều nền văn hoá, văn minh thế giới. Sự gặp gỡ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác – Lê-nin (Marx – Lenin) diễn ra trong thế kỉ XX ở nước ta đem lại những thay đổi cơ bản trong số phận lịch sử của dân tộc, là một biểu hiện đầy sức thuyết phục về mặt tích cực của sự giao lưu văn hoá nói trên. Trong bối cảnh có thể nói là có sự khủng hoảng lí luận ở phạm vi toàn cầu về con đường đi sắp tới của các dân tộc, sự kiện này là một điểm sáng đáng lưu ý.

Đoạn này nêu lên tác động gì của toàn cầu hoá?

Trong quá trình toàn cầu hoá, về mặt văn hoá, chúng ta cần thấy những thời cơ tốt để mở rộng cửa “đón nắng gió” bốn phương: tăng thêm tính hiện đại của văn hoá (để dứt bỏ những gì là cổ hủ, thủ cựu – hệ quả của một nền sản xuất nhỏ, phân tán), mở rộng và đào sâu thêm các giá trị nhân văn – dân chủ – quốc tế của văn hoá (để loại trừ những tàn dư của ý thức hệ phong kiến, gia trưởng), tiếp thu tính công nghiệp,

Chú ý những ý nêu trong ngoặc đơn.

tính khoa học, tính kỉ cương trong công việc và sinh hoạt giao tiếp cộng đồng (để dứt khoát chia tay với thói quen sống theo “lệ làng” coi thường “phép nước”, thói quen rên rỉ, thù tạc, không biết tiếc thời giờ,...), tiếp cận những thành tựu to lớn của công nghệ kĩ thuật mới trên các lĩnh vực truyền thông, truyền hình, in ấn, sản xuất băng đĩa âm thanh và hình ảnh, sản xuất các phương tiện nghe – nhìn, đổi mới và đa dạng hoá các loại hình nghệ thuật,...

Sức hấp dẫn của những loại hình hoạt động văn hoá, biểu diễn nghệ thuật, vui chơi giải trí cũng như lối sống tiện nghi, hiện đại từ các nước phát triển đối với nhiều người dân nước ta, nhất là đối với lớp trẻ, là điều dễ nhận thấy, có thể nói là đã và đang diễn ra phần nào độc lập với ý muốn chủ quan của chúng ta, đặc biệt là của những người đứng tuổi.

Ngoài mặt *thuận* của quá trình này, điều chúng ta cần hết sức quan tâm là mặt *ngịch* của nó, nhất là khi quá trình toàn cầu hoá diễn ra đồng thời với tiến trình mở cửa về kinh tế – văn hoá của nước ta, *đồng thời* với tiến trình chuyển đổi nền kinh tế nước ta từ kế hoạch hoá – tập trung sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở đây, có thể nói mặt trái của toàn cầu hoá đã có “mảnh đất thích hợp” để nảy nở sinh sôi, là mặt trái của cơ chế thị trường tồn tại ở nước ta.

Chú ý những ý nêu trong ngoặc đơn.

Chưa có thời kì nào trong lịch sử nước ta, sức lao động sáng tạo của mỗi con người lại có dịp được phát triển đầy hứa hẹn, xã hội trở nên cởi mở, năng động hơn. Nhưng bên cạnh mặt *được rất cơ bản đó* cũng có thể nói chưa bao giờ những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc lại phải chịu những tác động xói mòn mạnh mẽ, gay gắt như hiện nay. Nhiều tệ nạn xã hội phát triển như các đại dịch thời Trung cổ. Chỉ hơn mười năm qua, thời gian chưa đủ để một thế hệ sinh ra và trưởng thành, chúng ta có thể thấy, đặc biệt là ở các thành phố, các thị xã, thị tứ,... khá phổ biến một lối sống thực dụng, chạy theo tiện nghi vật chất, tôn thờ đồng tiền, sùng ngoại, coi nhẹ các giá trị lí tưởng, đạo đức của ông cha,... Nhiều sinh hoạt văn hoá, từ lễ hội đến biểu diễn nghệ thuật, bị nhuộm màu thương mại hoá. Các loại hình nghệ thuật, ca nhạc phương Tây ngày càng có nhiều thanh niên hâm mộ, tôn sùng, trong khi các loại hình nghệ thuật cổ truyền như chèo, tuồng, cải lương,... ngày càng thưa vắng người xem. Lớp trẻ lớn lên, nhiều em không còn biết hát dân ca, các bà mẹ không còn biết hát ru,... Thói đua đòi ăn chơi theo kiểu sống gấp “sống hôm nay không biết có ngày mai”, sống xa hoa, vô lối bằng đồng tiền phi lao động đã không còn là hiện tượng hiếm hoi.

Chú ý bằng chứng về tác động của toàn cầu hoá đến văn hoá.

Điều đáng nói trước tiên không phải là những hiện tượng tha hoá về nhân cách trong xã hội ta hôm nay. Điều đáng lo lắng hơn là xã hội chúng ta đã chưa tạo ra được một dư luận phê phán đủ mạnh để ngăn chặn những hiện tượng xuống cấp đạo đức như vậy và hậu quả là những hiện tượng “đổi phong bại tục”⁽¹⁾ như vậy cứ ngang nhiên tồn tại, như “chọc tức”, như “trêu người” mọi người! Sự bàng quan, thờ ơ theo kiểu “mũ ni che tai”⁽²⁾ này dù muốn hay không cũng là sự đồng lõa với cái ác.

Điều gì là tác động đáng lo nhất?

Bao trùm lên các hiện tượng tiêu cực ấy có thể nói là sự khủng hoảng lòng tin – con người không còn lí tưởng sống đúng đắn, mất định hướng giá trị. Không ít người trở thành tín đồ mù quáng của các dị giáo, của các thứ mê tín dị đoan đang có chiều hướng sinh sôi như nấm sau mưa (Những dãy xe máy, xe con biển trắng và cả biển xanh nối đuôi nhau hàng cây số trên đường vào xin lễ đền Bà Chúa Kho ở Bắc Ninh là một minh chứng đáng buồn!).

Cùng với sự vận hành của cơ chế thị trường, của quá trình mở cửa, rõ ràng là toàn cầu hoá đang đem lại những thách thức gay gắt cho văn hoá dân tộc.

*

③ Toàn cầu hoá, như đã nói là một quá trình tất yếu, khách quan. Nó diễn ra ở mọi quốc gia trên Trái Đất này, không một dân tộc nào có thể bị cấm dỗ bởi một thứ “chủ nghĩa biệt lập” nào đó mà đứng ra một bên, tránh được quá trình này động chạm tới mình. Điều quan trọng là chủ động đón nhận nó, có những đối sách thích hợp để phát huy mặt tích cực, hạn chế các tiêu cực mà nó có thể mang lại.

Chú ý quan điểm của tác giả về toàn cầu hoá.

Như một cơ thể cường tráng có thể chống lại được mọi bệnh tật, dân tộc ta cần tự tìm trong chính mình những *sức mạnh nội sinh* để đứng vững trước các thử thách của toàn cầu hoá. [...]

Toàn cầu hoá chứa đựng thời cơ và những thách thức to lớn. Trong tiến trình lịch sử của mình, dân tộc ta đã tỏ rõ khả năng luôn biết đón nhận những thời cơ thuận lợi và vượt lên trên các thách thức để đi tới.

(1) *Đổi phong bại tục*: thành ngữ, chỉ lối sống suy đồi, xấu xa làm mất hết phong tục tốt đẹp của gia đình, cộng đồng, dân tộc,...

(2) *Mũ ni che tai*: thành ngữ, chỉ lối sống sợ liên lụy, không dám lên tiếng đấu tranh với cái xấu, cái ác,...

Thế kỉ XXI sắp tới. Thế giới sẽ chuyển động mạnh hơn bao giờ hết trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập. Chúng ta tin chắc rằng dân tộc Việt Nam sẽ khẳng định được chỗ đứng vững vàng của mình trong trào lưu đó với tất cả bản lĩnh sâu xa của nền văn hoá lâu đời, được tiếp thêm sức mạnh của thời đại, sức mạnh của lí tưởng độc lập dân tộc và công bằng xã hội.

(Theo *Một góc nhìn của tri thức*, tập một,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002)



1. Xác định luận đề và các luận điểm lớn của văn bản *Toàn cầu hoá và bản sắc văn hoá dân tộc* (Chú ý các phần đánh số trong văn bản và nội dung mỗi phần).
2. Mục đích của người viết văn bản trên là gì? Nhan đề của văn bản liên quan gì đến mục đích này?
3. Phân tích tính thuyết phục của văn bản thông qua việc chỉ ra luận đề và triển khai các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả Phan Hồng Giang.
4. Dẫn ra một số câu văn thể hiện rõ tính khẳng định, phủ định, cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản.
5. Vấn đề tác giả nêu lên trong văn bản có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống hiện nay?
6. Em thích nhất đoạn văn nào trong văn bản? Vì sao?

Thực hành đọc hiểu



PHÂN TÍCH BÀI THƠ *VIỆT BẮC*

NGUYỄN VĂN HẠNH

1 Chuẩn bị

- Xem lại nội dung đọc hiểu ở bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu). Từ những hiểu biết về bài thơ, liên hệ và so sánh với nội dung bài phân tích của Nguyễn Văn Hạnh.
- Đọc trước văn bản *Phân tích bài thơ “Việt Bắc”*; tìm hiểu thêm về tác giả Nguyễn Văn Hạnh.
- Tìm đọc một số bài phân tích, nhận xét, đánh giá bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

2 Đọc hiểu

① Tháng 10-1954, Tố Hữu hoàn thành bài thơ *Việt Bắc*, một tác phẩm gồm 150 câu viết theo thể lục bát, phát triển một cách độc đáo và sáng tạo thể thơ truyền thống của dân tộc, làm cho bài thơ đậm đà tính chất dân gian và cổ điển, đồng thời cũng rất mới mẻ trong tư tưởng và chất liệu hiện thực, trong hình ảnh, giọng thơ, nhịp điệu và ngôn ngữ. [...]

Mở đầu, tác giả nêu vấn đề gì?

② *Việt Bắc* ngọt ngào, đầm ấm, là một bài ca tâm tình, rất tiêu biểu cho hồn thơ, cho phong cách của Tố Hữu. Vẫn là tiếng nói của tình cảm, tình yêu, nhưng là tình yêu đối với quê hương đất nước, đối với cách mạng, đối với nhân dân. Trong câu chuyện với một nhà nghiên cứu văn học người Pháp là Mi-ren Găng-sen (Mireille Gansel), Tố Hữu tâm sự rằng anh “phải lòng” đất nước và nhân dân mình, và đã nói về đất nước, về nhân dân như nói với người đàn bà mình yêu. Cho nên, tình yêu biến thành tình nghĩa, và *Việt Bắc* trở thành tiếng hát ân tình chung của những người kháng chiến, của cả dân tộc trong một thời điểm rất đáng ghi nhớ.

Bài thơ cấu tạo theo lối đối đáp thường gặp trong văn học dân gian, đối đáp giữa hai người yêu thương nhau, tình nghĩa mặn nồng, nay phải chia tay nhau, kẻ đi người ở. Người ở lại với rừng núi nhạy cảm, cả nghĩ hơn trước những thay đổi trong cuộc sống, sợ bạn mình không giữ được thủy chung trước “cám dỗ” mới, cho nên luôn gợi nhớ về kỉ niệm và bản khoán không nguôi, hỏi mình, hỏi bạn:

Hình thức nào của bài thơ được người viết chú ý phân tích?

Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng,

Mình về mình có nhớ không,

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn,

Hoá ra người về cũng cùng một tâm trạng, cũng tình nghĩa thủy chung như bạn mình:

Ta với mình, mình với ta,

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

Mình đi mình lại nhớ mình,

Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu.

Ở chiều sâu của suy nghĩ, thơ là tâm trạng thống nhất của những người kháng chiến, của chính bản thân nhà thơ tạo nên sự liền mạch của hơi thơ, giọng thơ. Có thể nói đối đáp là cấu tạo bên ngoài, mà độc thoại, tự biểu hiện là cấu tạo bên trong.

Do sự thâm nhập giữa đối đáp và độc thoại đó mà trong bài thơ “*ta*” và “*mình*” không phải lúc nào cũng là hai nhân vật tách biệt, mà có khi chuyển hoá lẫn nhau. Mới nhìn qua thì đúng là hai người, kể về người ở:

Mình về mình có nhớ ta

Nhưng đi sâu hơn thì “*mình*” cũng là “*ta*”, “*ta*” cũng là “*mình*”, “*ta*” và “*mình*” hoà làm một. Cuộc trò chuyện giữa hai người sống gần bó, tình nghĩa với nhau bao nhiêu năm, cùng chung kỉ niệm và mong ước, cùng chung tâm trạng buổi phân li cũng là sự xúc động, nỗi băn khoăn, dằn vặt giữa cái đã qua và cái sắp tới, giữa phần đi và phần ở trong một con người. Cho nên bên cạnh những hình ảnh “*ta*” và “*mình*” tách biệt nhau, đối đáp với nhau, ta sẽ không lấy làm lạ khi nhà thơ viết:

Chú ý những lí lẽ và bằng chứng của tác giả.

Mình đi mình có nhớ mình

Hoặc:

Mình đi, mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu.

Nhà thơ đã khai thác rất đắt chữ “*mình*” trong tiếng Việt. *Mình* là bản thân mình, là *ta*, nhưng *mình* cũng là người khác, một người khác thân thiết với mình, người bạn đời của mình, vì vậy cũng có thể xem như chính mình. *Mình* là một mà cũng là hai, là hai mà cũng là một. Bài thơ vừa thống nhất, vừa biến hoá, giữ vững tính mẫu mực của thể lục bát trong một bài thơ có dung lượng lớn như vậy mà không rơi vào đơn điệu. [...]

Dưới ngòi bút của Tố Hữu, Việt Bắc hiện lên rất chân thực và xúc động:

*Mình đi có nhớ những ngày,
Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù,
Mình về có nhớ chiến khu,
Miếng cơm chấm muối mối thù nặng vai,
Mình về rừng núi nhớ ai,
Trám bùi để rụng măng mai để già,
Mình đi có nhớ những nhà,
Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son.*

Nét đặc sắc cao quý của Việt Bắc chính là ở chỗ nghèo cực mà chân tình, rộng mở, mà son sắt, thủy chung với Cách mạng. Người đã vậy mà thiên nhiên cũng vậy. Những câu thơ như “Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai”, hay “Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son” vừa dân dã, vừa cổ điển, cân đối, cô đúc, lại ngân vang, diu dặt, thắt buộc, thân thuộc mà mới mẻ, lạ lẫm.

Bài thơ có một ý vị đậm đà, đặc biệt do nỗi nhớ: nỗi nhớ trong người về và kẻ ở, trong lời đáp và cả trong câu hỏi. Nỗi nhớ cứ trở đi trở lại, cồn cào, da diết. Cuộc sống, hình ảnh qua thời gian đã biến thành kỉ niệm, thành tình cảm, lúc rõ nét, thăm thía, lúc lại mơ màng, xa vời, chung rất chung, mà riêng cũng riêng đến từng chi tiết:

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*

Nhớ không tách rời với thương, nhớ chính vì thương. Trong bài thơ, cái nghĩa đậm đà, cái tình đầm thắm vốn là sở trường trong hồn thơ và giọng thơ Tố Hữu được kết hợp với một khả năng quan sát tinh tế. Người đọc như được sưởi ấm bởi cái tình “Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”, càng thấy thân thiết gấp bội những hình ảnh đặc sắc của Việt Bắc được nhà thơ gọi lại:

Chú ý những nhận xét chủ quan của tác giả bài viết.

*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,
Đèo cao ánh nắng dao cài thắt lưng,
Ngày xuân mơ nở trắng rừng,
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang,
Ve kêu rừng phách đổ vàng,
Nhớ cô em gái hái măng một mình,
Rừng thu trăng rọi hoà bình,
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

Những câu thơ viết tự nhiên, thoải mái, như tuôn chảy từ tấm lòng không một chút dụng công, mà có nỗi nhớ của bốn mùa, hình ảnh cả bốn mùa, lúc vắng lặng hiu hắt, lúc rộn ràng, tươi xanh mát dịu. Phải quan sát kĩ, phải có cái tình thiết tha vô hạn với con người, với thiên nhiên Việt Bắc, mới ghi được những hình ảnh ấm áp và ngời sáng như vậy. [...]

Kháng chiến và cách mạng đã xua tan bớt nét hiu hắt âm u của Việt Bắc, làm tăng thêm cảnh thơ mộng của nó và đưa vào đây không khí chiến đấu hào hùng của dân tộc.

Rừng núi tình nghĩa cũng là rừng núi chiến đấu rất kiên cường. Và tâm hồn con người ngọt ngào, chung thủy giản dị trong cuộc sống hằng ngày cũng hân hoan, rộng mở trước những cảnh tượng hùng vĩ của cuộc chiến đấu, của hoạt động cách mạng. Chất hùng tráng trong những câu thơ như:

*Những đường Việt Bắc của ta,
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng,
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan,
Dân công đổ đuốc từng đoàn,
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay*

đã làm cho bài thơ sôi nổi và đổi mới hẳn đi về âm hưởng và nhịp điệu. Nói đến thiên nhiên của Việt Bắc, tấm lòng chân thật, tình nghĩa sắt son của người Việt Bắc, thơ Tố Hữu đậm thắm như ca dao, dân ca. Nhưng khi miêu tả không khí sôi nổi của sinh hoạt cách mạng và chiến đấu thì thơ ông lại náo nức, trầm hùng.

Sự so sánh ở đây nhằm mục đích gì?

Tố Hữu thường chú ý cách diễn đạt quen thuộc với cảm nghĩ của quần chúng, thích nhịp điệu êm ái, cân đối của câu thơ dân gian và cổ điển, và từ cơ sở này mà đổi mới, sáng tạo về cách diễn đạt, về hình ảnh và ngôn ngữ để phù hợp với thực tế cuộc sống và tư tưởng cần thể hiện.

Trong bài thơ *Việt Bắc* cũng như thường thấy trong thơ Tố Hữu, tình cảm bao giờ cũng làm nền, mà cái tình thì rất thật, trên đó đan xen nhau những yếu tố cũ và mới, tính chất ước lệ và cụ thể, và thông qua sự kết hợp này mà đạt đến một thứ cổ điển mới cho thể thơ lục bát truyền thống.

3 Đoạn thơ viết về Bác ở gần cuối bài là một trong những đoạn hay nhất của bài thơ:

*Mình về với Bác đường xuôi
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người,
Nhớ Ông Cụ, mắt sáng ngời,
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường,
Nhớ Người những sáng tinh sương,
Ung dung yên ngựa trên đường sồi reo,
Nhớ chân Người bước trên đèo,
Người đi rừng núi trông theo bóng Người.*

Nhà thơ Xuân Diệu cho đây là một bức họa. Bằng những nét chấm phá tinh tế theo tinh thần hội họa phương Đông, nhà thơ đã dựng nên một bức tranh đầy chất thơ,

Chú ý tính khẳng định trong ý kiến của tác giả.

chất nhạc, rất trữ tình và giàu sức gợi tả. Hình ảnh, phong độ của Bác ở đây rất mực giản dị, ung dung, thanh thoát. Nghệ thuật đặc tả hình ảnh Bác trong đoạn thơ không chỉ thể hiện chân thực cách cảm thụ, suy nghĩ của người miền núi đang đóng vai người đưa tiễn trong bài, mà còn rất phù hợp với tâm hồn và phong độ của Bác, với phong cách của Tố Hữu khi viết về Bác mà ta đã bắt gặp trong nhiều bài thơ trước

đó. Càng hiểu Bác, càng lĩnh hội được nét đặc trưng của tính cách Việt Nam thể hiện trong đời sống cũng như trong nghệ thuật dân gian và cổ điển, Tố Hữu thường tránh những màu sắc sặc sỡ, những đường nét đứt khoát. Đó cũng là chỗ khác biệt dễ nhận thấy qua hình tượng Bác Hồ trong những bài thơ của Tố Hữu thời kì đầu Cách mạng và về sau. Trên con đường phát hiện ra sự thật đó, bài thơ *Việt Bắc* là một cái mốc quan trọng phản ánh được chân thực tư tưởng, tình cảm của nhân dân, theo cách suy nghĩ và diễn đạt rất gần gũi với quần chúng đông đảo, với trình độ nghệ thuật cao. Bài thơ *Việt Bắc* thật sự là một trong những bài thơ hay nhất trong sự nghiệp sáng tác của Tố Hữu và trong nền thơ hiện đại của chúng ta.

Phần 3 nêu và phân tích nội dung gì?

(Giảng văn chọn lọc văn học Việt Nam hiện đại,
NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001)

?

1. Qua văn bản *Phân tích bài thơ “Việt Bắc”*, tác giả Nguyễn Văn Hạnh muốn làm sáng tỏ điều gì? Vấn đề ấy được nêu ở phần nào của văn bản?
2. Xác định nội dung chính của các phần được đánh số trong văn bản. Từ đó, nêu các luận điểm của bài viết.
3. Người viết phân tích và làm sáng tỏ ý kiến: “*Việt Bắc* ngọt ngào, đầm thắm, là một bài ca tâm tình, rất tiêu biểu cho hồn thơ, cho phong cách của Tố Hữu.” bằng các lí lẽ và dẫn chứng nào trong phần 2 của văn bản?
4. Nét đặc sắc khi tác giả phân tích phần 3 của văn bản là gì?
5. Văn bản *Phân tích bài thơ “Việt Bắc”* của Nguyễn Văn Hạnh giúp em hiểu thêm được gì về bài thơ này?
6. Dẫn ra một số câu văn thể hiện ý kiến nhận xét, đánh giá chủ quan của người viết khi phân tích bài thơ *Việt Bắc*.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU

1. Tìm đọc Luật Sở hữu trí tuệ, cho biết các quy định cụ thể của Luật về loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả và nội dung quyền tác giả.
2. Việc tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện như thế nào trong văn bản đọc hiểu *Văn học và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách văn hoá con người* (Hoàng Ngọc Hiến)?

3. Ngày nay, việc học sinh, sinh viên sao chép (photocopy) sách để phục vụ học tập và nghiên cứu ngày càng phổ biến. Theo em, việc làm này trong trường hợp nào vi phạm Luật Sở hữu trí tuệ và trong trường hợp nào được Luật cho phép?

4. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 15 dòng) về bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, trong đó có trích dẫn nhận định sau của Nguyễn Văn Hạnh ở bài viết *Phân tích bài thơ “Việt Bắc”*: “*Việt Bắc* ngọt ngào, đầm thắm, là một bài ca tâm tình, rất tiêu biểu cho hồn thơ, cho phong cách của Tố Hữu.”.

VIẾT

VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

1 Định hướng

1.1. Ở Bài 2, các em đã được luyện tập viết bài nghị luận bàn về lối sống hoài bão, khát vọng, cống hiến,... của tuổi trẻ. Bài này hướng dẫn các em viết bài văn nghị luận về vấn đề văn học có vai trò như thế nào đối với tuổi trẻ.

Vấn đề trọng tâm của bài văn là nêu lên và làm sáng tỏ vai trò, tác dụng của văn học với đời sống tâm hồn, cũng như văn học đã góp phần bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách người đọc như thế nào. Như vậy, viết bài văn nghị luận về vai trò của văn học với tuổi trẻ thực chất là trả lời một số câu hỏi sau:

– Văn học là gì?

– Văn học có tác dụng như thế nào đối với đời sống tâm hồn và sự phát triển phẩm chất, nhân cách của con người nói chung và đặc biệt đối với tuổi trẻ nói riêng?

– Vì sao văn học lại có tác dụng ấy?

– Liệu trong tương lai, khi khoa học và công nghệ phát triển mạnh, văn hoá nghe nhìn lấn át văn hoá đọc,... văn học có còn vai trò và tác dụng nữa không?

Trong thực tế, có rất nhiều cách nêu vấn đề với phạm vi và mức độ khác nhau tùy thuộc vào yêu cầu của người ra đề văn. Ví dụ, các đề văn sau đây đều thuộc dạng nghị luận về vai trò của văn học với tuổi trẻ:

– Đề 1: Thơ văn với việc bồi đắp tâm hồn thế hệ trẻ.

– Đề 2: Bàn luận về một tác phẩm đã làm thay đổi cuộc sống của bản thân.

– Đề 3: Văn học góp phần phát triển trí tưởng tượng của tuổi trẻ thế nào?

1.2. Để viết bài nghị luận về vai trò của văn học với tuổi trẻ, các em cần chú ý:

– Xem lại các ý đã nêu ở Bài 2, mục 1. *Định hướng* (trang 68).

– Chuẩn bị tư liệu liên quan đến vấn đề trọng tâm cần bàn luận (các tác phẩm thơ, văn, những bằng chứng từ đời sống, những câu danh ngôn và những kiến thức lí luận văn học,...).

– Xác định rõ thái độ, tình cảm khi bàn luận về vấn đề đã nêu. Vận dụng được kiến thức và những trải nghiệm của cá nhân người viết.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: Từ kinh nghiệm đọc sách của bản thân, hãy viết một bài văn bàn luận về vai trò của tác phẩm văn học đối với cá nhân em.

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ các nội dung nêu lên ở mục 1. *Định hướng*. Tìm hiểu đề bài để biết các thông tin chính trước khi viết như: trọng tâm vấn đề, kiểu văn bản, phạm vi bàn luận,...

– Xác định tác phẩm đã để lại dấu ấn sâu đậm trong thời đi học của em.

– Nhớ lại nội dung chính của tác phẩm văn học ấy.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt ra các câu hỏi sau:

+ Đó là tác phẩm nào? Nội dung chính của tác phẩm là gì? Hình thức nghệ thuật của tác phẩm có gì đặc sắc?

+ Tác phẩm đã để lại trong tâm hồn em ấn tượng sâu đậm như thế nào?

+ Vì sao tác phẩm ấy lại có tác động mạnh mẽ đến tâm hồn em?

+ Tác phẩm ấy đã làm thay đổi nhận thức, hành động, suy nghĩ, tình cảm,... của em như thế nào?

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần.

c) Viết

Dựa vào dàn ý đã làm, viết bài văn hoặc đoạn văn theo các yêu cầu khác nhau.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

– Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các nội dung đã nêu ở mỗi bước.

– Tham khảo các yêu cầu kiểm tra và chỉnh sửa đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 39 – 40).

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Diễn đạt và trình bày bài văn nghị luận

a) Cách thức

Để hoàn thành bài văn, sau khi đã xác định và sắp xếp được các ý, cần phải biết diễn đạt và trình bày ý của mình thành lời văn cụ thể. Một bài văn hay phải

có những ý sâu sắc, mới mẻ, phù hợp với yêu cầu của đề bài, đồng thời được diễn đạt, trình bày bằng những từ ngữ, câu văn, đoạn văn chính xác, sinh động, truyền cảm và giàu sức thuyết phục.

Để diễn đạt và trình bày đúng, người viết cần chú ý đến một số yêu cầu sau:

– Lời văn nghị luận cần đảm bảo tính chặt chẽ, chuẩn xác; tránh lối dùng từ khuôn sáo, lối viết khoa trương, khoe chữ, nhận định đánh giá cực đoan, dùng hình ảnh hoặc từ cảm thán một cách tràn lan,...

– Hình thức trình bày cần đầy đủ bố cục ba phần, các luận điểm rõ ràng, bảo đảm tính thẩm mỹ (chữ viết rõ ràng, không sai chính tả, không tẩy xóa), trích dẫn đúng quy cách,... Chú ý khắc phục một số lỗi như: dùng từ thiếu chính xác, đặt câu sai ngữ pháp, thiếu lô gích, mạch liên kết đứt đoạn hoặc các ý trùng lặp,...

b) Bài tập

Chỉ ra lỗi diễn đạt trong hai đoạn văn được trích từ bài làm của học sinh và nêu cách sửa.

(1) Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải là một tác phẩm nghệ thuật, bằng lối sử dụng từ ngữ tinh tế, rõ ràng, những từ gọi tả, gọi cảm, từ láy và điệp từ hoà cùng với nhịp thơ vui cho ta thấy một bức tranh mùa xuân thật đẹp trong bức tranh ấy chứa đựng cả tấm lòng, tình cảm của tác giả.

(2) Tuy Nguyễn Du xuất thân từ tầng lớp quyền quý. Cha và anh trai ông đều làm quan to trong triều. Bản thân ông cũng từng tham gia bộ máy cai trị phong kiến. Trong những năm loạn lạc, ông có điều kiện sống gần dân, nếm trải đủ mùi cay đắng. Vì thế, ông rất đồng cảm với người dân cùng khổ.

NÓI VÀ NGHE

NGHE THUYẾT TRÌNH MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC

1 Định hướng

a) Người nghe thuyết trình cần nắm được thông tin của bài thuyết trình, từ đó nêu lên và khẳng định những ưu điểm cũng như những hạn chế của bài thuyết trình cả về nội dung và cách thức trình bày. Vì thế khi nghe, các em cần chú ý:

– Hiểu được nội dung cơ bản của bài thuyết trình.

– Nhận biết được tư tưởng, cách nhìn và thái độ của người thuyết trình về vấn đề mà họ trình bày. Đặt được câu hỏi về những điều mình chưa hiểu, chưa rõ.

- Trao đổi với người trình bày về những ý kiến khác biệt (nếu có).

Trong phần *Viết*, các em đã rèn luyện viết bài nghị luận về vấn đề văn học có vai trò như thế nào đối với cá nhân mình. Để tích hợp với các phần trước, nội dung nói – nghe này sử dụng ngữ liệu của phần *Viết*. Nhiệm vụ của người nói là cần chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình. Người nghe tập trung lắng nghe và nêu ra được những nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình của người nói. Bài này tập trung chủ yếu vào kỹ năng nghe và nhận xét, đánh giá.

b) Để nghe và nêu được các nhận xét, đánh giá, các em cần chú ý:

- Tập trung lắng nghe người thuyết trình. Chú ý không chỉ lời nói mà cả cách thức trình bày và thái độ, tình cảm của người thuyết trình; việc sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ trong lúc trình bày.

- Ghi chép lại các nhận xét, đánh giá về nội dung (đề tài, luận đề, luận điểm, lí lẽ và các bằng chứng được người nói nêu lên) và cách thức thuyết trình (cách nói, cách kết hợp, sử dụng sự hỗ trợ của thiết bị công nghệ và các yếu tố phi ngôn ngữ,...).

- Có thái độ thân thiện, tôn trọng người nói.

- Ghi lại các câu hỏi về những điểm chưa rõ, chưa hiểu và nội dung mà mình có ý kiến khác với người thuyết trình.

2 Thực hành

Bài tập: *Thực hành nghe bài thuyết trình về vai trò của văn học đối với cá nhân em.*

a) Chuẩn bị

- Xem lại mục 1. *Định hướng* về cách thức và yêu cầu khi nghe một bài thuyết trình.

- Xem lại nội dung dàn ý đã chuẩn bị ở phần *Viết*.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Tham khảo dàn ý đã nêu ở phần thực hành viết; bổ sung, điều chỉnh nội dung cho phù hợp với yêu cầu nói và nghe.

c) Thực hành nói và nghe

- Người nói: trình bày bài thuyết trình theo dàn ý mình đã chuẩn bị.

- Người nghe: nghe bài thuyết trình theo các yêu cầu đã nêu ở mục 1. *Định hướng*.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục 2. *Thực hành*, ý d (trang 42); đối chiếu với dàn ý đã làm ở bài này.

Đọc văn bản sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Hẹn hò với định mệnh

(Trích Diễn văn Độc lập của Gia-oa-hác-lan Nê-ru, 14-8-1947)⁽¹⁾

Từ nhiều năm qua, chúng ta đã hẹn hò với định mệnh, và nay là lúc chúng ta thực hiện lời hứa của mình một cách đầy đủ và trọn vẹn. Ngay vào thời khắc nửa đêm, khi cả thế giới đang chìm trong giấc ngủ, đất nước Ấn Độ sẽ tỉnh giấc để được sống và được hưởng tự do. Thời khắc lịch sử đang đến, khi chúng ta già từ quá khứ để tiến tới tương lai, khi chúng ta chứng kiến sự cáo chung của một thời kì đen tối, và hồn thiêng của dân tộc, từ lâu bị kiểm chế trong áp bức, bắt đầu lên tiếng. Trong thời khắc thiêng liêng này, chúng ta hứa nguyện hiến dâng đời mình để xây dựng đất nước và phục vụ đồng bào, và ở mức độ rộng lớn hơn, phục vụ nhân loại.

Từ những ngày khởi đầu của lịch sử, Ấn Độ vẫn không ngừng ấp ủ khát vọng. Nhiều thế kỉ trôi qua đã chứng kiến cuộc đấu tranh của dân tộc này, cùng với những thăng trầm của thành công và thất bại. Qua nhiều năm vận nước nổi trôi, Ấn Độ chưa bao giờ ngừng khát vọng, cũng không hề lãng quên những lí tưởng đã từng tiếp thêm sức mạnh cho mình. Hôm nay, chúng ta cùng chứng kiến sự kết thúc của một giai đoạn bất hạnh trong lịch sử, để Ấn Độ có thể tự khám phá chính mình. Những thành tựu chúng ta đạt được cho đến ngày nay chỉ là bước khởi đầu, chỉ là cơ hội dẫn dắt chúng ta đến những thành quả lớn hơn. Liệu chúng ta có đủ khôn ngoan và dũng cảm để nắm bắt cơ hội và chấp nhận những thách thức của tương lai?

Tự do và quyền lực luôn đi kèm với trách nhiệm. Trách nhiệm đang đặt trên vai Quốc hội lập hiến, là thiết chế quyền lực tối cao đại diện cho quyền tự chủ của nhân dân Ấn Độ. Trước khi được tự do, chúng ta đã chịu đựng nhiều đau khổ của kiếp lao dịch, đến nay trong lòng chúng ta vẫn còn vương vấn những phiền muộn về những kí ức đau buồn này. Tuy nhiên, quá khứ đã khép lại và tương lai đang vẫy gọi chúng ta.

Tương lai không phải là sự nhàn nhã, mà là một cuộc đấu tranh không ngơi nghỉ, để chúng ta có thể thực hiện trọn vẹn những lời hứa. Phụng sự đất nước Ấn Độ có nghĩa là phục vụ hàng triệu người đã từng chịu đựng đau khổ. Có nghĩa là chúng ta phải chấm dứt sự nghèo đói, ngu dốt, bệnh tật và bất công.

[...] Trước toàn thể người dân Ấn Độ, mà chúng ta là đại diện, tôi kêu gọi toàn dân hợp sức cùng chúng tôi với niềm tin và sự đồng lòng tin tưởng vào một tương lai vĩ đại. Nay không phải là lúc để phê phán, cũng không phải là lúc để kết tội lẫn

(1) Đầu năm 1947, sau hơn một thế kỉ bèn bỉ chống lại ách thống trị của người Anh, Ấn Độ đã giành được độc lập. Ông Nê-ru đã đọc diễn văn trước Quốc hội lập hiến nước này ngay trước lễ Độc lập.

nhau. Chúng ta phải chung tay xây dựng ngôi nhà hạnh phúc cho đất nước Ấn Độ tự do, để con cháu chúng ta cùng nhau mà vui sống.

Thời khắc định mệnh đã đến và Ấn Độ lại đứng lên một lần nữa, sau một giấc ngủ dài và cuộc đấu tranh bền bỉ, đã bùng tỉnh, sống động, tự do và độc lập. Quá khứ đau thương vẫn còn để lại một vài di chứng, và chúng ta còn phải tích cực làm việc để có thể hoàn thành những lời hứa. Chúng ta đã bước qua ngã rẽ để viết nên những trang sử mới, trong đó chúng ta sẽ sống và làm việc, để ngày mai sẽ có những trang sử viết về nó.

Đây là thời khắc định mệnh cho Ấn Độ, cho toàn châu Á, và cho cả thế giới. Một ngôi sao mới đang toả sáng, ngôi sao của tự do ở phương Đông, một niềm hi vọng mới vừa chào đời, một khát vọng được ấp ủ từ lâu đang trở thành hiện thực. Nguyên cầu ngôi sao sáng sẽ không bao giờ lụi tàn, và niềm hi vọng mới sẽ không bao giờ bị phản bội.

Chúng ta đang tận hưởng sự tự do đó, dù xung quanh ta vẫn còn nhiều đau khổ, và nhiều người bị khó khăn bủa vây. Nhưng tự do luôn gắn với trách nhiệm và gánh nặng, và chúng ta phải đối diện với chúng trong tinh thần của một dân tộc tự do và kỉ luật.

Ngày hôm nay, người đầu tiên chúng ta nhớ đến là kiến trúc sư của sự tự do này, người Cha của dân tộc chúng ta Gan-đi (Gandhi), hiện thân của tinh thần Ấn Độ, đã giờ cao ngọn đuốc của tự do và thấp sáng bóng tối bao quanh chúng ta. Chúng ta thường là những tín đồ không xứng đáng của Người và đã đi lạc khỏi thông điệp của Người, nhưng không chỉ chúng ta mà các thế hệ tiếp nối sẽ ghi nhớ thông điệp này và ghi đậm dấu ấn trong trái tim về người con Ấn Độ vĩ đại này, vĩ đại về đức tin và sức mạnh, lòng dũng cảm và sự khiêm tốn. Chúng ta sẽ không bao giờ cho phép ngọn đuốc tự do đó bị thổi tắt, cho dù gió lớn hay bão tố. [...]

(Theo Thanh Hào – vietnamnet.vn)

1. Mục đích chính của văn bản *Hẹn hò với định mệnh* là gì?

- A. Nhắc lại những trang lịch sử đấu tranh oai hùng của nhân dân Ấn Độ
- B. Kể lại câu chuyện về những người con vĩ đại của đất nước Ấn Độ
- C. Nêu lên nỗi đau về một thời kì đau thương của người Ấn Độ
- D. Tuyên bố về quyền độc lập, tự do của đất nước Ấn Độ

2. Ý nào sau đây là điểm giống nhau giữa văn bản *Hẹn hò với định mệnh* và tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh?

- A. Khẳng định với thế giới về quyền độc lập của đất nước
- B. Thể hiện tình cảm của tác giả với nhân dân lao động
- C. Nêu lên hiện trạng đói nghèo và lạc hậu của đất nước
- D. Giới thiệu lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc

3. Câu văn nào sau đây sử dụng hình ảnh ẩn dụ để diễn đạt cảm xúc?

A. Chúng ta đang tận hưởng sự tự do đó, dù xung quanh ta vẫn còn nhiều đau khổ, và nhiều người bị khó khăn bủa vây.

B. Nhiều thế kỉ trôi qua đã chứng kiến cuộc đấu tranh của dân tộc này, cùng với những thăng trầm của thành công và thất bại.

C. Tương lai không phải là sự nhàn nhã, mà là một cuộc đấu tranh không ngơi nghỉ, để chúng ta có thể thực hiện trọn vẹn những lời hứa.

D. Một ngôi sao mới đang toả sáng, ngôi sao của tự do ở phương Đông, một niềm hi vọng mới vừa chào đời, một khát vọng được ấp ủ từ lâu đang trở thành hiện thực.

4. “Song chúng ta sẽ đi đâu và làm gì? Ấy là mang tự do và cơ hội đến cho mọi người, cho người nông dân cũng như công nhân của Ấn Độ; ấy là đấu tranh và chấm dứt đói nghèo, ngu dốt và bệnh tật; ấy là kiến tạo một đất nước phồn vinh, dân chủ và tiến bộ;...”.

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn văn trên?

A. So sánh và hoán dụ

B. Liệt kê và điệp

C. Nhân hoá và hoán dụ

D. Hoán dụ và điệp

5. Nhân vật nào được tác giả coi là “hiện thân của tinh thần Ấn Độ”?

A. Gan-đi – kiến trúc sư của sự tự do

B. Những người tình nguyện vô danh

C. Những người lính của tự do

D. Những người bất hạnh không thể chia sẻ tự do

6. Theo em, nội dung chính của văn bản *Hẹn hò với định mệnh* là gì?

7. Xác định luận đề của văn bản *Hẹn hò với định mệnh*.

8. Chỉ ra màu sắc biểu cảm và chất hùng biện thể hiện trong văn bản này.

9. Dẫn ra câu văn mang tính khẳng định và câu văn mang tính phủ định trong văn bản.

10. Em thích nhất đoạn văn nào trong văn bản? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận xã hội tương tự các văn bản trong Bài 5.

2. Suy tầm và ghi lại một số đoạn văn, bài văn phân tích các tác phẩm văn học có trong sách *Ngữ văn 12*.

3. Tự đề xuất bài tập phân tích một tác phẩm văn học mà em yêu thích và lập dàn ý cho bài viết ấy.

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- ▶ Hiểu yêu cầu về mục tiêu, nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập trong việc tự đánh giá kết quả học tập cuối kì I.

NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Dựa trên thông tin về các bài đã học trong sách *Ngữ văn 12*, tập một, hãy lập bảng hoặc vẽ sơ đồ về các bài đọc hiểu theo thể loại và kiểu văn bản.

Câu 2. Phân biệt truyện truyền kì và truyện ngắn hiện đại qua các văn bản đã học trong sách *Ngữ văn 12*, tập một.

Câu 3. Xác định đề tài, chủ đề và một số đặc điểm tiêu biểu cần chú ý khi đọc các văn bản kí được học ở Bài 2.

Câu 4. Làm rõ đặc điểm của hài kịch qua các văn bản trong Bài 3.

Câu 5. Nội dung của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu) có gì gần gũi với các tác phẩm *Tây Tiến* (Quang Dũng) và *Xuất dương lưu biệt* (Phan Bội Châu)?

Câu 6. Đặc điểm (nội dung và hình thức) của các văn bản nghị luận được học trong sách *Ngữ văn 12*, tập một. Phân tích yêu cầu và ý nghĩa của việc đọc hiểu các văn bản thông tin ấy.

VIẾT

Câu 7. Nêu tên các kiểu văn bản được rèn luyện viết trong *Ngữ văn 12*, tập một. Kiểu văn bản nghị luận được học ở những bài nào và có gì cần chú ý?

NÓI VÀ NGHE

Câu 8. Phân biệt sự giống và khác nhau giữa trình bày / thuyết trình một vấn đề với tranh luận một vấn đề.

TIẾNG VIỆT

Câu 9. Nhận xét về mối quan hệ giữa nội dung tiếng Việt với nội dung đọc hiểu và viết; phân tích tác dụng của các yếu tố ngữ âm, từ ngữ, các biện pháp tu từ, kiểu câu,... trong một văn bản đọc hiểu tự chọn.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Nội dung	– Kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu và viết văn bản. – Các kiến thức và kĩ năng đã học được yêu cầu vận dụng vào tình huống mới, với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học. – Khuyến khích sự sáng tạo trong ý tưởng và thể hiện, trình bày.
Hình thức	– Thời lượng làm bài đánh giá trong 2 tiết (90 phút). – Phạm vi kiến thức đã học trong sách <i>Ngữ văn 12</i>, tập một. – Yêu cầu đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học thuộc ba loại: văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin. – Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và tự luận; tăng tỉ lệ yêu cầu viết tự luận (câu trả lời ngắn). – Đánh giá năng lực viết qua một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức các kiểu văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ; nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ; bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

I. Đọc hiểu

Đọc đoạn trích sau, chọn phương án đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời ngắn các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm

(Trích)

14.6 [70]

Chủ nhật, trời sau một cơn mưa quang đặng và dịu mát, cây lá xanh rờn. Trong nhà, lọ hoa trên bàn vừa thay buổi sáng, những bông hoa Mặt Trời xinh đẹp ngả bóng xuống màu gỗ bóng loáng trên chiếc ra-di-ô (radio) đặt giữa nhà. Chiếc đĩa hát đang quay một bản nhạc quen thuộc – *Dòng Đa-nuýp (Danub) xanh...* Có tiếng cười nói bạn bè đến chơi... ôi, đó chỉ là giấc mơ – một giấc mơ không phải là trong giấc ngủ!

Sáng nay cũng là Chủ nhật, trời cũng sau một cơn mưa. Không gian êm ả, nếu không có tiếng máy bay thô bạo xé nát bầu trời thì không có gì khác đâu ngoài tiếng suối rì rào chảy! Nơi mình ở lại vừa qua một trận bom – chiều hôm kia hai chiếc Mo-ran hai thân quần mãi rồi phóng rốc-két xuống... Nghe rốc-két nổ, mọi người vội lật đật xuống hầm, nghe bom rít trên đầu mình tưởng chúng thả ở quá đối trước mặt, nhưng sau bốn loạt bom, chúng đi mọi người mới hốt hoảng nhận ra rằng bom nổ cách mình chỉ không đầy hai mươi mét. Cả một vùng cây trơ trọi, ni lông che trên nhà rách tan nát và bay tơi tả từng mảnh. Từng cây cột bị mảnh bom tiện xơ xác. Đất đá rơi đầy hầm! May mắn là không ai bị thương. Sau trận bom, mọi người nhận định điểm này đã bị lộ, vội lập tức triển khai tìm điểm khác làm nhà để chuyển đi.

Số lực lượng mạnh khoẻ đã đi hết, để lại năm thương binh nặng cố định và bốn chị em nữ. Chiều hôm qua, trời mưa như trút nước, bọn mình đem ni lông trải kín mặt nền nhà, vậy mà nước vẫn đổ xuống giàn giụa. Trong nhà lênh láng nước, đứa nào đứa nấy ướt sũng, luôn tay hứng mưa dột và đổ nước ra ngoài. Mấy thương binh ngồi co ro, ướt lướt thướt.

Nhìn những cảnh đó, mình cười mà nước mắt chực trào ra trên mi. Tiếng chị Lãnh hỏi mình: “Có ai biết cảnh này cho không?”.

Ai biết? Chắc nhiều người biết nhưng cũng không ai biết cho tường tận. Và mình, mình cũng không biết hết còn bao nhiêu cảnh khổ hơn nữa trong cuộc

kháng chiến quyết liệt này. Sinh tử không thể nào mà ghi hết, mà có lẽ cũng không nên nói hết để làm gì. Những lá thư mình viết cũng không bao giờ kể hết với những người thân yêu về tất cả nỗi khổ mình đã trải qua. Kể để làm gì cho người thân yêu của mình thêm lo lắng. Thuận, em mình, đã trải qua bao nhiêu lần cái chết kề bên, bao nhiêu câu chuyện đau buồn đã hằn lên khuôn mặt của em, những nếp nhăn làm em già trước tuổi nhưng bao giờ viết thư cho mình, lá thư cũng tràn ngập lo âu cho mình và nhắc nhở mình cảnh giác hơn. “Còn em vẫn khỏe thôi.”. Mình đã học tập em tinh thần đó.

Có cái gì đè nặng trên con tim. Cái gì? Nỗi lo âu cho tình hình bệnh xá. Sự căng thẳng về tình hình địch. Nếu địch đổ xuống đây, bỏ thương binh mà chạy sao? Nếu địch giội bom, có cách nào hơn là ngồi trong hầm chờ sự may rủi? Sự nhớ thương, mong ước được an ủi trong tình thương của những người thân yêu... Tất cả, tất cả đè nặng trong trái tim mình và tâm tư mình đầy ắp như mặt sông những ngày nước lũ.

Hôm qua, trong cảnh hoang tàn sau trận bom, mọi người gồng gánh ra đi, anh Đạt dăm dăm nhìn mình, nửa đùa nửa thật hỏi: “Có ai biết cảnh này không nhỉ? Nếu hoà bình lập lại, ắt hẳn phải chiếu cố nhiều đến những người đã qua cảnh này.”. Mình cảm thấy đau nhói trong lòng, mình làm không phải để được chiếu cố, nhưng có ai hiểu nỗi ước ao cháy bỏng của mình không? Mình trả lời anh Đạt:

– Ô, em thì chả cần chiếu cố đâu. Ước mong của em chỉ là hoà bình trở lại để em được về với má em. Có thể thôi!

Quả thực, mình đã không nghĩ gì đến hạnh phúc của tuổi trẻ, không hề mong ước được sống trong một tình yêu sôi nổi, mà lúc này chỉ có tình gia đình, chỉ có ước mong sum họp với gia đình...

(Đặng Thuỳ Trâm, *Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2009)

1. Đoạn trích trên sử dụng kết hợp những phương thức biểu đạt nào là chính?

- | | |
|------------------------|-----------------------------|
| A. Biểu cảm và miêu tả | B. Thuyết minh và nghị luận |
| C. Tự sự và biểu cảm | D. Nghị luận và miêu tả |

2. Yếu tố nào thể hiện rõ nhất tính chất nhật kí của đoạn trích?

- A. Kể lại câu chuyện diễn ra theo một trình tự có ngày tháng rõ ràng
- B. Miêu tả lại cảnh vật mình thấy theo một trật tự không gian hoặc thời gian
- C. Ghi chép lại các sự việc có thật đã xảy ra trong cuộc sống bằng ngôi kể thứ ba
- D. Ghi chép lại những việc đã trải qua từng ngày, ngôi thứ nhất, xưng “mình”

3. Nội dung chính của đoạn trích nêu trên kể về việc gì?
 - A. Công việc mà những chiến sĩ đã làm sau cuộc ném bom của kẻ thù
 - B. Những vất vả, gian khổ của chiến trường và cảm nghĩ của người viết
 - C. Một ngày Chủ nhật bình yên hiếm hoi của nữ bác sĩ giữa chiến trường
 - D. Những lá thư từ mặt trận kể tất cả nỗi gian khổ, hi sinh nơi chiến trường
4. Câu văn nào sau đây thể hiện suy nghĩ của người viết về sự hi sinh thầm lặng?
 - A. Sinh tử không thể nào mà ghi hết, mà có lẽ cũng không nên nói hết để làm gì.
 - B. Chiều hôm kia hai chiếc Mo-ran hai thân quần mãi rồi phóng rốc-két xuống...
 - C. Nhìn những cảnh đó, mình cười mà nước mắt chực trào ra trên mi.
 - D. Nếu địch gội bom, có cách nào hơn là ngồi trong hầm chờ sự may rủi?
5. Ước ao cháy bỏng của người viết trong đoạn nhật kí trên là gì?
 - A. Có nhiều người biết cảnh gian khổ của chiến trường để sẻ chia, thông cảm
 - B. Sự nhớ thương, mong ước được an ủi trong tình thương của những người thân
 - C. Hoà bình trở lại và được về sum họp với gia đình
 - D. Những người đã qua cảnh ngộ này được chiếu cố, cảm thông
6. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Tất cả, tất cả đè nặng trong trái tim mình và tâm tư mình đầy ắp như mặt sông những ngày nước lũ.”.
7. Câu “Quả thực mình đã không nghĩ gì đến hạnh phúc của tuổi trẻ, không hề mong ước được sống trong một tình yêu sôi nổi, mà lúc này chỉ có tình gia đình, chỉ có ước mong sum họp với gia đình.” nói lên tư tưởng và thái độ gì của người viết? (Trả lời ngắn từ 3 – 5 dòng).
8. Em nghĩ người viết đoạn nhật kí trên là một người như thế nào?
9. Làm rõ tính phi hư cấu của nhật kí qua đoạn trích trên.
10. Có thể rút ra triết lí nhân sinh gì từ đoạn trích nhật kí trên?

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau để viết thành bài văn ngắn:

Đề 1. Từ đoạn trích “Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm” ở trên, hãy nêu lên suy nghĩ của em về một lối sống đẹp trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Đề 2. Viết bài văn nêu lên điểm giống nhau và khác nhau giữa bài “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” (Nguyễn Đình Chiểu) và bài thơ “Tây Tiến” (Quang Dũng).

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
báo cáo	9, 13, 64,...	lỗi lô gích	8, 75, 77,...
Bảo Ninh	5	Mô-li-e	6, 76, 107,...
bối cảnh	10, 45, 49,...	nghị luận	7, 9, 12,...
câu mơ hồ	8, 75, 77,...	nghịch ngữ	8, 109, 111,...
chủ đề	7, 12, 13,...	ngôn ngữ thân mật	8, 12, 13,...
cốt truyện	12, 14, 35,...	ngôn ngữ trang trọng	8, 12, 13,...
cơ hội	9, 47, 57,...	Nguyễn Ái Quốc	7, 11
Diệu Thuần	8	Nguyễn Bình	6, 134, 135
đánh giá	4, 9, 10,...	Nguyễn Dữ	5, 14, 19,...
Đặng Thuỳ Trâm	6, 48, 49,...	Nguyễn Đình Chiểu	7, 110, 112,...
Gia-oa-hác-lan Nê-ru	7, 157	Nguyễn Huy Thiệp	5, 20, 24
giáo dục	4, 12, 13,...	Nguyễn Linh Khiếu	6
Gô-gôn	6, 76, 78	Nguyễn Minh Châu	5, 25, 33,...
hài kịch	7, 75, 76,...	Nguyễn Thế Nghĩa	7
hành động	15, 26, 27,...	Nguyễn Văn Hạnh	8, 147, 152,...
Hoàng Ngọc Hiến	7, 137, 138,...	nhận thức	12, 13, 36,...
Hồ Chí Minh	7, 11, 45,...	nói mĩa	8
hồi kí	6, 47, 48,...	nhật kí	6, 7, 13,...
Ki-tô A-ya	6, 48, 71,...	Ô-nít Hê-minh-uê	5
kì ảo	12, 13, 14,...	Phan Bội Châu	6, 122, 123,...
Lép Tôn-xtôi	5	Phan Đình Diệu	7

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
Phan Hồng Giang	7, 143, 147,...	thơ tự do	6, 124
phân tích	5, 6, 7,...	thuyết trình	9, 12, 13,...
phi hư cấu	47, 48, 52,...	tiểu thuyết hiện đại	5
phi ngôn ngữ	8, 42, 156	tình huống	6, 35, 36,...
phong cách cổ điển	76	Tổ Hữu	6, 117, 118,...
phóng sự	6, 47, 48,...	trái ngược	9, 98, 99,...
Quang Dũng	6, 111, 124,...	tranh luận	9, 41, 109,...
Séch-xpia	6, 85, 99	Trần Vàng Sao	6
so sánh	4, 9, 12,...	trình bày	3, 9, 11,...
sở hữu trí tuệ	8, 136, 137,...	truyện ngắn hiện đại	5, 20, 160,...
Sơn Nam	5, 45, 46,...	truyện truyền kì	5, 12, 13,...
tác phẩm văn học	8, 9, 12,...	tự sự	13, 20, 129,...
thách thức	9, 47, 70,...	tuổi trẻ	9, 47, 51,...
Thanh Thảo	6, 77	Van-đa-na Xi-va	8
thảo luận	9, 50	Văn Cao	6
thăm mĩ	12, 13, 155,...	văn nghị luận	47, 67, 68,...
thơ	6, 7, 11,...	văn tế	7, 109, 110,...
thơ bảy chữ	6	Vũ Trọng Phụng	5
thơ lục bát	6, 118, 120,...	Xuân Trinh	7, 91, 98

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
Ác-pa-gông	Harpagon	75, 76, 105,...
Ác-tê-mi Phi-líp-pô-vích	Artemi Philippovitr	80, 81, 82,...
Am-mốt Phi-ô-đo-rô-vích	Ammos Phiodorovitr	82, 83
An-tô-ni-ô	Antonio	85, 86, 87,...
An-tôn An-tô-nô-vích	Anton Antonovitr	80
Ba-sa-ni-ô	Bassanio	85, 87, 88,...
Bi-ê-lin-xki	Bielinsky	76, 140
Boa-lô	Boileau	76
Bốp-trin-xki	Bobtrinski	83
Clê-ăng	Cleante	75, 105, 106,...
Coóc-nây	Comeille	76
Đa-ni-ên	Daniel	87, 89
Đa-nuýp	Danube	162
Đốp-trin-xki	Dobtrinsky	83, 84
Ê-li-dơ	Elise	75, 105, 106
Ga-li-lê	Galilee	129, 130
Gia-oa-hác-lan Nê-ru	Jawaharlal Nehru	7, 157
Giem-li-a-ni-ca	Zemlianika	81
Gra-ti-a-nô	Gratiano	88, 89
I-van Va-xi-li-ê-vích	Ivan Vaxilievitr	82
Kh lét-xta-cốp	Khlestacov	78, 79
Ki-tô A-ya	Kito Aya	6, 48, 71,...
Kô-rốp-kin	Korovkin	81, 82
La Phong-ten	La Fontaine	76
Lê-nin	Lenin	144
Lép Tôn-xtôi	Lev Tolstoy	5
Li-áp-kin Ti-áp-kin	Liapkin Tiapkin	82

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
Lor-ca	Lorca	6, 77
Lu-ka Lu-kích	Luka Lukitr	80, 82, 84
Ma-lai-xi-a	Malaysia	114
Ma-ni-la	Manila	114
Mác	Marx	144
Mai-a-cốp-xki	Mayakovsky	139
Mi-khê-ép	Mikheev	81
Mô-li-e	Molière	6, 76, 107,...
Ni-kô-lai Va-xi-li-ê-vích Gô-gôn	Nikolay Vasilyevich Gogol	78
Ô-sa-ka	Osaka	54
Ô-nít Hê-minh-uê	Ernest Hemingway	5
Pa-le-xtin	Palestine	129
Pê-téc-bua	Saint-Petersburg	82, 84
Phi-líp-pin	Philippines	114
Pi-ôt I-va-nô-vích	Pyot Ivanovich	83
Poóc-xi-a	Portia	85, 86, 87,...
Ra-xin	Racin	76
R. J. Sa-mu-ơn-sôn	Robert J. Samuelson	144
Sai-lốc	Shylock	85, 86, 87,...
Se-ne-ca	Seneca	140
Uy-li-am Sếch-xpia	William Shakespeare	6, 85
Van-đa-na Xi-va	Vandana Shiva	8
Vơ-ni-dơ	Venice	6, 85, 86,...
Xi-bia	Sibir	80
Xô-phi-a Cô-va-lép-xcai-a	Sofia Kovalevskaya	8
Y. N. Ha-ra-ri	Y. N. Harari	24

MỤC LỤC

Kí hiệu dùng trong sách

Lời nói đầu

Bài	Nội dung	Trang
Bài Mở đầu	Yêu cầu cần đạt	5
	Nội dung sách <i>Ngữ văn 12</i>	5
	– Học đọc	5
	– Thực hành tiếng Việt	8
	– Học viết	8
	– Học nói và nghe	9
	– Tổng kết	10
	Cấu trúc sách <i>Ngữ văn 12</i>	10
1. Truyện truyền kì và truyện ngắn hiện đại	Yêu cầu cần đạt	12
	Kiến thức ngữ văn	12
	Đọc	14
	• Đọc hiểu văn bản	14
	– <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i> (Trích <i>Truyện kì mạn lục</i> – Nguyễn Dữ)	14
	– <i>Muối của rừng</i> (Nguyễn Huy Thiệp)	20
	• Thực hành đọc hiểu	25
	<i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> (Nguyễn Minh Châu)	25
	Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật	33
	Viết: Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện	35
	Nói và nghe: Trình bày về so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện	41
	Tự đánh giá: <i>Hai côi U Minh</i> (Sơn Nam)	43
	Hướng dẫn tự học	46
2. Nhật kí, phóng sự, hồi kí	Yêu cầu cần đạt	47
	Kiến thức ngữ văn	47
	Đọc	49
	• Đọc hiểu văn bản	49

	– Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm (Đặng Thuỳ Trâm)	49
	– Khúc tráng ca nhà giàn (Xuân Ba)	53
	• Thực hành đọc hiểu	60
	Quyết định khó khăn nhất (Trích Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử – Võ Nguyên Giáp)	60
	Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật (Tiếp theo)	66
	Viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ	67
	Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước	70
	Tự đánh giá: Một lit nước mắt (Ki-tô A-ya)	71
	Hướng dẫn tự học	74
3. Hài kịch	Yêu cầu cần đạt	75
	Kiến thức ngữ văn	75
	Đọc	78
	• Đọc hiểu văn bản	78
	– Quan thanh tra (Gô-gôn)	78
	– Thục thi công lí (Trích Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ – Sếch-xpia)	85
	• Thực hành đọc hiểu	91
	Loạn đến nơi rồi (Trích Mùa hè ở biển – Xuân Trình)	91
	Thực hành tiếng Việt: Lỗi lô gích, câu mơ hồ và cách sửa	99
	Viết: Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án	100
	Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án	104
	Tự đánh giá: Tiễn tội nghiệp của tôi ơi! (Trích Lão hà tiện – Mô-li-e)	105
	Hướng dẫn tự học	108
4. Văn tế, thơ	Yêu cầu cần đạt	109
	Kiến thức ngữ văn	109
	Đọc	112
	• Đọc hiểu văn bản	112
	– Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Nguyễn Đình Chiểu)	112

	– <i>Việt Bắc</i> (Tố Hữu)	117
	• Thực hành đọc hiểu	122
	– <i>Lưu biệt khi xuất dương</i> (Phan Bội Châu)	122
	– <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng)	124
	Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nghịch ngữ	126
	Viết: Viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm	127
	Nói và nghe: Tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau	130
	Tự đánh giá: <i>Mưa xuân</i> (Nguyễn Bình)	133
	Hướng dẫn tự học	135
5. Văn nghị luận	Yêu cầu cần đạt	136
	Kiến thức ngữ văn	136
	Đọc	138
	• Đọc hiểu văn bản	138
	– <i>Văn học và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách văn hoá con người</i> (Hoàng Ngọc Hiến)	138
	– <i>Toàn cầu hoá và bản sắc văn hoá dân tộc</i> (Phan Hồng Giang)	143
	• Thực hành đọc hiểu	147
	<i>Phân tích bài thơ “Việt Bắc”</i> (Nguyễn Văn Hạnh)	147
	Thực hành tiếng Việt: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong học tập và nghiên cứu	152
	Viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ	153
	Nói và nghe: Nghe thuyết trình một vấn đề văn học	155
	Tự đánh giá: <i>Hẹn hò với định mệnh</i> (Diễn văn Độc lập – Gia-oa-hác-lan Nê-ru)	157
	Hướng dẫn tự học	159
	Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I	160
	Bảng tra cứu từ ngữ	165
	Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài	167

Tổ chức biên thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI
Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

*Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

Biên tập:
LÊ THỊ BÍCH HẢO

Trình bày bìa:
TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách:
VŨ HOÀNG VŨ – PHAN THỊ TÚ UYÊN

Minh họa:
TRẦN ĐỨC BẢO – NGUYỄN LÂM THAO

Sửa bản in:
NGUYỄN THỊ DUYÊN – ĐÀO THỊ CẨM NHUNG

Tranh bìa: *Đổi cộ* (LƯƠNG XUÂN NHI).

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

NGŨ VĂN 12 – TẬP MỘT

Mã số:

ISBN:

In, khổ 19 x 26,5cm, tại

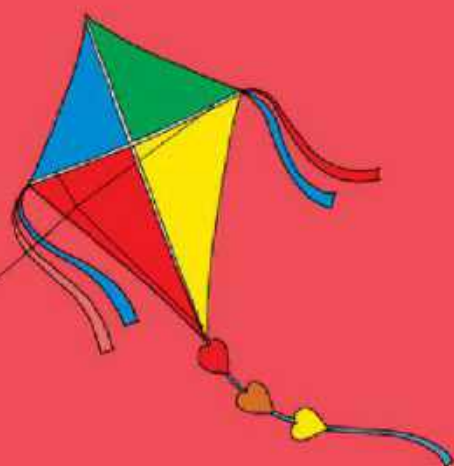
Địa chỉ:

Số xác nhận đăng kí xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Ngữ văn 12* vừa kế thừa mô hình sách *Ngữ văn* ở Trung học cơ sở vừa có những thay đổi phù hợp với đối tượng học sinh và yêu cầu của *Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*. Các bài học chính trong sách được thiết kế theo hướng tích hợp thông qua bốn hoạt động: đọc, viết, nói và nghe. Điểm khác biệt của *Ngữ văn 12* được thể hiện qua các yêu cầu đọc hiểu, viết, thuyết trình và thảo luận với những nội dung mới ở mức độ cao hơn.

Các tác giả sách là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong lĩnh vực giáo dục *Ngữ văn* cấp Trung học phổ thông.

SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

